NĂM THỨ CHÍN • #94 • FEBRUARY 1997

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

XUÂN ĐINH SỬU

1997

THE SVN TEAM

The Team You Trust®

21 Năm Tốt Đẹp !!!

THE SVN TEAM

The Team You Trust®

Sự Hài Lòng Của Quý Thân Chủ Là Thành Tích Của Chúng Tôi

Với 21 năm kinh nghiệm đại diện NEW YORK LIFE - một trong các công ty bảo hiểm được xếp hạng cao nhất:

- A++ / A. M. Best (Tài chánh vững mạnh)
- AA+ / Standard & Poor's (Bồi thường bảo đảm)
- Aa1 / Moody's (Thực lực tài chánh)
- AAA / Duff & Phelps's (Bồi thường bảo đảm)

"Hương Lan và gia đình rất hài lòng và tín nhiệm SVN Team."(Danh Ca Hương Lan)

- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Lương Bổng Tàn Phế*
- Niên Kim (Annuities)**
- Gây Quỹ Học Đường
- Gây Quỹ Hưu Bổng

NGUYỄN VĂN SON - License #0564162, đại diện New York Life, thành viên Nautilus Group, cùng các cộng sự viên tại SVN Team sẵn sàng giúp Quý Vị hoạch định tài chánh và hưu bổng.

"SVN Team đồng nghĩa với Kiến Thức, Khả Năng, Tín Nhiệm, Hữu Hiệu, Vững Bền, và Kín Đáo."
(Gia đình Ông Bà Trương Hoa Sanh-Thương Gia-Irvine)

"Điều đáng quý nhất của SVN Team là đã giúp chúng tôi thay đổi quan điểm về Bảo Hiểm Nhân Thọ."
(Ông Bà Võ Phát-Toyota Specialist-Garden Grove)

Kính mời Quý Vị đến thăm và sinh hoạt thoải mái tại văn phòng đầy đủ phương tiện dịch vụ của chúng tôi:

ORANGE GENERAL OFFICE
2677 N. Main St., Suite #700
Santa Ana, CA 92701
714-560-7800

FOUNTAIN VALLEY OFFICE
17330 Brookhurst St., Suite #230
Fountain Valley, CA 92708
714-962-4440 • *Fax:* **714-964-0545**

Toll Free: **1-800-543-3770**

TẬN TÂM • THÀNH TÍN • KINH NGHIỆM • KÍN ĐÁO

* Disability Income Insurance - Issued by the Paul Revere Life Insurance Company, 18 Chestnut Street, Worcester, MA 01608.
** Annuities - Fixed (issued by New York Life Insurance and Annuity Corporation (A Delaware Corporation).

TRUNG TÂM PHÁT HÀNH BĂNG NHẠC & VIDEO

Chúc Mừng Năm Mới

Thúy Nga

9295 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683

Tel: (714) 894-5911
Fax: (714) 891-9673

CD và Cassette mới phát hành

TN CD 130

1. EM Ở ĐÂU XA
2. NỤ HÔN GIÃ TỪ
3. THƯƠNG NHAU MÙA HÈ, KHÓC NHAU MÙA ĐÔNG
4. TÌNH ĐỢI MONG
5. SUNSHINE DAY
6. CHẾT TRONG VÒNG TAY EM
7. CƠN GIÓ THU
8. HÃY YÊU ANH 9. ĐÓA HỒNG CHO TÌNH YÊU
10. IMAGINE *BONUS TRACK*
11. KISS &SAY GOODBYE

DON HO: LOVE

TN CD 131

Giá:
$13.00
(Luôn cước phí)

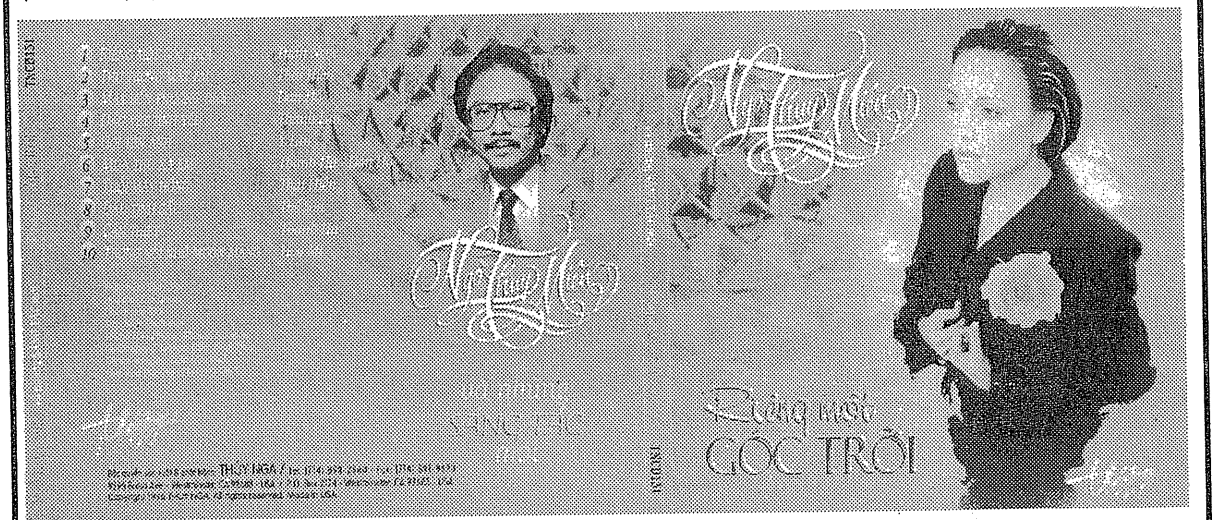

NGÔ THỤY MIÊN VÀ NHỮNG SÁNG TÁC MỚI: RIÊNG MỘT GÓC TRỜI

VAALA
(714) 537-8352

Nghe chương trình phát thanh VNCR trên lưới:
http://kicon.com/VNCR

THƯ MỤC CỦA NHÀ XUẤT BẢN THẾ KỶ

Số	Tên sách	Tác giả	Giá
9402.	Thơ Bùi Giáng	*(thơ, Bùi Giáng)*	$8.00
9403.	Hà Nội Trong Mắt Tôi	*(ký, Phạm Xuân Đài)*	$10.00
9503.	Câu Chuyện Của Lá Phong	*(truyện, Trần Mộng Tú)*	$10.00
9504.	Để Em Làm Gió	*(thơ, Trần Mộng Tú)*	$10.00
9506.	Vùng Đá Ngầm	*(truyện, Hà Kỳ Lam)*	$10.00
9507.	Hoa Vàng Cũ	*(kịch thơ Phạm Xuân Tích)*	$10.00
9508.	Những Ngày Xa Xưa Ấy	*(ký, Thu Tâm)*	$10.00
9509.	Đàn Bà	*(truyện, Phạm Văn Hải)*	$10.00
9510.	Thơ Tình	*(thơ, PVHải và DĐHưng)*	$10.00

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... ĐT. / *Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 6 tháng / *6 months*	□ 1 năm / *1 year* US$40.00	□ 2 năm / *2 years* US$75.00
Gửi First Class:		□ 1 năm / *1 year* US$52.00	□ 2 năm / *2 years* US$96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA		□ 1 năm / *1 year* US$56.00	□ 2 năm / *2 years* US$113.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*		□ *1 năm / 1 year* US$76.00	□ 2 năm / *2 years* US$140.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*		□ *1 năm / 1 year* US$86.00	□ 2 năm / *2 years* US$160.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL: (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

L. ANDRÉ LÂM

Liên lạc:

DIAMOND BÍCH NGỌC

10221 Slater Avenue, Suite #211
Fountain Valley, CA 92708

(714) 965-9715 (trong giờ làm việc)
1-(800) 695-7144 (ngoài giờ làm việc)
(714) 663-4314 (Beeper)

Chuyên lo bồi thường tai nạn xe cộ

LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI:

14.99%

THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%

Ngoài ra Văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ:

- **Di Trú (Immigration)**
- **Khánh Tận Tài Sản (Bankruptcy)**
- **Ly Dị Cấp Dưỡng (Family Law)**
- **Luật Thương Mại (Business Litigation)**
- **Hình Luật: Trộm Cắp và Tội Đại Hình**
- **Tai Nạn Nghề Nghiệp (Workers' Comp.)**

ĐÓN NGHE! ĐÓN NGHE! ĐÓN NGHE!

GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP PHỔ THÔNG DO **VĂN PHÒNG LUẬT SƯ ANDRÉ LÂM** PHỤ TRÁCH VÀ **DIAMOND BÍCH NGỌC** THỰC HIỆN HÀNG TUẦN MỖI CHIỀU THỨ BA TRÊN ĐÀI VNCR — LÀN SÓNG **106.3 FM** — TỪ 2:15 PM ĐẾN 3:15 PM

VÀ

GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP HAI TUẦN MỘT LẦN CHIỀU THỨ BẢY TRÊN ĐÀI VĂN NGHỆ **TRUYỀN THANH** — LÀN SÓNG **96.7 FM** — TỪ 2:00 PM ĐẾN 3:00 PM

TRÂN TRỌNG THÔNG BÁO

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

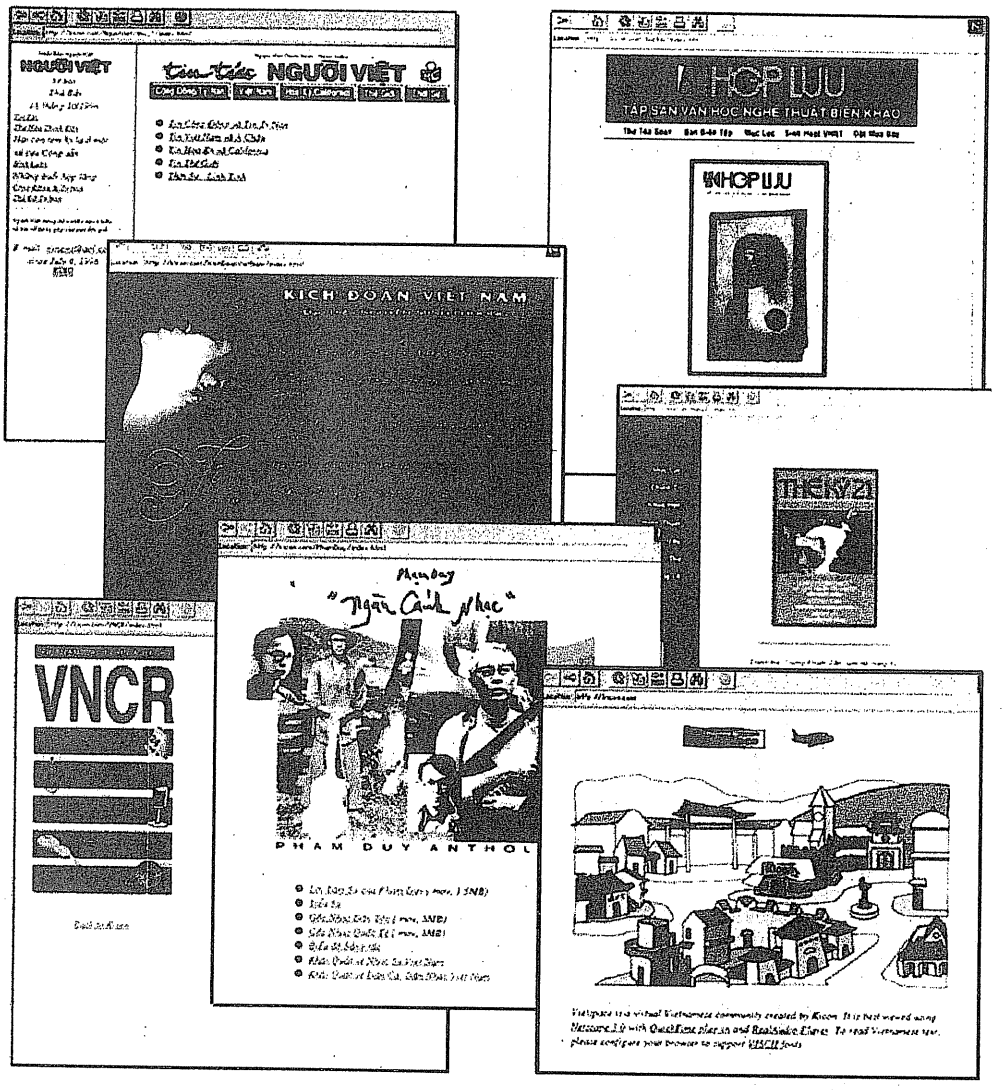

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
¤ *Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ◻ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

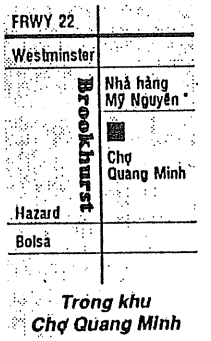

Trong khu Chợ Quang Minh

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

NHÀ XUẤT BẢN

NGƯỜI VIỆT

Hân hạnh giới thiệu ba ấn phẩm mới nhất:

Món quà cho
cho các em thiếu nhi
Món quà cho
người yêu nhạc
Món quà cho
những người
bạn ngoại quốc

Mỗi gia đình
Việt Nam đều nên
có trong tủ sách
gia đình

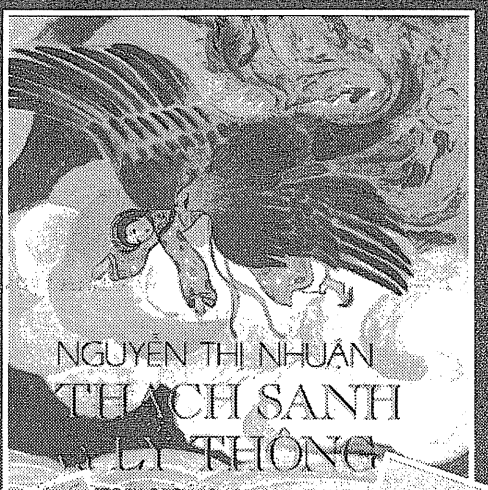

Truyện cổ tích
Việt Nam
bằng tranh
cho các em
thiếu nhi
bằng hai thứ tiếng
Anh - Việt
của Nguyễn Thị Hợp
và Nguyễn Thị Nhuận
Giá: US$ 10

Hai tập nhạc
Việt Nam soạn cho piano
do nhạc sĩ Lê Văn Khoa biên soạn
Giá: US$ 12/mỗi tập

Hỏi mua tại các nhà sách địa phương hoặc liên lạc:

NHÀ XUẤT BẢN NGƯỜI VIỆT
14891 MORAN ST., WESTMINSTER, CA 92683
TEL: (714) 892-9414 - FAX: (714) 894-1381
E-mail: nvnews@aol.com - World Wide Web: http://kicon.com/NguoiViet

Tranh bìa: **Nguyễn Thị Hợp**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Ngọc Dũng, Nguyễn Thị Hợp, Vũ Thái Hòa**
Hí họa: **Babui Mamburao, Fus**

MỤC LỤC
Số 94 . Tháng Hai 1997

CHÍNH TRỊ - THỜI SỰ - KINH TẾ

12. Một ước nguyện ngày Tết... - **Tôn Thất Thiện**
25. Đất và dân ở Thọ Đà - **Ngô Nhân Dụng**
29. Kinh tế Việt Nam - **Võ Quang**
66. Nhà thơ Trần Dần qua đời tại Hà Nội
71. Nội tình Việt Nam 1996 - **Lê Văn Tiến**

PHONG TỤC - CHÚC TẾT

17. Tết Nguyên Đán và lễ Nghênh Xuân - **Nguyễn Thị Chân Quỳnh**
36. Một bước tiến đáng kể... - **Tiêu Dao Bảo Cự**
39. Đất nước ta sẽ rực rỡ ở thế kỷ 21 - **Hoàng Tiến**
53. Một năm ngẩng cao đầu - **Nguyễn Ngọc Lan**
73. Ngày xuân nói chuyện rượu Champagne - **Nguyễn Phúc Bửu Tập**

KHẢO CỔ SỬ

40. Đồng cổ nước Điền và văn hóa Đông Sơn - **Phan Quốc Sơn**
57. Kho báu thành Troie - **Nguyễn Thị Thu Hằng**

PHIẾM LUẬN

50. Kịch múa và bóng đá... - **Nguyễn Ngọc Lan**
67. Chiều cao: chỉ dấu một xã hội trù phú lành mạnh - **Phan Thị Đỗ Quyên**
78. Hai bài toán cổ truyền - **Bảo Vân**

VĂN

48. Độc Tiểu Thanh Ký - **Hạnh Cơ**
60. Kỷ niệm ở Quận Tám - **Đoàn Thanh Liêm**
64. Hà Sĩ Phu đã về với bạn bè - **Hoàng Tiến**
79. Hoàng Hạc Lâu - **Thái Việt**
82. Căn nhà năm cũ - **Hoàng Liên**
85. Trái tim cho mượn - **Trần Mộng Tú**
92. Con cá cắn câu - **Thảo Trường**
97. Lem luốc với tình - **Đỗ Thì Kênh G**
104. Giả nữ - **Phạm Xuân Hy** dịch

THƠ

56. Cố hương tự chung thanh mộ hoài - **Cao Tiêu. 63.** Ẩm băng - **Bùi Khánh Đản.** Con trâu - **Phạm Phú Thuần.** Con trâu tự vịnh - **Thích Trí Độ. 80.** Gửi cố nhân - **Tạ Tỵ. 83.** Đêm. Tĩnh lặng - **Bùi Duy Thuyết. 87.** Chào Xuân - **Hạo Nhiên. 88.** Bản thảo - **Trần Mộng Tú. 90.** Nói với thinh không - **Lưu Nguyễn. 94.** Vết chàm tím - **Trần Hồng Châu. 95.** Khi qua phà Bính - **Nguyễn Tường Giang. 99.** Mùa Xuân trên cao - **Đỗ Thì Kênh G. 101.** Em và Mùa Xuân - **Dương Kiền.**

MỤC THƯỜNG LỆ

8. Thế kỷ mới đã bắt đầu **Vương Hữu Bột**
9. Bạn Đọc viết
10. Tòa soạn và bạn đọc
11. Hộp thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
VĂN HÓA • NGHỆ THUẬT • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@kicon.com**
WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

Ban Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô
Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: *Trích Thế Kỷ 21.*

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1. *Lê Tất Luyện:* 45 83 19 12
2.*Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Canada: *Hoàng Chiểu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

THẾ KỶ MỚI ĐÃ BẮT ĐẦU

Trong vở kịch *Giao Thừa*, một nhân vật của Vũ Khắc Khoan tự hỏi tại sao nhân loại chọn lấy một đêm trong năm, lúc 12 giờ đó trong đêm, đặt tên nó là Giao Thừa, để làm lễ tạ ơn trời đất, tổ tiên, xin phép tiễn năm cũ, mừng năm mới. Vào giờ phút đó có cái gì mới mẻ xảy ra trên quả đất tròn này hay không? Liệu lúc đó trái đất có quay nhanh hơn một chút để cùng quảng đại quần chúng đón chào năm mới, hay trái đất ngừng một giây, thở một hơi cho đỡ mệt sau khi quay một năm tròn, rồi lại thong thả quay tiếp?

Vũ Khắc Khoan chỉ nói đến lễ Giao Thừa của một năm. Chúng ta đang chờ đợi một Giao Thừa của Thế Kỷ, từ thế kỷ 20 chuyển sang thế kỷ 21. Đúng ra, chúng ta đang chờ cả sự thay đổi từ thiên nhiên kỷ thứ nhất sang thiên niên niên kỷ thứ hai, sau Thiên Chúa. Tờ báo mang tên *Thế Kỷ 21* càng thấy giờ phút đó quan trọng.

Trên nhật báo *The New York Times* vào năm 1899, gần 100 năm trước đây, người ta đã hỏi nhau ngày nào sẽ là ngày bắt đầu thế kỷ 20. Hoàng đế Đức thời đó chọn ngày 1 tháng 1 năm 1900 là ngày đầu của thế kỷ mới. Báo N.Y.Times chê ông Kaiser này không biết đếm từ 1 đến 100! Vì thế kỷ đầu tiên trong Dương lịch bắt đầu năm I (người La Mã chưa học được cách dùng số không của người Ấn Độ,) phải chấm dứt năm C (100). Như vậy, các năm C, CC, hay M, MC, hay MM v.v., bây giờ viết tận cùng bằng hai số không, đều là năm cuối của thế kỷ cũ, chứ chưa bắt đầu thế kỷ mới.

Trong số báo tháng Giêng năm 1997, anh Nguyễn Minh Cần viết ".. chỉ còn hơn ba năm nữa thôi, thế kỷ 21 sẽ lù lù đến gõ cửa từng nhà rồi..." Anh Phạm Phú Minh cũng nhắc lại ngày báo *Thế Kỷ 21* ra đời năm 1989 "..còn mười một năm để đến thế kỷ hai mươi mốt." Nhưng sự thật thế kỷ 21 có thể đã bắt đầu sớm hơn, trước ngày cả hai anh nghĩ đến.

Dương lịch, mà cả thế giới đang dùng, lấy năm sinh Chúa Giêsu làm năm số 1. Đó là đề nghị của nhà thiên văn Dionysius Exiguus, thế kỷ thứ sáu. Nhưng khi tính số năm, ông "Denis Nhỏ" quên mất là chúa Giêsu ra đời vào thời vua Herod, mà vị vua xứ Judea này tính ra thì đã chết vào năm 4, trước Thiên Chúa giáng sinh, theo lịch của Dionysius. Như vậy, nếu chọn năm Chúa giáng sinh làm năm đầu của dương lịch, tức là năm vua Herod còn sống, chúng ta hiện đang sống vào năm 2002 hay 2003. Chúng ta đã bước qua thế kỷ 21 từ lâu rồi mà không biết!

Nhưng chúng ta cũng dùng chữ "Thế Kỷ" với nghĩa rộng hơn, không cần tính đúng 100 năm. Thí dụ người ta gọi thế kỷ 17 là Thế Kỷ của Vua Louis 14, dù ông sống giữa hai thế kỷ (1638-1715). Ở Trung Hoa, thế kỷ 18 là thế kỷ của vua Càn Long (1711-99). Thế kỷ 15 ở nước ta chắc phải gọi là Thế Kỷ Lê Thánh Tông. Nhiều người cũng coi thế kỷ 19 bắt đầu năm 1815, sau khi Napoleon đại bại, một Trật Tự Mới bắt đầu ở Âu Châu. Cho nên có người coi thế kỷ 20 bắt đầu năm 1914, mở đầu cho một Thế Kỷ Chiến Tranh Thế Giới, nóng và lạnh. Và Thế kỷ 20 đã chấm dứt năm 1989, khi bức tường ô nhục ở Berlin sụp đổ, nhân loại bước vào thời đại mới.

Như vậy thì chắc Thế Kỷ 21 nó đã "lù lù ngồi ở trong nhà" mình rồi, không chờ ba năm nữa mới đến gõ cửa như anh nguyễn Minh Cần nghĩ đâu. Chúng ta đang sống trong thế kỷ 21. Ít nhất, chúng ta biết rằng nhân loại đã bước vào Thế kỷ 21 từ năm tạp chí này ra đời. Nghĩ như vậy để thấy rằng dân tộc mình vẫn còn lẹt đẹt, có khi vẫn còn đang sống trong Thế kỷ của vua Tự Đức. Thấy như vậy mới tủi thân tủi phận cho dân mình, cố gắng chạy cho nhanh!

VƯƠNG HỮU BỘT

Hoa Việt, Việt Hoa

Tôi sang California vào dịp Christmas 96, được đọc Thế Kỷ 21 #87 July 96. Xem mục "Trận đấu trên cây cầu Bolsa" của tác giả Hà Tường cát, tôi có nhận xét về việc tranh chấp này như sau:

Kiến trúc cầu Bolsa theo lối cổ truyền Trung Hoa không phải là lý do quan trọng đối với người Việt để tranh chấp, vì chính người Việt mình cũng theo văn hóa Tàu: Tại Việt Nam, đình chùa miếu mạo từ Bắc chí Nam đều xây theo kiểu mái cong. Ngày nay tại hải ngoại các chùa Việt Nam cũng đều xây mái cong cả! Ba bức tượng Phúc, Lộc, Thọ cũng có thể dùng chung cho cả người Việt và người Hoa, như ông Cát đã nói.

Điểm quan trọng đáng chú ý là ngay trước tòa nhà Phước, Lộc, Thọ có dựng bức tượng Quan Công mặt đỏ râu dài, cầm thanh long đao. Tượng Quan Công cũng thấy cả trong các chùa Tàu nữa. Vì thế du khách đến xem Asian Mall nhận ra ngay là cơ sở của người Tàu thay vì của người Việt. Cho nên cây cầu Bolsa dù không xây mái cong cũng không ai khẳng định được rằng khu Phước Lộ Thọ là khu của người Việt, mà chỉ là khu có đông đảo người Việt buôn bán mà thôi.

Để khu này có một sắc thái Việt Nam, tôi đề nghị xin với chính quyền địa phương:

a) Đổi tên đường Bolsa là SAIGON Blvd,

b) Nếu không được thì ghi thêm tên SAIGON Blvd dưới tên Bolsa.

Tại Ottawa đã có SAIGON Court. Khu có nhiều người Ý, con đường Preston có thêm tên Ý ở dưới. Tại Mỹ và Canada, nơi có nhiều người Hoa, tên đường có thêm chữ Tàu ở dưới. Khu Bolsa có đông người Việt chẳng lẽ không xin đặt được tên Saigon Blvd? Nhân vụ tranh chấp về cây cầu Bolsa tôi cảm tác bài thơ gởi quý báo dưới đây:

TIỂU SAIGON

Đi Cali đến Tiểu Sài Gòn
Để thỏa lòng hoài tưởng nước non.
"Phúc Lộc Thọ" Trung tâm điểm tía,
"Quan Vân Trường" Thạch tượng sơn son.
Doanh thương dân Việt mừng đang tiến,
Cơ sở người Hoa thấy vẫn còn.
Cầu mới, khu y nguyên sắc thái,
Bao giờ thực sự Tiểu Sài Gòn?

Minh-Trực Nguyên *(Ottawa, Canada)*

Vụ "cây cầu chưa xây đã gãy" tại Little Saigon xảy ra đã nửa năm, người ở quận Cam hầu như đã quên, nhưng người ở xa về chơi Little Saigon biết chuyện thì thấy còn nhiều thứ để bàn. Cám ơn ông Minh-Trực Nguyên đã từ một bài báo trên Thế Kỷ 21, dù cách đây đã khá lâu, góp thêm ý kiến về vấn đề này.

Chính ông cũng thấy tính chất phức tạp của vấn đề, từ những nét giống nhau giữa hai dân tộc đồng văn Trung Hoa và Việt Nam, đến chuyện đất và cơ sở thì là của người Tàu mà người Việt lại làm ăn đông đảo trên đó và muốn khẳng định màu sắc Việt Nam của mình... Câu chuyện đã đến chỗ bế tắc như ông đã thấy, là dự án xây cầu (do người Tàu chủ trương và bỏ vốn) đã được ngưng lại. Nhiều người hy vọng việc ngưng lại chỉ là tạm thời, trước khi tìm được những thỏa hiệp.

Một điều gây ngạc nhiên từ lá thư của ông, là bức tượng Quan Công mặt đỏ râu dài cầm thanh long đao mà ông nói đặt ngay trước tòa nhà Phước Lộc Thọ. Có thể đây là một sự lầm lẫn chăng, chứ hiện nay không có một bức tượng nào như thế trước tòa nhà, mà chỉ có tượng của ông Phước, ông Lộc và ông Thọ. Những ông này thì rõ ràng không phải là những nhân vật lịch sử của Trung Hoa, mà chỉ là những hình tượng, dù là vẫn do người Trung Hoa tạo ra, nói lên ước vọng chung của mọi người nên dễ có tính cách phổ biến hơn.

Dù sao "trận đấu trên cây cầu Bolsa" cũng là một kinh nghiệm hay cho người Việt ở nước ngoài, khi mình phải ở trong cái thế sống chung với nhiều dân tộc khác, trong một xứ sở không phải là của mình. Đó là làm sao giữ bản sắc và quyền lợi của mình trong khi vẫn hòa hợp được với quyền lợi kinh tế văn hóa của người khác.

Chào đón năm mới

Một độc giả ở Canada vừa gửi cho chúng tôi bản sao một cái thiệp chúc lễ Giáng Sinh và năm mới vừa nhận được từ Việt Nam. Thiệp có một nội dung khá 'lạ," bằng hai thứ tiếng Việt và Pháp, chúng tôi xin ghi lại đây nguyên văn phần tiếng Việt để mời bạn đọc cùng chia sẻ:

CHÀO ĐÓN NĂM MỚI 1997!
Mùa Xuân tới, quê hương đổi mới,
chống tham ô áp bức,
Không cường quyền nào trường sinh bất tử!
Việt Nam ta tiến lên đường tự do, dân chủ mới.
Mùa xuân tới, công giáo canh tân,
chống tội lỗi, bất trung;
Không chiếc lồng nào nhốt nổi trái tim người!

Giáo Hội ta thênh thang tiến bước trong trời mới, đất mới,
Xây đắp nền Phúc âm, dân tộc, hiện đại,
Với chúa Kitô hôm qua, hôm nay và mãi mãi:
Ơn cứu độ thấm nhuần trên đất Việt!
Trong lòng dân tộc này,
Chung lo Tổ quốc mãi mãi một mùa xuân:
Hạnh phúc thật chan hòa dân nước Nam!

Thiếu phần chú thích

Thế Kỷ 21 #93 vừa rồi có bài "Con người Việt Nam theo truyền thống Âu Lạc" của Trần Ngọc Báu khá độc đáo, nhưng, có lẽ do lỗi của Tòa soạn, thiếu mất phần chú thích. Thông thường thì chú thích chỉ được coi là phần phụ của một bài, có thì tốt mà không có cũng có thể hiểu được hầu như hoàn toàn nội dung của bài đó. Thế nhưng đối với những bài có tính cách khảo cứu, chú thích rất quan trọng, vì nó chỉ ra nguồn gốc tài liệu tham khảo, giải thích điển cố, nguyên ủy của nhiều sự việc giúp làm sáng tỏ bài viết rất nhiều. Thậm chí có nhiều bài tôi cho là phần chú thích quan trọng không kém bài chính, vì thiếu nó bài viết như bị què đi. Bài "Con người Việt Nam..." vừa rồi tôi thấy số ghi chú thích rất nhiều (35), như vậy phần chú thích hẳn có ý nghĩa quan trọng. Vậy nếu không gì trở ngại, xin quý báo cho đăng bổ túc phần chú thích của bài ấy trong một số báo sau.

Diệu Minh T. Lê *(Huntington Beach, CA)*

Tòa soạn thành thật xin lỗi tác giả Trần Ngọc Báu và quý độc giả vì sự thiếu sót này, và xin đăng phần chú thích ấy sau đây:

1. Bài đăng trên Tập san triết học và tư tưởng "TRIẾT," số 2, tháng 6.1996, ttr. 3-9.
2. Xin xem quyển "Nhớ Nguồn," Định Hướng Tùng Thư, Pháp, 1995.
3. Quyển I, Định Hướng Tùng Thư, Pháp, 1996. - Khi thuận tiện, chúng tôi sẽ mạn phép đề cập riêng về tác phẩm giá trị này.
4. Chuyên viên tâm lý học, chuyên về tâm lý trị liệu theo phương pháp *tri hành hợp nhất* khoiử điểm từ xác tín "Tôi là một giá trị." Đã xuất bản năm tác phẩm, trong số đó có quyển đề cập ở đây: "Mắt và tim trên bàn tay," Tủ sách Tình Người, Thụy Sĩ, 1996.
5. Nguyễn Văn Thành, Sđd. Chương 8: Con người Việt Nam theo truyền thống Âu Lạc, ttr. 157-169.
6. Theo Phạm Việp, tác giả "Hậu Hán Thư" (viết về thời kỳ Hậu Hán, từ năm 25 trước công nguyên đến năm 220 sau Tây lịch), quyển 54, tr. 747, cột 2, thì "luật lệ của người Lạc Việt và luật lệ của nhà Hán khác nhau đến 10 điều (chú thích: có nghĩa là khác nhau một trời một vực) vì thế Mã Viện phải giải thích luật pháp cũ cho họ (chú thích: lấy luật lệ đã có sẵn của nhà Hán mà đem áp dụng cho nước Lạc Việt bị nhà Hán đô hộ) và bắt họ từ nay về sau phải tuân giữ."
7. Trích theo bản dịch của Giáo sư Lê Hữu Mục, Huế, 1960.
8. Nguyễn Văn Thành, *Mắt và Tim trên bàn tay,* Tủ sách Tình Người, Paris, 1996, tr. 166-167.
9. Nguyễn Văn Thành, Sđd, tr. 167. Tác giả trích dẫn: Hoàng Trọng Miên, *Việt Nam Văn Học Toàn Thư,* Tiếng Phương Đông, Saigon 1973, tr. 87-91.
10. Nguyễn Văn Thành, Sđd., tr.167.
11 và 12. Nguyễn Văn Thành, Sđd., tr. 168.
13. Nguyễn Văn Thành, Sđd., tr. 164.
14. Nguyễn Văn Thành, Sđd., tr. 157-158.
15 và 16. Nguyễn Văn Thành, Sđd., tr. 158.
17. Nguyễn Văn Thành, Sđd. tr. 158-159.
18 và 19. Nguyễn Văn Thành, Sđd., tr. 159.
20. Sđd., tr. 160.
21. Sđd., tr. 161.
22 và 23. Sđd., tr. 162.
24 và 25. Sđd., tr. 163.
26. Xin xem Chương 5, "Để cùng có một lối nhìn: lắng nghe và đối thoại," tr. 99-122, Sđd.
17. Xem cùng một tác giả: "Đường vào nội tâm với Phân tâm học," Ch. 8: "Phân tâm mặc cảm Sơn Tinh và Thủy Tinh" tr. 133 tt.
28. Nguyễn Văn Thành, Sđd., tr. 164-165.
29. Sđd., tr. 165.
30. Sđd., tr. 171.
31. Sđd., tr. 172-173.
32. Sđd., tr. 173.
33. Sđd., tr. 166
34 và 35. Sđd., tr. 1, "Lời mở đường."

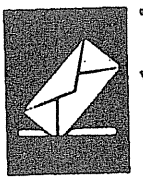

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Trần Gia Phụng, Khải Minh, Trần Mộng Tú, Hà Thúc Sinh, Hồ Phổ Lại, Hạo Nhiên, Lê Đức Vi, Bửu Sao, Lưu Nguyễn, Kiêm Thiêm, Trần Hồng Châu, Cao Tiêu, Bùi Khánh Đản, Dương Kiền, Bùi Văn Bảo, Hồng Khắc Kim Mai, Phan Quốc Sơn, Vũ Huy Quang, Tôn Thất Thiện, Võ Quang, Huy Anh, Nguyễn Thùy, Trần Quán Niệm, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Phạm Xuân Hy, Nguyễn Xuân Sương, Đỗ Thông Minh.

Trần Gia Phụng *(Toronto, Canada*: Nhận được bài đã vui mà lại rất mừng vì có cả đĩa.

Đĩa là một bước tiến rất quan trọng, bảo đảm bài không hoặc ít sai, vì do chính tác giả đánh. Cả hai bài ấy đều sẽ đăng. Những vấn đề như "Ngũ Phụng..." rất cần vì thường được quá nhiều người nói đến mà có lẽ rất ít người thật sự biết đó là cái gì.

Về cuốn sách ấy, xin anh gửi cho độ vài chục cuốn để chúng tôi giới thiệu với các thân hữu ở đây. Thân.

Lê Thị Diệu Minh *(Huntington Beach, CA)*: Rất cám ơn chị đã nhắc nhở. Đó là do lỗi của người đánh máy bỏ sót rồi Tòa soạn cũng lại sơ suất bỏ sót luôn, chứ không phải là cố ý bỏ đi phần ấy. Mỗi lần có sai sót mà được độc giả nhắc nhở là chúng tôi mừng lắm, vì như thế chứng tỏ có sự lưu ý quan tâm của người đọc. Một lần nữa xin cám ơn chị và chúc tân xuân vạn hạnh.

Lê Vĩnh Hằng *(Tampa, Florida)*: Ý kiến của ông rất thú vị. Vâng, cái cười phải đi với một thái độ thoải mái thì mới đạt, chứ cười mà trong bụng khó đăm đăm hoặc tức tối thù hận thì thường là cay độc, mà cay độc thì không phải là mục đích của cái cười. Báo Phong Hóa Ngày Nay ngày xưa thường cười thói xôi thịt và lạc hậu ở thôn quê bằng hình ảnh Lý Toét Xã Xệ nhưng đã từ lâu không ai dùng hình ảnh đó nữa vì những ông Lý Toét Xã Xệ không còn tồn tại ở thôn quê của chúng ta. Đúng như ông nói, hình ảnh anh Việt Cộng "răng đen mã tấu, nón cối dép râu" có lẽ cũng bắt đầu lỗi thời cho các tranh hý họa của hôm nay, có chăng nó chỉ là tượng trưng cho cái đảng Cộng sản lỗi thời giờ này vẫn còn ngự trị trên đất nước của chúng ta. Kính.

Hộp thư tị sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới: Nguyễn Viết Thạnh (Monterey Park CA), Trần N. Phiếu (Amarill0 TX), Liên Đoàn (Seal Beach CA), Bùi Hữu Mạnh (FRANCE), Đinh Sinh Long (Huntington Beach CA), Đoàn Thế Hoàng (Lincoln NE), Andrew Nguyễn (Newberry FL), Nguyễn Ngọc Phong (Dorchester MA), Anh T. Bach (Corte Madera CA), Nguyễn Văn Niêm (Troy OH), Mai Thu Hương (Allston MA), Trần Hiệp Hưng (FRANCE), Lê Minh Hà (GERMANY), Võ Thành Sum (AUSTRALIA), Dương Thiệu Hùng (Seven MD), Nathalie Donge (Potomac MD), Lê Văn Tư (Madison WI), Nguyễn Ngọc Liên (Jersey City NJ), Đặng Hiếu Huy (Murrieta CA), Đặng Đình Tuân (San Diego CA), Phan Tấn Trình (Garland TX), Nguyễn Khắc Hoạch (Anaheim CA), Huỳnh Chí Thanh (Westminster CA), Nguyễn Hoàng Hải (San Jose CA), Lê Thị Thắm (Highland CA), Thiện Hỷ (Carrotton TX), Trần Viết Tịch (Santa Ana CA), Hoàng Lam Giang (Seattle WA), Trương Toàn (San Diego CA), Hoàng Quý (Westminster CA), T.P (Fresno CA), Lê Đình Quang (Anahiem CA), Hiếu Đệ Nguyễn (Holland MI), Hậu N Vũ (Coronado CA), Đỗ Kim Bảng (Waltham MA), Phạm Nguyên Hạnh (Cerritos CA), Nguyễn Thừa Tín (GERMANY), Tạ Xuân Tắc (Eden Prairie MN), Hoàng Tâm Hilton (Mc Lean VA), Đàm Thế Lữ (San Jose CA), Lê Văn Tư (Garden Grove CA), Nguyễn Thị Đa Minh (GREECE), Nguyễn Đức Thanh (Emporium KS), Nguyễn Như Khoa (GERMANY), Community Support Services (Garden City KS), Catholic Theological Union Library (Chicago IL), Nguyễn Văn Thế (NEDERLAND), Trần Quốc Bảo (Anaheim CA), Lê Văn Khôi (Santa Ana CA), Trần Xuân Trường (Los Angeles TX), Phan Huy Thanh (Irvine CA), Dương Hiếu Trung (Santa Ana CA), Phạm Cường (Houston TX), Hà Trường Thủy (San Diego CA), Nguyệt Quỳnh (Pomona CA), Ngô Hữu Hạnh (Garden Grove CA), Trương Minh Hùng (Houston TX), Nguyễn Phúc (San Diego CA).

•

Nhân dịp năm mới dương lịch và âm lịch, chúng tôi nhận được thiệp chúc mừng của rất đông thân hữu và độc giả, xin được phúc đáp chung trên trang báo này: Kính chúc quý vị một Tết Đinh Sửu thật vui và một năm mới vạn sự như ý.

MỘT ƯỚC NGUYỆN NGÀY TẾT: DÂN VIỆT NAM CÓ MỘT HỢP ĐỒNG XÃ HỘI ĐÚNG ĐẮN VÀ HỢP THỜI

TÔN THẤT THIỆN

Hợp đồng xã hội năm 1945-1946 đã bị ông Hồ và đảng Cộng Sản xé bỏ. Nhân dân Việt Nam cần có một hợp đồng khác đúng đắn và thích hợp với tình hình mới.

I. Cũ, mới

Tết là một dịp vui trong gia đình, họ hàng, làng xóm. Nhưng nó cũng là một dịp cho chúng ta cầu xin, ước nguyện, cho cá nhân, cho gia đình, và trong tình trạng bi đát hiện nay, cho xứ sở.

Năm Đinh Sửu này, ước nguyện của riêng tôi là Việt Nam yêu dấu của chúng ta có một hợp đồng xã hội mới, giữa chính quyền và dân, và giữa dân với nhau, trên giấy tờ —bài bản — cũng như trong tâm trí — lương tâm và trí tuệ — , có những cam kết đúng đắn, rõ ràng, nghiêm chỉnh, thích hợp với tình hình của xứ sở và xã hội Việt Nam cùng tình hình thế giới hiện tại và hướng đi của nhân loại.

Tôi đề cập đến một hợp đồng xã hội *mới* vì có một hợp đồng xã hội cũ, thuộc về năm 1945-1946, chứa những cam kết giữa chính quyền — hồi đó là ông Hồ và đảng Cộng Sản —, và nhân dân Việt Nam, đặc biệt là cả một thế hệ thanh niên. Một phần lớn của những thanh niên này thuộc mọi thành phần, nặng cân nhất là trí thức, trung và tiểu tư sản, những thành phần ưu tú rất cần thiết cho một phong trào tranh đấu vừa dựng lên, đã tận tình hợp tác với Việt Minh, và sau đó, với đảng Cộng Sản Việt Nam, và giúp cho đảng này đoạt chính quyền, củng cố và mở rộng chính quyền. Họ đã không chút do dự hy sinh tất cả — sự nghiệp, tài sản, cả cuộc đời của họ — tham gia cuộc tranh đấu, mà, theo hợp đồng xã hội lúc đó, mục đích là độc lập, tự do dân chủ, và một đời sống tốt đẹp dễ chịu hơn.

Hợp đồng xã hội trên đây vừa là một hợp đồng tinh thần — giữa ông Hồ và những người đã vì tin ông mà theo Việt Minh và ĐCS —, vừa là một hợp đồng có văn bản giấy tờ: Tuyên ngôn độc lập mà ông Hồ đọc ngày 2-9-1945, và Hiến pháp Việt Nam mà ông công bố ngày 2-11-1946. Tôi sẽ bàn chi tiết về hai bản văn này ở đoạn dưới, sau khi đặt vấn đề hợp đồng xã hội trong bối cảnh lịch sử và hiện tình quốc tế.

II. Từ Rousseau đến Gingrich

Tên Jean Jacques Rousseau chắc quen thuộc với mọi người như một văn hào Pháp danh tiếng thuộc thế kỷ XVIII. Nhưng sự quan trọng của ông trong lịch sử nhân loại là sự kiện ông là người đầu tiên đề xướng ra khái niệm "hợp đồng xã hội," với hai khái niệm "chủ quyền nhân dân," và "nghị viện," hai khái niệm dần dần được dân chúng Tây phương chấp nhận và lấy làm nền tảng cho chế độ cộng hòa và nghị viện của họ.

Điểm chính trong quan niệm của Rousseau là chính quyền (quốc gia-chính phủ) phải do nhân dân chọn cử và được nhân dân ủy nhiệm cho quyền cai trị. Nhân dân thỏa thuận với nhau ủy quyền cho một nghị viện thay thế họ xử lý công việc quốc gia vì vấn đề nhiều và phải giải quyết, nhân dân không thể tụ họp thường xuyên để quyết định về tất cả mọi việc. Giữa nhân dân và nghị viện có một thỏa hiệp: nghị viện phải làm theo ý dân và phục vụ quyền lợi của nhân dân. Nó chỉ có lý do tồn tại nếu thi hành nhiệm vụ này. Nếu không, dân có quyền thay thế nó bằng một nghị viện khác.

Thỏa hiệp trên đây vừa có tính cách tinh thần, vừa được ghi vào một bản văn căn bản. Bản văn này là Hiến pháp của nước. Hiến pháp ấn định rõ ràng quyền hạn và nghĩa vụ của công dân và của những cơ quan chính quyền do dân cử. Mọi sinh hoạt trong nước căn cứ trên Hiến pháp này. Không ai có quyền đứng trên Hiến pháp.

Các ý chính về quan niệm trên đây cũng đã được nhà triết gia Anh, John Locke đưa ra vào thế kỷ XVII, cùng thuyết phân quyền —tam quyền phân lập — và được Charles Montesquieu phổ cập. Thuyết này, chung với các

quan niệm của Rousseau và Locke, là căn bản của chế độ của các quốc gia dân chủ ngày nay.

"Hợp đồng xã hội" là cơ sở của đời sống chính trị xã hội của những quốc gia trên đây, tuy nó không được nêu danh thường xuyên. Chỉ trong những năm gần đây từ này mới được thông dụng trở lại. Nó được dùng lại trong cuộc vận động tranh cử của Đảng Cộng Hòa Mỹ, và người nhắc nhiều đến nó nhất là ông Newt Gingrich, nay là chủ tịch Hạ Viện Hoa Kỳ.

Nhưng có lẽ Việt Nam là nơi mà danh từ, và nhứt là khái niệm "hợp đồng xã hội" cần được nhắc nhở hơn cả, vì nhân dân Việt Nam cũng đã có một hợp đồng xã hội, nhưng hợp đồng này đã bị xé bỏ, gây ra những thảm trạng lớn cho xứ sở và cho nhiều người Việt trong 50 năm qua. Sự kiện này được ít người để ý. Do đó, cần nhắc lại những sự kiện lịch sử liên hệ đến nó.

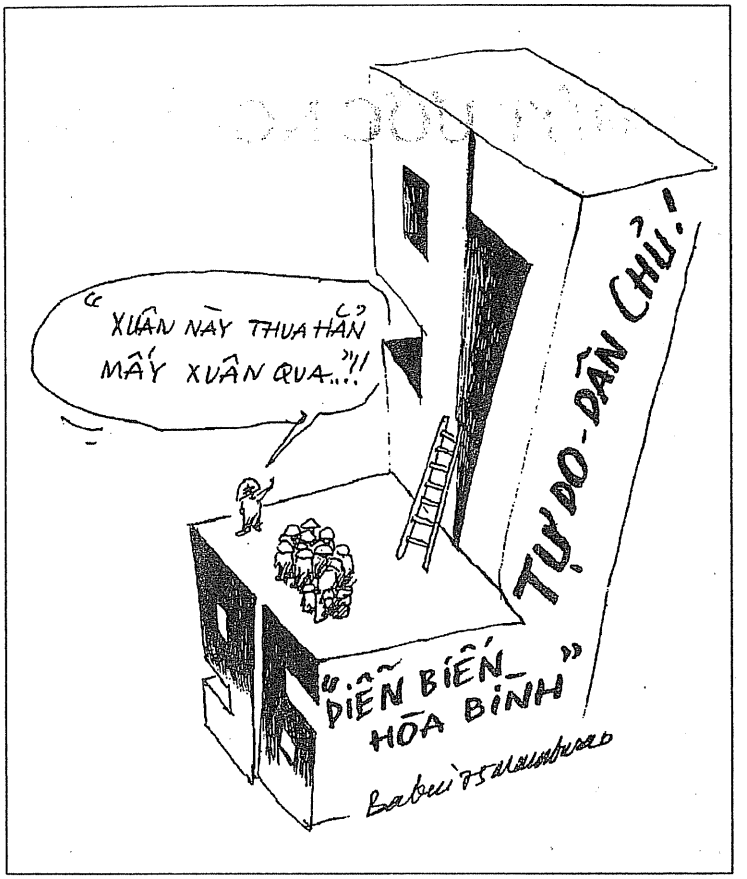

III. Hợp đồng xã hội năm 1945-1946

Sự kiện căn bản là Việt Nam đã có một hợp đồng xã hội, tuy rằng hầu như không ai đề cập đến nó. Đó là hợp đồng xã hội năm 1945-1946, một hợp đồng rất tốt đẹp. Không biết bao nhiêu người đã hy sinh tất cả vì nó.

Những người hăng hái đi theo Việt Minh, và sau đó, theo ĐCSVN, chấp nhận những hy sinh lớn lao, vì họ tin tưởng rằng họ đi tranh đấu cho những mục tiêu mà ông Hồ đã long trọng công bố trong Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945, và Hiến pháp ngày 9-11-1946.

Trong Tuyên ngôn độc lập, ông Hồ tuyên bố:

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không có thể ai xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do, và quyền mưu cầu hạnh phúc."

.....

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi."

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được."

Những điều đẹp đẽ trên được bổ túc và cụ thể hóa trong Hiến pháp mà ông Hồ ban bố ngày 9-11-1946;

Điều 1: *"Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo."*

Điều 7 *"Tất cả nhân dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa."*

Điều 10: *"Công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra ngoài nước."*

Điều 12: *"Quyền tư hữu tư sản của công dân Việt Nam được bảo đảm."*

Trên đây là những điều ông Hồ và ĐCSVN đã cam kết với nhân dân lúc kêu gọi nhân dân gia nhập hàng ngũ Việt Minh và sau này, hàng ngũ ĐCS, để tranh đấu trong những năm 1945-1954. Những mục tiêu này thâu gọn trong ba khẩu hiệu: độc lập, tự do, hạnh phúc.

Rõ ràng là những cam kết trên đây nhằm thực hiện độc lập quốc gia và thiết lập một chế độ *cộng hòa và dân chủ*, trong đó tất cả các nhân quyền, kể cả tự do tư tưởng và quyền tư hữu tư sản, được bảo đảm. Tuyệt đối không có chuyện xây dựng chủ nghĩa xã hội để đi đến chế độ cộng sản. Tuyệt đối không có vấn đề ĐCSVN nắm hết quyền hành, đứng trên tất cả. Tuyệt đối không có chuyện gia nhập khối

cộng sản do Liên Xô lãnh đạo. Tuyệt đối không có chuyện tố khổ từ trung nông trở lên. Tuyệt đối không có chuyện buộc trí thức phải cải huấn. Tuyệt đối không có chuyện cải tạo xã hội chủ nghĩa các giới tư sản. Tuyệt đối không có chuyện kỳ thị giai cấp, lấy lý lịch làm tiêu chuẩn trong mọi việc. Tuyệt đối không có chuyện chuyên chế vô sản, đấu tranh giai cấp, và nhân danh giai cấp tham dự vào việc người Việt bóc tước giết hại người Việt.

Những điều trên đây được nêu rõ trong danh xưng của nước: "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa": *dân chủ* và *cộng hòa.* Chỉ có chừng đó. Điều này được các lý thuyết gia về Hiến pháp và luật pháp của ĐCSVN xác nhận. Ví dụ, Nguyễn Ngọc Minh, Viện trưởng Viện luật học quốc gia, trong một tác phẩm soạn với sự hợp tác và chuẩn y của các lãnh tụ cao cấp của Đảng (1), xác nhận rằng: Điều 1 của Hiến pháp 1946 ghi rõ "không phân biệt giai cấp, vì Việt Nam đang trong thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc, chưa phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa" (NNM, tr.100), và Đỗ Xuân Sang, một luật gia của chính quyền miền Bắc, cũng nhấn mạnh rằng: "Hiến pháp năm 1947 chưa phải là một Hiến pháp xã hội chủ nghĩa vì quyền tư hữu tư sản được Hiến pháp bảo đảm..." (2)

Đó là những cam kết của ông Hồ và ĐCSVN với nhân dân Việt Nam lúc họ mới cầm quyền. Và cũng vì tin rằng, với những cam kết như vậy mình tham gia vào một cái gì hết sức đúng đắn và đẹp đẽ, xứng đáng cho nam nhi, và cả nữ nhi, có lý tưởng, có chí khí, cõ khả năng, hàng ngàn hàng vạn thanh niên thiếu nữ đã bỏ tất cả, hoàn toàn quên mình, chấp nhận những hy sinh gian khổ rất lớn để gia nhập hàng ngũ Việt Minh, rồi cộng sản, "theo Bác Hồ."

Nhờ sự tham gia rộng rãi và giúp sức toàn tâm toàn lực của không biết bao nhiêu thanh niên thiếu nữ có những đức tính và khả năng như trên thuộc các giới trí thức, tiểu tư sản, tư sản, mà ông Hồ và ĐCSVN mới qua được giai đoạn gian nan nhứt, nắm được chính quyền và củng cố chính quyền.

IV. Năm 1951, ông Hồ xé bỏ hợp đồng xã hội 1945-1946

Năm 1950, với sự yểm trợ quy mô của Trung Cộng, ông Hồ và ĐCSVN chắc chắn rằng họ sẽ thắng. Do đó, tại Đại hội II của Đảng vào tháng 2 năm 1951 họ cho Đảng công khai lộ diện, tuy vẫn còn dưới danh xưng là Đảng Lao Động Việt Nam. Nhưng trong diễn văn đọc tại Đại Hội, ông Hồ công khai tuyên bố rằng "Việt Nam ta là một bộ phận của phe dân chủ thế giới [nghĩa là phe cộng sản do Liên Xô lãnh đạo]. Và ông giải thích rằng ĐLĐVN "theo chủ nghĩa Mác-Lê-nin," và mục đích trước mắt của Đảng là "xây dựng điều kiện để tiến đến chủ nghĩa xã hội."

Tiếp theo đó, tháng 2 năm 1953 ông phát động chiến dịch "chỉnh huấn," buộc trí thức phải "lao động hóa," hết lòng phục vụ cách mạng, "không thể đứng ngoài giai cấp," nếu không sẽ "bị kẹp như cây mía giữa máy ép." Cũng năm đó, ông phát động cuộc cải cách ruộng đất, mà ông gọi là "một cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn rất rộng lớn."

Những biện pháp nói trên là những biện pháp đầu của giai đoạn "quá độ lên chủ nghĩa xã hội." Về điểm này, ông Nguyễn Ngọc Minh nhắc lại "Cương lĩnh Gotha" của Marx: thời kỳ quá độ sang xã hội chủ nghĩa là thời kỳ "trong đó nhà nước không thể là cái gì khác hơn là chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản." (NNM, p.177)

Những quyết định trên đây của ông Hồ và ĐCSVN nói lên một sự kiện căn bản: *họ đã đương nhiên xóa bỏ những cam kết với quốc dân trong Tuyên ngôn độc lập 2-9-1945 và Hiến pháp 9-11-1946,* nghĩa là hợp đồng xã hội với quốc dân Việt Nam, và áp đặt một chế độ mới *bằng một quyết định nội bộ của Đảng.* Sự bội ước này có một hậu quả rất quan trọng, mà ít ai để ý, là: *những người đã theo Việt Minh, rồi ĐCSVN, không còn bị ràng buộc gì với Đảng và chế độ cộng sản nữa.*

Mãi đến năm 1960 một Hiến pháp khác mới được ban hành: Hiến pháp ngày 1-1-1960. Trước đó một năm, ông Hồ phát động chiến dịch "cải tạo xã hội," để thanh toán hết tàn dư tư sản, kể cả tư sản trước kia được xếp vào loại "tư sản dân tộc yêu nước" và được để yên, nhưng nay bị "cải tạo" vì, ông Hồ giải thích, Đảng đã "có đủ điều kiện" — nghĩa là đủ mạnh - để ép họ theo con đường xã hội chủ nghĩa. Những phần tử này, cũng như trí thức năm 1953, bị đẩy vào thế kẹt, không có đường thoát. Như ông Nguyễn Hộ nói, họ trở nên tù nhân của chế độ cộng sản. Dù họ có thấy sự mưu mô xảo quyệt của ông Hồ và ĐCSVN, ý thức rằng mấy người này đã trắng trợn xé bỏ hợp đồng xã hội năm 1945-1946, họ cũng bó tay.

V. Thế nào là "vận dụng sáng tạo" chủ nghĩa Mác Lê-nin?

Hiến pháp 1960 chỉ xác nhận một sự đã rồi: sự thay thế chế độ dân chủ cộng hòa bằng chế độ xã hội chủ nghĩa. Tuy danh xưng của nước không thay đổi, vẫn là "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa," nhưng, như ông Phạm Văn Đồng (Thủ Tướng) giải thích: 1."Đó là một chính

quyền, một nhà nước cách mạng, do giai cấp công nhân và chính đảng của nó lãnh đạo,"và 2. "Chính quyền nhà nước ấy đứng trong mặt trận dân chủ do Liên Xô lãnh đạo." (NNM, tr.104)

Từ năm 1960, ông Hồ và ĐCSVN tiếp tục đẩy Việt Nam "tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc, lên chủ nghĩa xã hội" mà không ai có khả năng ngăn chận được, trừ phi có những biến chuyển lớn và bất ngờ, ngoài vòng kiểm soát của ĐCSVN, đặc biệt là trên chính trường thế giới.

Thực ra, như Nguyễn Ngọc Minh giải thích, ngay từ năm 1954 Đảng đã nhận định rằng Cách mạng Việt Nam "đã chuyển sang giai đoạn mới." Đảng phải sử dụng chính quyền dân chủ của nhân dân để làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản... Và ông ta giải thích một cụm từ mà chúng ta thường nghe, nhưng vẫn tự hỏi ý nghĩa thật của nó là thế nào. Đó là"vận dụng sáng tạo," trong câu "vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào điều kiện thực tế Việt Nam," một biệt tài của ông Hồ. Ông Minh giải thích sự kiện trên đây như sau: "Ở đây có vấn đề *hình thức* của nhà nước và *thực chất nội dung* những nhiệm vụ của nhà nước *(nhiệm vụ của chuyên chính vô sản)*... Đây là một thí dụ về cách vận dụng sáng tạo lý luận Mác-Lê-nin về nhà nước vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta." (NCM, tr.185) Như vậy, "vận dụng sáng tạo" là lừa gạt hay! Biết bao nhiêu người theo Việt Minh và ĐCSVN trong những năm 1945-1950 làm sao mà nhận thức được họ đã bị ông Hồ và ĐCSVN "vận dụng sáng tạo" — lừa gạt — thế nào! Chính ông Giáp cũng phải than van rằng trong Đảng có tệ đoan: 'nói một đường, làm một nẻo" (3). Đó là "dĩ bất biến ứng vạn biến" của ĐCSVN!

Có một điểm tưởng cũng cần nhắc đến, là: không những dân chủ, cộng hòa, tự do, hạnh phúc, quyền tự sản, quyền tự do ngôn luận v.v... tiêu biến, mà ngay cả độc lập cũng không có. Trái với điều đa số thường nghĩ, *Việt Nam dưới chế độ cộng sản không hề có độc lập* vì, theo quy chế của Đệ Tam Quốc tế đến 1943, và theo lề lối sinh hoạt của khối cộng sản sau 1945, ĐCSVN phải đệ trình dự án Cương lĩnh của mình cho lãnh đạo ĐCS Liên Xô cứu xét và chấp thuận trước khi đưa ra trình đại hội ĐCSVN. Đảng làm gì cũng phải trình xin phép Moskôva trước! Vì Cương lĩnh của Đảng là chính sách của nước, nên rõ ràng là: *Việt Nam lệ thuộc ngoại bang.* Điều này Chính Trị Bộ và Trung Ương Đảng giấu kín, nhưng năm 1988, sau chuyến đi Moskôva của Nguyễn Đức Bình, đại diện Trung Ương Đảng, nhờ sự kiện đại diện ĐCS Nga bác bỏ dự án Cương lĩnh Đại hội VII các ông trình, và xài xể các ông ấy, bị tiết lộ ra nên chúng ta biết được rõ về tình trạng lệ thuộc ngoại bang này của Việt Nam.

Sau Hiến pháp 1960 còn có những Hiến pháp năm 1980 và 1992 nữa, nhưng chúng ta không cần xét hai Hiến pháp này, vì tình trạng hiện nay chỉ làm một sự tô vẽ và làm nặng thêm phần "chủ nghĩa xã hội" đã được quyết định từ năm 1951, và có thể nói ngay từ trước đó nữa, theo kế hoạch và chiến lược 'từng giai đoạn" bí mật của ông Hồ và ĐCSVN. Các Hiến pháp này chỉ thể chế hóa chặt chẽ hơn nữa tính chất "xã hội chủ nghĩa" Mác Lê-nin của chế độ, và quyền tối thượng và không giới hạn của ĐCSVN, nghĩa là của Chính Trị Bộ.

Cần một hợp đồng xã hội mới

Như đã trình bày rõ ở trên đây, hợp đồng 'xã hội, sự cam kết của ông Hồ và ĐCSVN về

những mục tiêu rất đẹp đẽ và chính đáng, đã lôi kéo biết bao nhiêu thanh niên *không có ý định theo cộng sản và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* năm 1945-1946, đã bị ông ta và đồng chí xé bỏ từ năm 1951, và từ đó những thanh niên này bị tình hình quốc nội và quốc tế đặt vào một tình trạng tù nhân của ĐCSVN.

Tình hình quốc nội — chiến tranh độc lập — và nhứt là tình hình quốc tế trước và sau 1951 — nguy cơ phát xít — có lợi cho cộng sản. Nó cho Liên Xô và Stalin hình ảnh cứu tinh của nhân loại, lại làm cho thanh niên Việt Nam không thấy được sự thực. Tình trạng này đã được một tác giả cựu cộng sản, Francois Furet, phân tách trong một tác phẩm rất phong phú và sâu sắc: *Le passé d'une illusion: essai sur l'idée communiste au XXè siècle.*" (4) Theo ông Furet, chế độ bôn-sê-vích Mác-Lê-nin-Stalin chỉ là một chế độ kết hợp những thành phần côn đồ và phiêu lưu, dựa trên bạo lực và nói láo. Nhưng nhờ nó phải tận lực chống phát xít vì nó bị Hitler đe dọa nặng hơn hết, trong khi các chính phủ Âu Châu có xu hướng tránh né, nên nó được coi như là cứu tinh của nhân loại. Sau khi phát xít bị đánh bại, nó đứng trong hàng ngũ của phe chiến thắng lại thêm hào quang và được coi như tiêu biểu cho tương lai.

Nhưng với sự Liên Xô xâm lăng và đàn áp nhân dân Hungari năm 1956, và nhứt là nhân dân Tiệp Khắc năm 1968, mặt thực của chế độ cộng sản càng ngày càng được dư luận thấy rõ. Sự suy thoái tụt hậu của kinh tế Liên Xô trong những thập niên 1970 và 1980 đưa đến những quyết định của Gorbachev về *Glasnost* và *Perestroika,* như đã nói ở trên, càng làm rõ tính chất lạc hậu, và bộ mặt khó ưa của chế độ cộng sản. Ở trong xứ, mặt thật của chế độ cộng sản đã được những đảng viên bỏ Đảng phơi bày, như tác phẩm *Mặt Thật* (Saigon Press, Ca, 1993) của cựu Đại tá Bùi Tín, và những phân tích của các học giả sống trong chế độ cộng sản, như Hà Sĩ Phu, Lữ Phương, v.v...

Những biến chuyển quốc tế lớn tất nhiên ảnh hưởng đến Việt Nam. Như ông Giáp nói: sự sụp đổ của Liên Xô và sự tan rã của ĐCS Liên Xô "không thể không ảnh hưởng đến nhân dân các nước, trong đó có nhân dân ta" (VNG, tr.136). Các lãnh tụ cao cấp khác của Đảng, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười v.v... các lý luận gia về cơ quan tuyên truyền của Đảng cũng đều thú nhận như ông Giáp.

Vấn đề tồn vong của Đảng do chính lãnh đạo của Đảng đã đặt ra. Điều này có nghĩa là trong nước, và ngay trong ĐCSVN, đã xuất hiện tâm trạng "chợ chiều": người ta tin rằng có ngày, hoặc xa hoặc gần, mà có lẽ gần hơn xa, chế độ cộng sản Việt Nam sẽ "tạ tiệm." Lúc đó, nhân dân Việt Nam phải có một hợp đồng xã hội mới để điều tiết quan hệ giữa công dân với nhau, và giữa công dân và chính quyền.

Hợp đồng này phải nói rõ những mục tiêu của quốc gia Việt Nam, ấn định rõ ràng những quyền lợi và bổn phận của người dân, đặc biệt là về phương diện nhân quyền và dân quyền. Nó phải ấn định rõ ràng quyền hành của các cơ quan Nhà nước, v.v... Thật ra, một phần lớn của cái mới đã có sẵn trong cái cũ, trong những điều căn bản của Tuyên ngôn độc lập 1945 và Hiến pháp 1946. Nó chỉ cần được bổ túc. Điều quan trọng nhất là phải ấn định rõ ràng những phương thức để bảo đảm những mục tiêu lớn mà nhân dân ưu tư nhất: chủ quyền quốc gia và độc lập *thực sự,* chủ quyền nhân dân *thực sự,* tự do dân chủ *thực sự,* quyền tư hữu tư sản trong những giới hạn rõ ràng, sự dung hòa quyền lợi cá nhân với quyền lợi cộng đồng, công bằng xã hội, sự giới hạn quyền hành của các cơ quan nhà nước và quyền chống đối và nổi dậy của dân khi chính quyền trắng trợn vi phạm hợp đồng xã hội.

Dù sao, các đoàn thể, tổ chức, cá nhân liên hệ và có khả năng nên dự thảo một bản hợp đồng để, lúc cần, đưa ra cho nhân dân cứu xét và chấp thuận. Công cuộc này cần phải có một sự tham khảo, thảo luận rộng rãi giữa tất cả những thành phần nói trên, ngoài nước và trong nước, nhất là với những người đã theo Việt Minh và ĐCSVN trong những năm 1945-1950, và đã bị lừa gạt một cách trắng trợn và lợi dụng một cách bỉ ổi, nay đã thức tỉnh và can đảm lên tiếng nói lên sự thật. Hơn tất cả các người khác, những người này biết rõ phải làm gì để tránh tái diễn một "cú 1951" thứ hai. Âu đây cũng là một dịp tốt để các đoàn thể, tổ chức, nhân vật ưu tư về tương lai của xứ sở thực hiện sự đoàn kết mà mọi người đều kêu gọi và trông đợi.

Riêng tôi, tôi ước nguyện sớm được thấy một bản thảo về hợp đồng ấy.●

Chú thích

(1). Nguyễn Ngọc Minh: *Nghiên cứu những tư tưởng của Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật,* NXB Sự Thật, Hà Nội, 1988.

(2). Đỗ Xuân Sang: *Apercu sur les Institutions de la République Démocratique du Viet Nam* (Đại cương về Hiến pháp Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa), Hanoi, Editions en Langues étrangères, 1972, tr.21

(3). Võ Nguyên Giáp, *Tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình hình thành và phát triển,* NXB Sự Thật, Hà Nội, 1993, tr.12

(4). Francois Furet, *Le passé d'une illusion: essai sur l'idée communiste au XX siècle,* Robert Lafont/Calmann Levy, Paris 1995.●

TẾT NGUYÊN ĐÁN VÀ LỄ NGHÊNH XUÂN

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

Nguyên = đầu, đán = buổi sớm mai. "Nguyên đán" có nghĩa là buổi sớm mai của đầu năm, là lễ đầu tiên của năm mới.

Năm mới bắt đầu từ mồng một tháng giêng âm lịch, nhưng không phải tháng giêng bao giờ cũng bắt đầu cùng với mùa Xuân, vào tháng Dần, như hiện nay. Trung Quốc lấy tên 12 chi: Tý, Sửu, Dần, Mão... đặt tên cho 12 tháng, nhưng thời nhà Ân lại dùng tháng Sửu làm tháng giêng; nhà Chu dùng tháng Tý, nhà Tần dùng tháng Hợi, chỉ có nhà Hạ và nhà Hán (Hán Vũ Đế) mới dùng tháng Dần như hiện nay (1).

Theo *Lễ Ký* thì tháng chạp bắt đầu ở Sửu, Sửu là trâu, trâu thuộc "thổ", "thổ" là đất. Đất có thể ngăn nước, chống rét nên lễ Lập Xuân làm trâu bằng đất để tống khí lạnh đi (2).

Như vậy Tết vừa là ngày đầu năm mới lại vừa là ngày ăn mừng mùa Xuân trở lại.

I. Tết Nguyên Đán thời cổ

Nước ta bắt đầu ăn Tết từ bao giờ thì chưa rõ. Nếu căn cứ vào tục ăn bánh chưng ngày Tết và truyền thuyết cha ông ta biết làm bánh chưng từ thời Hùng Vương thì có thể cho là ta đã ăn Tết từ đời các vua Hùng, song đấy chỉ là phỏng đoán, không có bằng chứng. Thời nội thuộc Trung Quốc chắc hẳn ta phải theo họ ăn Tết, nhưng cũng không có chứng tích để lại. Sách sử của ta chỉ chép sớm nhất từ thời Lê Đại Hành và cũng rất sơ lược:

"Năm (992), tháng giêng, vua ngự điện Càn-nguyên để xem đèn". Ta có thể liên hệ việc 'xem đèn' ở điện Càn-nguyên với tục lệ mở hội đèn Quảng-chiếu vào các đời Lý, Trần để mừng xuân. Sử chép về thời nhà Lý:

"Năm (1100), tháng giêng, Lý Nhân Tôn bầy hội Quảng-chiếu đăng ở ngoài cử Đại-Hưng (cửa Nam).

Năm 1116, tháng giêng, Lý Nhân Tôn lại mở hội Quảng-chiếu hoa đăng ở ngoài cửa Đại-Hưng. Lại tạc tượng nhà sư bằng gỗ có đeo chuông bên mình.

Năm 1126, Lý Nhân Tôn mở hội đèn Quảng-chiếu bảy ngày đêm. Tha người có tội giam ở phủ đô hộ (3).

Nhờ có *An-nam chí lược của Lê Tắc chúng ta mới rõ tục lệ ăn Tết thời nhà Trần, cho nên tuy Lê Tắc phản bội nước nhà, viết An-nam chí lược* vì nhà Nguyên, song vì sử sách nước ta bị mất mát nhiều nên *An-nam chí lược* vẫn đáng kể là một sử liệu có giá trị.

A. Nhà Trần

1. Tết Nguyên Đán

Trước Tết hai ngày, vua đi xe ngự dụng, các quan mặc triều phục hầu đạo tiền, tế điện Đế-Thích (một vị thần trong Phật giáo làm chủ chư thiên) ở ngoài thành Thăng-Long.

Ba mươi Tết, vua ngồi giữa cửa Đoan Củng cho bề tôi làm lễ, rồi xem con hát múa trăm lối. Đến tối, qua cung Động Nhân, bái yết Tiên vương. Đêm, cho thầy tu làm lễ Khu Na (đuổi tà ma) ở trong nội.

Dân gian mở cửa, đốt pháo tre, cỗ bàn, trà rượu cúng tế.

Ngày Nguyên đán, khoảng canh năm, vua ngự điện Vĩnh Thọ cho các tôn tử (con cháu) và cận thần làm lễ hạ trước, rồi vào cung Trường Xuân vọng bái các lăng tổ.

Sáng sớm, vua ngự điện Thiên An, các phi tần sắp lớp ngồi, các quan trong nội đứng lộn-xộn trước điện tấu nhạc. Các tôn tử và bề tôi sắp hàng bái tạ, ba lần dâng rượu, xong, các tôn tử lên điện chầu dự yến. Các quan nội thần (hoạn quan) ngồi ở tiểu điện phía Tây, các ngoại thần ngồi ở Tả, Hữu Vu (nhà nối vào chính điện). Tiệc đến trưa mới tan.

Lại sai thợ khéo làm đài 'Chúng tiên," hai từng, ở trước điện. Làm một lúc thì xong, vàng ngọc chói ngời. Vua ngồi ăn trên đài, các quan làm lễ chín lạy, dâng chín tuần rượu rồi giải tán.

Mồng hai, các quan làm lễ riêng ở nhà.

Mồng ba, vua ngồi trên gác Đại Hưng xem các tôn tử, các quan nội cung đánh cầu, ai bắt được, không để cầu rơi xuống, là thắng. Quả cầu to bằng nắm tay, làm bằng gấm thêu, có 20 sợi tua dài lòng thòng.

Mồng năm, làm lễ Khai Hạ (hạ nêu, trở lại cuộc sống bình thường). Ăn yến xong, các quan và dân chúng đi lễ chùa, miếu, hay đi du ngoạn các vườn hoa.

Đêm Nguyên tiêu (rằm tháng giêng) trồng những cây đèn Quảng chiếu ở giữa sân rồng, thắp mấy vạn ngọn, sáng rực trời đất. Chư tăng đi quanh tụng kinh Phật... các quan lễ bái, gọi là lễ "Chầu đèn."

Tháng hai, làm cái "Xuân đài." Con hát hóa trang thành mười hai vị thần, múa hát trên đài.

Vua coi các trò tranh đua dưới sân, lực sĩ, trẻ con đấu nhau, ai thắng được thưởng. Công hầu cưỡi ngựa đánh cầu, quan nhỏ thì đánh cờ, đánh vu bồ (bài thẻ)...

2. Tiết Lập Xuân

Ngày Lập Xuân, vua quan làm lễ Nghênh Xuân (đón Chúa Xuân) ở phương Đông (Đồng giao). Vua sai vị trưởng họ dùng roi đánh trâu đất. Sau đó, các quan cài hoa lên mũ rồi vào cung dự tiệc.

Trong tháng Xuân, người làm mối bưng tráp trầu cau đến nhà gái hỏi, tặng lễ vật, thường dân giá trăm, nhà cao sang giá hàng nghìn, những người chuộng lễ nghĩa thì không kể ít nhiều. Con trai, con gái nhà nghèo không có người mai dong để làm hôn lễ thì tự mình phối hợp với nhau (4).

B. Nhà Lê Trung Hưng

1. Lễ Tiến lịch

Hàng năm, Tư thiên giám tính trước lịch cho năm sau, đến tháng Sáu viết hai bản dự thảo, một bản dâng lên vua và khải Chúa xin tiền in. Vua xem xong, giao cho Trung thư giám viết lại, Tri giám coi việc khắc, khắc rồi, Tư thiên giám đối chiếu trước khi đem in. Trong tháng chạp, chọn ngày dâng lên Vua chuẩn. Đến ngày 24 tháng chạp làm lễ Tiến lịch. Sáng hôm ấy, các quan mặc phẩm phục, theo chỉ của Chúa vào triều làm lễ.

Sáng sớm, Nghi chế ty và các Tự ban đặt cái án dâng lịch ở giữa ngự đạo trước sân rồng. Bốn viên Thông tán, hai viên đứng ở phía Đông và Tây sân rồng, hai đứng ở Tả và Hữu cửa Đoan môn.

Ba hồi trống nghiêm, Tự ban dẫn hai viên Tiến lịch quan vào bên Đông sân rồng. Vua ngự lên ngai, Tự ban dẫn quan Tiến lịch đến giữa ngự đạo. Xướng :"Cúc cung; bái, hưng (bốn lần); bình thân." Lễ quan xướng :"Tiến hoàng lịch," Tự ban dẫn quan Tiến lịch đến trước án lịch giấy vàng. Xướng :"Quỵ, tiến lịch," quan Tiến lịch để lịch lên án. Xướng :"Phủ phục, hưng, bình thân, phục vị," Tự ban dẫn quan Tiến lịch từ phía Đông ngự đạo xuống đến vị bái. Xướng :"Cúc cung; bái, hưng (bốn lần); bình thân," Tự ban nhấc cái án để lịch lui ra. Cáp-môn xướng :"Bài ban, ban tề," các quan chia bậc hàng thứ đứng vào ban, tề chỉnh. Lại xướng :"Cúc cung; bái, hưng (bốn lần); bình thân."

Quan Truyền chế đến giữa ngự đạo quỳ: "Tấu truyền chế" rồi lạy xuống, vẫn quỳ. Quan Tư lễ giám đem tờ chế trao cho quan Truyền chế. Viên này đỡ lấy lui ra, đứng phía Đông, hô :"Hữu chế." Cáp môn xướng :"Bách quan giai quỵ," các quan quỳ xuống. Quan Truyền chế đọc chế xong lui về chỗ đứng cũ. Xướng :"Phủ phục, hưng, bái (bốn lần); bình thân." Lại xướng :"Bách quan phân ban thị lập," các quan phân ban đứng hai bên mà hầu. Nghi chế ty đến giữa ngự đạo quỳ: "Tấu lễ tất." Vua ngự về cung.

Tư thiện giám bưng cái án lịch trước ngự tọa sang tiến ở phủ Chúa. Quan Lễ khoa đem lịch ban cho các quan. Các quan quỳ xuống nhận, giơ lịch ngang trán. Xong lễ lui ra (5).

2. Lễ khóa ấn

Hăm lăm tháng chạp làm lễ khóa ấn trong một tháng, hộp ấn úp mặt xuống. Chỉ những việc trọng đại như sát nhân, phản quốc, mới được xét ngay, còn trộm cắp lặt vặt, đánh nhau, đòi nợ... thì đình chỉ, đợi ngày khai ấn mới xét xử (6).

3. Lễ Tiến Xuân ngưu

Hàng năm đến tháng Mười Một, Tư thiên giám tâu ngày nào, tháng nào là tiết Lập Xuân và kê cả kiểu mẫu làm Xuân ngưu (trâu đất) giao cho Công bộ sai Thường-ban-cục làm. Mỗi năm tượng trâu, to bằng thật, nhuộm một mầu, mầu ứng với năm đó, tính theo âm dương ngũ hành.

Tước tiết Lập Xuân một ngày, buổi chiều, Thường ban cục đem trâu đất đến đàn tế, dựng ở phường Đông Hà. Lễ tế vào giờ Tý (nửa đêm), mở đầu ngày Lập Xuân. Quan Phủ doãn và hai quan huyện Thọ Xương và Quảng Đức làm lễ xong thì sai rước đến đàn ở phường Hạ Khẩu. Hôm sau rước đi sớm. Quan Phủ doãn và các quan huyện lấy cành dâu để đánh con trâu đất, rồi đem vào sân điện vua làm lễ Tiến Xuân ngưu.

Các quan vâng chỉ Chúa mặc phẩm phục làm lễ. Lễ xong quan Tư lễ giám bưng cái án để Xuân ngưu trước ngự tọa sang tiến ở phủ Chúa (7).

4. Nghi thiết ở điện Kính Thiên

Sáng sớm mồng một, Tiết chế phủ (con cả của chúa Trịnh) vâng chỉ Chúa, dẫn trăm quan mặc phẩm phục vào chầu Vua để chúc mừng năm mới.

Trước một ngày, Thượng thiết ty đặt ngự tọa của Hoàng thượng ở chính giữa của Kính thiên, đặt bảo án ở phía Đông, hương án ở trước ngự tọa. Liễn giá tỳ đặt tàn vàng ở hai bên tả hữu ngự tọa. Giáo phường đặt, thiều nhạc (nhạc cổ của Ngu, Thuấn) và Đại nhạc (gồm rất nhiều nhạc khí lớn nhỏ) ở hai bên Đông Tây sân rồng. Thủ vệ ty dàn cờ xí, khí

giới. Nghi chế ty đặt cái án để các tờ biểu của Thừa ty các xứ ở công đường Lễ bộ. Quan Lễ bộ và quan Thừa ty các xứ trực đêm ở công đường Lễ bộ. Khi canh đã điểm lần thứ năm, trời sáng, trống và nhạc đi trước, các quan Thị dạ (hầu đêm) rước án biểu, Nghi vệ ty mang tàn vàng che. Thừa dụ cục khiêng án biểu đến ngoài cửa Đoan môn, tiến vào để ở phía Đông sân rồng, hơi ngoảnh về Bắc. Các quan rước án biểu đều đứng.

S. Baron (thế kỷ XVII): Trò bách hí ngày Tết

Trống nghiêm hồi đầu, các quan văn võ — kể cả Chấp-sự (Đạo lễ) và Triều yết đứng sắp ban ở ngoài cửa Đoan môn.

Trống hồi thứ hai, quan Đạo lễ dẫn Tiết chế phủ vào chỗ điếm ở Tả Hữu sân rồng ngồi tạm. Các quan Đạo lễ tiến vào sận điện Vạn thọ rước Vua lên ngự giá, làm lễ năm lạy ba vái. Lễ xong lui về chỗ cũ ở hai bên Đông Tây sân rồng.

Ngự giá đến cửa Kính thiên thì quan Đạo lễ dẫn Tiết chế phủ đứng phía Đông sân rồng, hơi về hướng Bắc. Tự ban dẫn các quan vào sắp hàng hai bên Đông Tây sân rồng. các quan Thừa ty, Triều yết chia đứng ở ngoài cửa Đoan môn. Vua lên ngai. Giáo phường tấu khúc nhạc Văn quang. Dứt tiếng chuông, vút roi (để ra lệnh lặng yên khi làm lễ triều bái), nhạc nghỉ. Tư thần lang báo trời sáng. Thông tán xướng :"Bài ban." Quan Đạo lễ dẫn Tiết chế phủ đến vị bái rồi lui về chỗ cũ. Thông tán xướng :"Ban tề," lại xướng :"Cúc cung; bái, hưng (bốn lần); bình thân."

Quan Điển nghi xướng :"Tiến biểu." Nhạc lại nổi lên. Hai viên Khoa quan dẫn bốn Tự ban rước án biểu có tàn vàng che từ bên Đông sân rồng đem đặt giữa ngự đạo. Các Khoa quan, Tự ban lui ra chia đứng hai bên Đông Tây. Dẫn tán xướng :"Tuyên biểu mục," quan Tuyên biểu vào giữa ngự đạo quỳ đọc biểu chúc mừng của công hầu và các quan văn võ 12 đạo. Đọc xong, lạy rồi lui về chỗ đứng trước. (Đến lượt đọc biểu phó của các quan triều thần, cũng theo nghi tiết trên).

Thông tán xướng :"Phủ phục, hưng, bình thân, cúc cung tam vũ đạo," lại xướng :"Bách quan giai quỵ, tung hô," các quan quỳ xuống, giơ tay ngang trán hô theo :"Vạn tuế," ba lần như thế. Mỗi lần hô thì quân sĩ, phường nhạc, đồng thanh hô theo. Lại xướng :"Phủ phục, hưng, cúc cung, bái (nhạc nổi lên), hưng (bốn lần), bình thân." Nhạc nghỉ.

Quan Đạo lễ dẫn Tiết chế phủ đến bên Đông đứng ở vị trí trước. Thông tán xướng :"Bách quan phân ban thị lập." Nghi chế ty đến giữa ngự đạo quỳ tâu :"Tấu lễ tất." Giáo phường ty và các thự Đồng văn Nhã nhạc (nhạc khí ít và nhỏ hơn Đại nhạc) tấu khúc Hưu minh. Vút roi. Vua về cung. Quan Tư lễ giám bưng tờ biểu để tiến vào nội điện. Nhạc nghỉ. Tiết chế phủ và các quan theo thứ tự lui ra.

5. Nghi tiết ở phủ Chúa

Sáng mồng một hiệu Thiên hùng bắn súng hiệu, hiệu Thị trung đánh trống nghiêm. Tướng sĩ thuộc các đội thuyền đứng hầu hoặc đi tuần sát.

Tư-thiên-giám đã chọn giờ và phương hướng tốt để Chúa đi lễ. Các quan rước Chúa đến Thái miếu và Cung miếu hành lễ rồi về phủ.

Chúa ngự long tọa. Quan và lính hiệu Thị hậu đứng hầu. Binh phiên ban tiền thưởng Xuân theo cấp bậc :nhất phẩm được năm quan tiền, nhị phẩm được bốn quan... cửu phẩm một quan, Tư thiên giám được sáu tiền, nhạc công một tiền...

Tư thiên giám chọn giờ tốt khải Chúa khai ấn.

Tiết chế phủ dẫn các quan từ cửa Cáp môn tiến vào phủ đường. Bốn viên điển giám (dùng khoa quan) hai đứng ở Tả, Hữu trong phủ, hai đứng ở ngoài phủ. Tiết chế phủ và các quan theo thứ tự lạy mừng. Chúa ban yến. Dự yến xong, các quan làm lễ tạ ơn. Chúa về cung, Tiết chế phủ về phủ. Các quan lại đến phủ Tiết chế chúc mừng (8).

II. Tết Nguyên Đán thời nhà Nguyễn

A. Nghi tiết trong triều

1. Lễ Ban Sóc và Lễ Phất thức

- *Lễ Ban Sóc*: tức là lễ ban lịch. ("Sóc" có nghĩa là bắt đầu, là ngày mồng một) thường được cử hành vào đầu tháng chạp. Chẳng hạn năm 1919 lễ Ban Sóc diễn ra ở trước cửa Ngọ môn vào ngày mồng một tháng chạp, tức 2/1/1919.

- *Lễ Phong ấn và lễ Phất thức:* Năm 1807, định lệ hàng năm đến ngày 25 tháng chạp thì khóa ấn, mồng 7 tháng giêng thì khai ấn (9).

Trước khi khai ấn phải rửa ấn, gọi là lễ Phất thức. Rửa ấn chỉ được phép ngâm rượu cho các chất bẩn giắt trong khe kẽ rã ra, không được lấy tăm khều cho nhanh vì làm thế sẽ "độc," trong năm sẽ có nhiều án mạng xảy ra (10). Lễ Phất-thức năm 1919 cử hành vào ngày 24 tháng chạp, tức ngày 25/1/1919.

Năm 1830, định lệ sau ngày phong ấn, gặp những việc cần, Lục bộ, các Nha và Nội các tâu lên dùng ấn vàng. Đến ngày khai ấn dùng ấn triện quan phòng, chưa rõ năm, tháng, ngày nào dùng để làm bằng chiếu (11).

2. Lễ Nghênh Xuân ở Kinh

Hàng năm sai Hữu ty chế ba bộ Mãng thần (Mục đồng) và Trâu đất, cùng hai bộ Núi Xuân (Xuân sơn bảo tọa).

Trước lễ lập Xuân một ngày, phủ Thừa Thiên đặt Mãng thần và Trâu đất lên núi Xuân bầy trên án, bầy đàn tế ở Đông Giao làm lễ Nghênh Xuân. Tế vào đúng nửa đêm, giờ Tý, mở đầu ngày Lập Xuân. Lễ xong rước hai án về để ở Lễ bộ.

Ngày Lập Xuân, quan bộ, viên Kinh dẫn, Khâm thiên giám đem đến cửa Tiên Thọ và cửa Hưng Khánh, có thái giám tiếp nhận dâng vào cung, gọi là "tiến Xuân."

Còn một cặp Mãnh thần và Trâu đất bầy ở phủ thự. Viên Kinh dẫn đánh trâu ba roi để tỏ ý khuyến khích việc nông (12).

3. Lễ Nghênh Xuân ở các tỉnh trực lệ

Năm 1832, định lệ sau tiết Đông chí, Tổng đốc, Tuần phủ, Trấn quan sở tại sai lấy đất và nước ở phường Tuế đức (tức Thần tốt), nặn một Trâu đất và Mãng-thần theo thể thức ở Kinh (13). Để Trâu và Mãng thần ở sảnh thự.

Ngày Lập Xuân, các quan dẫn thuộc hạ mặc thường triều đem Trâu và Mãng thần tới đàn làm lễ đón Xuân rồi mang về dinh thự. Các quan đứng trước sân, cầm roi đánh Trâu ba roi, rồi bầy Trâu với Mãng thần ở cổng đường.

Lễ xong, đem Trâu và Mãng thần năm ngoái chôn ở chỗ đất sạch sẽ (14).

B. Phong tục dân gian

1. "Tháng giêng ăn tết ở nhà"

- Cuối tháng chạp, mọi nhà đều nhộn nhịp quét dọn, trang hoàng nhà cửa, đánh bóng sập gụ, tủ chè, đồ đồng trên bàn thờ...

Ở Hà Nội trước 1945, khoảng 20 tháng chạp, thấy các ông Đồ khăn đóng áo dài đến xin ngồi nhờ ở vỉa hè phố Hàng Bồ bầy câu đối giấy đỏ để bán, có ông 'văn minh" chép cả thơ bằng chữ quốc-ngữ, đến nay tôi còn nhớ một câu tả cảnh Xuân :

Lá ngọc cành vàng tóe nở ra

vì mẹ tôi đọc xong cứ tủm-tỉm cười nhắc đi nhắc lại mãi.

- Trang hoàng nhà cửa, ngoài câu đối, tranh Tết, dĩ nhiên phải có hoa. Người ta thường sắm các chậu hoa đủ đôi để bầy cho cân đối: hai chậu quất mầu cam, hai chậu cúc mầu vàng, hai chậu hải-đường mầu hồng tía...chỉ có đào là cắm một cành. Ngày Tết đến chơi nhà ai thấy không cắm đào lại cắm một cành mai trắng thì biết là nhà ấy đang có tang. Hà Nội không có mai vàng nên khi còn nhỏ đọc thơ Huyền Kiêu:

Hỡi hỡi cô mai vàng

tôi cứ băn khoăn tự hỏi sao thi sĩ lại có thể nhầm tới bậc ấy!

Thủy tiên cũng là thứ hoa chỉ ngày Tết mới xuất hiện. Những người khoe khéo mua củ về tỉa lấy, sao cho hoa nở đúng giao thừa hay mồng một mới là khéo. Nếu thấy hoa có triệu chứng nở sớm thì phải hãm bằng cách quấn bông xung quanh, để ở chỗ thật lạnh; ngược lại, nếu thấy hoa có chiều nở muộn thì phải thúc giục nó bằng cách thay nước ấm, để ở chỗ có nhiều nhiệt khí. Chơi thủy tiên, người ta không chỉ chơi hoa mà chơi cả lá (tỉa sao cho lá uốn cong xuống theo ý mình) và cả rễ nữa, vì thế hoa thường được bầy trong cốc thủy tinh trong suốt, có chân cao nâng ngang tầm mắt người thưởng-thức.

Tỉa thủy tiên dĩ nhiên phải nhẹ tay. Nhà thơ

> * Khi một người rơi vào tình trạng luôn luôn tin rằng một điều gì đó phải xảy ra vì anh ta không mong muốn nó, còn những gì anh ta mong muốn thì sẽ chẳng bao giờ xảy ra, tình trạng ấy gọi là *sự tuyệt vọng.*
>
> — *Schopenhauer*

Lan Sơn, trong "Vết thương lòng" tả quang cảnh một thiếu nữ đang ngồi tỉa thủy tiên chợt thấy:

Bóng ai thấp thoáng ngoài hiên vắng,
Em đã vô tình vội ngẩng lên.
.....
Em vội ngừng tay, vội ngó ra.
Dao cầm xẩy chạm tới giò hoa;
Giò hoa ngày lụi, màng hoa úa.
Hoa đã vì em chịu xót-xa... (15)

Tôi nghi thi dĩ chưa thực sự bắt tay vào việc tỉa thủy tiên bao giờ, vì cái "xẩy tay" của thiếu nữ trong thơ xem ra phải dùng đến bẩy thành công lực mới làm cho giò hoa lụi được! Củ thủy tiên, giống như củ hành, có nhiều lớp, mà giò hoa thường ẩn sâu bên trong chứ không nằm ở lớp ngoài. Thậm chí, muốn cho cành hoa đừng vươn lên cao, người tỉa có khi phải gọt cả chân giò hoa mỗi ngày một tị, dĩ nhiên là phải "chạm" vào giò hoa, thế mà hoa vẫn nở.

- Ba mươi tháng chạp cúng "ông Công ông Táo," tục gọi là Vua Bếp, lên chầu trời để phúc trình những hành vi của gia chủ trong năm qua. Tiếng gọi là "ông Công ông Táo" nhưng thực sự lại là "hai Ông, một Bà." Người ta cúng một cỗ mũ nữ mầu vàng, đặt ở giữa, hai cỗ mũ nam mầu đen ở hai bên. Có nhà chỉ cúng một cỗ mũ với một đôi hia, nhưng tuyệt nhiên không nhà nào cúng quần áo, nên mới có câu tả cảnh Vua Bếp: Đội mũ, đi hia, chẳng mặc quần!

Cá chép sống, cúng xong, đem ra sông, hồ thả. Đấy là phương-tiện di-chuyển duy nhất của Vua Bếp vì thời xưa chưa có phi cơ, phi thuyền.

- *Cây nêu*: Gần Tết, ở nông thôn trồng cây nêu trong sân đình. Cây nêu là một cây re cao, trên đỉnh treo phướn, khánh sành... mỗi khi có gió, cờ bay phất phới vui mắt, khánh kêu leng keng vui tai. Trong sân hay trước ngõ còn vẽ cung tên bằng vôi bột. Tương truyền xưa kia ma quỷ hay quấy nhiễu dân gian, bị Phật trừng phạt nên quỷ hứa sẽ không dám động đến đất nhà Phật, chỗ nào có cây nêu cành phướn, cung tên vôi bột, biết là đất Phật, ma quỷ tránh xa, không dám bén mảng tới.

- Cũng vào những ngày gần Tết, trẻ con trong làng họp thành đoàn, rủ nhau đi chúc Tết để xin tiền, vừa đi vừa lắc ống tre đựng tiền, đến từng nhà hát :

Súc sắc, súc sẻ,
Nhà nào còn đèn, còn lửa.
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào.
Bước lên giường cao, thấy đôi rồng ấp;
Bước xuống giường thấp, thấy đôi rồng chầu.
Bước ra đằng sau, thấy nhà ngói lợp,
Voi ông còn buộc, ngựa ông còn cầm.
Ông sống một trăm linh năm tuổi lẻ,
Vợ ông sinh đẻ, những con tốt lành,
Những con như tranh, những con như vẽ...

- *Giao thừa*: Nửa đêm 30 tháng chạp, cũng gọi là đêm Trừ tịch, mọi nhà đều bầy cỗ cúng hoa quả, bánh trái ở giữa sân rồi đốt pháo cúng giao thừa, làm lễ 'Tống cựu, nghênh tân," tiễn vị Hành khiển năm cũ đi và đón vị Hành khiển nắm mới đến. Có tất cả mười hai vị Hành khiển, thay mặt Ngọc hoàng thượng đế điều khiển mọi việc ở nhân gian; mỗi năm cứ đến lúc giao thừa thì vị Hành khiển cũ bàn giao công việc lại cho vị Hành khiển mới.

- *Món ăn ngày Tết*: Trước hết phải kể đến bánh chưng. Có nhà treo cả dẫy trên một cái sào, gác ở trần nhà, cho thoáng gió, giữ được lâu. Tuy nhiên khí hậu ẩm ướt của Hà thành khiến bánh thường bị mốc. Lúc ấy, người ta gọt chỗ mốc đi, tán ra đem rán dòn. Hà Nội có hai loại bánh chưng: bánh đậu nhân mặn và bánh đường nhân ngọt. Tôi vốn không thích ngọt, nhưng ăn bánh chưng rán thì lại chọn bánh đường.

Bánh chưng được dọn chung với "cá kho ngày Tết." Cá ngả Tết phải là những con cá chép to, kho đầy nồi với giềng, thịt rọi thái miếng vuông quân cờ, và nước chè, nhưng không được bỏ đường hay nước hàng. Kho đi kho lại sao cho miếng cá còn nguyên nhưng thật dừ, ăn được cả xương mới là khéo.

Ngoài bánh chưng cá kho, Tết phải có thang và cuốn. Cuốn ở Hà-nội khác với cuốn miền Nam ở chỗ cuốn từng khúc ngắn nhỏ; bún, tôm, thịt để ở trong, rau diếp quấn ngoài, buộc bằng hành lá. Khi bầy, dựng đứng khúc cuốn trên đĩa, trông rõ nhân bên trong, rau xanh bọc ngoài.

Nhìn bát thang, khách có thể đoán biết trình độ "nữ công" của bà chủ. Bún đơm phải khơi lên chứ không được nén chặt; mặt phải bằng phẳng để bầy mặt cho dễ. Các thứ bầy mặt: gà luộc, giò lụa, trứng tráng, rau răm, ruốc tôm thái nhuyễn; lúc bầy chọn mầu sắc đối chọi để cạnh nhau cho vui mắt, bầy khéo thì đường phân chia địa giới thẳng tắp, không có chuyện "giao-lưu văn-hóa" món này lem

> * Nếu chúng ta muốn mình được hạnh phúc, điều ấy cũng dễ thôi; nhưng nếu chúng ta muốn mình hạnh phúc hơn người khác thì đó luôn luôn là việc khó hơn nhiều, vì chúng ta thường nghĩ người khác nhiều hạnh phúc hơn là thực sự họ có.
>
> *—Montesquieu*

nhem xen lẫn với món kia. Thường chỉ bầy bốn thứ rồi ở giữa để một miếng trứng muối luộc với nhiều lòng đỏ. Ăn thang phải thật nóng nên trước khi dọn ra người ta đem chao, tức là múc nước dùng thật sôi đổ vào bát thang cho nóng rồi chắt đi, múc thêm nước lần thứ nhì mới bưng ra mời khách. Chao khéo thì bát thang bưng ra các thứ bày mặt vẫn nằm nguyên chỗ. Ăn thang có cà cuống và dưa hành đi kèm mới đủ vị.

Khách đến nhà nếu không gặp bữa cơm, không ăn bánh chưng, hay thang thì được mời những món ăn chơi như hạt dưa, kẹo, mứt... Hà Nội đặc biệt có bánh Xuân Cầu hình vuông, rán lên nở to, mỗi bề độ bằng một ngón tay, mầu trắng, vàng hồng, trên mặt rắc mật, nấu với thảo quả, thành những đường chỉ chằng chịt màu nâu.

- Người ta thường nói "ba ngày Tết" nhưng đến mồng bẩy mới hạ cây nêu nên cũng nói "ăn Tết bẩy ngày." Trong ba ngày Tết, ngày mồng một quan trọng hơn cả, dành để đi thăm những người thân, họ hàng gần. Mồng hai thăm bạn bè, họ hàng xa; mồng ba, mồng bốn hóa vàng tiễn ông vải. Sau đó, các nhà buôn chọn ngày tốt cúng và đốt pháo mở cửa hàng.

Thời Nho học còn thịnh, mồng ba Tết lại có lệ học-trò đến mừng tuổi Thầy học:

Mồng một thì ở nhà cha;

Mồng hai, nhà vợ; mồng ba, nhà Thầy.

Sau đây là một quang cảnh Tết Thầy học xưa kia dưới ngòi bút của Chu Thiên:

"Mồng ba tết, các đại danh sư không tiếp ai ngoài học trò mình. "Đệ tử giai kỳ tử," học trò cũng là con, những đứa con tinh thần. Hôm ấy không ai dám đến chơi nhà những bậc thầy danh tiếng, e phạm đến cái không khí nghiêm trang, đầm ấm giữa tình thầy trò thân mật buổi đầu Xuân.

Từng bọn một, học trò đem những quả lễ, trong bầy cam, rượu, chè, cau, đặt lên trình quan Hoàng giáp rồi xin phép đưa lên lễ tổ. Bọn này ra, bọn kia vào. Hết lượt, cả bọn trở xuống nhà học xin phép quan Hoàng giáp đem trầu đến chúc thọ cụ Cố. Thấy cụ Cố đang ngồi trên giường, học trò bước cả vào, quỳ lạy hai lạy, cùng nói:

"Học trò chúng con năm mới gọi là đem đầu sang chúc mừng Cố sống lâu trăm tuổi, con cháu mỗi ngày một nhiều."

Cụ Cố cười đáp:

"Quý hóa quá,' lão cảm tạ các thầy. Lão cũng xin chúc các thầy văn hay chữ tốt,đỗ cao và làm quan to."

"Chúng con xin bái tạ Cố."

Tất cả xin phép về nhà học. Bây giờ mới chính thức có lễ mừng tuổi quan Hoàng giáp. Tất cả học trò, người đã làm quan cũng như người chưa thành đạt, đứng thành ba hàng trên dưới, quỳ xuống. Quan Hoàng giáp ngồi trên giường nói:

"Thầy miễn lễ cho các anh."

Học trò vẫn quỳ, một người ở hàng đầu lên tiếng thay mặt cả bọn:

"Thưa Thầy, nhân lúc cảnh đẹp xuân vui, anh em chúng con đem đầu lại bái chúc Thầy

Cờ tướng (đầu thế kỷXX): Quân cờ là người thật

tuổi thọ thêm cao, tinh thần thêm sáng, văn chương thêm chói, đạo đức thêm thịnh để giắt díu chúng con theo Thánh đạo. Thầy mãi mãi như núi Thái sơn, sao Bắc đẩu, đời đời không mất."

Quan Hoàng giáp đáp:

"Năm mới Xuân tươi, ta cũng chúc tất cả các anh ai cũng giữ được cái chí và cái đức. Người đỗ rồi phải biết làm sáng đạo Thánh và chính lòng người. Kẻ chưa có duyên với trường ốc phải biết phấn chí học hành, cố noi giữ đạo "tu, tề, trị bình." Ai ai cũng phải giữ khí tiết nhà nho, đừng làm mảy may điều gì trái đạo, nhục cho cả sĩ lâm. Thế là Thầy mừng."

Học trò đứng lên, xin phép xuống mừng tuổi hai Cô. Quan Hoàng giáp ngần ngừ rồi cho đi. Hai Bà thấy học trò qua sân, xuống nhà dưới vội ra đứng ở cửa đón chào. Bà Hai bưng cơi trầu ra mời mỗi người một miếng, bà Cả nói:

"Năm mới, chào các anh, các anh không phải lễ lạy gì cả, đến mừng tuổi Thầy là đủ. Chị em chúng tôi đa tạ các anh, mời các anh lên chơi nhà trên, ăn bánh với Thầy."

Học trò chào hai bà trở về nhà học.

...Năm nào quan Hoàng giáp cũng tiếp đãi học trò ngày đầu Xuân rất vui vẻ. Năm nào cũng định một cuộc vui chung khác nhau. Có khi ngài ra một bài thơ để họa vần, có khi bắt mỗi người vịnh một thứ hoa để bói chí, có khi bầy cuộc xướng họa, có khi ra câu đối để thử tài. Thường thì ngài chỉ cho uống chè Tầu, ăn bánh, ăn cơm, ít khi cho uống rượu (16).

2. "Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè"

Nước ta nông nghiệp là chính nên đầu năm chưa bận mùa màng, dân chúng thường tổ chức hội hè mừng Xuân suốt tháng giêng, qua tháng hai, tháng ba, có khi kéo đến tận tháng tư như làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Suốt tháng giêng, đi đâu cũng nghe tiếng trống thùng thình, thấy cờ bay phất phới.

Trong dịp Xuân, người ta tổ-chức các trò chơi bách hí : thi đua, treo giải thưởng. Có những trò cổ truyền như đánh đu, leo cột mỡ, múa rối, cờ bỏi, cờ người... lại có những trò riêng từng địa phương như hát quan họ, chơi kéo co, đánh phết.... Đã gọi là 'bách hí"tức là có cả trăm trò khác nhau, vì khuôn khổ bài hạn hẹp tôi tôi chỉ xin kể hai trò: đánh phết và đánh cờ người.

- *Đánh phết* là một trò chơi đông người, chia làm hai phe. Chơi trên một khu đất rộng, gọi là sân phết. Sân chia làm hai phần, mỗi phần ở phía cuối sân vẽ một cái vòng tròn hoặc đào một cái hố. Người bên này dồn phết về phía bên kia, bao giờ quả phết lăn vào vòng tròn hay rơi xuống hố phe kia là thắng.

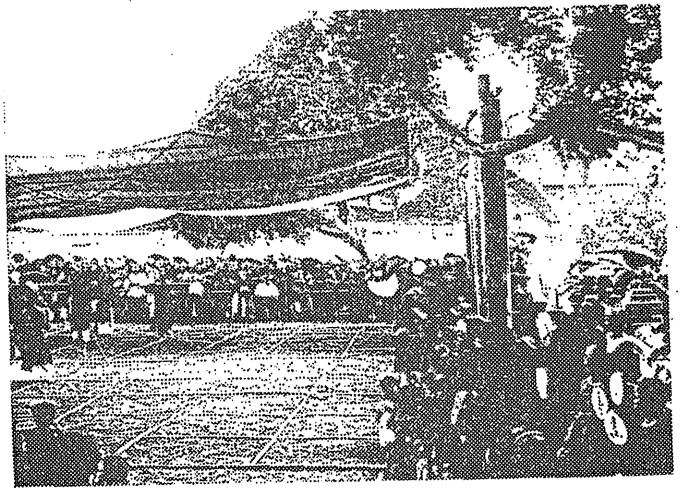

Cờ người: Bàn cờ là sân đình

Quả phết làm bằng gỗ, to bằng cái bong bóng trâu thổi phồng. Gậy bằng gốc tre đực, đào cả củ, dài độ một sải tay rưỡi, cắt bỏ cành rễ, uốn cong khoằm khoằm.

Người chơi phải có sức mạnh mang nổi cây gậy phang vào quả phết bằng cái đầu có củ tre. Quả phết lăn đi, cũng có khi bị móc kéo đi. Lại phải nhanh nhẹn để tránh những đòn phang lấm, rất mạnh.

Tương truyền khi xưa Hai bà Trưng huấn luyện nữ binh, khuyến khích tinh thần chiến đấu và tình đoàn kết đồng đội bằng cách chơi phết. Mỗi khi chơi Hai Bà thường ngự lãm và treo giải thưởng. Để ghi nhớ thời kỳ oanh liệt của Hai Bà, những làng có thờ các vị danh tướng thời Hai Bà đều giữ tục đánh phết. Chẳng hạn ngày 13 tháng Giêng, dân làng Song Quan cúng tế Đông cung Nữ Tướng quân Thiều Hoa, đã lĩnh ấn Tiên phong, đánh đuổi Tô Định. Dẹp xong, Thiều Hoa không nhận phong thưởng, xin về quê. Trưng Vương cho xã Song Quan làm thực ấp. Hàng năm cúng tế xong, bao giờ cũng mở hội cho trai gái tập trận giả rồi đánh phết.

Có những làng không thờ danh tướng của Hai Bà cũng giữ tục này. Ngày xưa, chơi phết toàn đàn bà, sau này có nơi trai làng giả nữ binh để chơi.

Đây là một trò chơi đông người, ồ ạt, cười nói rầm rĩ. Từ ngữ "vui ra phết" do đó mà ra (17).

Đánh cờ người: Nếu đánh phết phải dùng đến sức mạnh thì đánh cờ phải dùng đến trí tuệ nhiều hơn. Khác với cờ bỏi, quân của cờ người không phải là những cái biển mang tên quân cờ mà là người thực sự. Bàn cờ là sân đình, quân là thanh-niên nam nữ được kén chọn, ngồi trên ghế đẩu, mặc áo có thêu hay khâu tên quân cờ ở trước ngực, sau lưng. Nam mặc quần ống sớ (18), áo lương hay áo sa, thắt giây lưng điều, đội khăn lượt, chân đi giầy Gia Định (19). Nữ cũng ăn mặc chải chuốt, khăn nhung, áo mầu...

Tuần tráng giữ việc đánh trống khẩu để thúc giục đấu thủ. Gặp nước bí, đấu thủ ngần ngại khi ra quân thì tiếng trống thúc liên hồi.

Sau đây là quang cảnh một cuộc đấu cờ người dưới ngòi bút của Khái Hưng:

"Làng Đông vào đám, mở cuộc đánh cờ người. Khóa Nghị là người giữ giải. Đã hơn một tuần lễ, ngày nào cũng có người đến đấu nhưng đều bị thua.

Hôm ấy là ngày tan đám, lại cũng là ngày phá giải cờ. Trai gái các làng lân cận đến xem rất đông. Người ta đặc biệt chú ý đến 16 cô quân cờ ngồi trên ghế đẩu, từ cô Tướng đến cô Tốt đều xinh đẹp, ăn mặc lịch sự, phấn sáp điểm trang công phu, tóc bôi dầu dừa, vấn khăn nhung, áo cẩm châu sặc sỡ, giầy mũi

nhọn...

Hai Phùng, người đến phá giải, nổi tiếng cao cờ khắp mấy tỉnh vùng xuôi, lại cũng là một tay "hào hoa phong nhã" nên vừa hiện diện, lập tức gây sôi nổi, bàn tán. Lệ thường, người phá giải được quyền đi trước nhưng người giữ giải được chọn bên. Lần này, Hai Phùng phá lệ, tình nguyện nhường Khóa Nghị đi trước. Khóa Nghị tưởng Hai Phùng nhường vì muốn tỏ ra mình là tay "hào hiệp" bèn cũng không chịu kém, không những nhường cho Hai Phùng chọn bên, lại nhường luôn cả nước đi trước. Hai Phùng dĩ nhiên chọn bên nữ. Trống đánh giục mở đầu, Hai Phùng tiến đến bên cô sĩ, phất cờ đuôi nheo, mời cô đi lên. Khóa Nghị thấy Hai Phùng vào đầu ghếnh sĩ, cho là đối thủ không muốn lợi dụng tranh tiên đi trước, cam tâm bỏ phí nước đầu. Khóa Nghị cũng tỏ ra mình "anh hùng," đấm tốt ba. Mặc cho Khóa Nghị đi nước gì Hai Phùng cũng không để mắt tới, cứ quanh quẩn bên cô Sĩ tán chuyện. Khi thấy trống thúc ầm ầm, không nói chuyện được thì Hai Phùng phất cờ mời cô Sĩ lui về chỗ cũ. Mọi người ngơ ngác. Khóa Nghị cho là đối phương khinh chiến, tức mình mở cuộc đại công kích. Đến phiên Hai Phùng, vừa thấy tiếng trống giục là lại phất cờ mời cô Sĩ đi lên. Khóa Nghị đã vào pháo đầu mà bên địch còn xuống Sĩ; Khóa Nghị sang tốt đầu, người đánh trống thấy Hai Phùng lâu quá không đi bèn mang trống đến gõ bên tai. Hai Phùng vội giục cô Sĩ đi lên. Lần này, cờ vừa phất, cô Sĩ vừa ngồi xuống thì ông Chánh Hội cười ngặt nghẽo, mời Hai Phùng đi ra.

Năm ấy, Khóa Nghị đoạt được giải.

Nhưng Hai Phùng đoạt được quả tim cô Sĩ (20).

Châtenay-Malabry, tháng 11,1996

Chú thích

1. Trong *Tết Việt Nam*, tr.21, Kiêm Thêm viết ngày nay dùng *tháng Tý* làm tháng giêng, như nhà Chu, nhưng sau đó, ông lại giải thích "tháng Dần thích hợp vì mùa đông vừa qua, những ngày ấm áp trở lại," thì tháng giêng lại là tháng Dần. Vả chăng, lễ Lập Xuân (ngày đầu xuân, do Khâm thiên giám định) được chuẩn bị từ tháng chạp là tháng Sửu, vậy theo tuần tự, tất nhiên tháng giêng phải là tháng Dần.

2. *Đại Nam Thực lục* IX, tr.168.

3. *Đại Việt Sử Lược*, tr. 181-4; *Sử Ký Toàn Thư* I, tr.255.

4. Lê Tắc, tr.46-7 & 129.

5. Phan Huy Chú, tr.149-50.

6. S. Baron, tr.36.

7. Phan Huy Chú, tr.150-1; *Thăng Long, Đông đô, Hà-nội*, tr.194.

8. Phan Huy Chú, tr. 148-9; Đỗ Đoàn Bằng, tr.183-4.

9. *Đại Nam Thực lục*, III, 399.

10. *Thanh đạm*, tr.275.

11. *Đại nam Thực lục*, X, 21.

12. *Đại nam Thực lục, IX, 168-9.*

13. Năm Giáp hay Kỷ, Đức Thần ở phương Giáp, tức phương Đông " Ất " Canh " Ất " Tây. "Bính " Tân " Bính " Nam " Đinh " Nhâm " Đinh " Bắc " Mậu " Quý " Mậu " trung ương

14. *Đại Nam Thực lục*, XI, 149-50.

15. *Thi nhân Việt nam*, tr.80-1.

16. *Nhà Nho*, tr.151-2. Tôi lược lại cho gọn.

17. *Hội hè đình đám*, II, 284-5.

18. "Quần ống sớ" là quần trắng là thật phẳng giống như hai ống đựng sớ (biểu).

19. "Giày Gia Định" là giày da đen, mũi bịt kín.

20. Khái Hưng, "Lên Sĩ... Xuống Sĩ..."

Sách tham khảo

- BARON, Samuel. *Description du Royaume de Tonquin*. Bản dịch của H. Deseille.
- CHU THIÊN. *Nhà Nho*. Hà Nội, 1943? Đại Nam tái bản ở Mỹ.
- ĐỖ BẰNG ĐOÀN & ĐỖ TRỌNG HUỀ. Những Đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam. Văn Học, 1992.
- GIANG QUÂN & PHAN TẤT LIÊM. "Lễ thức và phong tục", *Thăng Long, Đông đô, Hà Nội*. Hà Nội: Sở Văn hóa và Thông tin, 1991.
- KHÁI HƯNG. "Lên sĩ... Xuống sĩ...", *Tiếng suối reo*. Tái bản ở Mỹ.
- KIÊM THÊM. *Tết Việt-nam*. California: Xuân Thu, 1987.
- LÊ TẮC. *An-nam Chí lược*. Viện Đại học Huế, 1961.
- NGÔ SĨ LIÊN. *Đại Việt sử ký toàn thư*, I, II. Cao Huy Giu dịch, Hà Nội: KHXH, 1967.
- NGUYỄN CÔNG HOAN. *Thanh đạm*. Hà Nội: Đời Mới, 1943. Đại Nam tái bản ở Mỹ.
- NGUYỄN ĐỔNG CHI. *Nguồn gốc sự vật*, I. Paris: Đông Nam Á, 1986.
- PHAN KẾ BÍNH. *Việt Nam Phong tục*. Sống Mới tái bản ở Mỹ.
- PHAN HUY CHÚ. *Lịch Triều Hiến Chương, Lễ Nghi chí*. Hà Nội: Viện sử học, 1961.
- TOAN ÁNH. *Phong tục Việt Nam*. Đại Nam tái bản ở Mỹ. *Hội hè đình đám*, II. Nam Chi tùng thư, 1974.
- Khuyết danh. Đại Việt sử lược. Dịch giả Nguyễn Gia Tường, TPHCM, 1993.
- *Đại nam thực lục*, III, IX, XI, XVIII. Hà Nội: KHXH, Khoa học, 1963, 1964, 1967.

* Con mắt một người nói lên người đó là ai; cái miệng thì cho biết người đó sẽ trở nên thế nào.

— Galsworthy

* Cái xiềng sắt hay là giải lụa đều có giá trị ngang nhau trong sự trói buộc.

— Schiller

ĐẤT VÀ DÂN Ở THỌ ĐÀ

NGÔ NHÂN DỤNG

Năm ngoái, 200 bạn hàng Chợ Đồng Xuân đã biểu tình phản đối trước trụ sở đảng Cộng Sản vì họ không được sử dụng lại các gian hàng cũ, sau khi chợ cháy được xây lại. Một người dân khác phản đối chuyện mất đất đã tự thiêu trước trụ sở Ủy Ban Nhân Dân Hà Nội. Năm nay, nông dân thôn Thọ Đà, Uy Nỗ (hay Kim Nỗ, theo tin Reuter) đã đổ máu phản đối việc chiếm ruộng đất làm sân cù (golf). Người dân Việt bây giờ dám đứng dậy đòi các quyền lợi kinh tế của họ. Các quyền lợi kinh tế đó bị mất cũng vì ở nước ta các quyền công dân và quyền làm người không có. Cho nên vụ Thọ Đà đặt ra các vấn đề cơ bản của việc xây dựng và quản trị quốc gia, các vấn đề mà các nhà trí thức trong nước vẫn nêu lên để đòi thay đổi từ hơn mười năm qua.

Quyền sử dụng đất và quyền bình đẳng trước pháp luật

Tục ngữ có câu **"Hôn nhân, điền thổ, vạn cổ chi thù."** Ở nông thôn miền Bắc Việt Nam, hai tương quan xã hội và kinh tế đó ám ảnh đời sống đồng bào ta từ hàng ngàn năm nay. Thù hận truyền vạn cổ vì danh giá bị xúc phạm hay cơm áo bị tước đoạt. Trong vụ chiếm ruộng làm sân chơi Golf ở thôn Thọ Đà, có cả hai yếu tố: cả danh dự lẫn cơm áo của người dân bị xâm phạm. Đây không phải là chuyện một cá nhân hay một gia tộc, mà liên quan đến danh dự cả một làng, quyền lợi của hàng ngàn người. Trước hết, chúng ta thấy vấn đề quyền sở hữu và sử dụng đất đai, và quyền bình đẳng giữa các công dân (thể nhân và pháp nhân) trước pháp luật.

Cuộc tranh chấp về ruộng đất ở Thọ Đà xảy ra từ hơn một năm nay. Khi bùng nổ ngày 30 tháng 12 năm 1996, 500 nông dân đã ẩu đả với 600 công an, đốt ba chiếc xe trong đó có một xe ủi đất. Họ đặt hàng rào với cái mẹt viết "Khu vực nguy hiểm, cấm vào", tổ chức cố thủ như khi họ lập làng chiến đấu thời kháng chiến chống Pháp. Nhiều cựu chiến sĩ thời kháng chiến, nay ngoài 70 tuổi cũng đang bị bỏ tù vì đấu tranh cho cơm áo của nông dân.

Tranh chấp bắt đầu khi một liên doanh giữa công ty Daewoo của Đại Hàn và Công Ty Điện Tử Hà Nội muốn biến 126 mẫu tây ruộng đất của dân làng thành một sân cù, khai thác để kiếm tiền du khách ngoại quốc. Theo lối thông thường khi liên doanh ở Việt Nam, công ty của nhà nước không có tiền, muốn chung vốn với người ngoại quốc thì họ chỉ dùng "quyền sử dụng đất" để góp. "Quyền sử dụng" này, giống như quyền sở hữu công điền, là một thứ "của công", nhà nước tự cho mình cái quyền trao cho ai tùy ý. Khi một chính phủ quyết định về sử dụng "của công" thì chắc phải theo luật lệ nào đó, nhưng nhà nước ở Việt Nam thì hầu như có toàn quyền sử dụng các của công.

Theo Hiến Pháp nước ta bây giờ, đất đai đều thuộc sở hữu nhà nước, dân chỉ được trao quyền sử dụng. Nhưng trên mặt pháp lý, nhà nước Hà Nội tất nhiên phải thâu hồi quyền sử dụng ruộng đất của nông dân trước khi trao cho Công Ty Điện Tử Hà Nội dùng để góp vốn, hoặc trao thẳng cho liên doanh để sử dụng làm sân cù. Điều này tương đương với việc "sung công" đất của dân để dùng vào việc khác. Việc sung công đất của dân, từ thời Pháp thuộc thường vẫn có luật lệ, tôn trọng quyền sở hữu tư. Chính quyền thực dân muốn truất hữu ruộng đất tư phải nêu lý do, như để sử dụng vào các việc công ích, thí dụ khi cần mở mang đường xá. Việc truất hữu ruộng đất của tư nhân này, trao cho một tư nhân khác sử dụng sinh lợi, thì chính thực dân Pháp cũng không có quyền, nếu lạm dụng thì nạn nhân còn được phép thưa kiện trước tòa án.

Nông dân bây giờ thường có quyền khai thác ruộng trong thời hạn 50 năm. Nay đòi chấm dứt quyền khai thác của họ, trao cho người khác, nhà nước áp dụng luật lệ về việc thay đổi người sử dụng như thế nào? Nhà nước viện dẫn lý do gì và dùng các tiêu chuẩn nào, khi đòi lại ruộng đất tư nhân đang canh tác, trao cho tư nhân khác dùng vào mục đích sinh lợi?

"Tư nhân khác" ở đây là một pháp nhân. Đó là liên doanh giữa Công Ty Điện Tử Hà Nội với người ngoại quốc. Liên doanh này hiển nhiên không phải là nhà nước, nó cũng chỉ có tính cách tư mà thôi. Tính chất tư nhân của liên doanh đó không thể chối cãi được, vì lợi nhuận mà liên doanh kiếm ra sẽ phải chia

cho Daewoo, một công ty tư nhân ngoại quốc. Dù tư nhân ngoại quốc chỉ góp 1% vốn, bản chất của liên doanh vẫn là tư nhân. Tại sao có sự đối sử bất bình đẳng giữa hai loại tư nhân như vậy? Phải chăng chính phủ Hà Nội coi tư nhân ngoại quốc có ưu quyền hơn tư nhân bản xứ, hay họ coi công ty Daewoo, một khi hợp tác với nhà nước Việt Nam thì cũng trở thành một phần của nhà nước? Nếu vụ tranh chấp "điền thổ" này sẽ gây ra một mối "Thù vạn cổ" thì công ty Daewoo và người Đại Hàn nói chung đã bị vạ lây, chỉ vì họ đến làm ăn ở một xứ thiếu luật pháp và kỷ cương đứng đắn.

Ai quyết định, dân hay nhà nước?

Thử xét khía cạnh kinh tế của vụ Thọ Đà. Vấn đề cơ bản là chúng ta có các tài nguyên ruộng đang cầy cấy, bây giờ muốn đem dùng để làm sân cù, giả thiết là có lợi ích cao hơn. Nhưng ai nên đóng vai trò thẩm lượng lợi hại, quyết định thay đổi mục tiêu sử dụng đất? Nên trao cho ai quản lý việc sử dụng đất vào mục tiêu mới? Và quyền lợi kinh tế của các người liên hệ cần được chia sẻ như thế nào? Đây là vấn đề quyền lựa chọn của các đơn vị kinh tế, người nông dân hoặc các công ty, trong hệ thống kinh tế quốc gia.

Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn đề cao khu vực quốc doanh, ưu đãi các xí nghiệp nhà nước thay vì cho tư nhân quyền kinh doanh bình đẳng. Nhưng tại sao nhà nước đòi lại ruộng đất mà nông dân đang canh tác để trao cho một "công ty điện tử" khai thác làm "khu giải trí"? Nếu công ty điện tử này đã được nhà hước thành lập và nuôi nấng vì nhu cầu phát triển công nghệ điện tử, mà đảng cho là sẽ làm giỏi hơn tư nhân, thì tại sao lại cho phép họ đổi công việc đang làm, nhẩy sang làm một việc hoàn toàn khác, là quản lý cái 'Sân Cù"? Việc khai thác một khu giải trí có nằm trong các mục đích và phạm vi hoạt động ghi trong điều lệ khi thành lập công ty điện tử này hay không? Nếu hỏi những câu đó, chắc các viên chức ở Hà Nội cũng khó trả lời được. Các quyết định kinh tế của họ không phải chỉ theo các qui luật kinh tế, mà còn các qui luật chính trị mà quan chức nhà nước chỉ cần giải thích trong nội bộ với nhau mà thôi, chứ không có trách nhiệm giải thích với dân. Không biết các vị Đại biểu quốc hội có ai dám đặt câu hỏi nào hay không.

Người dân thì hiểu, các lãnh tụ đảng Cộng Sản xưa nay vẫn coi tài sản quốc gia đều thuộc quyền sử dụng của họ. Họ muốn dùng đất đai hay các công ty quốc doanh làm việc gì tùy ý, trao đất cho ai dùng và ai được chia lợi cũng tùy ý. Mai mốt nếu một công ty may quần áo đi phá rừng lấy gỗ, hay một công ty chế xe đạp chiếm đất ruộng để làm nhà máy cất rượu bia, thì cũng chỉ có các quan chức Cộng Sản có quyền quyết định, chất vấn và giải thích với nhau mà thôi. Họ chiếm đoạt mọi quyền quyết định kinh tế của 75 triệu người dân từ nửa thế kỷ nay, bây giờ he hé đổi mới nhưng không thể nhả ra hết được.

Dân ta vốn nhẫn nhục, quen chịu đựng. Việc biểu tình bạo động là chuyện bất thường và bất đắc dĩ, như con giun bị xéo mãi cũng quằn. Khi người dân Thọ Đà đốt xe, đánh công an, họ đã "làm liều." Hành động liều lĩnh có lý do, là vì họ không còn phương cách khiếu nại và phản đối một cách ôn hòa. Không có một hệ thống khiếu nại ôn hòa, vì hệ thống phân nhiệm không rõ ràng, vì đảng bao thầu mọi quyết định, kiểm soát mọi sinh hoạt. Hệ thống chính trị hiện nay không cho ai chịu trách nhiệm nào rõ rệt, đến nỗi ông thủ tướng cũng không biết mình có quyền hành gì để chống tham nhũng. Hệ thống đó không có cơ cấu nào cho dân được tỏ những ý kiến bất đồng, vì báo chí, quốc hội, luật sư, công an, tòa án đều do một đảng kiểm soát. Dân có thể kiện ai, trước tòa án nào? Ra tòa họ sẽ tranh luận sao khi mà quan tòa lẫn luật sư đều do đảng tuyển chọn và ra lệnh? Ai chịu trách nhiệm về cảnh bất công oan ức này: Guồng máy hành chính thành phố Hà Nội, Thành ủy, bộ Kinh tế, cơ quan du lịch, chính phủ, chính quyền địa phương... hay tất cả các đảng viên Cộng Sản Việt Nam? Một hệ thống chính trị trong đó người cầm quyền chỉ chịu trách nhiệm với cấp trên trong đảng, không chịu trách nhiệm trước dân, tất nhiên tạo ra tình trạng đó. Và lúc nào họ cũng có thể nêu điều Bốn Hiến pháp để biện minh cho quyền lãnh đạo của đảng.

Trong vụ đất ruộng ở Thọ Đà chúng ta thấy một vấn đề căn bản mà người trí thức với nông dân có thể chia sẻ. Cả hai lớp người này, vì quyền lợi của mình và quyền lợi dân tộc, đều phải đặt câu hỏi về chính bản Hiến Pháp. Phải tranh đấu cho một guồng máy hành chánh và hệ thống tư pháp độc lập với các đảng phái chính trị, bất cứ là đảng nào. Phải đòi có sự phân quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp trong guồng máy cai trị quốc gia. Và phải thiết lập quyền sở hữu trên ruộng đất, vì đó là nguồn sống của nông dân. Không có quyền sở hữu thì nông nghiệp không thể phát triển được.

Chủ nghĩa Mác Lênin vẫn coi nhà nước chỉ là công cụ của giai cấp thống trị. Trong chế độ "chuyên chính vô sản", đảng dùng nhà nước để chống các "kẻ thù của nhân dân." Nhưng những kẻ thù của nhân dân bây giờ là tham nhũng, là cường hào, là mafia đỏ, họ đều ẩn

núp bên trong hay nấp đằng sau đảng và nhà nước chứ không có nơi nào khác. Đây là dịp để dân ta đòi hỏi việc cải tổ guồng máy nhà nước, tách bộ máy hành chánh, cảnh sát, ra khỏi các đảng phái chính trị, bảo đảm tính chất độc lập vô tư của guồng máy hành chánh và tư pháp như các nước văn minh đã thực hiện. Nếu không giải quyết các điều cơ bản đó thì sẽ còn nhiều vụ Thọ Đà, nhiều vụ Chợ Đồng Xuân khác xẩy ra.

Kinh tế chưa thực sự đổi mới

Bây giờ chúng ta nhìn khía cạnh kinh tế trong vụ Thọ Đà một cách cụ thể, như trong các trao đổi kinh tế khác, trong đó các câu hỏi chính là: ai lấy cái gì của ai, trả bao nhiêu tiền, giá cả quyết định như thế nào. Trong vụ Thọ Đà, nhà nước Hà Nội chỉ đóng vai trung gian chuyển giao tiền bạc. Trên pháp lý, không phải công ty Daewoo bồi thường cho nông dân, mà chính nhà nước bồi thường khi đòi lại đất ruộng. Nhà nước nhận bao nhiêu tiền của công ty liên doanh, dưới một danh nghĩa nào đó, người dân không rõ. Đó là tiền cho công ty liên doanh thuê đất, hay lệ phí phải đóng khi được trao quyền sử dụng đất, lệ phí đó ấn định là bao nhiêu, người dân chắc không được phép biết và cũng không biết hỏi ai. Báo chí trong nước chắc cũng không giải thích cho dân biết câu chuyện tiền của ai trao cho ai, đi qua các ngả nào, do các luật lệ nào. Mà quốc hội cũng chưa ai đặt các câu hỏi đó.

Nhưng khi nhà nước đòi lại quyền sử dụng ruộng đất, bồi thường cho nông dân thì họ tính số tiền bồi thường tương đương với các thiệt hại hay không? Họ tính theo tiêu chuẩn nào, người dân thấp cổ bé miệng cũng không biết. Số tiền bồi thường phải tương đương với một năm, hai năm, hay mười năm thu nhập nhờ hoa lợi? Ai có quyền quyết định? Người dân có quyền tranh tụng về trị giá của sự thiệt hại để đòi bồi thường hay không? Nếu hai bên, nhà nước và nông dân không đồng ý về trị giá thiệt hại cần bồi thường thì có cơ quan nào đóng vai trọng tài? Những điều đó người nông dân ở Thọ Đà chắc không được biết và không ai, báo chí hoặc quốc hội đặt câu hỏi cho họ. Bí mật và bưng bít tin tức là đặc tính của các tổ chức mafia, không thể dùng để quản trị quốc gia trong thời đại văn minh này được.

Theo báo *San Jose Mercury*, Công ty Daewoo nói họ dự định đầu tư 177 triệu mỹ kim, và đã bằng lòng trả 800 ngàn mỹ kim để bồi thường ruộng đất bị chiếm hữu. Theo pháp luật thì công ty Daewoo không cần có liên quan trực tiếp nào với các nông dân ở Thọ Đà, số tiền 800 ngàn họ trả chắc là đóng cho nhà nước. Nông dân Thọ Đà cho nhà báo ngoại quốc biết mỗi thửa ruộng chỉ nhận được bồi thường khoảng 200 mỹ kim, bằng hai lần số thu nhập hàng năm của một thửa ruộng. Mất quyền trên các thửa ruộng đã canh tác hàng ngàn năm mà chỉ được bồi thường bằng hai năm hoa lợi, có xứng đáng hay không? Đây là vấn đề giá cả, hoặc để thị trường quyết định hoặc nhà nước tự giành lấy quyền quyết định.

Nếu tính trên tổng số dân làng là 1800 người, giả thiết hai người dân có một thửa ruộng, thì tổng số tiền bồi thường cũng chỉ có 180 ngàn đô la Mỹ. Còn 620 ngàn mỹ kim kia chạy đi đâu, người dân Thọ Đà không được biết. Sau cùng, có lẽ nhà nước Hà Nội sẽ nhả bớt đô la, chia cho dân, mỗi thửa ruộng thêm vài trăm bạc gọi là "đấm miệng" cho yên chuyện. Và người nông dân quen nhẫn nhục, quen sợ công an, cuối cùng chắc sẽ nhận — trừ khi 70 triệu người dân khác ở Việt Nam thấy đây không phải là một chuyện riêng của một làng, về mấy trăm mỹ kim mà thôi, mà ở

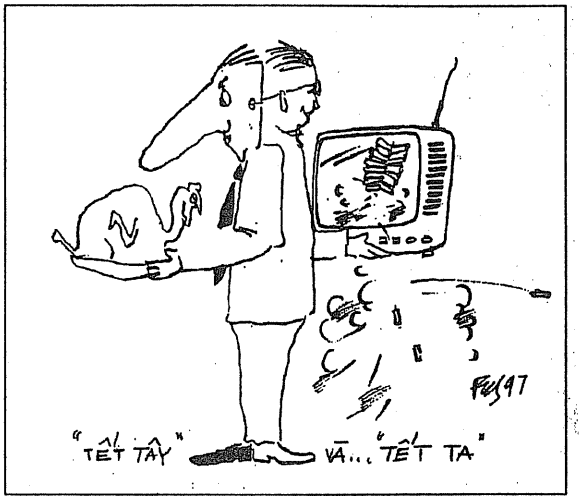

đây còn có các vấn đề căn bản cho tương lai một dân tộc.

Vấn đề không phải chỉ là giá cả để bồi thường thỏa đáng. Trên phương diện kinh tế, trong vụ Thọ Đà này nhà nước ở Việt Nam đã tự ý quyết định giá trị của đất đai, giá trị của số thiệt hại để bồi thường cho nông dân. Nhà nước quyết định việc phân bố và sử dụng tài nguyên chung, cho là họ biết nếu dùng ruộng đất ở làng đó để làm sân cù thay vì để cấy cấy thì có lợi hơn. Họ cũng biết việc cho một "công ty điện tử" đi khai thác "một khu giải trí" là một quyết định kinh tế tối hảo. Nói chung, nhà nước quyết định thay cho mọi người. Họ vẫn muốn đóng vai một bộ máy

toàn tri và toàn năng về kinh tế, giống hệt cung cách làm kinh tế thời Stalin hay Lê Duẩn.

Nếu dân ta sống trong một nước dân chủ, kinh tế thị trường, tôn trọng quyền sở hữu đất đai và có pháp luật vô tư, thì các số tiền bồi thường sẽ được hai bên thương lượng 'theo qui luật khách quan của thị trường," nhà nước chỉ đóng vai trọng tài, thi hành luật lệ một cách khách quan. Công ty liên doanh muốn làm khu giải trí sẽ mặc cả mua lại ruộng đất của nông dân, theo tinh thần thuận mua vừa bán giữa hai tư nhân bình đẳng. Họ có thể trả giá đến mức họ thấy còn tạo ra đủ lợi nhuận bù cho số vốn họ bỏ ra. Ngược lại, họ có thể đi mua đất ruộng ở làng khác, nếu dân Thọ Đà không chịu bán vì thấy giữ ruộng đất để canh tác có lợi hơn. Theo qui luật thị trường thì ai có khả năng dùng tài nguyên và việc sinh lợi cao nhất sẽ trả giá cao nhất để giành quyền sử dụng tài nguyên đó. Không có thị trường thì chúng ta khó lòng biết được 126 mẫu tây ruộng đất ở đó đem dùng vào mục đích nào thì sinh lợi nhiều nhất, hay dùng ruộng đất ở nơi khác làm sân cù thì có lợi hơn.

Trong việc thương lượng ở thị trường, hai bên bình đẳng, suy tính theo quyền lợi kinh tế của mình. Tài nguyên sẽ được trao cho người nào biết sử dụng để sinh lợi cao nhất. Như vậy thì không phải chỉ có quyền lợi kinh tế của hai bên được bảo vệ, mà tài nguyên của xã hội nói chung cũng được sử dụng theo cách có ích nhất. Khi nhà nước quyết định tất cả, không theo qui tắc thị trường, thì khó lòng biết là trao cho ai quyền sử dụng và sử dụng tài nguyên cách nào sẽ "tối ưu." Vì thế các quyết định độc đoán của nhà nước bao giờ cũng dễ làm phí phạm tài nguyên chung. Đây là bài học thất bại căn bản của đường lối kinh tế 'xã hội chủ nghĩa" suốt 70 năm cũ, mà đảng Cộng Sản Việt Nam giờ vẫn chưa chịu học. Kinh tế sẽ trì trệ, thiếu hiệu quả vì một nhóm người nhân danh hơn hai triệu đảng viên cố giữ lấy các quyền quyết định đời sống của 75 triệu người dân. Nhưng hơn hai triệu đảng viên, cả các người đã ra khỏi đảng, đều phải chịu trách nhiệm trước lịch sử.

Trước ngã ba lịch sử

Làng Kim Nỗ (Uy Nỗ) thuộc Huyện Đông Anh là một vùng đất lịch sử của dân ta. Đây là một nơi các vua Hùng dựng nước, cũng là nơi vua Thục giữ nước với các cung nỏ thần thoại. Vùng này còn tên là Phủ Lỗ vì người ta đọc nhầm tên Phù Lỗ. Tên Phủ Lỗ có nghĩa là nơi giam giữ tù binh, chắc đã có từ các thời xa xưa. Liệu người dân Phù Lỗ có làm nên lịch sử mới một lần nữa hay không?

Biến cố ở Phù Lỗ xẩy ra trong lúc nước ta đang đứng trước một ngã ba đường. Người Việt Nam sẽ phải quyết định tổ chức quốc gia như thế nào khi bước vào thế kỷ 21 này. Dân ta phải ôm giữ mãi chủ nghĩa Mác Lênin làm căn bản xây dựng đất nước, hay nên thay đổi để cởi trói cho dân tộc bước vào dòng tiến hóa chung của nhân loại? Thế giới đang tiến rất nhanh, không thay đổi làm sao dân ta đuổi theo cho kịp?

Trong cuộc biểu tình ở thôn Thọ Đà, các trẻ em đi đầu ôm theo một bức hình cụ Hồ lồng khung kính. Công an đã ném đá làm vỡ kính, và một người công an đã nói: 'Bây giờ không phải là thời Hồ Chí Minh nữa, bây giờ là thời Võ Văn Kiệt." Đó là lời người dân tường thuật với Kristin Huckshorn, phái viên báo *San Jose Mercury* , ông là phóng viên duy nhất được dân làng mời vào làng trong thời gian dân cố thủ. Nhà báo này tự hỏi không biết ông Kiệt có biết câu tuyên bố này chăng.

"Thời đại Hồ Chí Minh" không còn nữa, đó là một sự thật. Nhưng chúng ta đang bước vào một thời đại nào đây? Một vụ Thọ Đà cho thấy nước ta cần phải thay đổi ngay từ cơ bản. Nền chính trị của nước ta từ đời xưa vẫn có truyền thống là người cầm quyền phải kính trọng dân, lắng nghe tiếng nói của dân. Ngày nay, chỉ có chế độ dân chủ tạo ra các cơ cấu để dân bầy tỏ ý nguyện của họ một cách ôn hòa. Đó là báo chí tự do, hội họp tự do, và đảng chính trị tự do tranh cử. Trong chế độ dân chủ, người cầm quyền do dân bầu ra, vì dân được coi như người lớn, có thể tin cậy để tự quyết định lấy cuộc đời họ. Chế độ dân chủ giả thiết người dân cũng có trí khôn và có lương tâm, không cần ai làm cha chú quyết định thay cho họ. Chế độ độc quyền đảng trị thì coi dân như trẻ con, phải để người lớn quyết định giúp. Tiếp tục đường lối độc tài là khinh thường dân, là sỉ nhục cả một dân tộc.

Đảng Cộng Sản Việt Nam phải biết từ bỏ chủ trương độc quyền quyết định thay cho mọi người, từ văn hóa, tư tưởng, giáo dục, đến chính trị, xã hội, kinh tế. Phải từ bỏ ý muốn kiểm soát tất cả xã hội, từ guồng máy hành chánh, tư pháp, sản xuất, mậu dịch, cho đến cả các tổ chức thanh niên, tôn giáo, từ thiện. Những điều này các nhà trí thức ở nước ta đã nói nhiều lần từ mười năm qua. Đó là những ý kiến đã phát biểu của Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Kiên Giang, Phan Đình Diệu, Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà, Nguyễn Hộ, v.v. phản ảnh các nguyện vọng sâu xa của dân tộc. Nhưng từ mười năm qua các người cầm quyền vẫn bưng tai giả điếc. Liệu người dân Thọ Đà có giúp họ tỉnh dậy mà lắng nghe hay không?

VIỄN TƯỢNG CHO 1997

VÕ QUANG

Việt Nam nay là thành viên ASEAN (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á) và sẽ có dịp được gia nhập APEC (Hiệp hội các nước Thái Bình Dương) vào 1998. VN có dịp tiếp xúc và trao đổi với phía bên ngoài. Kinh tế ngày càng mở và cũng theo quy trình phát triển của các nước ĐNÁ như Trung Quốc, Mã Lai, Thái Lan, Indonesia v.v. nhằm công nghiệp hóa, đa diện hóa, xuất khẩu, sử dụng nhiều nhân công.

Trong năm 1996, Việt Nam đã tổ chức Đại Hội 8 ĐCSVN và đường hướng phát triển đã được vạch ra cho đến năm 2000. Đã có nhiều tranh cãi về việc VN phải mở nhiều-nhanh, hay mở ít-chậm, doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò quan trọng hay không. Việc tranh cãi công khai là dấu hiệu cho thấy là còn nhiều sự khác biệt tư tưởng giữa Chính phủ và Đảng. Cuối cùng, VN đã dung hòa được các quan điểm và nhiều điều trong bản dự thảo nghị quyết cho ĐHĐ không được nhắc đến nữa.

Hậu quả là đầu tư ngoại quốc đã có phần chậm lại vì chính sách phát triển kinh tế có vẻ ngập ngừng. Các lãnh đạo đảng và CP đã được bầu. Ông Lê Đức Thọ, người CS đứng đầu MTGPMN đã từ trần còn lại Lê Đức Anh đau ốm liệt giường và VN đang phải tìm người thế.

Ngoài ra năm 1996 có nhiều thiên tai, bão, lụt trên ba miền với hơn 1,200 chết, 100 người mất tích và mất hơn một triệu tấn lương thực; kinh tế VN đã giữ được mức tăng trưởng đều, lạm phát được kiềm hãm, lãi suất giảm, nhưng cũng có nhiều dấu hiệu chưa ổn trong việc quản lý kinh tế là việc thâm thủng cán cân thương mại; những hạn chế trong việc khảo sát tìm dầu khí v.v.

Để tìm những khó khăn hay thành công của kinh tế Việt Nam, Thế Kỷ 21 sẽ phân tích và đưa ra một số nhận xét cho năm qua, cùng viễn tượng cho năm 1997.

I. Kinh tế trong năm 1996

1.1 Kinh tế vĩ mô

Điều đáng chú ý trong năm 1996 là giá cả lương thực giảm, giá vật liệu xây dựng cũng giảm hay tăng ít. Việc này cho thấy là các biện pháp siết chặt tiền tệ của chính phủ, chênh lệch lãi suất và mãi lực của dân chúng không tăng làm cho hàng hóa ứ đọng hay giảm giá... đã giúp cho việc kiềm hãm lạm phát. Lạm phát trong năm 1996 sẽ ở mức 5% [số thống kê sơ khởi].

Trong năm, các hoạt động tiền tệ, kinh doanh, sản xuất có bị chậm lại vì cuộc tổng thanh tra các ngân hàng thương mại trên cả nước kéo dài trên ba tháng. Các quy định mới về Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) nay phải thế chấp mới vay được tín dụng, các ngân hàng phải bảo đảm an toàn về rủi ro, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã giảm lãi suất bốn lần trong năm 1996 (lạm phát giảm) đã tạo ra một quang cảnh không thuận lợi như trước. Các việc trên gây ra nhiều khó khăn cho các DNNN đi vay (vì không có tài sản thế chấp cho nên gặp khó khăn) và người cho vay (vì ứ đọng vốn và giảm lời).

Tình hình đầu tư tại VN cho thấy là VN còn "nhờ cậy" nhiều vào tiết kiệm bên ngoài. Đã có ít cố gắng trong việc gây tiết kiệm nội địa vì tỷ lệ tiết kiệm nội địa ở mức 10-15%. Khả năng tích lũy trong nước (tiết kiệm của dân, doanh nghiệp, chính phủ) còn thấp vì cơ cấu vận dụng tiết kiệm dân chúng - hệ thống tài

Bảng 1: Thống kê căn bản (%)

	1991	1992	1993	1994	1995	1996*
GDP (%)	6.0	8.6	8.1	8.8	9.5	9.5*
gồm:						
Nông nghiệp	2.2	7.2	3.8	4.5	4.7	4.5*
Công nghiệp	8.7	13.5	12.8	13.6	14.0	14*
trong đó: Xây cất	5.0	11.0	18.3	19.4	19.0	25*
Dịch vụ	8.3	7.0	9.2	9.2	12.6	13*
Tỷ giá hối đoái	14,500	10,800	10,870	11,050	11,010	11,020*
Lạm phát	67.5	17.5	5.2	14.4	12.7	5*

Viện Thống kê, BKH; * sơ khởi

chính còn thô sơ. Người dân chỉ có thể đầu tư vào tiết kiệm, mua tín phiếu ngân hàng hay mua trái phiếu Kho bạc nhà nước (KBNN). Vì các ngân hàng thương mại không được dự trữ trái phiếu KBNN để bảo đảm an toan rủi ro cho nên khi cần chi tiêu bất ngờ dân chúng không biết bán trái phiếu cho ai và cũng không có chỗ thế chấp trái phiếu. Hệ thống tài chánh cổ lỗ không tạo được tính lưu hoạt (liquidity) cho trái phiếu.

Hậu quả việc trì trệ đó ảnh hưởng sâu rộng đến việc đầu tư trong nước, nhất là khu vực không có đầu tư nước ngoài. Đầu tư trong nước nay kém thuận lợi, khó khăn vì những thay đổi về thuế, tài chính..., người dân ít gởi tiết kiệm vì lãi suất kém và chưa có thị trường chứng khoán.

Đáng chú ý trong tăng trưởng GDP là công nghiệp tăng 14%/năm. Việc này là do nghành xây dựng, hóa chất, điện tử, v.v Tăng trưởng của công nghiệp nhẹ cũng khả quan. Tăng trưởng một phần là hậu quả của việc thực thi các dự án đầu tư ngoại quốc về hạ tầng cơ sở/xây cất và do dân chúng xây cất.

Một khó khăn về vĩ mô là việc thất thu thuế cho ngân sách (80-85%). Việc này ảnh hưởng không ít đến việc chi ngân sách.

Trong bối cảnh ĐHĐ kỳ 8, VN có tiến về mặt kinh tế nhưng việc này không rõ ràng. Đầu tư có phần chậm lại và hoạt động sản xuất có trì trệ. Nhưng con số sơ khởi cuối năm cho thấy là VN sẽ giữ được mức gia tăng GDP ở mức 9.0 - 9.5% trong 1996.

1.2 Tình hình sản xuất

Năm 1996 có nhiều thiên tai, bão, lũ lụt trên ba miền và là năm xấu nhất từ 21 năm nay. Mặc dù vậy, nông nghiệp vẫn giữ được mức tăng trưởng và còn tăng "xuất khẩu" gạo (VN nay đứng thứ tư trong việc xuất khẩu gạo, sau Ấn Độ). Đến tháng 11, 1996, VN xuất khẩu trên 2.8 triệu tấn gạo và có triển vọng lên 3 triệu tấn trong năm. Cà phê (sản xuất 270,000 tấn và xuất khẩu 187,000 tấn — khách hàng lớn nhất của VN là Hoa Kỳ), cao su (xuất khẩu 100,000 tấn), hạt tiêu (xuất khẩu 24,800 tấn), chè (xuất khẩu 18,000 tấn) vv. Các sản phẩm thủy sản và chế biến khác (US$ 610 triệu). Việc xuất khẩu các cây công nghiệp như cà phê gặp khó khăn vì giá cả quốc tế lên xuống thất thường.

Sau mấy trận bão lụt nhu cầu xi măng tăng cao ở các tỉnh phía Bắc và ở phía Nam. Sản phẩm công nghiệp nhẹ như nghành dệt, (xuất khẩu US$ 980 triệu về hàng dệt và may mặc - lương công nhân VN là một trong các nơi thấp nhất thế giới US$ 0.39/giờ), giầy dép các loại (US$ 420 triệu) là những mặt hàng xuất khẩu thành công.

Điều đáng lo là ngoại thương. Xuất khẩu cho 11 tháng 1996 trị giá US$ 6.5 tỷ và Nhật, Đài Loan, Hồng Kông và Nam Hàn chiếm 36% thị trường xuất khẩu của VN, các quốc gia ASEAN chiếm 33.4% và Âu châu 13.8%. Nhập khẩu cho 11 tháng ở mức US$ 10.2 tỷ và Nhật, Đài Loan, Hồng Kông và Nam Hàn chiếm 47.7% nhập khẩu, ASEAN chiếm 28.3% và Âu châu 10.7%. Nhập siêu cho 11 tháng được ước tính là 3.70 tỷ và trên US$ 4.6 tỷ cho cả năm 1996.

Bảng 2: Xuất nhập khẩu (sơ khởi cho 1996)
US$ triệu

	1991	1992	1993	1994	1995	1996*
Xuất khẩu	2,100	2,500	3,000	4,100	5,200	7,000*
Nhập khẩu	2,388	2,515	3,900	5,800	7,500	11,300*
Nhập siêu	-238	15	-900	-1,700	-2,300	-4,600*
Tăng trưởng GDP	6	8.6	8.1	9	9.5	9.5*
Tăng trưởng Nhập	-	7	56	49	29	46*
Tỷ lệ Nhập/GDP	30	23	25	22	26	26

Ngoại thương; * sơ khởi

VN nhập nhiều nhất từ Nam Hàn (17.6%), Đài Loan (11.5%) và Nhật (11.2%). Bản trên đây do bộ Thương Mại lập sơ khởi cho 1996.

Tình trạng buôn lậu trầm trọng (thuốc lá từ Thái Lan và Singapore, xe đạp từ Trung Quốc) có ảnh hưởng xấu đến nền sản xuất trong nước (xe đạp TQ nay chiếm hơn 75% thị trường VN và liên hiệp xe đạp - xe máy TPHCM đã phải giải thể). VN nhập 'lậu' nhiều hàng tiêu dụng như tủ lạnh, xe đạp, rượu mạnh, vv., nói tóm nhiều mặt hàng 'xa xỉ phẩm." Hàng lậu ảnh hưởng trực tiếp việc thu thuế và thâm thủng ngân sách. Với tình trạng phát triển của Việt Nam trong giai đoạn này thì sai biệt ngoại thương là thường nếu sai biệt do trang thiết bị đầu tư chứ không phải là hàng tiêu thụ.

1.3 Tình hình đầu tư (FDI), ngoại viện (ODA) và tỷ lệ đầu tư

Vì việc tranh cãi khi ĐHĐ, bộ Kế Hoạch

cho biết là trong năm 1996, đầu tư (foreign direct investment hay FDI) có giảm tốc độ. Đến ngày 7 tháng 12, 1996 đã có 292 dự án được chấp thuận với tổng số là US$ 5.15 tỷ so với số 404 dự án với vốn là US$ 6.6 tỷ được chấp thuận trong năm 1995.

Đến ngày 7/12, 1996 đã có tất cả là 1,514 dự án khả thi với tổng số vốn là US$24,53 tỷ được chấp thuận. Trong năm 1995, đứng đầu các nước xin đầu tư là Nhật nhưng năm 1996 các phái đoàn Nhật đều khuyến cáo VN làm các doanh nghiệp có thể chọn các nước mà họ đầu tư chứ các nước không chọn họ được.

Các vùng thu hút đầu tư là: Sài Gòn - Đồng Nai - Hà Nội. Như vậy là đa số đầu tư vẫn nằm trong trục: Sài Gòn - Biên Hòa - Vũng Tàu và trục Hà Nội - Hải Phòng. Riêng đối với Sài Gòn, đầu tư FDI giảm hơn 30%.

Về tình hình ngoại viện, hội nghị nhóm tư vấn (Consultative Group) 1996 được tổ chức lần đầu tiên tại Hà Nội vào tháng 12, 1996. VN được hứa US$ 2.4 tỷ qua viện trợ không hoàn lại hay vay nhẹ lãi theo thể lệ ODA (official development assistance). Từ năm 1993 Việt Nam được hứa giúp US$ 1.8 tỷ, năm 1994 US$ 2 tỷ và năm 1995 US$ 2.3 tỷ và nay là US$ 2.4 tỷ. Trong điều kiện khó khăn trên thế giới là ODA ngày càng giảm, VN cũng dành được sự đồng tình của các cơ quan quốc tế và các nước tài trợ. Nhật vẫn là nước dẫn đầu trong việc cam kết tài trợ cho VN (US $800 triệu), sau đến Ngân hàng thế giới (US $450-500 triệu), Ngân hàng phát triển Á châu (US $330 triệu) và các cơ quan thuộc hệ thống LHQ (US $96 triệu). Việc "hấp thụ viện trợ ODA" còn thấp (27%). Việc xài "viện trợ" hay việc giải ngân có cải tiến nhưng còn tùy thuộc vào nhân sự được đào tạo và có khả năng quản trị.

Tiết kiệm đi đôi với đầu tư. Muốn phát triển phải đầu tư và các "con rồng" Á châu thường đầu tư từ 30 đến 40%/GDP/năm. Tình hình đầu tư tại VN cho thấy là VN còn "nhờ cậy" nhiều vào tiết kiệm bên ngoài. Đã có ít cố gắng trong việc gây tiết kiệm nội địa. Khả năng tích lũy trong nước (tiết kiệm của dân, doanh nghiệp, chính phủ) còn thấp và cũng cho thấy là các công ty quốc doanh và chính phủ làm việc chưa có hiệu quả cao cho nên tiết kiệm khu vực công còn kém. Về khu vực tư thì các chính sách đầu tư chưa khuyến khích khu vực tư một cách đúng mức.

II. Đánh giá 1996

Kết quả cho năm 1996 có thể được đánh giá dưới khía cạnh quản lý kinh tế và các cố gắng cải cách guồng máy cho phù hợp với cơ cấu thị trường.

2.1 Quản lý vĩ mô

Mặc dù kinh tế giữ được mức tăng trưởng 9 - 9.5% trong năm 1996 (nhất là có nhiều thiên tai trên khắp ba miền), quản lý kinh tế còn gặp nhiều trắc trở, thiếu uyển chuyển trong việc quản lý vĩ mô. Sức ép "Đổi mới" giảm cho nên nhiều thành phần trong xã hội muốn "kiềm hãm" lại mức "cởi mở." Việc tranh cãi về chính sách kinh tế nhân dịp ĐHĐ kỳ tám là một ví dụ hùng hồn. ĐHĐ kỳ tám nay công nhận kinh tế nhiều thành phần nhưng vẫn nhiều "ngập ngừng" trong việc đối xử như một bên để tư nhân sản xuất nhưng vẫn khuyến khích các "tổng công ty" và đầu tư vào quốc doanh. Việc này đã làm các nhà đầu tư ngoại quốc bắt đầu kêu về chính sách kinh tế "ngập ngừng" và tham nhũng của VN. Việt Nam hết là "cô gái" hấp dẫn về kinh tế mà đã có nhiều nhà đầu tư chỉ trích về tham nhũng (kể cả chính phủ và Quốc Hội cũng kêu ca về việc này). Ngoài ra có nhiều yếu tố nhất là hối đoái và lãi suất, Việt Nam chưa thực hiện tốt.

2.2 Hối đoái

Mặc dù kinh tế vĩ mô có phần ổn định, việc khó nhất trong giai đoạn này là chính sách tiền tệ/hối đoái chưa đủ uyển chuyển, thay đổi theo thị trường. Trong ba năm qua hối xuất đồng VN có phần "lên giá" so với đồng dollar (nếu tính theo tỷ lệ lạm phát).

Chính sách giữ tỷ lệ hối đoái chung quanh 11,000 đồng/1 US$ (xem bảng 1) chưa thiết thực vì tỷ lệ hối đoái không dính với tỷ lệ lạm phát tại VN và cũng không dính liền với cạnh tranh của hàng xuất khẩu. Hậu quả việc tỷ lệ hối đoái chưa uyển chuyển là xuất khẩu khó khăn hơn (tiền VN ở mức cao, hàng Việt Nam sẽ mắc hơn) và việc nhập khẩu dễ hơn (hàng nước ngoài sẽ rẻ hơn so với tiền Việt Nam). Chính sách vĩ mô của các nước ASEAN thành công về kinh tế cho thấy là tỷ lệ hối đoái phải đi song song với chính sách phát triển khuyến khích xuất khẩu.

Về lý thuyết và thực tế thì cơ cấu kinh tế Việt Nam chưa đủ thay đổi để có thể dùng hối đoái để làm xúc tác cho việc tăng xuất khẩu. Nhưng một chính sách tối ưu cho việc phát triển đòi hỏi tỷ lệ hối đoái Việt nam phải uyển chuyển theo thị trường gồm việc so sánh tỷ lệ hối đoái (và lạm phát) của các nước bạn hàng của Việt Nam (Á châu, ASEAN và EU) và tình hình sản xuất của kinh tế VN. Việc này sẽ làm giảm sức ép nhập khẩu hàng có thể tìm tại VN. Nó cũng đòi hỏi VN thay đổi cơ cấu kinh tế.

2.3 Lãi suất ngân hàng

Hiện nay lãi suất ngân hàng trung bình là 1.25%/tháng, nghĩa là 16%/năm trong khi đó

thì lạm phát ở mức 5%. Sai biệt (hay tiền lời của ngân hàng) ở mức 11% do đó có tình trạng ứ đọng vốn của ngân hàng (có khi lên trên 3,000 tỷ đồng) trong khi các công ty không dám vay. Rất là khó mà các doanh nghiệp có thể đi vay tiền và tạo ra hơn 16% lời để có thể trả nợ ngân hàng. Chính sách vĩ mô của các nước ASEAN thành công về kinh tế cho thấy là lãi suất phải đi song song và hỗ trợ chính sách phát triển.

Lãi suất ngân hàng hiện nay không khuyến khích đầu tư. Trong quản lý vĩ mô, VN chưa đủ năng động và mềm dẻo để thay đổi kịp thời nhằm hỗ trợ cho phát triển.

2.4 Cải cách guồng máy

Khi gia nhập các tổ chức quốc tế, VN sẽ phải hạ hàng rào thuế quan, phải khuyến khích đầu tư và bảo vệ đầu tư. Trong bối cảnh chính trị thay đổi mau chóng tại ĐNA và Á châu, CSVN, vì ít tiếp xúc với bên ngoài nhiều khi đánh giá sai những biến chuyển chính trị (VN trong năm vừa qua tại LHQ đã ủng hộ Ấn Độ chứ không ủng hộ Nhật, một nước có viện trợ lớn nhất cho VN.)

Muốn thi hành những chính sách kinh tế, xã hội, v.v... cần phải có nhân sự và guồng máy tinh vi, có đào tạo, có trí tuệ. Chỗ yếu hiện nay là việc thực thi, áp dụng luật lệ vì nhân sự quá yếu hay tham nhũng. VN chưa có quy chế công vụ (vì ĐCS sợ mất độc quyền của đảng viên), công chức không được đào tạo về hành chính hay chỉ được đào tạo sơ sài (1-2 tháng là coi như có đào tạo chưa kể đến nội dụng đào tạo chưa bài bản), cho nên đội ngũ công chức VN chưa có tiêu chuẩn quốc tế, yếu kém và ngoài ra guồng máy tổ chức còn thô sơ.

III. Khuyến cáo cho 1997

Kinh tế Vĩ mô và chính sách tiền tệ/hối đoái phát triển

Chính sách hối đoái và tiền tệ/lãi suất của NHNN chưa trong suốt. Việc phối hợp giữa chính sách lãi suất và tỷ lệ hối đoái chưa nhịp nhàng. Việc giữ tỷ lệ hối đoái ở mức 11,000 VNĐ/1 US$ và việc giảm lãi suất không được mang ra tranh cãi, mổ sẻ để tìm một chính sách hối đoái và lãi suất tối ưu cho VN vừa khuyến khích sản xuất và khuyến khích xuất khẩu. Quản lý vĩ mô cho thấy VN chưa đủ uyển chuyển, chưa nhanh chóng điều chỉnh các yếu tố chủ yếu như lãi suất, tỷ lệ hối đoái để kịp thời hỗ trợ phát triển.

Khuyến khích sản xuất: công ty tư cỡ nhỏ và trung

Trong số công ty khu vực tư có 12,200 công ty được xếp vào loại nhỏ nhưng trong các công ty cũng có 1,300 công ty với số vốn hơn US$ 100,000 (1 tỷ VND) với trung bình hơn 300 thợ.

Thống Kê Công Ty Đăng Ký

Công ty	Số công ty vào tháng 12, 1994
Tổng số công ty đăng ký	25,912
gồm: Quốc doanh	6,019
Tư nhân	13,532
Trách nhiệm hữu hạn	5,034

Vụ đăng ký KD, BKH

Các công ty tư thường nằm trong công nghiệp nhẹ biến chế trong khi quốc doanh nhằm công nghiệp nặng. Các công ty ở 'khu vực tư" mang lại nhiều việc làm nhưng chưa được đối đãi bình đẳng về nhiều mặt như vay vốn [Khu vực QD: 63% và khu vực tư: 28%] hay cấp phát đất. Chính sách phát triển đòi hỏi việc 'định luật chơi" rõ ràng, không kỳ thị các công ty nhỏ và trung. Các công ty này nhỏ năng động, uyển chuyển để cạnh tranh và nắm các cơ hội mới trong kinh tế.

Luật chơi gồm giải quyết nhiều khó khăn trong việc (1) đăng ký kinh doanh còn phiền hà, cần giảm thủ tục và xóa bỏ nhiều hạn chế không cần thiết như "số vốn," v.v... Nay IFC (một chi nhánh của Ngân hàng thế giới) đã có mặt tại VN nhằm giúp các doanh nghiệp khu vực tư.

% Công ty nhỏ - trung trong các ngành

Ngành	% công ty vào 1995
Gỗ	26.6%
May mặc	22.2
Chế biến thực phẩm	17.0
Gốm	1.4
Giấy	0.8
Da	0.5
Khác	31.5

Phòng Thương mại

VN còn nhiều thủ tục không cần thiết như số vốn cần thiết để thành lập kinh doanh - tại các nước tân tiến số vốn là do các nhà đầu tư. Việc sử dụng đất đai còn gặp nhiều khó khăn; xuất nhập khẩu còn

dành cho một số công ty mà thôi; chưa có thị trường chứng khoán cho nên dân không tham gia đầu tư vào kinh tế trừ việc mua trái phiếu mà không có thị trường khi họ cần bán những trái phiếu đó.

Đào tạo nhân lực

VN có chính sách lập nhiều khu chế xuất. Nhưng công nhân từ đâu ra? Theo công ty tư vấn PERC (political and economic risks company) tại Hồng Kông thì các nhà đầu tư quốc tế đánh giá một nước theo chi phí lao động thấp, chất lượng cao, phẩm chất năng lực cao và ổn định. Theo PERC thì công nhân VN rẻ nhưng chất lượng và năng lực thấp cho nên so với nước khác tại Á châu thì sức cạnh tranh của VN về lao động còn thấp (xem bản sau đây).

Nước	Chất lượng	Chi phí	Năng lực	Thu nhập	Điểm
Ấn Độ :	4,29	2,14	2,57	3,71	2,80
Australia :	2,00	4,71	2,89	3,14	3,39
Hoa kỳ :	2,22	5,06	3,67	3,94	3,70
Philippines :	4,65	3,24	4,12	4,50	3,55
Mã Lai :	4,83	5,06	5,95	5,35	4,77
Singapore :	2,45	6,41	4,86	5,29	4,67
Thái Lan :	5,61	5,00	6,39	5,18	4,41
Trung Quốc :	6,12	3,40	6,12	4,83	4,22
Việt Nam :	6,82	3,30	7,00	5,80	4,08

Nếu điểm cao thì vấn đề lao động của nước đó chưa "hấp dẫn" so với các nước khác. Theo bản này thì VN chỉ hấp dẫn hơn một số nước mặc dù lương của công nhân Việt nam còn rất rẻ. Nó cho thấy là công nhân VN cần được đào tạo thêm để có nhiều năng lực và chất lượng [trong bản này chất lượng, năng lực và thu nhập của công nhân VN thấp nhất].

Các nước Á châu - Nam Hàn và Singapore - thành công là vì đã đầu tư rất nhiều vào nhân sự. Chính sách giáo dục đang làm VN tụt hậu. Giáo dục chuyên nghiệp gần như không còn hay không có tiêu chuẩn quốc tế và nhất là thiếu phối hợp giữa giáo dục, công việc làm của guồng máy sản xuất. Nói tóm giáo dục không đáp ứng được nhu cầu thị trường và việc phát triển của đất nước. Để tìm một lối thoát, VN phải "đổi mới" giáo dục nhất là giáo dục chuyên nghiệp, gắn liền với sản xuất.

Chống tham nhũng/hoàn thiện guồng máy hành chính

Trong một nghiên cứu thì các nước có tham nhũng cao là Nigeria, Venezuela, Philippines và Nga trong khi các nước tham nhũng cỡ trung có Trung Quốc, Malaysia, Nhật và Brasil còn các nước có tham nhũng thấp có Đài Loan, Singapore, Hoa kỳ và Đức. Vậy VN ở chỗ nào? Ta có thể đoán nó ở chỗ gần TQ nghĩa là tham nhũng cỡ trung.

Vào tháng 11 qua, trước QH thì TT Võ Văn Kiệt đã nêu lên vấn đề tham nhũng và đưa ra những giải pháp cho vấn đề này. Trong việc này, ông Kiệt xin được đầy đủ quyền hạn trừng trị, xin xây dựng luật chống tham nhũng, sửa đổi luật lệ để có thể truy tố, v.v... Công cuộc "Đổi mới" đã thúc đẩy việc gây dựng một khuôn khổ luật để quản lý đất nước. Việc xây dựng một nước nhân bản, một xã hội văn minh và dân chủ đòi hỏi việc xây dựng một nhà nước pháp quyền. Việc này cũng sẽ giúp VN tiến nhanh và cải tiến cách "suy nghĩ" trong việc quản lý đất nước.

Kết luận

Năm nay VN gia tăng GDP ở mức trên 9%. Chính sách phát triển của VN trong năm qua cho thấy một số thành công và lỗi lầm. Những yếu tố chính là: quản lý vĩ mô tốt bằng cách giảm tỷ lệ lạm phát (5%) nhưng còn nhiều thiếu sót trong việc quản lý vĩ mô, nhất là về hối đoái và lãi suất ngân hàng. *Điều đáng chú ý là lạm phát giảm. Nó cho thấy là các biện pháp siết chặt tiền tệ và mãi lực của dân chúng không tăng và đây là mối lo cho 1997 vì có thể trì trệ kinh tế (sản xuất mà không có người mua).*

Kinh tế Việt Nam có tăng trưởng nhưng việc tăng trưởng này cũng mang nhiều mối lo vì nó dựa trên một chính sách phát triển "úp mở" và hậu quả là đầu tư ngoại quốc (FDI) có giảm [US$ 5.15 tỷ trong năm 1996 so với US$ 6.6 tỷ trong năm 1995]. Nó cũng cho thấy nhiều yếu kém nhất là về nhân sự [guồng máy, công chức yếu kém, đào tạo công nhân chưa tốt, v.v...] Theo các khuyến cáo Quỹ tiền tệ quốc tế tại Hội nghị các nước ASEAN tại Djakarta vào tháng 11 vừa qua, nếu muốn tiếp tăng trưởng và phát triển lâu dài cần:

1. *Vĩ mô:* quản lý vĩ mô tốt [giữ lạm phát thấp, hối đoái phù hợp cho kinh tế và lãi suất khuyến khích sản xuất], tăng khả năng hấp thụ viện trợ ODA và đầu tư trực tiếp tư nhân (FDI), hệ thống luật pháp và guồng máy nhà nước ngày càng trong suốt và hoàn tất. VN nên chú ý đến một số vấn đề sau đây:

1.1 Cải hệ thống giáo dục nhất là giáo dục chuyên nghiệp để phát triển và cạnh tranh kinh tế với ASEAN. Việc này sẽ giúp xây dựng đội ngũ công nhân có kỹ thuật, trình độ cao hầu giúp kéo các kỹ nghệ có trị giá gia tăng cao, có kỹ thuật cao;

1.2 Cải cách hành chánh để giúp xây dựng

trước hết một guồng máy quản lý khu vực công hữu hiệu, năng động và có đội ngũ cán bộ có trình độ kỹ thuật và chuyên nghiệp cao và tinh thần trách nhiệm. IMF khuyến cáo trong hội nghị Djakarta là đi đến một chính quyền trong suốt, cởi mở và quản lý tốt (good governance). Việc này cũng sẽ giúp cho việc thực thi hữu hiệu các chính sách kinh tế và sẽ gây một môi trường thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm soát, cạnh tranh kinh tế;

2. *Vi mô:* VN chưa chú ý đủ đến việc chống tham nhũng, cải cách quản lý DNNN [quản lý theo thị trường bằng cách cho áp dụng mau chóng một hệ thống kế toán, kiểm toán có tiêu chuẩn quốc tế, áp dụng luật thương mại, lập các tập đoàn theo quản lý kinh doanh, v.v...], chú ý đến công ty cỡ nhỏ và trung để dựng việc làm và ngoài ra chú ý đến một số vấn đề sau đây;

2.1 Khuyến khích mũi nhọn và các công ty cỡ nhỏ và trung. Trong tương lai sẽ có chỗ đứng cho các tổ hợp, các công ty cỡ trung và nhỏ, quốc doanh, hợp doanh và đa quốc. Vậy có chính sách khuyến khích chương trình này qua việc dễ dãi về thuế, tài chính-lãi xuất, và thủ tục;

2.2 Chống tham nhũng - hoàn thiện guồng máy hành chính bằng cách 'trong suốt hóa' các thủ tục và thu hút đầu tư - chất xám ngoại quốc. Kinh tế VN trong tương lai sẽ chỉ có chỗ đứng và phát triển mạnh nếu có nhiều chất xám. Việc này sẽ giúp giải quyết những khó khăn về quản lý xí nghiệp (công hay tư), quản lý cơ quan, quản lý dự án, nối liền vĩ mô với vi mô.

Nói tóm, kinh tế VN giữ được mức tăng trưởng nhưng hiện nay VN đang trong tình trạng "chuyển đổi cơ cấu." Nó cũng cho thấy một số yếu kém về cơ cấu và về nhân sự. Trong việc này VN mới qua được 'cơn nguy phá sản' nhưng vẫn chưa đặt được nền móng phát triển bền vững và lâu dài. *Vì quản lý kinh tế vĩ mô chưa hữu hiệu, mối lo cho 1997 là nếu không khéo thì sẽ trì trệ kinh tế.*

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
Vietnamese American Arts & Letters Association

Trân trọng kính mời quý vị tới dự

Triển lãm tranh
TRƯƠNG BỬU GIÁM

Từ thứ Sáu 31 tháng Giêng
đến mùng 7 tháng Hai 1997
tại Phòng Triển Lãm VAALA
11022 Acacia Parkway, suite A
Garden Grove, California

Khai mạc - tiệc trà và tiếp xúc với họa sĩ:
vào hồi 11 giờ sáng
thứ Sáu 31 tháng Giêng 1997

- Có bán tranh và poster
- Vào cửa tự do
- Liên lạc: VAALA (714) 537-8352

LTS: Đài VNCR phát thanh tại Quận Cam, Nam California hôm đầu năm dương lịch, đã thực hiện các buổi nói chuyện trực tiếp với ông Nguyễn Ngọc Lan từ Sài Gòn, nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự từ Đà Lạt, và nhà văn Hoàng Tiến từ Hà Nội, Việt Nam, do Đinh Quang Anh Thái thực hiện.

MỘT NĂM NGẨNG CAO ĐẦU

NGUYỄN NGỌC LAN

(Saigon)

Nhân dịp đầu năm 1997, Tết Đinh Sửu sắp tới, chúng tôi xin chúc tất cả bà con, bạn bè, thân hữu, và đồng bào ở hải ngoại một năm mới bình an và vạn hạnh.

Quan trọng hơn, chúng tôi xin được cùng tất cả bà con, bạn bè, thân hữu và đồng bào hải ngoại cũng như trong nước, cầu chúc cho quê hương đất nước chúng ta năm mới sẽ ngày càng cứ như anh Hà Sĩ Phu, mà chúng tôi thiển nghĩ, đáng được coi như một điềm lành, một biểu tượng tốt đẹp trong năm vừa qua.

Thật vậy, hơn một năm trước đây anh Hà Sĩ Phu đã bị tước đoạt tự do nhưng anh đã ngẩng cao đầu mà bị tước đoạt tự do. Trong khi đó, người ta tước đoạt tự do của anh lại không khác gì ăn gian, ăn vụng. Họ đã bày ra những trò kẻ đụng xe, người giật xách tay của anh ở gần Hồ Hoàn Kiếm ngày 4 tháng Mười Hai 1995 để có cớ đưa anh về và lục lọi xách tay của anh. Rồi úm ba la biến nạn nhân của vụ đụng xe, giật xách tay nọ thành kẻ can tội "chiếm đoạt tài liệu tối mật của nhà nước;" bị đưa ra xử lụp chụp trong một phiên tòa chớp nhoáng, cũng vừa tối mật, vừa mập mờ như tài liệu kia.

Sau 12 tháng bị giam giữ, mãn án tù vào ngày 4 tháng Mười Hai vừa rồi, Hà Sĩ Phu được đón về lúc 8 giờ 30, nghĩa là người nhà đã đợi mặt trời lên cao mới tới đón chứ không phải từ sáng sớm như người ta yêu cầu. Người nhà và bạn bè đã đến đón anh với hoa và với cả hai câu đối, còn anh thì đương nhiên vẫn ngẩng cao đầu. Hai hôm sau, giữa một trưa nắng tưng bừng cuối mùa mưa, anh chị Hà Sĩ Phu về tới Tân Sơn Nhất, 12 người bạn đã có mặt để đón anh chị với những bó hoa, nhưng những bó hoa còn nói nhiều hơn mọi thứ khẩu hiệu, biểu ngữ.

Chúng tôi đã ăn trưa với nhau ngay tại chỗ, trước mặt bàn dân thiên hạ, đãi Hà Sĩ Phu chỉ có chén xúp, đĩa cơm chiên dương châu, tô canh, thế thôi. Nhưng 12 bạn bè ngồi cùng bàn thì có Nam, có Trung, có Bắc, có Bắc Kỳ 9 nút năm 54, có Bắc kỳ 2 nút 75, có Phật Tử, có Công Giáo, có Cộng Sản, có không Cộng Sản - Cộng Sản còn trong đảng, Cộng Sản đã chào biệt đảng hay đã được khai trừ; người viết văn, người làm thơ có, người viết báo, người dạy học, họa sĩ, bác sĩ, sĩ quan bộ đội hồi hưu cũng có, cùng ngẩng cao đầu. Có thể kể tên từng người ra mà chẳng hề gì vì những bạn bè đến đón anh Hà Sĩ Phu trưa hôm đó đâu có cần và có ý dấu mặt, ngược lại khi đón Hà Sĩ Phu thì không phải đi ăn vụng như người ta đi đón Hà Sĩ Phu một năm trước.

Hôm sau, anh chị Hà Sĩ Phu về Đà Lạt, tại phi trường Liên Khương cũng đã có một cuộc đi đón tương tự - Cầu chúc cho quê hương đất nước chúng ta qua năm mới ngày càng cứ như Hà Sĩ Phu là như vậy, ngẩng cao đầu 'Chia Tay Ý Thức Hệ," "Dắt Tay Nhau Đi Dưới Những Tấm Bảng Chỉ Đường Của Trí Tuệ." Có thể còn thiếu, còn mất tự do, dân chủ, nhân quyền, nhưng trước sau chỉ là bị tước đoạt tự do, dân chủ, nhân quyền, vì tự do, dân chủ, nhân quyền vốn không phải là của quyền lực nào ban phát cho và cũng chẳng cần phải đợi ai trong nước bố thí, ngoài nước viện trợ cho mới có! Có thể còn bị thiếu, còn bị mất tự do, dân chủ, nhân quyền mà vẫn ngẩng cao

đầu, và ngẩng cao đầu đòi lại, giành lại cho bằng được tự do, dân chủ, nhân quyền đường đường chính chính, không phải quanh co ấm ớ, không cần biện chứng pháp, càng không cần ngụy biện chứng pháp, không phải ném đá dấu tay, không phải bày trò ăn vụng, ăn gian, không bạo lực nhưng luôn sẵn sức mạnh vô hạn của lẽ phải, của tình liên đới nhân loại, của hướng tiến xã hội.

Một lần nữa, xin chúc quí vị một năm mới bình an, vạn hạnh và cùng quí vị xin cầu chúc cho quê hương đất nước chúng ta có thiếu, có mất tự do, dân chủ, nhân quyền thì vẫn không cúi đầu và càng ngẩng cao đầu đón tự do, dân chủ, nhân quyền làm gì rồi cũng phải đến.

1996: MỘT BƯỚC TIẾN ĐÁNG KỂ VỀ PHÍA DÂN CHỦ

TIÊU DAO BẢO CỰ

(Dalat)

Trong sự vận động vô cùng phức tạp của xã hội Việt Nam hiện nay, với cái nhìn khách quan và tỉnh táo, ta có thể tìm thấy những dấu hiệu tích cực của tình hình trong hướng đi về phía dân chủ. Với đà phát triển của những năm gần đây, sự hình thành và vận động của xã hội dân sự ngày càng rõ nét. Xã hội dân sự là đặc trưng của các thể chế dân chủ và mặt đối lập của các chế độ độc tài. Năm nay ở Việt Nam có nhiều thể hiện, nhưng nổi bật là các lĩnh vực sau đây:

- Các hoạt động và tổ chức từ thiện ngày càng phát triển.

- Những người nghèo khó, bệnh tật, và nhất là sinh viên học sinh nghèo đã được giúp đỡ nhanh chóng và hiệu quả khi công chúng biết đến. Một thông tin hay lời kêu gọi trên báo, đài, lập tức được hưởng ứng rộng rãi khắp mọi miền của đất nước. Việc tổ chức các quĩ thường xuyên để hỗ trợ cho các trường hợp trên được nhiều người quan tâm giúp đỡ.

- Đặc biệt năm nay, thiên tai nặng nề hơn mọi năm. 40 trên 53 tỉnh thành trong cả nước bị bão lũ tàn phá, đã khơi dậy lòng từ tâm, nghĩa đồng bào, tinh thần lá lành đùm lá rách nơi mọi tầng lớp nhân dân với sự giúp đỡ chí tình và hiệu quả.

- Các đoàn thể tôn giáo, dù không được phép chính thức, vẫn công khai hoạt động. Nét nổi bật là ở các chùa, nhà thờ hằng tuần các đoàn thể tôn giáo mặc đồng phục sinh hoạt ngoài trời đã trở nên một hoạt động bình thường. Các hoạt động tâm linh ngoài các tôn giáo truyền thống với nhiều xu hướng, nguồn gốc, và các biểu hiện khác nhau ngấm ngầm phát triển dù bị cấm đoán, hay gây khó khăn. Các hoạt động này đều hướng thiện, đáp ứng một nhu cầu tâm linh thực sự, phản ứng lại cơn lốc thực dụng của kinh tế thị trường và sự xuống dốc của đạo đức xã hội là dấu hiệu tích cực tuy còn nhỏ bé.

- Các tổ chức kinh tế tư nhân gặp vô vàn khó khăn và nhiều thiệt thòi so với các tổ chức quốc doanh, vẫn ngày một phát triển, chiếm tỉ lệ ngày càng lớn trong nền kinh tế quốc dân. Sự năng động và sáng kiến của các tổ chức tư nhân, từ các công ty lớn cho đến cửa hàng nhỏ là động lực mạnh mẽ phát triển nền kinh tế. Trong khi đó, các công ty quốc doanh phần lớn làm ăn thua lỗ do quản lý tồi và tham nhũng đục khoét. Sự chủ đạo của kinh tế quốc doanh theo định hướng duy ý chí xem ra không thực hiện được trước qui luật tự nhiên và nghiêm khắc của kinh tế thị trường.

- Song song với khía cạnh trên, nét nổi bật nhất trong năm qua là tinh thần phản kháng của người dân, ý thức trách nhiệm công dân, sự thức tỉnh lương tri và những hoạt động đấu tranh cho dân chủ cũng chính là nội dung bàn bạc trong sự vận động của xã hội dân sự. Việc đình công của các công nhân của những công ty nước ngoài hay liên doanh với nước ngoài đã trở thành một vấn đề thời sự trên báo chí. Người lao động đã không thể chịu đựng và im lặng trước sự bất công và áp bức cứ từ đâu tới. Khi dám và được thể hiện là dấu hiệu lành mạnh trong một xã hội hướng về dân chủ. Tuy không được báo chí đưa tin, nhưng những cuộc biểu tình của người dân vì các lý do dân sinh bức xúc đã diễn ra ngay tại thủ đô Hà Nội. Nông dân ngoại thành giữ đất ở Đông Anh, xung đột với các lực lượng công an và quân đội. Các hộ bị giải tỏa nhà ở đường Cầu Giấy, tiểu thương mất chỗ bán hàng ở chợ Đồng Xuân... đã kéo đến các cơ quan đảng và chính quyền để khiếu nại là việc hiếm thấy trong mấy chục năm qua.

- Sự chuyển biến trong nội dung và chất lượng của báo chí là điều khá dễ thấy, dù báo chí vẫn nằm trong vòng kềm tỏa của đảng và nhà nước. Việc chống tham nhũng, buôn lậu, lãng phí của công được báo chí nêu cụ thể nhiều vụ việc, đưa số liệu chính xác, tố cáo đích danh tội phạm và những người bao che có trách nhiệm. Tuy sự phát hiện còn ít, vụ việc còn nhỏ so với tính chất quốc nạn của tình hình này, nhưng đã có sức lay động rất lớn trong dân, và là sự răn đe nghiêm khắc đối với những kẻ có chức quyền đang đi vào con đường suy thoái.

Sự phê phán công khai đối với một số cán bộ lãnh đạo, tuy mới chỉ là đối với tổ chức Liên đoàn bóng đá Việt Nam được phát động

rầm rộ trên báo chí. Ý kiến của bạn đọc tuy nhỏ nhưng ở tất cả mọi tờ báo đều được đông đảo người tham gia về đủ mọi vấn đề của đất nước. Những ý kiến này tuy ngắn nhưng đầy sức nặng của công luận. Không khí tranh luận cũng được dấy lên ở nhiều tờ báo, đặc biệt là về các vấn đề xã hội, giáo dục, văn hóa nghệ thuật. Đã có những ý kiến khác nhau, sự tranh cãi thẳng thắng tuy chưa đụng vào những vấn đề có tính cách cấm kỵ nhưng đó chính là sự khởi động cần thiết, bước đầu mang tính đối lập và phê phán của đệ tứ quyền trong một nền báo chí được lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ về đủ các mặt đường lối, chủ trương, tổ chức và biên tập.

Nhận định chung là nhiều tờ báo đã khởi sắc theo hướng này. Từ các tờ Lao Động, Tuổi Trẻ, Phụ Nữ Thành Phố HCM, đã có đà từ trước, nay có thêm các tờ Đại Đoàn Kết, Nhà Báo Và Công Luận, Tiền Phong và nhiều tờ nữa ở những mức độ khác nhau.

Nhiều tờ báo đã thể hiện bản lĩnh, lương tâm nghề nghiệp và nghệ thuật viết báo trong một hoàn cảnh khó khăn, được công chúng theo dõi và đánh giá cao.

- Ngay cuộc họp Quốc Hội cũng đã có một không khí mới. Dĩ nhiên, người ta không trông chờ gì nhiều ở các đại biểu thuộc loại đảng cử dân bầu này, trong một cơ chế mà đảng, chính quyền, quốc hội thực ra cũng chỉ là một, lập pháp, hành pháp, tư pháp cũng chỉ là một dưới sự lãnh đạo của đảng. Tuy nhiên trong một phiên họp mới nhất, kỳ 10 khoá 9 cũng đã có tranh luận gay gắt, thẳng thắn, đặc biệt là vấn đề chống tham nhũng và những tiết lộ về tình hình số liệu lâu nay vẫn bưng bít. Riêng tiết lộ của Bộ trưởng Tài Chính Hồ Tế về việc trả lương cho bộ máy 6.1 triệu người, trong đó ngoài các hệ thống đảng, chính quyền, đoàn thể, các đối tượng chính sách ra, còn có hệ thống riêng của Tổng bí thư, của Thủ tướng, của Chủ tịch mặt trận, là sự xác nhận lại một cách chính thức về bộ máy cồng kềnh, nặng nề và tốn kém bậc nhất so với tất cả các nước trong một quốc gia thuộc hạng nghèo đói nhất.

Đó là dấu hiệu của dân chủ từng bước nẩy nở. Đỉnh cao nhất vẫn là hoạt động của những người đấu tranh cho dân chủ, những người bất đồng chính kiến nổi tiếng từ trước còn tự do hoặc bị quản thúc gây khó khăn như Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Hộ, Hồ Hiếu, Phan Chấn, Nguyễn Quốc, Nguyễn Thanh Giang v.v... vẫn giữ được phong độ của mình.

- Hai phiên tòa chính trị trong năm 1996 thể hiện rõ rệt một bước tiến của dân chủ và một bước lùi của độc tài: (1) phiên tòa xử Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, thái độ hiên ngang, phí khách của Hoàng Minh Chính làm nhiều người khâm phục. Bị cáo đã trở thành người tố cáo. Sau khi mãn hạn tù, Hoàng Minh Chính lại tiếp tục lên tiếng đấu tranh ngay khi bước chân ra khỏi trại giam; (2) phiên tòa xử Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang thái độ của ba bị cáo thật tự tin, đàng hoàng, đĩnh đạc khẳng định sự vô tội và chính nghĩa của việc mình làm. Các luật sư biện hộ rất nhiệt tình, đầy sức thuyết phục, trong khi quan tòa bối rối, lời buộc tội lại rất không thuyết phục. Bản án trong hai phiên tòa này rất vô lý nhưng đã bớt nặng nề so với các bản án vì lý do chính trị trước đây. Khi hết hạn tù, nhà cầm quyền phải trả tự do cho người bị kết án, không còn tùy tiện giam cầm, rồi không cần xét xử vô thời hạn như đối với nhiều người trong bao nhiêu năm qua. Đó cũng là sự tiến bộ của nhà cầm quyền trước sức ép của công luận.

- Nhân Đại Hội Tám của Đảng Cộng Sản, một số trí thức như Nguyễn Thanh Giang, Trần Minh Thảo (riêng Trần Minh Thảo vẫn còn là một đảng viên) đã viết bài góp ý cho đảng một cách mạnh mẽ, thẳng thắn, vạch ra những sai lầm của đảng và công khai kêu gọi đảng từ bỏ chuyên chính lựa chọn dân chủ nếu đảng thực sự muốn phục vụ dân tộc, xây dựng đất nước.

Chung quanh việc Hà Sĩ Phu bị bắt và truy tố ra tòa các trí thức, văn nghệ sĩ ở Hà Nội quen biết Hà Sĩ Phu ban đầu còn e ngại, nhưng sau đó đã công khai lên tiếng hay vào trại giam thăm ông. Riêng nhà văn Hoàng Tiến là người đầu tiên ở Hà Nội viết văn bản phản đối nhà cầm quyền trước khi Hà Sĩ Phu bị bắt. Mới đây, trước khi Hà Sĩ Phu ra tù, đã viết bài về việc ông Hà Sĩ Phu bị bắt để vạch trần mọi việc sai trái trong vụ này mà ông đã theo dõi, hiểu biết một cách cặn kẽ, đồng thời tố cáo những vụ vi phạm dân chủ dân quyền khác, và tuyên bố sẵn sàng chịu vào tù để nói lên tiếng nói của lương tri. Việc Hà Sĩ Phu ra tù được bạn bè đến đón từ trại giam tại Hà Nội, tại sân bay Sài Gòn, Đà Lạt với hoa, chụp ảnh và tình cảm nồng nhiệt là một sự kiện chưa từng có trong mấy chục năm qua.

- Một hiện tượng đặc sắc có tính đột phá khác là sự xuất hiện của tờ báo 'Người Sài Gòn"; tờ báo không có giấy phép với tiêu đề "Tiếng nói của nhân dân thèm tự do ngôn luận." Trong vòng vài tháng đã xuất bản, phát hành hơn 20 số có nội dung phê phán triệt để những sai lầm của đảng, nhà nước, kêu gọi đấu tranh cho dân chủ. Đây quả thực là một việc làm táo bạo, một thách thức gay gắt đối với nhà cầm quyền.

Trong những hoàn cảnh khác, những hoạt động đấu tranh cho dân chủ trên đây có thể

rất bình thường nhưng trong bối cảnh Việt Nam hiện nay lại là một thử thách lớn đối với trí thức, những người tâm huyết. Vượt qua nỗi sợ trước sự đàn áp bằng nhiều thủ đoạn trước còng sắt, tòa án, nhà tù chính là sức mạnh của lương tri và chính nghĩa, yếu tố quyết định trong cuộc đấu tranh vì lẽ phải và hạnh phúc của một dân tộc, và cả loài người trong cuộc chiến đấu đầy bi tráng vẫn luôn tiếp diễn trong lịch sử.

- Tất cả những tình hình chính trị, xã hội trên đây đã tác động đến cả nội bộ đảng cùng với những mâu thuẫn tranh chấp phe phái, đã tạo nên những chuyển động mang tính dân chủ thể hiện trước, trong và sau Đại hội 8.

Bài viết của Võ Văn Kiệt gởi Bộ Chính Trị, lá thư của Nguyễn Hộ kêu gọi đảng viên ủng hộ Võ Văn Kiệt, vụ xử lý Nguyễn Hà Phan, ý kiến của Trần Trọng Tân phản đối việc giao nhiều quyền hạn cho Thường Vụ Bộ Chính Trị... dù có thể được lý giải bằng nhiều cách đánh giá khác nhau từ nhiều mức độ nhưng rõ ràng đảng không còn là một khối đoàn kết nhất trí, mang tính hình thức. Đảng viên không chỉ biết phục tùng nghị quyết của cấp trên, đại biểu dự đại hội đảng không phải chỉ biết giơ tay biểu quyết theo chỉ đạo. Ngay chính đảng sẽ tự thân và bị thúc đẩy về hướng dân chủ.

- Một tác động có tiếng vang quốc tế và hiệu quả không nhỏ là hoạt động đấu tranh cho dân chủ và dân quyền, nhân quyền của các tổ chức nhân quyền, các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan truyền thông đại chúng quốc tế, và của cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Sự thông tin nhanh chóng, kịp thời, nhạy bén, phương pháp đấu tranh ôn hòa, bất bạo động đã tạo nên sức mạnh và sức ép đối với nhà cầm quyền Việt Nam.

Dù muốn hay không, Việt Nam đang phải hội nhập vào thế giới văn minh và nhà cầm quyền không thể nhắm mắt, bưng tai, làm ngơ trước qui luật quốc tế, điều sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế của đất nước, và hình ảnh của đảng Cộng Sản, của nhà nước Việt Nam trên trường ngoại giao thế giới.

*

Đánh giá tình hình trong việc khái quát những cái chung nhất cũng bắt đầu từ những sự kiện đơn lẻ. Riêng trường hợp của người viết bài này (Tiêu Dao Bảo Cự) có thể cũng là một thước đo của tình hình về một phương diện.

Từ 12 tháng Mười Một 1996 đến 10 tháng Mười Hai 1996, tôi đã được công an thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng mời lên thẩm vấn hai đợt, tổng cộng 12 ngày về lý do những bài viết "mang tên ông." Tôi chính thức xác nhận những bài viết ký tên tôi, có bài ghi địa chỉ, số điện thoại rõ ràng là do tôi viết, và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bài viết của mình. Tôi cho đó là quyền tự do tối thiểu của người dân trong lãnh vực tư tưởng và ngôn luận. Việc các đài, báo nước ngoài đăng tải những bài viết của tôi khi tôi trả lời phỏng vấn là quyền thông tin trong thế giới văn minh này: Tôi viết nhằm bày tỏ một cách trung thực, thẳng thắn quan điểm của mình về mọi vấn đề mà tôi quan tâm, nhằm góp phần thúc đẩy quá trình dân chủ hóa của đất nước; tôi kêu gọi đảng và nhà nước thực sự thực hiện chính sách đại đoàn kết, xóa bỏ hận thù, hòa giải hòa hợp dân tộc, chấp nhận những ý kiến khác nhau vì lợi ích chung của đất nước: đối thoại với những người bất đồng ý kiến của cộng đồng người Việt ở hải ngoại chứ không xem họ là phản động, thù địch.

Các cán bộ công an làm việc với tôi thời gian qua đã tỏ ra thận trọng, đàng hoàng, lịch sự không truy bức. Có đối thoại cởi mở ở một mức độ. Một số cán bộ lãnh đạo của bộ Nội vụ và công an tỉnh Lâm Đồng đã thông qua một số bạn bè của tôi, hai lần nhắn tôi cần phải suy nghĩ lại về việc làm và phương pháp của mình, nếu không nhà nước sẽ có biện pháp xử lý. Tôi xem đó cũng là thiện ý của ngành công an. Tôi vẫn giữ quan điểm của mình vì tôi luôn tin vào sự trong sáng và chính nghĩa của việc mình làm. Tuy nhiên tôi sẵn sàng xem xét lại nội dung và phương pháp làm việc của mình, thận trọng và chặt chẽ hơn để có hiệu quả cao nhất là không bị kẻ xấu lợi dụng. Nhưng tôi cũng yêu cầu nhà nước xem xét lại cách nhìn nhận, đối xử đối với trí thức bất đồng chính kiến, và Nhà nước sẽ có những quyết định đúng đắn, khôn ngoan để không làm tổn hại đến lợi ích chung của đất nước. Tôi vững tin vào sức mạnh của lẽ phải sự công khai, đồng tình ủng hộ của đông đảo nhân dân, những người tâm huyết trong nước, và sự hỗ trợ của bạn bè, cộng đồng người Việt ở hải ngoại và dư luận quốc tế vì dân quyền và

DALAT
LANDSCAPING
Design & Maintenance
Lic. # 699783
P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Call: Mr PHƯƠNG
(714) 971-9640* (800) 200-9848

nhân quyền.

Sau vụ việc này, nếu nhà cầm quyền tiến đến chỗ chấp nhận đối thoại, đối lập một cách ôn hòa thì là đã tạo nên một bước ngoặc của tiến trình dân chủ hóa đất nước. Không ai có thể độc quyền yêu nước theo cách của mình, đất nước là của toàn dân tộc, mọi người đều có trách nhiệm và quyền được tham gia mọi vấn đề của xã hội để quyết định vận mệnh của mình. Đó là chân lý, là xu thế chung của thời đại văn minh không ai có thể cưỡng lại được, dù bằng bất cứ loại bạo lực nào.

Một năm đã trôi qua, một năm mới sẽ tới đi gần đến bực thềm của thế kỷ 21, niềm tin nhận thức đúng, hành động đúng và sự mở lòng bao dung nhất định sẽ đưa Việt Nam lên tầm cao của phồn vinh và hạnh phúc, mà dân tộc ta xứng đáng được hưởng sau bao nhiêu năm dài khổ đau, khốn khó vì sự lầm lạc, hận thù, phân ly và xung đột.

ĐẤT NƯỚC TA SẼ RỰC RỠ Ở THẾ KỶ 21

HOÀNG TIẾN

(Hà Nội)

Thưa chuyện với đồng bào ở xa Tổ Quốc nhân dịp Xuân về, thú thật, làm việc này thường là những người giữ cương vị trọng yếu trong bộ máy nhà nước hoặc giả là những người tiếng tăm lừng lẫy có những việc làm được ghi vào sử sách, người người tôn vinh thì mới phải... Tôi chỉ là một người viết văn bình thường, làm cái công việc mà người học thức có lương tri phải làm, và được một số độc giả ở trong nước và ngoài nước có lòng quí mến. Nay nhân dịp Tết đến, tôi cũng xin có vài lời với đồng bào ta ở xa đất nước.

Tôi không phải là nhà chính trị, và cũng không có dụng ý làm chính trị, hô hào điều này điều nọ, lôi kéo, tranh thủ quần chúng, tôi chỉ có vài lời tâm tình của một người viết văn thưa chuyện với đồng bào ta ở xa đất nước trong dịp Xuân về.

Hơn hai mươi sau chiến tranh, đất nước chúng ta trải qua biết bao gian truân, xương máu đổ ra không phải là ít. Những đứa trẻ sinh sau năm 1975 nay đã là những thanh niên trưởng thành. Người Việt Nam mình cần cù, chịu khó, thông minh, nhiều người tài nổi tiếng thế giới và nhất là tình cảm yêu thương đùm bọc lẫn nhau đã thành truyền thống lâu đời của cộng đồng, lưu truyền trong ca dao "Nhiễu điều phủ lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng," "Bầu ơi thương lấy bí cùng, Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn," "Lá lành đùm lá rách" v.v...

Mấy chục năm nay, do hoàn cảnh lịch sử nước ta chia cắt làm hai miền, và cũng do hoàn cảnh lịch sử người Việt Nam phải dời ra nước ngoài sinh sống chưa bao giờ nhiều như bây giờ, con số hơn hai triệu người. Có hàng trăm lý do khiến người Việt Nam phải bỏ nước ra đi. Càng sống xa đất nước thì tình yêu quê hương làng xóm càng tăng lên. Chúng tôi rất cảm thông với đồng bào ta phải xa quê nhà, ở đất nước người mỗi độ Xuân về thắp nén hương cúng ông bà tổ tiên, lòng quê càng bồi hồi lai láng. Tôi nhiều năm nay đọc sách Phật, bỏ đạo Mác - Lênin theo đạo Phật, nói theo từ ngữ Phật học "thì chúng ta đang trả Nghiệp."

Bây giờ chúng ta phải cùng nhau, người Việt ở trong nước cũng như người Việt ở hải ngoại làm cho đất nước Việt Nam hưng thịnh. Hãy bỏ đi những hận thù, những phân biệt địch ta, những đấu tranh giai cấp, những chủ nghĩa này nọ... những thứ đó đều du nhập từ ngoài vào, phần tốt có, mà phần gây tác hại cũng không phải là nhỏ, hãy để nó vào bảo tàng lịch sử, hãy lật những trang sử mới để bước vào thế kỷ thứ 21. Nếu cần một chủ nghĩa cho bây giờ, thì không gì bằng chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh. Nếu cần một học thuyết cho bây giờ, thì không gì bằng học thuyết thương yêu nhau mà điều này thì người Việt Nam ta đã có truyền thống từ rất lâu đời.

Về mặt tâm linh, chúng tôi có niềm tin nước ta sẽ phát triển rất rực rỡ ở thế kỷ thứ 21, đất nước ta đau thương nhiều rồi, bĩ cực hết rồi thì thái lai phải tới, nghiệp ác trả xong thì thiện duyên nẩy sinh. Chúng đang nhú mầm ở những tầng lớp thanh thiếu niên ham học và biết hướng thiện ngày càng đông đảo, nghĩ điều thiện, nói lời thiện, làm việc thiện, cùng phát triển tình thương yêu đó là con đường người Việt Nam đi tới và cũng là con đường toàn nhân loại sẽ tới. Được như vậy, thì chúng ta sẽ có Thiên Đường ngay trên thế gian này, không cần phải chờ đợi đời đời, kiếp kiếp nào nữa, chúng ta sẽ giải thoát mình ngay ở cuộc sống này. Còn gì vui sướng cho bằng được sống trong một xã hội tràn ngập tình yêu thương cùng những con người hướng thiện, nghĩ thiện, nói thiện, làm thiện.

Mùa Xuân đến, có hoa đào, bánh chưng xanh, cùng ly rượu trắng, tôi cầu chúc đồng bào ta ở hải ngoại được an hòa cùng mọi điều tốt lành.

Mùa Xuân đến, mùa Xuân qua,
Tình quê lai láng chan hòa khắp nơi.
Hỡi người dân Việt ta ơi,
Thương nhau nên nhớ lấy đời đồng tâm.

Ngày đầu năm, 1 tháng Giêng 1997.

Phần một:

ĐỒNG CỔ NƯỚC ĐIỀN (VÂN NAM) VÀ VĂN HÓA ĐÔNG SƠN

PHAN QUỐC SƠN

"Khi tiếp sứ giả Hán, vua nước Điền hỏi: 'Nước ta hay nước Hán, nước nào lớn hơn?' Viên sứ giả nước Dạ Lang khi ấy có mặt tại triều cũng hỏi như vậy. Bởi thời ấy đường sá chưa thông mở với nhau, nên các vua nước ấy đều tự xưng làm đại vương một cõi giang sơn rộng lớn, mà không hề biết tầm vóc vĩ đại của nhà Hán. Khi sứ giả Hán quay về triều tâu lên, rằng Điền là một nước lớn cần phải gồm thâu vào nước Hán, vua Hán bèn lấy đó làm việc trọng đại."

(Chương 116: Kỷ Về Rợ Tây Nam - Sử Ký của Tư Mã Thiên)

Sông Hồng phát nguồn từ cao nguyên Vân Nam, khi còn ở phần đất Tàu mang tên là sông Nguyên, chảy xuống đồng bằng nước ta, lanh quanh rồi đổ ra Nam Hải. Dòng sông như người mẹ nước: sinh thành, tưới nuôi và chứng kiến những chìm nổi của đàn con, là những xã hội tộc người mang mẫu số chung văn hóa, trong ấy có người Việt cổ, trước thời đô hộ của bắc phương.

Nếu hạ lưu sông Hồng là quê hương tiếp nối những đợt văn hóa Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun và giai đoạn cao điểm rực rỡ của văn hóa trống đồng Đông Sơn, thì tại thượng nguồn Vân Nam, địa bàn nhiều dân tộc mà nước Điền và Dạ Lang lớn hơn cả, nằm trong dòng mạch phát triển văn hóa song song. Và cùng chia xẻ một số phận lịch sử.

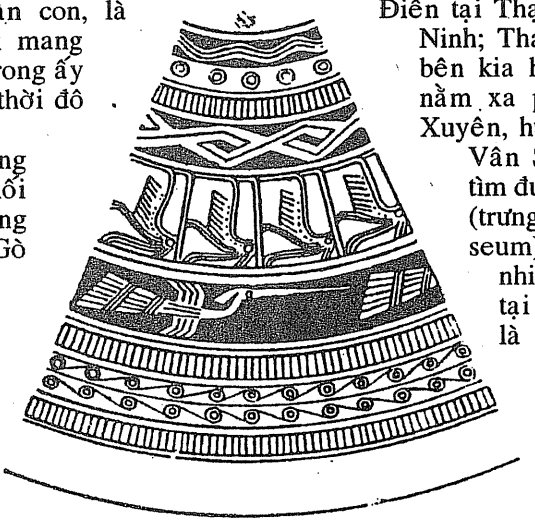

Hoa văn trên trống đồng Đông Sơn tại nước Điền

Sử Ký của Tư Mã Thiên bắt đầu chép về nước Điền từ thời Xuân Thu Chiến Quốc (thế kỷ 4-3 BC) cho đến hồi bị nhà Hán thôn tính, đổi thành Ích Châu. Nay là Vân Nam, giáp với Tuyên Quang, Hưng Hóa nước ta. Thời xưa, dọc theo sông Hồng, thượng nguồn nước Điền và hạ lưu Văn Lang đã có đường thông thương với nhau. Tuy miền ngược miền xuôi có khác, nhưng cùng thuộc các tộc người Bách Việt, mà người Hán gọi là Tây nam di.

Năm 1956, các nhà khảo cổ đã tìm được một chiếc ấn vàng trong khu lăng mộ triều đình nước Điền cổ tại núi Thạch Trại, huyện Tấn Ninh, đông nam hồ Điền. Ấn có tay cầm chạm hình rắn cuộn mình, da có vảy. Mặt đóng ấn khắc bốn chữ 'Điền Vương Hành Tỉ" (Ấn phong vua Điền)

Từ đó khởi đầu những cuộc khai quật khảo cổ kéo dài hơn hai chục năm sau, thâu lượm gần bảy ngàn di vật đồng tập trung quanh hai hồ lớn gần nhau: hồ Điền nằm phía bắc; hồ Phú Xuyên phía Nam. Quan trọng nhất là di tích mộ táng triều đình Điền tại Thạch Trại Sơn huyện Tấn Ninh; Thái Di Sơn nằm đối diện bên kia hồ Điền, Lĩnh Nhai sơn nằm xa phía đông nam hồ Phú Xuyên, huyện Quy Thuận, Lương Vân Sơn, mà tại hai nơi này tìm được trống đồng Đông Sơn (trưng bày tại British Museum). Số lượng cổ đồng nhiều và đẹp nhất tìm thấy tại quanh hồ Điền, nên gọi là di chỉ *văn hóa hồ Điền,* cùng thời đại văn hóa Đông Sơn: bắt đầu từ một ngàn năm trước công nguyên kéo dài đến sau đầu thế kỷ công nguyên, khi bị tộc Hán thôn tính.

Những di vật đồng cổ Điền hầu hết là mỹ thuật đúc tượng người và thú, những thạp đồng đựng tiền sò tùy táng trên nắp thường mô tả các hoạt cảnh như đèn kéo quân. Chúng đúc kết thành một cuốn sử bằng ngôn ngữ mỹ thuật ba chiều,

diễn lại vở tuồng quá khứ trên sân khấu lịch sử, xã hội, phong tục dân Điền. Qua đó, có thể thấy được sân khấu lịch sử chung của các tộc người Bách Việt.

Đồng cổ nước Điền là di chứng khảo cổ học quí báu bổ sung với những thành quả khảo cổ diễn ra song song trên đất Việt Nam lâu nay. Chúng soi tỏ thêm quá khứ thời khuyết sử - *lacunae* - và ngụy sử bắc phương chép về các tộc tây nam Á nói chung, và dân Việt cổ nói riêng. Từ đó đưa đến hai đúc kết: thứ nhất, minh chứng vai trò văn hóa Đông Sơn trong vùng Tây Nam Á; thứ hai, nhờ đối chiếu giữa khảo cổ học với sử học, giải tỏa cụ thể một số các khúc mắc, tranh luận giữa các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước về nền văn hóa Đông Sơn của người Việt cổ.

Chiếc ấn vàng phong vương vua Điền và chuyện nước Điền chép khá rõ trong *Sử Ký* Tư Mã Thiên.

Bộ *Sử Ký* của Tư Mã Thiên là một thứ 'sử kinh." Các sử gia Tàu và ta đời sau làm sử, thường dựa vào đó làm khuôn vàng thước ngọc. Truyện Triệu Đà của nước Nam Việt thường trích dẫn làm đầu trong các bộ cổ sử nước ta. Nhưng thực ra, hình ảnh nước ta thời ấy mờ nhạt không thấy ghi chép. Sự hiểu biết của Tư Mã Thiên dừng lại ở miền Ngũ Lĩnh, phía bắc nước Việt nay. Duy chỉ có chương quan trọng nhất, liên hệ đến các tộc người như dân Việt Cổ - *chương 116: Chuyện về rợ tây nam* - sau này ít khi các sử nho ta đề cập tới. Có lẽ nội cái nhan đề *"tây nam di"* khiến các Việt nho đang đắm chìm trong "thánh giáo" bắc phương mang mặc cảm xấu hổ mà bỏ lửng?

Bản Việt ngữ *Sử Ký Của Tư Mã Thiên* do Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê dịch, Lá Bối xuất bản tại Sài Gòn, thì chỉ gồm phần liệt truyện của các nhân vật Tần-Hán, thiếu hẳn hai chương quan trọng ấy. Dùng cho bài viết này, chúng tôi tra cứu bản dịch tiếng Anh *Sử Ký Của Thái Mã Công Tư Mã Thiên* - Records of the Grand Historian by Sima Qian của Burton Watson dịch, Columbia University Press, nhuận bản năm 1993. Dùng hai chương ấy đối chiếu lại những chỗ nào cổ sử ta có trích ghi. Chính học giả Trung Quốc nay cũng sử dụng nguyên bản tiếng Anh này trong các bài viết Anh ngữ của họ.

Chiếc ấn vàng nhà Hán phong vương cho vua Điền đánh dấu ngày tàn nền tự chủ nước Điền, trước khi bị mất vào tay nhà Hán. Tư Mã Thiên chép:

"Nhà vua khiến Vương sứ giả đến đòi vua Điền thân chinh đến chầu nhà Hán, tả rõ số phận Nam Việt và tù trưởng bọn rợ tây nam đã bị quân Hán diệt. Bấy giờ vua Điền dưới trướng có đến hai ba vạn quân, đồng thời phía tây bắc nước ông còn có bộ tộc Liêu Tử và Mi Mọi do các người thân tộc của vua Điền thống lĩnh và hưởng ứng lẫn nhau. Cậy thế mạnh, vua bác lời đòi của sứ giả Hán. Lại nữa quân Liêu Tử và Mi Mọi thường đánh phá tướng sĩ Hán. Năm Nguyên Phong thứ hai (109 BC) nhà Hán phái binh hai nước Ba, Thục đánh diệt Liêu, Mi Mọi rồi đóng binh nơi biên ấp dòm ngó nước Điền. Bởi vua Điền bấy giờ tỏ ra sợ hãi, có ý hối cải, nên họ không được động binh, mà tha tội chết cho ông. Vua Điền ấy tên là Lý Nam, bèn đem nước hàng phục nhà Hán, chịu để Hán gửi quan đến cai trị, và xin đích thân đến chầu nhà Hán. Nước từ nay được Hán đổi tên thành Ích Châu, và ông được ban ấn làm vương nước Điền để vỗ về con dân. Như vậy, trong số hàng trăm trưởng tộc các nước rợ tây nam, chỉ có vua Điền và vua nước Dạ Lang được phong tước vương hầu. Nước Điền tuy nhỏ nhưng rất được lòng vua Hán."

(Kỷ Về Rợ Tây Nam - Sử Ký)

Qua di vật khảo cổ Điền, chúng ta sẽ đọc ra được tín hiệu Đông Sơn; cũng như trong mỹ thuật Đông Sơn có thấp thoáng bóng dáng Điền. Nhân bàn đến lịch sử và mỹ thuật Điền, chúng tôi đưa thêm một số nguồn văn sử dò tìm theo dấu tích Đông Sơn, ngoài những tư liệu do các nhà khảo cứu Việt Nam đã phổ biến trong nước.

Văn hóa trống đồng Đông Sơn

Nền văn hóa đồng thau nước ta do các nhà khảo cổ Pháp tìm thấy năm 1929, đặt tên là Đông Sơn, địa danh khảo cổ học nằm ở tả ngạn sông Mã, thuộc Hàm Rồng, thị xã Thanh Hóa. Nơi đây qui tụ nhiều nhất những cổ vật đồng thau. Thời đại đồng thau (bronze) là giai đoạn nối tiếp từ thời đại đồng (copper) thuần chất trước đó. Vì người ta biết pha thêm một ít hàm lượng thau vào đồng để đạt độ cứng rắn hơn, hầu chế ra vật dụng được bền bỉ hơn khi dùng. Cũng ngay tại núi Đọ gần đấy, sau này các nhà khảo cổ Việt Nam khám phá di chỉ thời đại đá cũ (Palaeolithic) xưa độ 30, 40 ngàn năm, được coi là cái nôi giống người Việt Cổ.

Từ nơi đây văn hóa Đông Sơn lan tỏa đến vùng rừng núi cực bắc, trở vào đất trung bộ phía nam. Trước nó, chưa hề có một nền văn hóa nào tầm vóc lớn cỡ ấy. Văn hóa này bắt đầu gần một ngàn năm trước công nguyên, kéo dài đến vài thế kỷ sau công nguyên. Tại địa điểm Đông Sơn, tuổi tính được bằng phóng xạ carbon: 2830 năm +- 120 năm (sai biệt trước hoặc sau 120 năm) cách ngày nay, tức là 855 năm trước công nguyên.

Văn hóa Đông Sơn xuất phát từ Thanh Hóa, nhưng cao điểm văn hóa này là mỹ thuật trống đồng lại có trung tâm tại vùng sông Hồng phía bắc, tức nằm về phía tây tỉnh Hà Sơn Bình ngày nay, vùng qui tụ đậm đặc những trống đồng xưa nhất và lại đẹp nhất: Ngọc Lũ, Hoàng Hạ, Cổ Loa v.v... Trống đồng, biểu tượng đỉnh cao của văn hóa Đông Sơn lan rộng các nước chung quanh: các tộc người ở

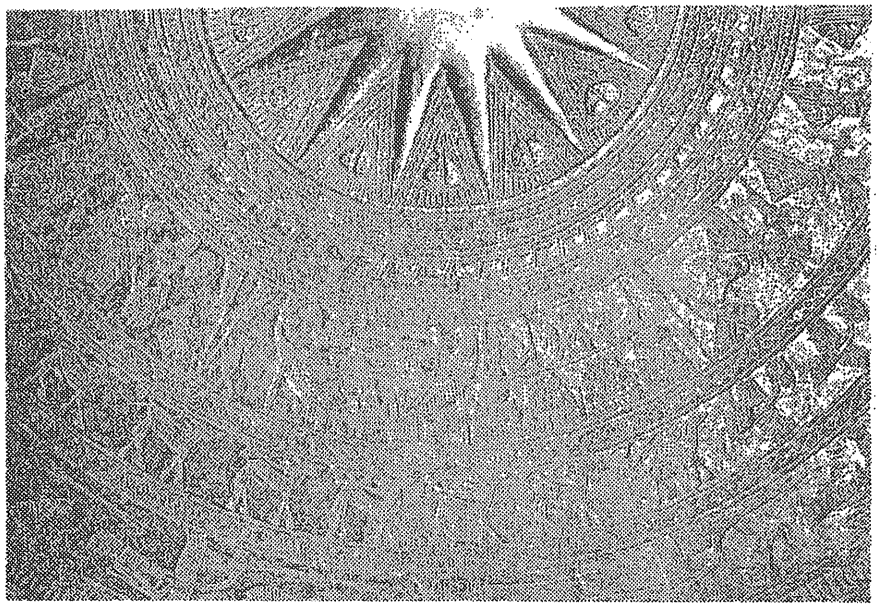

Hoa văn trên mặt trống Ngọc Lũ I. Trống xưa nhất và đẹp nhất của Việt Nam

nam Trung Quốc, nước Thái Lan, Miến Điện, dọc theo lãnh thổ Việt Nam ngày nay để theo xuống tận các hải đảo Đông Nam Á.

Trong khu mộ táng Thạch Trại sơn hồ Điền, và Lĩnh Nhau Sơn hồ Phú Xuyên, tìm thấy trống đồng hoàn toàn mang phong cách Đông Sơn: trang trí vòng kỷ hà răng cưa, hình xoắn chữ S, hình chấm hạt cùng với hình người hóa trang áo lông chim chèo thuyền, hình chim, hình bò v.v... khác hẳn trống đồng người Điền, càng khác hẳn nghệ thuật tượng đồng, thạp đồng phong cách Điền. Số trống Đông Sơn này chôn lẫn cùng cổ đồng Điền trong mồ vua quan Điền, có lẽ tài hóa trao đổi mậu dịch, hoặc của lễ biếu tặng cho triều đình nước Điền. Đây là một thực tế mà các nhà khảo cổ Bắc Kinh cố tình che dấu. Cũng như xưa họ không hề đả động gì đến nền văn hóa Đông Sơn phương nam. (1)

Ở đây, chúng tôi không trở lại chi tiết cuộc tranh luận giữa các nhà khảo cổ trong quá khứ về nguồn gốc và niên đại trống đồng, vốn đã được tổng kết đầy đủ trong cuốn sách *The Đông Sơn Bronze Drums (2).* Thời gian qua đi, với những chứng tích khảo cổ ngày càng đưa lên ánh sáng, chủ trương mà chúng tôi gọi tên là "văn hóa nam chinh" càng trở nên lỗi thời. Không phải đợi đến lúc Hà Văn Tấn phân tích những họa tiết kỹ hà trên trống Đông Sơn tiếp diễn từ hoa văn gốm Phùng Nguyên của văn hóa sông Hồng gần mười thế kỷ trước, để bác bỏ luận cứ ảnh hưởng từ đồ đồng Chiến Quốc (thế kỷ 4-3 BC) của Karlgren; từ đồng Hán của Goloubew; mà Groslier trước đó đã bác bỏ luận cứ "nam chinh" đầy lãng mạn của Geldern (3) gây hứng thú xôn xao trong giới học giả Âu Châu. Geldern cho rằng: giống người Thraco-Cimmerian đem nghệ thuật đồng từ Bắc Âu tràn xuống Trung Quốc, diệt nền văn minh nhà Chu, rồi xuống mãi dừng lại ở Đông Sơn. Groslier vạch rõ trên di vật Đông Sơn chả có ảnh hưởng văn minh Hellemistic nào cả của giống người này. Và đồ đồng mang dấu vết Địa Trung Hải, mà Geldern dựa vào đó để đưa ra giả thuyết của ông, có mặt ở bán đảo Đông Dương là theo chân người Ấn sang trong thời Ấn hóa vùng Đông Nam Á. (Groslier, 354)

Nỏ thần và An Dương Vương

Khi An Dương Vương, người dựng nên nhà Âu Lạc xuất hiện trong cuốn *Giao Châu Ngoại Vực Ký,* thì được cổ sử ta trích lại, nhưng chi tiết mỗi sách một khác, và hư thực màu huyền thoại. Theo *An Nam Chí Lược* (4): Vua nước Thục, thường sai con đem ba vạn binh đi chinh phục các Lạc tướng, nhân đó cứ giữ đất Lạc mà xưng là An Dương Vương, làm ra cái nỏ thần, bắn một phát giết được muôn người. Triệu Đà biết không địch lại với vương, trú lại huyện Võ Ninh, khiến thái tử Trọng Thủy làm chiếu trá hàng để tính kế về sau. Theo *Lĩnh Nam Chích Quái* (5): nhân việc tiên tổ cầu hôn với con gái Hùng Vương không được nên sinh hàm oán, Phán muốn cử binh đánh Hùng Vương, được nước Văn Lang cải hiệu Âu Lạc mà ở, đắp thành đất ở Việt Thường. Còn *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (6) nói là đóng đô ở Phong Khê.

Sách *Việt Sử Thông Giám Cương Mục* tỏ ý

nghi ngờ có, không về một An Dương Vương. Henri Maspero cho An Dương Vương là nhân vật hoang đường. Lê Hữu Mục thì bảo Tư Mã Thiên có nhắc tới tên một ông quan tên An Dương. Chúng tôi dò kỹ bản dịch của Watson cuốn *Sử Ký* mà không tìm ra tên ông, trừ một câu chép ngắn: Triệu Đà chiêu dụ hai nước Âu và Lạc. Còn các sử gia Hà Nội ngày nay tin rằng nước Âu Việt của An Dương Vương rất nhỏ, nằm ở đất Cao Bằng *(Đại Việt Sử Ký Toàn Thư,* phần chú giải, 135)

Các cổ sử ta đều đồng ý một chỗ: Âu Lạc của An Dương Vương chế được nỏ thần. *Việt Điện U Linh Tập* (7) ghi tích ông Cao Lỗ, phò tá của An Dương Vương là người chế ra nỏ thần. Nỏ lập nhiều chiến công nên được sắc phong thần tên "Linh Quang Kim Trão Thần Nỏ." Cộng với chuyện tình bất hủ kiểu "bên tình, bên hiếu" của Trọng Thủy Mị Châu trong thần tích Thần Kim Qui.

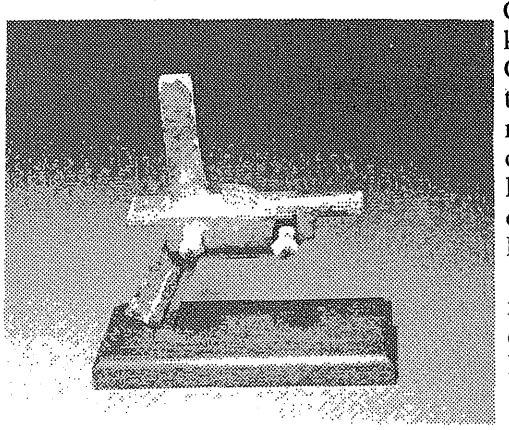

Cơ phận nỏ đồng bắn liên hoàn. Hậu thân của "nỏ thần" An Dương Vương?
(Hình của Christie's - New York)

Tại mồ Điền núi Thạch Trại trong số các cổ đồng, có một hiện vật rất đặc biệt. Đó là một cơ phận nỏ máy bằng đồng. Ta có thể gọi là máy bắn tên được nhiều phát. So với cung nỏ thường, máy cơ phận lẩy cò bắn liên hoàn nhiều phát tên này là một phát minh trọng đại trong kỹ thuật vũ khí, chẳng khác nào súng liên thanh ngày nay. Cơ phận máy bắn nỏ này có đưa sang Áo dự triển lãm cổ vật văn hóa Điền trong năm 1986-1987) - *Dian, Ein versunkenes Komigreich in China 1986-87.*

Tại Hà Nội năm 1993, chúng tôi đã thấy tận mắt và cầm trên tay một hiện vật tương tự trong một sưu tập phẩm của tư nhân. Người này cho biết thỉnh thoảng dân vẫn tìm thấy vài cơ phận nỏ đồng như vậy tại vùng Hà Sơn Bình. Tra cứu thêm tư liệu khảo cổ, khắp Trung Quốc vắng mặt một vũ khí quan trọng như thế. Trừ một tin: bốn trăm mồ quan Hán đào tại bên ngoài Lạc Dương - kinh đô cũ nhà Đường - tìm được một cơ phận nỏ tương tự trong rất nhiều di vật tùy táng. Có lẽ đây là một kỷ vật chiến tranh hiếm quí do một tướng Hán đi nam chinh mang về (đánh nhau với nam di hay quân Triệu Đà).

Cổ sử ta chép rằng: "Nỏ bắn ra một phát giết được muôn người," hoặc "Mỗi lần bắt 10 phát, giết được một vạn quân lính." Chỗ thần kỳ ấy chỉ có thể phóng đại từ sự thật nỏ máy bắn nhiều phát một lúc, rất hữu hiệu để chống địch số đông. Sự kiện vũ khí độc đáo này không có ở Hoa Bắc mà xuất hiện ở phương Nam. Với chuyện nước Âu Lạc của An Dương Vương có bí quyết chế nỏ thần mà Triệu Đà tìm cách bắt chước, ta có thể cho rằng chuyện ấy gần với sự thật. Dân Điền cũng dùng thuật đúc đồng chế lại vật này, hay lấy từ Âu Lạc? Có sao vũ khí lợi hại ấy không thấy có nhiều? Chắc hẳn phải đòi hỏi một trình độ cao so với thời ấy mới chế được. Và bí quyết chế tạo được bảo mật, chỉ làm được số ít và chỉ dành cho các tướng quân dùng khi xung trận.

Từ xưa, trong các tộc người Bách Việt, dân ta đã lừng lẫy biệt tài chế vũ khí. Sách *Bác Vật Chí* tiết lộ: "Giống sơn nam ở Giao Chỉ, Quảng Châu gọi là lý từ. Cung nỏ họ dùng dài mấy thước, đúc đồng làm mũi tên, đầu mũi tên bôi thuốc độc, tên trúng người nào, người ấy tất chết. Ngày nay, sơn man vẫn dùng thứ cung ấy, hổ báo cũng sợ trốn." Trên trống đồng Ngọc Lũ, có chạm hình người cầm cung dài ngang tầm đầu người, có lẽ là thứ cung dài mấy thước ấy. Vũ khí thời Hồ Quý Ly rất tân tiến, khi xâm lăng Đại Việt, quân Minh tịch thu rất nhiều cung nỏ cho là quí đem về nước. Thứ cung ấy thấy có chép trong sách *Uyên Giám* đời Minh: "Vua Cao Đế nhà Minh mời ông Từ Đại, Lý Văn Trung, Phùng Thắng ăn yến, thi bắn rồi ban cho 50 cái cung Giao Chỉ, 100 cái đồng cung." (là cung sơn đỏ, ban cho chư hầu có công). Hồ Công Trừng, con của Hồ Quí Ly bị đưa sang nhà Minh, cho làm quan để chế súng thần công.

Do đó ta có thể tin được dân Âu Lạc chế được nỏ đồng bắn liên hoàn trong thời chiến tranh với Triệu Đà và nhà Hán. Nỏ đồng còn sót lại có thể là hậu thân cái nỏ đồng đầu tiên của ông Cao Lỗ, người Âu Lạc chế. Việc phong thần cũng là việc có thật, vì tục lệ ấy của triều đình nước Nam vẫn kéo dài cho đến thế kỷ 19, khi nhà Nguyễn lập sắc phong thần cho các khẩu thần công đặt ở đại nội Huế.

Trống đồng Đông Sơn và các tộc người Bách Việt ở Tây Nam Á

Dưới cái nhìn của một người Hán phương bắc, Tư Mã Thiên phác họa đôi nét về các tộc người tây nam di: "Miền tây nam có hàng chục vua các nước rợ, lớn nhất là vua nước Dạ

Lang. Phía tây Dạ Lang là nước Mi Mọi, lớn nhất là vua nước Điền. Phía bắc Điền còn có vua nhiều nước khác, lớn nhất là vua nước Câu Đinh... Dân các nước có vua này đều theo tục tóc búi tó, làm ruộng rẫy và định cư trong các thôn làng..." Về sau *Hậu Hán Thư* dựa theo đoạn ấy mà thêm vào 'người nước Giao Chỉ" và phong tục "cài áo phía bên trái." Sử liệu này xác nhận sau hơn hai ngàn năm đến nay phụ nữ Việt Nam vẫn giữ kiểu tóc búi tó (còn đàn ông thì cắt ngắn từ đầu thế kỷ này khi tây hóa) chẳng khác nào kiểu tóc tượng phụ nữ Điền trên nắp một thạp đồng tả cảnh các bà đang quay sợi, dệt vải (hiện vật số M1)

Những tộc người này, vì điều kiện tộc hệ và địa lý môi trường, phân ra nhiều nhóm lớn nhỏ sống ở miền xuôi hay miền ngược, dân tộc miền núi hẻo lánh thì giữ được lâu hơn nét cổ truyền, tộc sống đồng bằng vì dân số tăng nhanh, đẩy xã hội làng xóm tiến đến thành qui mô đô thị, nhưng cùng chung một nguồn văn hóa cổ. Sự phân hóa này "của hàng trăm nước rợ" như Tư Mã Thiên tả (về sau được gọi chung là Bách Việt) chính là nhược điểm dễ bị nhà Hán thôn tính và đồng hóa.

Trống đồng và dân Điền

Các trống đồng biểu tượng văn hóa Đông Sơn - tại lăng mộ Điền núi Thạch Trại, tìm thấy tám trống đồng chia ra chôn ở hai đầu mộ; Mười lăm chiếc trống khác cùng chôn theo cách ấy ở mộ núi Lĩnh Nhai.

Công dụng của trống đồng được mô tả trong cảnh tượng sống động lễ kết giao, ăn thề giữa hai bộ tộc trên nắp một thạp đồng (hiện vật M1226). Đây là một nghi lễ tôn nghiêm trong phong tục Điền, theo *Hóa Giang Quốc Chí:* "Tục của họ trọng lời thề nguyền trước thần linh và họ làm lễ kết giao ăn thề rất uy nghiêm. Các quan lại (Hán) nhân đó lợi dụng tục thề nguyền này để dần chiếm đoạt quyền lực của họ." Buổi lễ được tổ chức trước ngôi nhà sàn công cộng của bản làng, tiền thân của ngôi đình Việt sau này. Trên sàn nhà đặt quanh những trống đồng, dưới sân có một chiếc trống đồng thật lớn khác như vật linh. Người ngồi chủ trì buổi lễ có lẽ là một bô lão. Giới chức ngồi xếp hàng trên bệ có lẽ là các tộc trưởng, các bậc cao niên, hoặc sứ giả các bộ tộc khác vì kiểu tóc và y phục khác nhau. Hình lợn, cừu đang bị tế thịt. Lại có người sống bị trói vào cột, như sắp bị tế thần.

Hình trống đồng có mặt trong các cuộc tế lễ khác như cảnh trên nắp thạp đồng tả lễ tế thần rắn (hiện vật M1). Hai trống đồng đặt đối diện nhau, ở chính giữa là một cột đồng có đôi rắn quấn quanh cùng rất đông người dự lễ. Tục tế thần rắn cho được mùa là một phong tục riêng

Cảnh đàn bà Điền dệt vải - Tóc búi tó kiểu người Việt cổ

của dân Điền, không thấy dấu tích nơi người Văn Lang. Trong cảnh này có ba hình nhân bị trói như sắp hành quyết để tế thần. Tín ngưỡng Điền xem rắn là Thổ Thần, nguồn gốc cho phồn thực đất đai, sinh hoa kết quả mùa màng. Rắn được thờ như quyền linh tối cao của sự giàu có, như biểu tượng thần rắn trên chiếc ấn vàng nhà Hán ban cho vua Điền.

Ta có thể tóm lược rằng trống đồng được sử dụng như nhạc khí, vừa được tôn kính như một linh vật trong các nghi lễ của dân Điền: từ hội nghị với các bộ lạc lân bang làm lễ giao thề, để tế thần thổ địa, lễ dựng cột để phân chia biên giới và hòa giải mối quan hệ các bộ tộc v.v...

Hình trang trí trên trống đồng

Nguyễn Duy Hinh trong một bài viết (8), dịch lại một số văn sử cổ Trung Quốc đề cập đến trống đồng. Ông còn đưa ra một danh mục 30 cuốn sử Trung Quốc về trống đồng có tại thư viện Khoa Học Xã Hội do Trần Văn Giáp sưu tầm. Chúng tôi xin bổ túc thêm hai nguồn sử khác không có trong danh mục đó. Đây là hai tác phẩm quan trọng nhất về trống đồng cũng như mô tả khá rõ về người Việt cổ: *Hóa Giang Quốc Chí* của Thường Qui viết vào thế kỷ thứ tư, là cuốn sách sớm nhất đề cập về trống đồng (9); và *Man Thư,* một ký thuật về

sử địa vùng tây nam Á viết vào đời Đường.

Hội đua thuyền: Trống đồng Đông Sơn và Điền tìm thấy tại nước Điền có trang trí cảnh chèo thuyền của người mặc lông chim. Đây là lễ hội cổ của một số tộc tây nam mà người của văn hóa Đông Sơn tổ chức qui mô nhất. Sử thời Tống-Minh thuật lại hội đua thuyền từ đời xưa truyền đến khi sách ghi chép. Tác giả Châu Bổ đời Tống viết cuốn *Ký Trùng Nhân Tiếu* về các tộc nam di. Dân man ở châu Vũ Di thích nhảy múa và thường băng rừng lội suối đi suốt ba ngày đường để đến dự hội đua thuyền. Quảng Lộ viết cuốn *Xích Nha,* một địa chí phủ Quảng Tây vào đời Minh, chép : 'Ở Ngũ Lĩnh, thuyền đua cao chừng mười trượng. Trên bến và trên thuyền có các người mặc y phục trắng. Người đứng trên thuyền cầm cờ hiệu, kẻ đứng trên bến mặc áo tay rộng thì nhảy múa cổ võ. Trong thuyền có người nai nịt giống như các tướng quân xưa nay, ra lệnh cho ba quân trang bị cung tên sẵn sàng lâm chiến. Khi thắng trận, họ giả chém địch quân bêu lên trước mũi thuyền, nhảy múa mừng quanh thủ cấp. Tục đua thuyền tộc người Thái ở Cảnh Hồng, thuộc Vân Nam nay hãy còn giữ." Đây là lời ghi chép xưa nhất về lễ hội này.

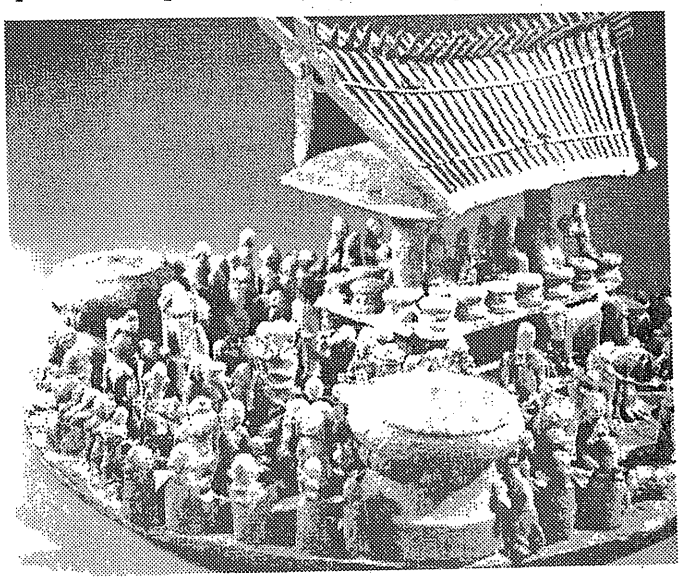

Thạp đồng của Điền, nắp tủ cảnh lễ kết giao, ăn thề, với dàn trống đồng nhạc khí, và hai trống đồng lớn làm vật thờ

Trò chơi đánh đu, mặc lông chim: Trò đánh đu trong hội hè diễn tả trên trống đồng Đông Sơn, còn diễn lại trên nắp một thạp đồng Điền với hình tượng một Cột đồng dựng trên mặt đất. Cột treo bốn sợi dây. Mỗi sợi dây bện thành bốn vòng. Hình bốn người đeo vào bốn vòng dây để đánh đu. Theo sách *Vân Nam Chí Lộ* viết vào đời Nguyên: 'Hàng năm dân Lô Lô (một tộc thuộc người Lạc cổ) mở hội tết vào cuối tháng chạp âm lịch, họ bày trò chơi dựng một cột cao trên đó có treo một võng gỗ, mỗi đầu võng có người ngồi nhún lên xuống." Trò chơi này sau còn ghi trong sách *Quảng Tây Phủ Chí* đời Thanh, nay tộc Di và Thái vẫn còn giữ. Tết truyền thống của các làng Bắc Việt cũng có trò "đu tiên" tương tự.

Về tục trang điểm lông chim, lông gà, cũng theo sách *Vân Nam Chí Lộ* thì tộc Bạch thường gắn lông công vào đầu mỗi khi cưỡi ngựa trông tựa chim bay. Tộc Mang Thị gắn đuôi chim trĩ và nhảy múa quanh tù binh bị bắt, tay cầm giáo xỏ tai cắt từ tử thi quân địch. Đến đời Thanh, một số lớn các dân tộc giáp giới nước nam còn giữ tục này. Sách *Điền Hải Ngu Hành Chí* kể tộc Dao Ni đánh trống gõ chuông vào buổi sáng, tóc mang lông gà nhảy múa để trừ tà ma, buổi chiều ca hát rền rĩ. Dân Mao Di đầu tóc quái dị, vấn thành búi, đeo lông gà... Dân La Hộ đội vòng gắn xương thú, kết với lông gà, và hay buộc nhánh cây đỏ quanh đầu. Sách *Nam Chiếu Dã Sử* tả dân Bồ Di, đàn ông trang điểm lông gà trên tóc... Dân Mang mình trần, đầu mang lông gà... Các tộc Yêu Gia, Mèo đen lấy vỏ cây dâu che thân và thường gắn lông gà trước trán. Ngay đến ngày nay, một số ít tộc người sống hẻo lánh tại thôn bản vùng biên thùy, vẫn còn đội mão lông gà làm đẹp như thời văn hóa cổ Đông Sơn.

Qua các tượng đồng Điền để lại, tục hóa trang lông gà, lông chim không thấy phổ biến nơi người Điền, chỉ thấy nơi hình của tộc lân bang đến chầu. Chỗ khác biệt này qua di vật Điền và Đông Sơn chứng tỏ hình họa lông gà, lông chim là ký hiệu không thể lầm được của văn hóa Đông Sơn. Ngoài trống đồng hình người mặc lông chim lưu lại rất nhiều trên thạp đồng, rìu dao, lá chắn đồng che ngực hầu hết tìm thấy trên lãnh thổ ta.

Hình bò: Điền và nước ta xưa từng có đường qua lại, nằm gần nhau, nên những trao đổi văn hóa và kinh tế rất thịnh. Dấu vết ấy thể hiện qua hình giống bò *sa* của Điền xuất hiện trên trống đồng Đông Sơn. (10)

Hình con bò sừng cong rõ ràng là giống bò sa được đúc tượng nhiều nhất trong đồng cổ Điền. Giống bò này giữ một vai trò chính trong nền kinh tế mậu dịch của Điền với các tộc lân bang. Bò sa tượng trưng sự giàu có trong xã hội Điền. Giới vua quan Điền còn là giới chủ nô giàu có nhờ số lượng nô lệ và bò sa. Tượng bò sa trên các vật tùy táng tượng trưng của cải khi chủ nhân sang thế giới bên

kia.

Man Thư cho biết giống bò sừng cong này xuất phát từ miền Tứ Xuyên, Vân Nam, đất phì nhiêu đồng cỏ và nhiều mưa, cỏ cây quanh năm tươi tốt nên nuôi được nhiều bò. Tại Tiên Bảo Hồng mỗi gia đình nuôi đến hàng trăm con. Sách còn chép miền Đông Hải (Quảng Đông, Phúc Kiến và miền đồng bằng Giao Chỉ) có vô số trâu hoang, mỗi đàn một hai ngàn con.

Hình bò sừng cong trên trống đồng Đông Sơn, chứng tỏ hai miền có liên hệ kinh tế và văn vật. Có lẽ tộc Việt cổ nổi tiếng chế tạo trống đồng để bán đổi với các xứ chung quanh, chẳng hạn với giới chăn nuôi giàu có Điền. Sử nhà Minh sau này chép có thứ trống đồng đổi một cái lấy hàng trăm con bò. Giá đắt đỏ quá thế chỉ có thể hàng quí nước Việt xa. Hình bò sa trong mỹ thuật Đông Sơn nói lên dân Việt cổ có mua đổi giống bò sa về nuôi, cũng thỏa mãn thị hiếu khách giàu có Điền. Nhiều trống đồng văn phong Đông Sơn (11) tìm thấy có mặt lẫn lộn giữa trống Điền. Những trống này cái còn nguyên, cái phá đi mặt trống, lắp thế nắp trang trí tượng đúc, lắp đáy thành thạp đựng tiền vỏ sò chôn theo chủ nhân.

Nhìn chung, nghệ thuật Đông Sơn chuyên về trống đồng kỹ thuật trang trí nét đúc nổi, chìm. Mỹ thuật Điền đúc tượng ba chiều, trang điểm gắn vào các vật dụng, như tượng cảnh trên nắp thạp sò. Mỹ thuật Đông Sơn cách điệu, tượng trưng (symbolism), còn Điền thiên về tường thuật tả chân (realism).

Toàn bộ tác phẩm hiện thực ấy của người Điền như vinh danh bản sắc dân tộc mình. Chúng hãnh diện phô bày các sinh hoạt văn hóa xã hội, cũng là một bộ phận của Bách Việt. Số lượng lớn tượng dã thú, gia súc biểu lộ tình thân với loài vật quanh mình. Những hoạt cảnh đấu tranh mất còn giữa người và thú, thú và thú, người với người tỏa lên ý chí sinh tồn dũng mãnh, đương đầu với môi trường thiên nhiên, và lịch sử dân tộc triền miên bị đe dọa xâm lăng qua các đời Chu, Tần, Hán của người miền trung nguyên sông Hoài (12).

Những cảnh bạo động đó khác hẳn vẻ dịu dàng các con chim, cóc, bò, nai hiền lành và không khí thái hòa vui nhộn những lễ hội đua thuyền, trò đánh đu, giã gạo, vũ nhạc của người miền sông Hồng trên trống đồng Đông Sơn.

Những di vật đồng hoen rỉ của một giống "rợ" mất nước, một nền văn hóa diệt vong được người ta đào mồ dựng dậy, tự chúng nói lên ngôn ngữ nghệ thuật rất riêng không lẫn vào đâu được. Thế mà quan điểm chính thức từ ban văn hóa trung ương Trung Quốc phán ra vẫn theo nhịp "văn hóa nam chinh" từ hơn hai ngàn năm trước: "Nước Điền thời ấy tiến bộ nhất trong đám rợ tây nam vì được tiếp xúc với văn hóa Hán" (The Chinese Bronzes of Yunnam, 20). Đám cán bộ văn hóa Bắc Kinh kẻ thì nói chúng ảnh hưởng nghệ thuật đồng nước Ba, Thục (Tứ Xuyên); người thì cho rằng ảnh hưởng từ đồ đồng nhà Chu (13). Ngoại trừ chiếc ấn vàng, các đồng tiền bán lạng, ngũ thù, những gương đồng và khóa thắt lưng phong thái Hán đánh dấu ngày tàn văn hóa Điền vào chặng cuối. Dưới ánh sáng sự thật lịch sử, thể tài cổ đồng Điền đậm nét dân tộc đó chẳng pha chút "tiến bộ" nào theo kiểu bắc phương. Nếu không nói nghệ thuật đồng mộ táng Điền còn trội vượt xa nghệ thuật tượng gốm mộ táng Hán cùng thời đại.

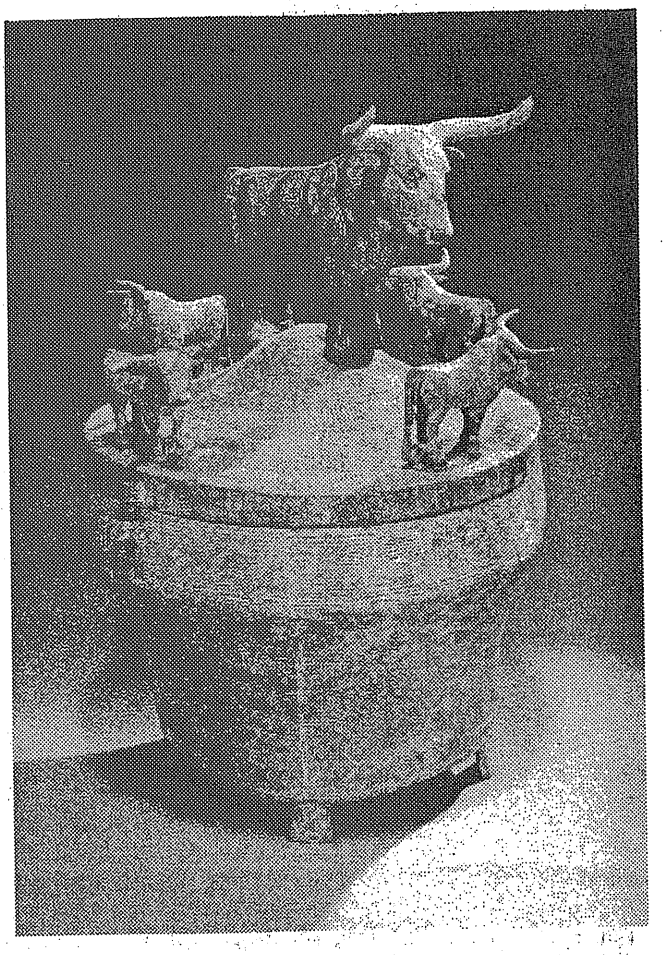

Thạp đồng đựng tiền vỏ sò, nắp có tượng hình bò sa

Nếu nói văn hóa Điền tiến bộ hơn các tộc

nam di khác vì nhờ nơi văn hóa Hán, vậy thử hỏi có nước rợ nam nào thoát khỏi vòng kiềm tỏa Hán thời bành trướng? Còn các nước rợ khác sáp nhập vào nước Nam Việt của Triệu Đà, một ông quan nhà Tần, gần gũi nhất với văn hóa Hán thì sao? Trước luận điệu đánh lận con đen với khoa sử học và khảo cổ học ấy, các nhà khảo cổ địa phương Vân Nam, người nhúng tay vào các cuộc khai quật văn hóa Điền, lên tiếng sửa sai trung ương ngay phần kết luận cùng sách này:

"Quan điểm chúng tôi cho rằng tuy qua bao thời đại có những giao lưu ảnh hưởng với các lân bang, nhưng chứng tích cho thấy nghệ thuật đồng cổ Điền không hẳn ảnh hưởng từ nước Ba, Thục hay Chu. Nó là những thành tựu tiếp thu từ nền văn hóa tân thạch khí (neolithic) ngay tại bản địa song đương nhiên không tránh khỏi những ảnh hưởng bên ngoài." (Ibid. 20-21)

Nói về tộc Điền mà cũng như nói về dân tộc Việt. Thời bành trướng vinh quang của Hán qua ngòi bút của Tư Mã Thiên, cũng là thời bi thương của các tộc Bách Việt. Để rồi gần một ngàn năm sau, chỉ có mỗi dân tộc Việt trong hàng trăm tộc nam di đó đoạt lại mảnh trời xưa như cho những cánh chim tự do bay trên trống đồng cổ của tổ tiên.

Và ngọn lửa vong linh của các tộc người anh em mất nước như vẫn le lói trong tâm hồn Việt Nam.•

Hồ Rừng, California
Xuân 1997

Kỳ Tới: Phần hai - Đàn con nuôi của Rồng, chuyện về người đem trống đồng cổ chôn vào núi.

Chú thích

1. Năm 1902, nhà khảo cổ người Áo F. Heger, dựa vào tư liệu của 165 trống đồng, công bố một bài nghiên cứu công phu. Ông mô tả tỉ mỉ số trống đồng này qua kích thước, hình dáng, sức nặng, trang trí, hợp kim, cách chế tạo. Bản tổng kết Heger phân loại và định niên đại thành bốn nhóm chính (groups) và ba nhóm phụ (sub-groups). Trong đó, nhóm những trống đồng xưa và đẹp nhất, tìm thấy tại Việt Nam. Hệ Heger này về sau bị các nhà khảo cổ "quốc doanh" ban văn hóa trung ương Trung Quốc vẫn thói con trời đại Hán, tìm cách xoay trở phản bác.

Theo thời gian, thêm nhiều trống đồng tìm được, bổ túc làm gia tăng số nhóm phụ. Nhưng căn bản, đến nay học giả thế giới đánh giá công trình của Heger là khoa học chính xác nhất. Cuối cùng Trung Quốc bèn hạ giọng, chấp nhận cách phân loại của Heger.

2. The Đông Sơn Drums - Compiled by Hà Thúc Cần - Archaeologists: Nguyễn Văn Huyên, Hoàng Vinh, Phạm Minh Huyền, Trịnh Sinh - photographed by: Nguyễn Văn Trung.

Đây là một cuốn sách Anh ngữ về trống đồng Đông Sơn giá trị hàng đầu thế giới, cả hình thức lẫn nội dung: tập hợp các công trình khảo cứu của các học giả Việt Nam, phần hình ảnh nhiều năm công phu thực hiện, ấn loát mỹ thuật.

3. Indochina - Archaeologia Mundi - Bernard Philippe Groslier - translated from the French by James Hogarth - The world Publishing Co. Cleverland and New York - 1966.

4. An Nam Chí Lược - Lê Tắc - Bản dịch của viện đại học Huế - Ủy Ban phiên dịch sử liệu Việt Nam 1961.

5. Lĩnh Nam Chích Quái - bản dịch của Lê Hữu Mục - Huế 1960.

6. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư - nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội - Hà Nội 1993.

7. Việt Điện U Linh Tập - Lý Tế Xuyên, bản dịch của Lê Hữu Mục - Nhà Sách Khai Trí - Sài Gòn 1960.

8. Trống Đồng Trong Sử Sách - Nguyễn Duy Hinh - Khảo Cổ Học, số đặc biệt về trống đồng - Tập 1 năm 1974 - Hà Nội.

9. Hóa Giang Quốc Chí 华阳国志 của Tường Qui 常璩

Một cuốn sử - địa sớm nhất viết về các dân tộc tây nam di từ thời thái cổ đến thế kỷ thứ tư khi sách ra đời. Sách được xem là bổ khuyết những điều chưa chép đủ trong Sử Ký của Tư Mã Thiên về các dân tộc vùng này. Trong hai bài viết liên tiếp ký tên chung Diệp Đình Hoa và Phạm Minh Huyền trong Khảo Cổ Học - số đặc biệt trống đồng tập 1 (13) năm 1974 - Hà Nội, tác giả lập lại rằng việc ghi chép về trống đồng sớm nhất trong sách Hậu Hán Thư của Phạm Việp, thế kỷ thứ năm. Chúng tôi cho rằng Hóa Giang Quốc Chí đã chép về trống đồng trước đó một thế kỷ.

10. Những trống Đông Sơn tại nước Điền Cổ (Vân Nam) luôn luôn có hình bò sa. Hình bò cách điệu hóa với hoa văn Đông Sơn trên thân. Trống Đồng tại Việt Nam có hình bò sa là trống Đồi Ro, Làng Vạc, Miếu môn...

11. Trống Đông Sơn tại hồ Phú Xuyên (Điền, Vân Nam) nay để lại viện bảo tàng Stockholm (Thụy Điển), trống tìm thấy ở Lương Vân Sơn tại viện bảo tàng Anh, một số trống Đông Sơn từ vùng Lĩnh Nhai Sơn, Thạch Trại Sơn v.v... với những đặc điểm tiêu biểu: Chim bay quanh mặt trời, người mặc lông chim chèo thuyền, cách nhau bởi chim đậu, cá lội, luôn luôn đi với vòng kỷ hà Đông Sơn... Trống tương tự tại Việt Nam là trống Sông Đà, Miếu Môn, Hà Nội... (thuộc hệ Heger I và II), tuy tương tự cách trang trí, nhưng chưa hề thấy hai trống giống nhau như từ một khuôn đúc.

12. Trung Nguyên sông Hoài, chỉ vùng bình nguyên miền trung du Hoài Giang. Dù các nền văn hóa thời tân thạch khí trước đó phát triển trên địa bàn rộng lớn khắp Trung Quốc, nhưng nước cổ nhất chế tạo đồ đồng thau là Thương - Chu nằm giữa bình nguyên sông này. Dân tộc miền trung này là dân tộc Hán, và văn hóa của họ là đặc trưng văn hóa Hán.

13. The Chinese Bronzes of Yunnam - Foreword by Jessica Rawson - published in Association with the Cultural Relics Publishing house Beijing.•

ĐỘC TIỂU THANH KÝ

Thơ Chữ Hán của Nguyễn Du

HẠNH CƠ luận và dịch

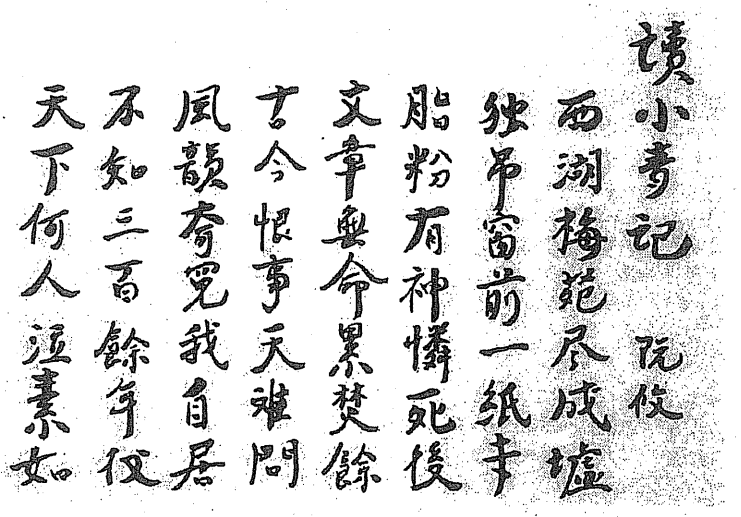
讀小青記 阮攸
西湖梅菴尽成墟
独弔窗前一紙書
胎粉有神憐死後
文章無命累焚餘
古今恨事天難問
風韻奇冤我自居
不知三百餘年後
天下何人弔素如

Căn cứ theo sách *Thơ Văn Chữ Hán Nguyễn Du* của nhóm biên soạn Lê Thước, Trương Chính (nhà xuất bản Văn Học, in tại Sài Gòn, 1978), đây là bài thơ số 78 và cũng là bài chót của tập *Thanh Hiên Thi Tập*. Và cũng theo quí vị này thì cụ Nguyễn Du đã làm bài thơ trên trong khoảng thời gian *"làm quan ở Bắc-hà" (1802-1804)*.

Theo ý tứ toàn bài, cụ Nguyễn Du nhân đọc được tập kí sự nói về cuộc đời tài hoa lại yểu mệnh và đầy tủi hận của một thiếu phụ, rồi cảm thương cho số phận nàng mà sáng tác ra bài thơ trên; rồi cũng nhân đó mà khóc thương cho số phận mình.

Tựa đề bài thơ cho ta thấy ngay tên của thiếu phụ được nói đến là Tiểu Thanh. Tương truyền, nàng sống vào cuối đời Minh (1368-1661), họ Phùng, tên Huyền Huyền, quê ở Hàng Châu (Triết Giang); Tiểu Thanh là tên tự. Nàng giỏi âm luật, làm thơ hay, tài sắc gồm đủ. Năm 16 tuổi nàng được gả về làm thiếp cho một người cùng họ, tức Phùng Thiên Thu. Nàng bị vợ cả ghen ghét, bắt phải dời lên ở núi Cô Sơn, cạnh hồ Tây (phía Tây thành phố Hàng Châu, Triết Giang); nhưng chẳng được bao lâu thì vì buồn rầu, uất ức mà chết, lúc đó mới 18 tuổi! Nay ở Cô Sơn vẫn còn ngôi mộ của nàng.

Tài liệu trên về Tiểu Thanh, chúng tôi lấy từ bộ bách khoa *Từ Nguyên* (nxb Thương Vụ Ấn Thư Quán, Hương Cảng, 1994), trong đó không thấy đề cập đến bài *"Tiểu Thanh Kí,"* nhưng có nói rằng: *"Tập* Liệu Đố Canh Kí *của Ngô Bính và tập* Tiểu Thanh Nương Phong *của Chu Tông Phan, đời Minh, đều lấy đề tài có liên quan đến chuyện nàng Tiểu Thanh; còn sách* Liệt Triều Thi Tập *của Tiền Khiêm Ích đời Thanh thì bảo rằng, nhân vật Tiểu Thanh không có thật, những thi văn truyền lại là do kẻ hiếu sự giả thác mà làm ra thôi."* Có thể đây là những tài liệu mà cụ Nguyễn Du đã đọc, còn cái tên *"Tiểu Thanh Kí"* là do chính cụ đặt lấy chăng? Cụ Quách Tấn (trong sách Tố Như Thi) bảo rằng: *"Có người viết truyện nàng, gọi là Tiểu Thanh Kí"*; nhưng vì tài liệu quá ít ỏi và thì giờ không có nhiều, chúng tôi không thể kê cứu tường tận được, xin quí vị độc giả thông cảm cho.

Về thơ Chữ Hán của Nguyễn Du, chúng tôi hiện chỉ có hai tài liệu để tham khảo: 1) *Thơ Chữ Hán Nguyễn Du* của các cụ Lê Thước và Trương Chính (sách đã dẫn trên - chúng tôi sẽ gọi tắt là *bản Lê Thước),* gồm 248 bài thơ của cả ba tập: *Thanh Hiên Thi Tập, Nam Trung Tạp Ngâm và Bắc Hành Tạp Lục,* có lẽ là tài liệu đầy đủ nhất về thơ chữ Hán của Nguyễn Du hiện nay (?); nhưng tiếc một điều, là trong sách hoàn toàn không có một chữ Hán nào cả! 2) *Tố Như Thi* của cụ Quách Tấn (nxb An Tiêm, Paris, 1995 - chúng tôi sẽ gọi tắt là *bản Quách Tấn),* chỉ trích dịch có 72 bài, nhưng mỗi bài đều có in kèm chữ Hán.

Do đó, khi dịch bài *"Đọc Tiểu Thanh Kí,"* trên đây, chúng tôi đã dựa vào bài chữ Hán trong *bản Quách Tấn.* Trước khi dịch, chúng tôi xin bàn về một số chữ cần thiết:

- Ở Trung Quốc có rất nhiều hồ được đặt tên là *hồ Tây,* nhưng chữ *"Tây hồ"* trong câu đầu tiên của bài thơ này là chỉ cho cái hồ ở phía Tây thành phố Hàng Châu, tỉnh Triết Giang. Hồ rất rộng, có chu vi đến 30 dặm, núi

bao la mặt, là một trong những thắng cảnh đẹp nhất của Trung Quốc. Tương truyền, thời nhà Hán, người ta có thấy một con bò bằng vàng xuất hiện trong hồ, - đó là điềm thánh minh, nên hồ được đặt tên là *hồ Minh Thánh*. Lại nữa, vì hồ ở cạnh sông Tiền Đường, nên cũng có tên là *hồ Tiền Đường*. Từ đời Đường về sau hồ được gọi là *Tây Hồ*.

- Chữ *"hoa uyển,"* cũng ở câu đầu tiên của bài thơ, cả hai bản đều viết là *"hoa uyển,"* nhưng trong phần chữ Hán của *bản Quách Tấn* thì lại viết là *"mai uyển,"* và dưới phần *"chú thích"* thì nói: *"Hoa Uyển: Nghe truyền là Mai Uyển."* Chúng tôi thấy chữ *"mai uyển"* đúng hơn chữ *"hoa uyển"*. Như trên đã thấy, Tiểu Thanh bị vợ cả của chồng ghen ghét, không cho ở chung, bắt dời lên núi Cô Sơn (chúng tôi dịch là *Núi Một)* sống hẩm hiu, uất hận cho đến chết. *Từ Nguyên* (đã dẫn trên) cho biết về núi này như sau: *"Ở cạnh hồ Tây (Hàng Châu, Triết Giang) có một quả núi, đứng một mình, bên cạnh không có đồi núi nào dính liền cả. Đời Tống có ông Lâm Bô lên đó ở ẩn, trồng mai nuôi hạc. Nay tại đó còn ngôi mộ của Bô, có lối Mai và mả Hạc."*

- Chữ *"phần dư"* ở câu thứ tư, nói đầy đủ là *"phần dư cảo,"* nghĩa là bản thảo bị đốt nhưng không cháy hết, còn sót lại một ít tờ hoặc một ít đoạn, một ít bài. Lúc Tiểu Thanh sống trên núi Cô Sơn, nàng có làm một tập thơ ghi lại tâm sự mình. Sau khi nàng chết, người vợ cả vẫn còn ghen tức, bèn đem tập thơ đó đốt đi; rất may, nó không cháy hết mà còn sót lại một số bài. Có người yêu văn chương, lượm chép lại, và viết truyện nàng để lưu truyền.

- Hai câu cuối của bài thơ là hai câu từng được truyền tụng nhiều nhất. Bất cứ ai nói về tâm sự của cụ đều có bàn đến hai câu này. Trước năm 1943, những người nghiên cứu về cụ Nguyễn Du đều cho rằng, hai câu đó đã do cụ thốt ra trước khi chết, nhưng từ năm 1943, khi bài thơ *"Độc Tiểu Thanh Kí"* này được khám phá thì mới thấy hai câu ấy là hai câu chót của bài thơ này. Có người còn tính toán con số "300 năm" mà bảo rằng, đó là thời gian tính từ lúc nàng Tiểu Thanh chết cho đến lúc cụ Nguyễn Du làm bài thơ trên. Chắc là không đúng như vậy. Trong cả hai *bản Lê Thước và Quách Tấn* đều nói rằng Tiểu Thanh sống vào *đầu* nhà Minh. Vậy, giả sử cụ Nguyễn Du làm bài thơ trên vào năm 1804 (năm chót của giai đoạn "làm quan ở Bắc Hà," thì khoảng thời gian từ khi nàng chết (đầu nhà Minh - tức khoảng vài chục năm từ 1368) cho đến năm 1804 phải là khoảng 400 năm. Nếu theo *Từ Nguyên* (Tiểu Thanh sống vào *cuối* nhà Minh - tức vài chục năm trước 1661) thì khoảng thời gian đó chỉ vào khoảng 200 năm. Xem thế thì sự tính toán của ai đó chỉ là để "múa chơi" mà thôi! Sự thực thì mấy chữ *"tam bách dư niên hậu"* đã tỏ rõ ý tứ là *"sau này"*, chứ chẳng có ý gì về quá khứ cả. Nếu có ý quá khứ, là do chúng ta 'suy rộng ra" như thế này: Nàng chết đã mấy trăm năm rồi mà hôm nay còn có Tố Như đây khóc thương, chẳng biết mấy trăm năm sau nữa có ai là người khóc thương cho Tố Như này không?!

- Chữ *"hà nhân"* trong câu chót là căn cứ theo *bản Quách Tấn* (phần chữ Hán lẫn phần phiên âm), còn trong *bản Lê Thước* thì viết là *"thùy nhân."* Theo chúng tôi, trong trường hợp này thì **"hà nhân"** đúng hơn là *"thùy nhân"*; vì chỉ một chữ *"thùy"* đã có nghĩa là *ai, người nào* - có thêm chữ *"nhân"* là thừa, có thể bỏ đi được, trong khi đó, phải có đủ hai chữ *"hà nhân"* mới có nghĩa là *ai, người nào.* Đây là câu thơ luật, bảy chữ, dùng chữ *"hà nhân"* là vừa khít khao, trọn ý.

Chúng tôi xin dịch bài thơ trên như sau:

Nhân Đọc Truyện Nàng Tiểu Thanh

Nơi núi Một, hồ Tây thuở đó,
Có vườn mai đương độ nở hoa,
Còn gì đâu để thiết tha,
Tơ lòng nàng dệt thành thơ để đời.

Mười tám đã nên người thiên cổ!
Lụy đến thơ đốt dở còn đây.
Nỗi oan ngất chín tầng mây,
Hỏi trời còn khó, hỏi ai bây giờ!

Son phấn cũng sửng sờ, thảng thốt,
Càng sắc tài đau xót càng kinh,
Lạ lùng mệnh số đành hanh,
Người sau cảm kích ghi thành thiên chương.

Bên song cửa lật trang sách cũ,
Tưởng niệm người thiếu phụ oan khiên;
Nghĩ mình cùng hội, cùng Thuyền,
Cùng truông cay đắng, cùng niềm hẩm hiu.

Vườn mai xưa đìu hiu xơ xác,
Núi Một chừ ngơ ngác gò hoang.
Khóc người nay đã thênh thang,
Sau này ai hiểu can tràng Tố Như?

Tài liệu tham khảo:

Hán Việt Tự Điển, Thiều Chửu. Hà-nội: Đuốc Tuệ, 1942.

Thế Giới Thi Ca Nguyễn Du, Nguyễn Đăng Thục. Sài-gòn: Kinh thi, 1971.

Thơ chữ Hán Nguyễn Du, Lê Thước và Trương Chính. Nhà xuất bản Văn Học, in tại Sài-gòn, 1978.

Tố Như Thi, Quách Tấn dịch. Paris: An Tiêm, 1995.

Từ Nguyên. Hương-cảng: Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1994.

KỊCH MÚA VÀ BÓNG ĐÁ: TẢN MẠN CHUYỆN PHÙ PHIẾM?

NGUYỄN NGỌC LAN

Thứ Năm 5.9.1996

* Theo SGGP 5.9, hơn một triệu học sinh bước vào năm học mới. So với các năm học trước, số học sinh năm nay tăng thêm 98.000. Riêng số trên 36,000 học sinh đã thi tuyển vào lớp 10 trong tổng số 34,128 tốt nghiệp trung học cơ sở (xem lại báo ngày 15 và 24.8.96), cuối cùng "đã có đủ chỗ học và phấn khởi bước vào năm học mới ở các loại hình trường; công lập, bán công, giáo dục thường xuyên, trung học nghề" (!?)

* Cuối cùng thì Ea Sola cũng đã có đủ điều kiện (nhất là... tài chính) để cho *Hạn hán và cơn mưa* ra mắt khán giả Tp HCM hai tối 1, 2 tháng Chín và Tp Hà Nội hai tối 5, 6 tháng Chín, và Thái Bình. Trước đó, người trong nước chỉ được biết *Hhvcm* qua những lời lẽ bộc bạch chân tình của Ea Sola trả lời phỏng vấn của báo chí cũng như qua những âm vang tốt đẹp về vở kịch múa từ nước ngoài vọng về. Sau chuyến đi công diễn ở Âu Châu và cả Hoa Kỳ gần đây, Ea Sola cho biết: 'Đi đến xứ sở nào, chúng tôi cũng nhận được nhiều tràng pháo tay liên tục... Khán giả của kịch Shakespeare đã tiếp nhận *Hạn hán và cơn mưa* ở mức cao nhất... Đã đứng được trên sân khấu Mỹ" *(Người lao động,* 30.8.1996). Người ta thường vẫn hiểu là cô vui và tự hào vì những bà cụ nông dân cô đã dám đưa lên sân khấu và đưa đi khắp nơi và vì những gì mà kịch múa của cô có thể nói lên được về quê mẹ của mình hơn là vì tài sức của mình.

Thế nhưng theo ông Đức Kôn trên tờ *Tuổi trẻ* hôm nay thì *Hạn hán và cơn mưa* lại là *Bức tranh quá buồn về người Việt!* Có ý kiến khác với dư luận sẵn có là chuyện bình thường. Phê bình có nghiêm khắc đi nữa cũng là chuyện bình thường. Nhưng đây có gì như một bản cáo trạng chính trị dễ khiến người đọc nhớ tới các quan văn Tố Hữu trong vụ *Nhân dân Giai phẩm* hay mấy ông sen đầm văn chương như Bảo Định Giang, Trần Mạnh Hảo, Mai Quốc Liên, Trần Văn Đạm, Vũ Hạnh gần đây:

"Diễn ở các trời Tây, có thể sẵn một cách nhìn méo mó về dân tộc ta, hoặc là sự tò mò, chuộng lạ, người ta đã tỏ ra thích thú trong việc thưởng ngoạn những 'trò lạ' mà Ea Sola đã bày ra trên sân khấu. 'Trò lạ' trước hết có lẽ là những vũ công - những bà mẹ quê mùa, già cả, chân đất thứ thiệt được đi Tây và múa hát trên sân khấu hiện đại. Người ta xem các mẹ như xem những vật lạ (...)

"Người nông dân Việt Nam trong quá khứ hiển nhiên là nghèo khổ (...) nhưng vẫn là động lực phát triển chủ yếu của xã hội. Nếu họ man rợ, dị dạng như *Hạn hán và cơn mưa* mô tả, hẳn là những kẻ ngoại bang đã đẩy họ về thời kỳ đồ đá từ lâu. (...)

"Quả là một bức tranh quá khứ ảm đạm! Và người xem không thể không liên hệ với hiện tại như một sự ám chỉ.

"Về mặt nghệ thuật, người 'yếu bóng vía' dễ có cảm giác *Hhvcm* thuộc loại 'cao siêu' nên sợ bóng sợ gió. Thật ra, chẳng những sự hiểu biết của tác giả về lịch sử và con người Việt Nam còn quá mỏng manh, mà sự học hỏi và vận dụng về mặt thể hiện nghệ thuật cũng còn khá ấu trĩ (...). Chèo nửa vời, pha một tý Nô, nhưng đậm đặc hơn cả, như đã trình bày, lại là những biểu hiện thô thiển của một thứ chủ nghĩa tự nhiên do Emile Zola người Pháp - làm chủ soái, đã cáo chung gần 200 năm qua!"

Thật tiêu biểu: phê phán, truy chụp *về mặt nào khác* cho chán rồi ông Đức Kôn mới tới 'mặt nghệ thuật'! Và cả về mặt này *Hhvcm* với "những biểu hiện thô thiển của một thứ chủ nghĩa tự nhiên" phải chăng lại là con ngựa thành Troie thực dân Pháp đưa trở lại vào Việt Nam, trong lĩnh vực văn nghệ nhằm phá loại sự ổn định chính trị của... chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa?

Chung quy ông Đức Kôn như ông viết từ đầu, vẫn "hoàn toàn đồng tình với cảm nhận chung của một nhà nghiên cứu văn học cổ" nào đó, không được nêu tên: 'Sao người ta lại có thể làm ngơ, chấp nhận sự bôi bác người Việt một cách thô thiển như vậy?! Và kết luận:

"*Hạn hán và cơn mưa* sẽ tiếp tục trình diễn ở nhiều nước khác, thiên hạ sẽ hiểu người Việt ra sao, có lẽ ngoài tầm tay của chúng ta. Nhưng ở Việt Nam, theo thiển nghĩ của tôi, càng dừng trình diễn sớm bao nhiêu, càng sớm

chấm dứt được sự bôi bác và xúc phạm bấy nhiêu."

Bản án được đề nghị như thế lại chẳng ra làm sao. Tại sao "sẽ tiếp tục trình diễn ở nhiều nước khác" lại "ở ngoài tầm tay của chúng ta?" "Những bà mẹ quê mùa, già cả" kia, ông Đức Kôn chỉ việc áp giải họ trả về những vùng quê Thái Bình, Nam Hà là xong. Còn trình diễn ở Việt Nam thì ông dư biết Ea Sola phải đi lui đi tới mãi mới kiếm ra tiền để mãi đến bây giờ mới làm được tất cả vỏn vẹn năm sáu buổi ở Thành phố này, Hà Nội rồi Thái Bình thì hết, cho nên chẳng phải đợi ông tuyên án, buổi trình diễn tối mai tại Hà Nội sẽ là buổi... áp chót.

Kịch múa *Hạn hán và cơn mưa* có bôi bác và xúc phạm Việt Nam hay không thì chưa rõ, nhưng cái thực tế hàng ngày của chế độ thì hẳn là rõ hơn. Ông Đức Kôn vừa cho rằng *Hhvcm* là "bức tranh quá buồn" vừa tỏ ý lo ngại "người xem không thể không liên hệ với hiện tại như một sự ám chỉ" và như thế là chính ông đã không tin lắm cái hiện tại như vẫn được Đảng và Nhà nước giới thiệu. Dẫu sao chỉ nguyên trong cùng một số báo *Tuổi trẻ* 5.6.1996 này, người ta có thể đọc thấy đủ thứ chuyện bôi bác không phải trên sân khấu mà trong thực tế. Trang nhất: *Năm học mới 1996-1997: hơn hai triệu học sinh vào lớp một - thiếu 120.000 giáo viên và 15.000 phòng học, vẫn còn nhiều lớp ca ba. Mỗi tháng, trên 200 người Đài Loan xin lấy vợ Việt Nam. Khiếu nại đòi bồi thường tràn dầu, bị xử tù:* trong phiên xử lưu động sáng 4.9, tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã tuyên án phạt ba người dân 18, 16, 16 tháng tù.

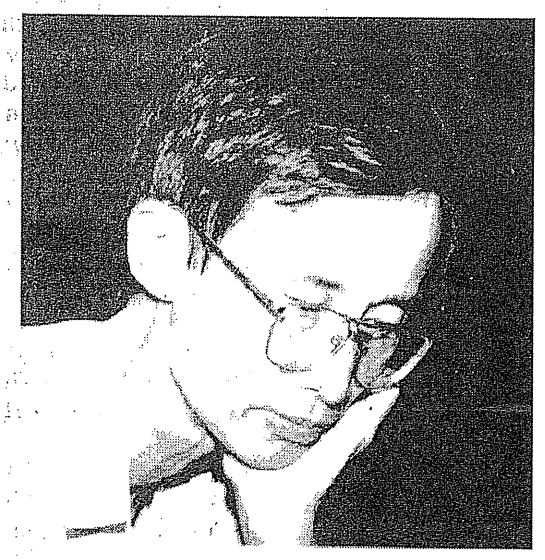

Nguyễn Ngọc Lan - Saigon 1996 (ảnh của TK)

"Được biết, sau sự cố tràn dầu nêu trên, *Tuổi trẻ* ra các ngày 11.5.1995, 8.7.1995 đã từng đặt vấn đề những bất thường trong việc xem xét bồi thường thiệt hại do tràn dầu ở Nhơn Trạch - Đồng Nai như UBND huyện giữ lại hầu hết khoản chi bồi thường thiệt hại kinh tế dân cư mà ban chỉ đạo xử lý tai nạn tràn dầu đã chuyển. Sau đó, huyện còn tổ chức vận động rút đơn, họp dân để bình xét lại thiệt hại, kêu gọi viết đơn tố cáo, tố giác lẫn nhau và căn cứ vào đơn nặc danh để loại đối tượng có trong danh sách bồi thường. Ngoài ra, huyện cũng đã cách chức, buộc thôi việc một số cán bộ, bắt giam ba người dân khác ở xã Phú Hương trong năm 1995."

Trang 2: *Lâm Đồng: bắt bia 'khỏa thân',* mà Lâm Đồng nếu là tại Đà Lạt thì chẳng còn đáng nói làm gì nhưng lại là ở cả 'khu phố hai, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng" (đội kiểm tra 'bắt quả tang hai tiếp viên đang khỏa thân cho khách nhậu thưởng thức'). Ngay dưới 'tin' ấy, là 'chuyện thường ngày': *Trở về với... nhân dân.* Cả nước thiếu hàng vạn phòng học. Thêm nạn bão lụt. 'Làm sao 'toàn dân đưa trẻ đến trường' đây?"

(...) Ở Thanh Hóa, ngành giáo dục tỉnh này đã đề ra chủ trương 'Giáo dục trở về với nhân dân.' Nhân dân phải góp công, góp của dựng lại trường lớp...

Trở về với 'nhân dân' à? Thế lâu nay giáo dục đi đâu?

Trang 4: *Danh mục các doanh nghiệp không được đình công (ban hành kèm theo nghị định số 51/CP ngày 29.8.1996).* Nhân dân lao động chưa mấy khi đình công và chỉ đình công lai rai ở các xí nghiệp liên doanh Đài Loan, Hàn Quốc thì đã được rào đón kỹ.

Chúa nhựt 8.9.1996

Tuổi Trẻ Chủ Nhật... phản công 'xung quanh *Hạn hán và cơn mưa*". Giới quen biết báo *Tuổi Trẻ* đã được biết khá sớm là ngài phụ trách trang Văn hóa - Nghệ thuật của *Tuổi trẻ* trong tuần muốn lập thành tích sao đó nên đã cố qua mặt cả Tổng biên tập, đưa bài "Bức tranh quá buồn..." lên báo. Một vụ xung phong đột kích của hồng vệ binh.

Phụ trách trang văn nghệ trên *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* lại là những cây bút khác. Bài 'Xung quanh *HHvcm*" đăng ý kiến của Gs Trần Văn Khê, nhà văn Nguyễn Khải, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, diễn viên Thành Lộc, nhà báo Lưu Vĩ Lân *(Saigon Times Daily).* Rõ ràng là họ đều trực tiếp trả lời ông Đức Kôn.

Gs Trần Văn Khê: "Với cá nhân tôi, là một người Việt Nam, tôi không hề cảm thấy có gì đáng xấu hổ cho người Việt Nam... mà thậm chí ngược lại, còn vui mừng khi nhìn thấy sự

cảm động và kính trọng hiện lên trên nét mặt của khán giả bao gồm cả các nhà phê bình nghệ thuật chuyên nghiệp nước ngoài sau khi xem vở diễn. Riêng phần âm nhạc và lời thơ thì đã làm bàng hoàng nhiều nhà bình luận vì họ không ngờ rằng Ea Sola có thể đem vào đó được cái cách tân mới lạ trên nền nhạc chèo cổ của người Việt..."

Nhà văn Nguyễn Khải: "Mình lại nhận ra gương mặt của chính mình, đẹp một cách trầm lặng, một cách cao cả - cũng là một tính cách của dân tộc mình. Tôi cảm ơn Ea Sola đã vượt qua bao nhiêu khó khăn trong mấy năm đi đi, về về để tạo ra một cơ hội cho các bà mẹ chân quê Việt Nam tự bộc lộ được mình một cách chân thực, giản dị, cảm động trước toàn thế giới..."

Trịnh Công Sơn: "Dân tộc mình biết lãng quên để đi tìm hạnh phúc chứ không muốn ôm lấy quá khứ để hành hạ nhau. Đối với tôi, đây là bản tố cáo chiến tranh và lồng vào đó là khát vọng được sống, được hạnh phúc như mọi dân tộc khác. (...) Khi anh đến với nghệ thuật bằng trái tim thì lúc nào anh cũng hiểu được. Nghệ thuật vốn hồn nhiên, nếu mình không hồn nhiên khi tiếp nhận là mình đã giết nó ngay từ đầu, *lòng mình có vết mà lại tưởng người ta có vết...*"

Thành Lộc: "Tôi đã xem *Hhvcm* hai lần rồi, lúc đi diễn kịch bên Pháp và lần này tại Nhà hát Thành phố, vẫn chỉ là một ấn tượng duy nhất: sự xúc động. Khi các bà cụ giơ tấm ảnh người thân đã mất, ánh mắt bất động, lặng lẽ đối diện với khán giả, tôi đã khóc. Khóc vì những mất mát oằn lên vai người phụ nữ, nhưng trái tim vẫn bao dung. Bỗng dưng tôi đâm ra thương mẹ tôi hơn. (...) Đặc biệt đối với tôi, đây còn là một khám phá. Từng đứng trên sân khấu nhiều năm rồi, vậy mà tôi phải nghĩ ngợi nhiều về tư cách 'diễn viên chuyên nghiệp' của mình. Tại sao ư? Có lẽ, không chỉ khám phá sự tinh tế của động tác, trên hết là ngọn lửa sáng tạo kỳ lạ trong vở này. Nó làm tôi nôn nao. Đừng ai đó làm ra vẻ chứng tỏ 'sự hiểu biết,' tạo sự chú ý nào đó để phỉ báng khát vọng sáng tạo của người khác. Buồn lắm. Thực chất, theo tôi nghĩ, đó là thái độ dị ứng cái mới xuất hiện trong *Hạn hán và cơn mưa...*" (Ông Đức Kôn là giảng viên trường Nghệ thuật Sân khấu II).

Lưu Vĩ Lân: "...Và cứ thế, những ám ảnh nối tiếp những ám ảnh không phải là riêng tư, nó có thể giống nhau, có thể được di truyền để rồi sau rốt hình thành một thuộc tính của cộng đồng. Phải chăng điều đó giúp tạo nên bản năng của một dân tộc? Tôi là một khán giả bình thường, chưa được học bất cứ cái gì về bình luận nghệ thuật, lại nữa là về múa. Nhưng tôi sẽ thất vọng lắm nếu như đến xem đoàn múa đương đại Ea Sola mà gặp một vở múa ô, múa quạt, múa sạp với xiêm y lộng lẫy... Tôi thích những động tác tiết chế mà Ea Sola sáng tạo hơn, một phần vì tôi thuộc típ người tin rằng người Việt ta về cá tính, về tinh thần, không có truyền thống múa may (thường được xem là quá cợt nhả), một phần nó thể hiện rõ hơn ý tưởng: trong một cơn hạn hán người ta phải hạn chế từng chút sinh lực.

"Sự sáng tạo trong *Hhvcm* chính là: Ea Sola đã tạo ra một vở múa đậm tính hội họa và điêu khắc (bằng động tác, ánh sáng và âm thanh). Và có lẽ chị cũng chỉ sáng tạo lại cái mà Mircea Eliade gọi là 'nhịp điệu vũ trụ" (...): "Sự lặp đi lặp lại vĩnh viễn những điệu bộ kiểu mẫu chính là sự trở về thời huyền thoại nguyên thủy... thiêng liêng. *Nó hoàn toàn không mang ý nghĩa bi quan về cuộc đời,* mà ngược lại chính là nhờ sự vĩnh cửu của cội nguồn thiêng liêng mà cuộc đời này thoát khỏi hư vô và tử tận." *(Le sacré et le profane).*

Ngô Thị Kim Cúc viết "Câu trả lời cho *Hạn hán và cơn mưa* trên báo *Thanh Niên* 7.6.96:

"Chỉ khi những vũ công lão nông đầu tiên bước ra cúi chào khán giả, người ta mới bừng tỉnh, ra khỏi không gian ảo mà họ đã được dắt vào. Tiếng vỗ tay như một cơn bão và từ đó kéo dài đến lúc không thể kéo dài hơn được nữa. (...) Vậy là *Hhvcm* đã nhận được câu trả lời, từ khán giả.

Tôi thật mừng thấy Ea Sola đã thành công như vậy ở Việt Nam. Tôi rất bất ngờ trước sự im lặng tuyệt đối của khán giả và những tràng vỗ tay nồng nhiệt cuối cùng. Vì khán giả mình khi xem những gì không hiểu thường làm ồn hoặc bỏ về..., nhạc sĩ Trần Văn Khê nói."

Saigon Tiếp thị 7.9 của Kim Hạnh, cựu tổng biên tập báo *Tuổi Trẻ,* cũng cố 'tiếp thị' *Hạn hán và cơn mưa* đến hai lần. Trên trang "Tiếp thị Văn hóa" (!) là "vở diễn độc đáo" : "...Nghe nhiều trước khi được xem tận mắt, *Hạn hán và cơn mưa* quả là hấp dẫn, sâu sắc và đầy ấn tượng với giới làm nghệ thuật ở Tp HCM." Và trên trang "Chuyển động thị trường" (!!): "Vở múa *Hạn hán và cơn mưa*

* Con người là một kẻ mù luôn mơ ước mình được trông thấy.

— Hebbel

* Trên mặt báo không bao giờ có gì mới. Tất cả mọi chuyện đều giống nhau, chỉ có điều xảy ra cho những con người khác nhau thôi. Giống như tuồng tích cũ được diễn bởi những đoàn hát mới.

được đón nhận nồng nhiệt ở Hà Nội."

Riêng SGGP, số ra sáng hôm nay, đăng bài *Hạn hán và cơn mưa* có khen có chê và xem ra muốn chê nhiều hơn khen, nhưng lời lẽ phải chăng. Không chụp mũ: "Xem *Hhvcm,* chúng ta không phủ nhận tình cảm của tác giả với đất nước và con người Việt Nam cũng như những cố gắng để thể hiện tình cảm này qua một tác phẩm sân khấu. Nhưng..." Và nhất là không có giọng điệu hỗn xược của ông Đức Kôn, coi những bà cụ nông dân Thái Bình chỉ là một đám con nít nhẹ dạ và ham vui bị mụ phù thủy Ea Sola dụ khị đưa đi Tây, đi Mỹ làm 'trò lạ,' trò khỉ ("tất cả vặn vẹo hình hài, đưa tay khoằm ngón lên trời, rồi nhe răng cười như người tiền sử") cho người ta xem 'như xem các vật lạ." Bài của Thu Hà trên SGGP lại kết thúc bằng một nhận xét thật độc đáo và không kém phần ngộ nghĩnh: "Và thêm một điều băn khoăn: *Hạn hán và cơn mưa* dường như diễn ở Việt Nam không đúng lúc, nhất là diễn vào dịp lễ hội dân tộc ngày 2.9."(!?)

Tất cả những chuyện 'Xung quanh *Hạn hán và cơn mưa"* chỉ trong mấy ngày vừa qua ở Saigon rốt cuộc trở thành một tín hiệu đáng mừng: không dễ gì còn có một vụ *Nhân văn Giai phẩm* nữa. Vệ binh đỏ vẫn không thiếu trong lĩnh vực "tư tưởng - văn hóa" và vẫn tìm việc làm. Nhưng thời thế đã khác. Những vệ binh đỏ hoạt động bí mật như những Bảo Định Giang thì dễ bị bật mí và thành trò cười cho cả năm châu bốn biển. Càn quét như Trần Mạnh Hảo, đột kích như Đức Kôn thì chỉ làm 'trò lạ' và thiên hạ chỉ xem họ "như xem những vật lạ" là cùng. Bà cụ 'diễn viên' Nguyễn thị Vin 76 tuổi đã có câu trả lời 'tổng kết': *"Nhưng người có học thì sẽ hiểu được câu chuyện. Ở Pháp, Hà Lan, Thụy Điển, Mỹ... người ta rất im lặng. Sau đó là vỗ tay..."* Bà cụ có thể không có 'hậu học văn' nhưng chắc là có 'tiên học lễ' và xét cho cùng có thể vô sản mà không vô học. Còn vệ binh đỏ thì, nước nào cũng vậy, thời nào cũng vậy: cứ phải vừa chuyên chính vô sản vừa chuyên chính vô học mới là... trọn đạo Lênin-Mao?

Thứ Hai 30.9.1996

Báo *Tuổi trẻ trong tuần hồi đầu tháng bày trò vệ binh đỏ đối với Ea Sola đã được Tuổi Trẻ Chủ Nhật* và các báo khác cho một bài học khá kỹ về văn minh, văn hóa (xl 5.9). Vụ đó vừa tạm êm thì cũng tờ *Tuổi Trẻ* nói trên lại dở trò nhảm nhí khác đối với Huấn luyện viên Weigang của Đội tuyển Bóng đá Việt Nam. Đội Việt Nam đã vượt qua vòng loại một cách thuyết phục: thắng Campuchia mà các cầu thủ không bị chấn thương như ở Chiang Mai cuối năm ngoái, hòa ấm ớ với Lào (Weigang và dư luận nghi là có bán độ) nhưng lại thắng đậm Myanmar rồi hòa với Indonexia, cả hai đội này được coi là mạnh. Vào bán kết, đội Việt Nam thua đậm đội Thái Lan thế là báo *Tuổi Trẻ 14.9 đưa ngay lên trang nhất hai ảnh thủ môn Nguyễn Văn Cường nằm dài và Weigang cúi gầm mặt, và bài phỏng vấn có câu hỏi khinh miệt: "Ông cảm thấy chừng nào bị sa thải." Hai hôm sau, tối 15.9, trong trận đấu tranh huy chương đồng, Việt Nam lại thắng Indonesia 3-2, và với hạng ba này kể như đã thành công vượt mức dự tính ban đầu.*

Không như trong vụ Ea Sola, lần này báo *Thanh Niên,* "diễn đàn của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam" ra mặt tổng tấn công báo *Tuổi Trẻ,"* tiếng nói của Đoàn Thanh Niên Cộng sản Hồ Chí Minh Tp Hồ HCM," đến nơi đến chốn. Bắt đầu bằng bài xã luận ngày 17.9: *"Bóng đá và Đạo đức."* Tiếp theo là "Ý kiến bạn đọc chung quanh bài báo" ấy và đương nhiên là 'Đông đảo người hâm mộ vẫn công tâm và tự hào về bóng đá Việt Nam." Và như một độc giả viết: 'Có được niềm tự hào này, (...) công đầu phải kể đến ông Weigang, một Huấn luyện viên người Đức, nhưng có tấm lòng Việt Nam..." Đọc câu phỏng vấn và tấm hình ông Weigang đăng trên *Tuổi Trẻ,* tôi có cảm giác như một sự vô ơn." Thêm một sổ tay với tựa đề: 'Cám ơn ông Weigang."

Nhiều báo khác cũng có bài trong chiều hướng tương tự tuy không trực tiếp nhắc tới trận chung kết giữa *Thanh Niên* và *Tuổi Trẻ.* Riêng tờ *Sài Gòn Tiếp thị,* 21.9, không cần kín đáo khi "tiếp thị thể thao" (sic): "Cúp Bóng đá Tiger 96 đã kết thúc vào tối 15.9. Gần một tuần trôi qua, nhưng chấn động trên mặt hồ dư luận vẫn chưa kết thúc. SGTT xin dùng nguyên trang này để bày tỏ những điều chưa kịp nói hết về giải bóng đá Đông Nam Á vừa qua..." Với tít lớn chung cho cả trang; "Ứng xử văn hóa trong bóng đá" và các tựa bài như: "Hlv Weigang: 'Tôi chưa được đối xử tế nhị,'" "Tấm lòng fair play của người Việt Nam," "Búa rìu dư luận trong bóng đá," "Yêu người lội nước" (câu kết bài này: 'Ông Weigang chưa kịp chia sẻ hết niềm vui phải về Đức để lo đám tang cho người em trai. Hồng Sơn đã không thể bước lên bục nhận huy chương vì chấn thương. Và tôi càng thêm yêu nữa những người lội nước đi trước, ăn cỗ đi sau.")

Tổng tấn công đến nơi đến chốn là không chỉ dừng lại ở báo *Tuổi Trẻ.* Trên ba số liền trọng tuần vừa qua, 24, 26, 28.9, *Thanh Niên* đăng loạt bài 'Có hay không cuộc vận động chống Weigang" trong và từ Liên đoàn bóng đá Việt Nam. Tuy tờ báo chưa nói huỵch toẹt

ra nhưng có thể hiểu Liên đoàn này không vui vẻ được với huấn luyện viên người Đức chẳng qua vì ông không làm việc với 'tác phong'... xã hội chủ nghĩa, lề mề, luộm thuộm, lo chia chác hơn là tìm hiệu quả, ông lại quá sốt sắng bênh vực quyền lợi của các cầu thủ, từ tiền lương, chế độ ăn uống cho đến việc chạy chữa khi họ bị chấn thương v.v...

Báo *Thanh Niên* tiết lộ một chuyện động trời mà... điển hình: Đi qua Singapore dự Asean Tiger Cup'96, *"mỗi ủy viên Ban Chấp hành Liên đoàn Bóng đá Việt Nam 'kèm' một cầu thủ Việt Nam."* Đội tuyển Bóng đá Việt Nam gồm 18 cầu thủ chính thức và dự bị. Cùng đi với họ là ông trưởng đoàn, ban huấn luyện gồm ông Weigang và ba phụ tá, một thông dịch viên và ban y tế. Số người cần thiết cùng đi đã là trên dưới 10 người rồi. Nhưng lại còn "một lực lượng hậu thuẫn" hùng hậu của LĐBĐVN: Ban Chấp hành Liên đoàn gồm 21 ủy viên thì đã có đến 18 vị được cử đến Singapore, tốn kém không dưới 20.000 USD. Trong khi đó phải đợi năm ngày sau khi đến Singapore và vì có dịp lễ Quốc khánh, mỗi cầu thủ mới được phát cho 70 đôla Singapore để dằn túi: chính huấn luyện viên phó kiêm quản lý tài chính đã không có tiền mang theo và phải "chạy mượn 1.200 đôla Singapore của một Việt kiều để phát 'thưởng' như thế cho các cầu thủ (TN 26.9). 18 vị kia thì "đa số có mặt trong hai trận đấu Việt Nam-Myanmar và Việt Nam-Indônêsia. Khoảng thời gian còn lại ở Singapore họ được tổ chức đi chơi Sentosa hoặc Vườn chim Jurong và đi mua sắm" v.v... (TN 28.9)

Số báo Thanh Niên đề ngày 1.10, ra hôm nay dành hơn một trang cho bài phỏng vấn ông Trần Bảy, Tổng thư ký LĐBĐVN. Vì muốn "tìm hiểu những nguyên nhân cốt lõi nào dẫn đến sự trục trặc và mâu thuẫn, có khi giữa những người lãnh đạo LĐBĐVN với Huấn luyện viên trưởng đội tuyển, có khi giữa Hlv phó với Hlv trưởng. Không chỉ là đối với Hlv Weigang hiện nay, mà ngay cả việc xử sự với Hlv tiền nhiệm người Brazil, ông Tavares. Ô. Tavares mới chỉ tồn tại được 45 ngày trong vị trí của mình rồi cũng phải ra đi. (...)

"Trong cuộc trao đổi với chúng tôi xung quanh vấn đề này, có lúc Ttk Trần Bảy cho rằng mâu thuẫn giữa ông và ông Weigang là bình thường, phát sinh từ quá trình công việc, nhưng có lúc ông lại gay gắt: *"Một là Nhà nước cách chức tôi do tôi không thể hợp tác với ông Weigang, hai là Nhà nước tin tôi thì ông ấy thôi làm."*

Ông Trần Bảy nhìn nhận là trước chuyến đi Singapore BCH LĐBĐVN đã phác thảo một nghị quyết ngừng hợp đồng với Hlv Weigang nếu đội tuyển thất bại, cụ thể không lọt vào bán kết.

"Éo le thay vào thời điểm này, đội tuyển Việt Nam lại lấy được hai huy chương (huy chương thứ hai sau huy chương tại Sea Games 95? *nnl*) hết sức quý giá. Tình cảm, phong trào, uy tín, tất cả những gì giành được, giá trị tinh thần trong xã hội rất lớn. Đem việc (thôi hợp đồng - TN) ra đối xử với ông Weigang trong lúc này là điều không có lợi."

Éo le thay ông Trần Bảy không kém tuyệt vời khi ông trả lời về việc gần hết Ban Chấp Hành LĐBĐVN kéo nhau qua Singapore:

"Dự định của LĐBĐVN là cứ mỗi đợt đội tuyển ra nước ngoài thi đấu thì chúng tôi cử một nhóm từ ba đến năm vị đi theo để quan sát, học hỏi. Nhưng cũng có ý kiến do các điều kiện khách quan như tháng 3.97 tới, Đại hội LĐBĐVN có người sẽ không còn ở trong BCH nên không còn cơ hội đi nước ngoài cùng đội tuyển nữa. Nên tâm lý các ủy viên BCH rất muốn đi trong chuyến này. Thế là hội ý tập thể và nhất trí đi một lượt. Chúng tôi không thể làm khác hơn. Đây là một dạng chính sách đối với các ủy viên BCH LĐBĐVN. Sự nêu vấn đề này lên của báo chí như vậy, theo tôi đã xúc phạm (!) đối với các ủy viên BCH đi Singapore lần này."

Nghe ông Trần Bảy nói, người ta chỉ càng thấy Weigang hẳn phải có duyên nợ vượt mức bình thường với Bóng đá Việt Nam (trước 1975, cũng nhờ ông mà Đội tuyển Miền Nam Việt Nam đã từng đoạt chức vô địch ở một giải trong vùng), và với các cầu thủ học trò của ông, nên mới đã không sớm rũ áo ra đi như Tavares. Nhưng có lẽ chính cái lý-tạng-người-Đức của ông đã khiến các 'vị" trong BCh LĐBĐVN chịu hết nổi và ông Trần Bảy bèn đòi Nhà nước phải chọn giữa ông (đồng bào, đồng chí) và ông Weigang (người ngoại quốc, dân tư bản, "rented coach" như một huấn luyện viên phó đã hơn một lần ném vào mặt ông). Dẫu sao chắc chắc không phải đồng lương 5.000 USD có sức giữ chân ông vì đồng lương ấy chẳng là gì cả trên bình diện quốc tế, tuy nó đủ sức khiến ông Trần Bảy bực tức ra mặt: "Chúng tôi chỉ lãnh có 50 USD/tháng trong khi ông ta có đến 5.000 USD/tháng, thế

* Cất một ngôi nhà, người thợ tính toán từng ly từng tí một để khỏi nhầm; nhưng khi yêu nhau, dù cho tính thật nhiều song người ta vẫn nhầm to.

— Pascal

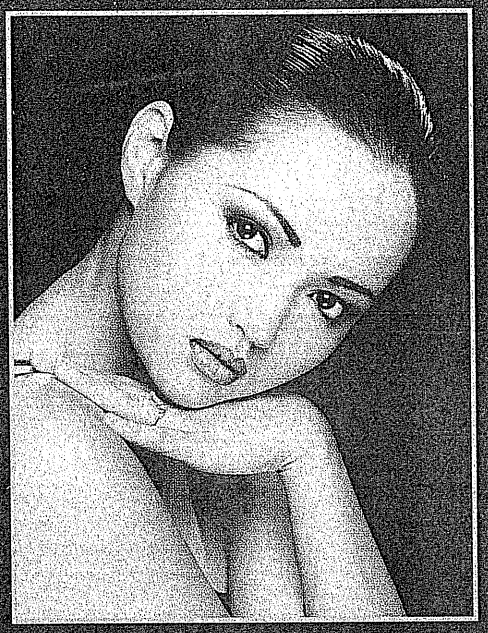

TRỊ DỨT MỤN

$20

Giải phẫu Thẩm mỹ $100

Facial nam nữ $20
Xâm thẩm mỹ, Xoá nốt ruồi, tàn nhang
Làm móng tay - móng chân $15
Tía lông mày và wax $10

Lột da mặt bót 50%
Uốn lông mi cong $25
Lột da mặt nhẹ $50
Nhuộm lông mày lông mi

(714) 839-9979

Model: Mai Thy
Photo by L'amour

Mỹ Viện

Xuân Lan

BEAUTY CLINIC

10451 Bolsa Avenue # 216, Westminster, CA 92683

(khu nhà hàng Đồng Khánh, lầu 2 trên chợ Anh Minh)

(714) 839-9979 1-800-MUỐN ĐI SỬA Fax (714) 839-9976

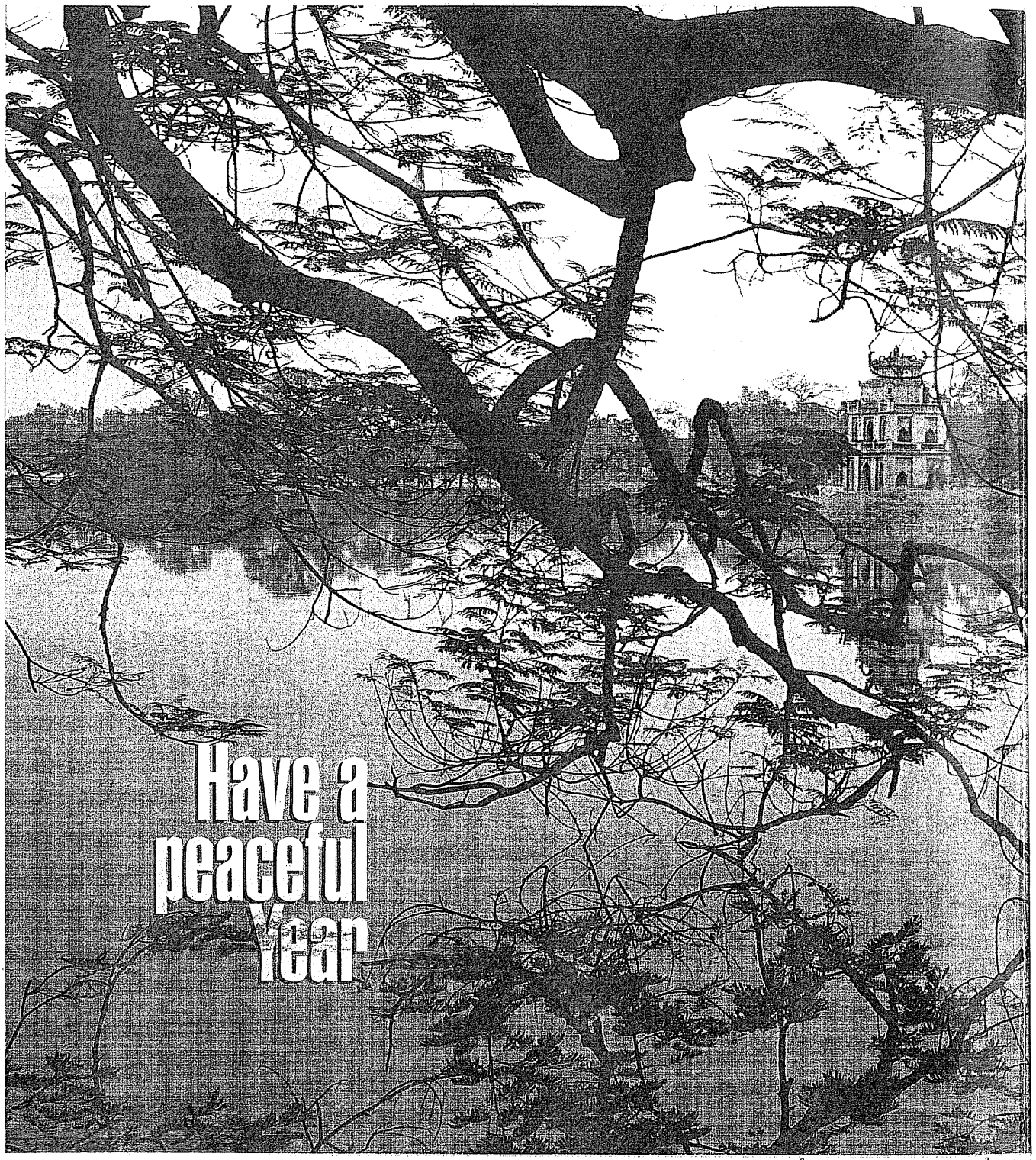

Ảnh của Lê Dân/Hội Ảnh N

"Precision Color có mặt nơi đây đều đặn suốt một năm báo vừa qua, dường như chỉ để đóng góp vào kho tàng nghệ thuật tạo hình, hơn là quảng cáo thương mại cho cơ sở kinh doanh vốn đã nổi tiếng về phẩm chất nghệ thuật của chính mình.

Quý vị thân chủ nào có những công trình văn hóa nghệ thuật cần chăm sóc một cách đặc biệt, xin nhớ gọi Precision."

Phạm Xuân Đài, chủ bút TK 21

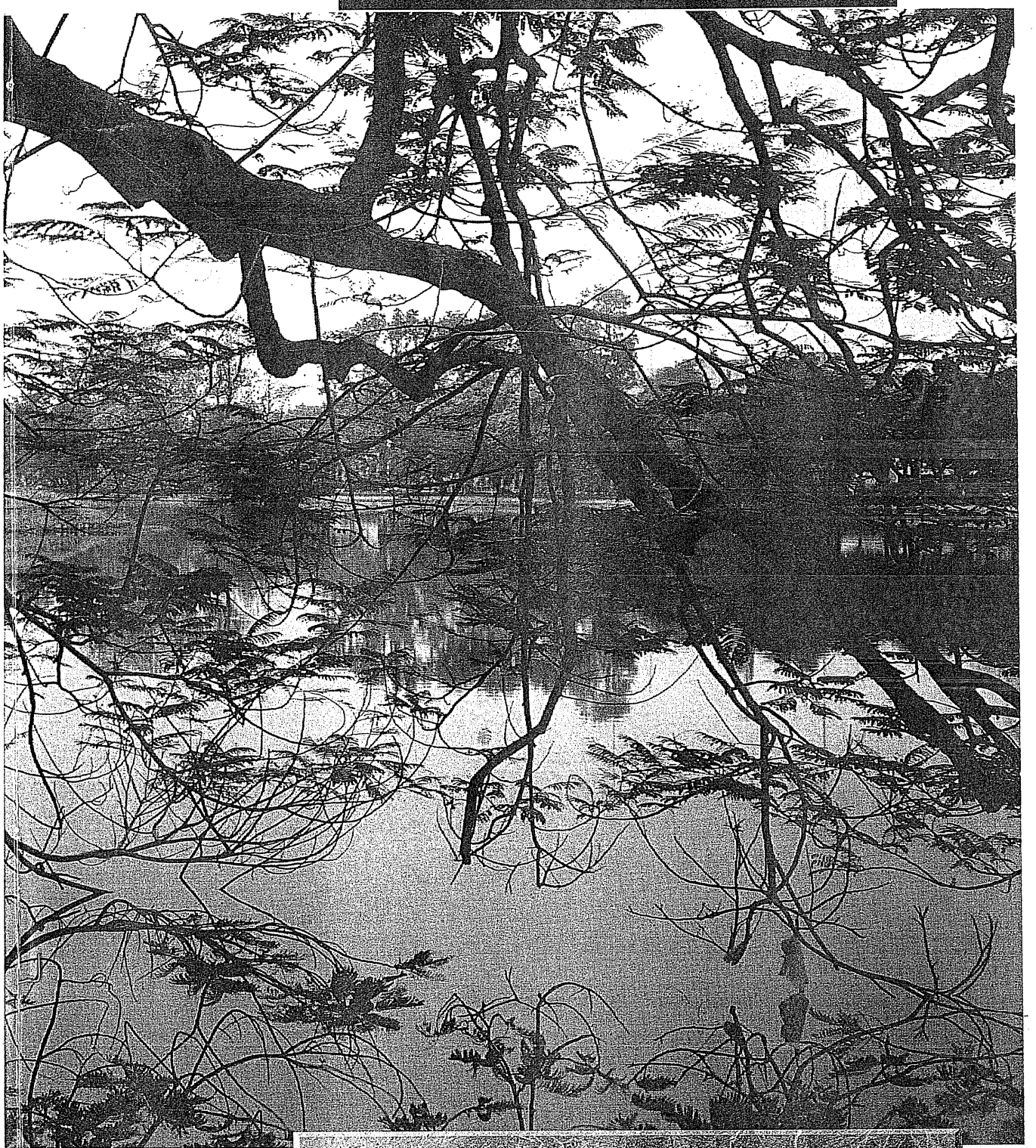

Nghệ Thuật Việt Nam Hải Ngoại

PRECISION COLOR

15703 Valley Boulevard INDUSTRY, CA 91744
Phone (818) 937-6886 Fax (818) 937-6880

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
永西貢超級市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

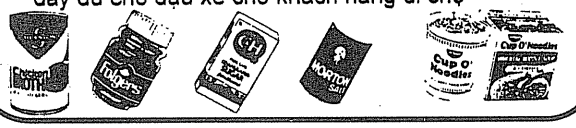

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

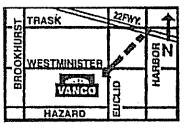

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

mà ông ta cứ gây khó khăn cho chúng tôi." Lại tuyệt vời!

Đến đây thì rõ ràng là không còn chỉ là một trận bóng giữa hai tờ báo *Thanh Niên* và *Tuổi Trẻ* nữa. Một nhà báo làm ở *Tuổi Trẻ* từng tâm sự với bạn bè: *Tuổi Trẻ* thiếu văn hóa đối với Ea Sola rồi lại còn mất đạo đức đối với Weigang. Nhưng đâu phải riêng gì một nhóm vệ binh đỏ của một tờ báo. Cả một não trạng thâm căn cố đế sâu rộng. Không phải tình cờ mà hai nhân vật liên hệ, Ea Sola và Weigang đều là người nước ngoài (người ta cũng đã không quên nhấn mạnh: Ea Sola là 'người ngoại quốc gốc Việt," và chỉ có... nửa gốc thôi). Kịch múa hay Bóng đá có thể chỉ là hai chuyện phù phiếm, nhưng cái não trạng đã để lộ thực chất hai chuyện phù phiếm lại không phù phiếm chút nào. Nhà chính trị, ngoại giao, kinh tế, công tác xã hội nào đến làm bất cứ gì ở CHXHCN Việt Nam này mà không phải suy nghĩ từ hai chuyện kịch múa và bóng đá kia. Trừ phi chính họ đã sẵn kinh nghiệm trực tiếp rồi và cứ chấp nhận làm một công việc... bạc bẽo. Và dẫu sao, phản ứng lành mạnh của dư luận được đưa ra công khai vẫn là một tín hiệu tốt.

Thứ Bảy 19.10.96

Báo *Thanh Niên* vẫn tiếp tục chuyện bóng đá Việt Nam và huấn luyện viên Weigang. Số nào cũng có bài mổ xẻ cơ chế, tổ chức bóng đá Việt Nam và còn đăng thêm 'ý kiến bạn đọc." Đăng cả "danh sách" những người đồng tình với quan điểm của tờ báo. Báo *Tuổi Trẻ* đã phải im ắng chịu trận (và mất một số độc giả), từ một hai số vừa rồi mới lại bàn chuyện bóng đá nhưng đổi giọng hẳn.

Vẫn cứ là chuyện phù phiếm mà không phù phiếm nếu qua vụ này là một màn... thực tập dân chủ không phải vô ích. Chưa kể khi còn thấy được là Ban Chấp hành Liên đoàn Bóng đá nhảm nhí và vô tích sự kia chẳng qua chỉ là một mẫu tiêu biểu cho cái gì đó cao hơn nó, 'vĩ đại' hơn nó, như chỉ là một quả thối của một cây sâu ăn ruỗng tận gốc rễ, một căn phòng dột nát của một tòa nhà dột nát.

"Ý kiến bạn đọc' vừa thú vị hơn cả có thể 'tổng kết' ngắn gọn mà đầy đủ vụ này hẳn là lá thư chỉ có mấy dòng của mấy 'bạn đọc nhỏ tuổi nhất' được báo *Thanh Niên* 19.10 đăng bản chụp lại, nguyên văn như sau:

"Chúng con là học sinh của trường Quang Trung (Đà Lạt)

Sáng nay ngày 30.9.96, chúng con được đọc số báo 157 (... đề) ngày 1.10.96 trong mục thể thao.

Chúng con xin có ý kiến ngắn gọn gởi đến quý báo về việc ông tổng thư ký liên đoàn bóng đá Việt Nam:

Ông Trần Bảy là người ngoài Hành tinh còn ông HLV Weigang thực sự là người Việt Nam.

Kính thư. Xin cám ơn báo Thanh Niên.

Thế kỷ trước đã thiếu một cậu bé có ý kiến ngắn gọn: Vua Minh Mạng vua Tự Đức là người ngoài Hành tinh còn Nguyễn Trường Tộ thực sự là người Việt Nam. Cuối thế kỷ này cũng có gì tương tự mà không phải chỉ là chuyện ông Trần Bảy và ông Weigang.

Thứ Năm 24.10.1996

Sáng 20.10, Huấn luyện viên trưởng Đội tuyển Bóng đá Việt Nam, Ông Karl Heinz Weigang tình cờ đi cùng một chuyến máy bay ra Hà Nội với Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã được Thủ tướng tiếp chuyện trong 20 phút (*SGGP* 21.10 và *Thanh Niên* 22.10). Hôm sau, Thủ tướng còn trả lời phỏng vấn của báo *Thanh Niên*, cho biết nhận xét của ông qua loại bài viết về Liên đoàn Bóng đá và ông Weigang như sau:

"Trước hết tôi rất hoan nghênh loạt bài (...) đã được dư luận nhiều giới đồng tình. Tôi cũng biết rằng đến giờ đã có nhiều báo hưởng ứng loạt bài này. Đặc biệt tôi rất thích thú khi đọc nội dung thư của mấy cháu học sinh Lâm Đồng (...) viết mấy câu rất hay: *"Ông Trần Bảy là người ngoài hành tinh, còn ông Weigang thực sự là người Việt Nam."*•

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của Ông Bà Lê Cẩm Khoáng (Irvine) báo tin Lễ Thành Hôn của Trưởng Nam

LÊ CẨM TƯỜNG

đẹp duyên cùng

TRẦN THỊ THANH THỦY

Thứ Nữ của Ông Bà Trần Thùy (Garden Grove).

Hôn lễ sẽ cử hành tại tư gia vào ngày 1 tháng Hai 1997.

Xin mừng hai họ có rể quý dâu hiền; mừng "Gia Đình Kí Con" có thêm người mới; thân chúc Cẩm Tường - Thanh Thủy trăm năm hạnh phúc.

Tạp chí Thế Kỷ 21

Đài phát thanh VNCR

CAO TIÊU

CỐ HƯƠNG TỰ CHUNG THANH MỘ HOÀI

Thân tại thiên nhai, tâm cố quốc
Hàn phong xuy nhạn hựu đông lai
Nhật tà tưởng đối gia hương cảnh
Thính vọng chung thanh ngã cảm hoài

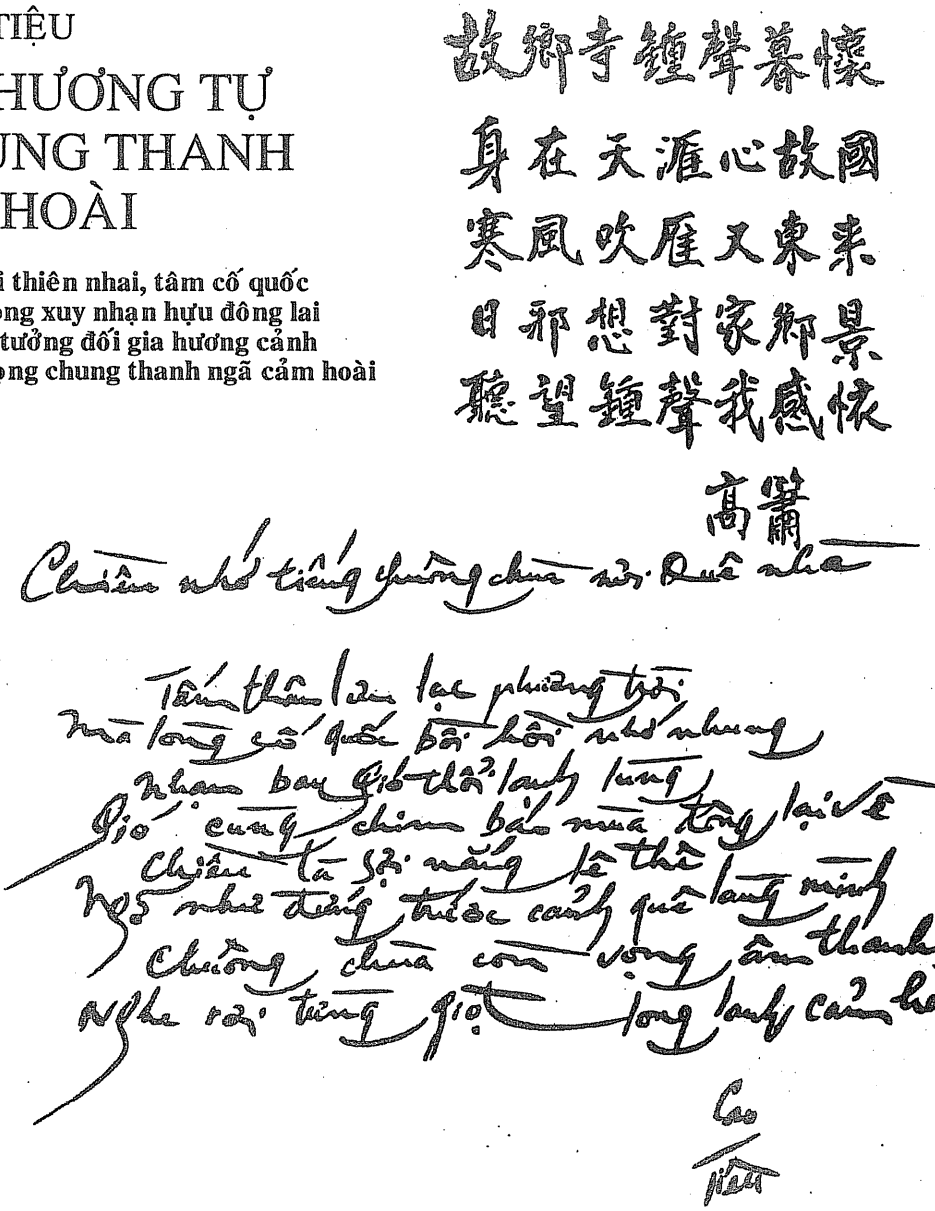

KHO BÁU THÀNH TROIE

NGUYỄN THỊ THU HẰNG (Moskva)

Trong năm 1996, ở nước Nga, đã xảy ra một sự kiện gây chấn động lớn cho những ai quan tâm đến nền văn hóa thế giới. Lần đầu tiên, sau gần nửa thế kỷ "ngậm tăm," im thin thít, người Nga đã đem *kho báu thành Troie,* từ bấy lâu giấu kín trong kho của Viện bảo tàng nghệ thuật tạo hình mang tên Pushkin ở Moskva, ra trưng bày cho dân chúng xem trong suốt một năm kể từ tháng 4/96 đến tháng 4/97. Sự kiện này làm cho nhiều nhà văn hóa thế giới xôn xao, bàn tán và gây ra không ít cuộc tranh cãi, nhất là trên báo chí. Hoạt động ngoại giao của một số nước có liên quan đến *kho báu* đó cũng có phần náo nhiệt lên.

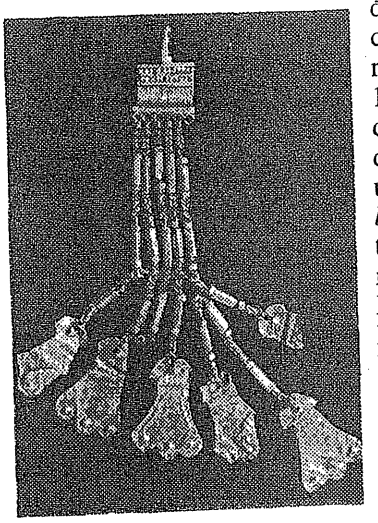

Bông tai hình rổ

Mọi người đều biết là từ sau cuộc đại chiến thế giới thứ hai, *kho báu thành Troie* cất giữ tại một Viện bảo tàng ở Berlin đã... biến mất. Có tin nói rằng hồi tháng 5 năm 1945, giám đốc Viện bảo tàng lịch sử nguyên thủy và cổ đại ở Berlin đã đem nộp *kho báu* đó cho đại diện của Hồng quan Liên Xô và các lãnh tụ cộng sản đã ra lệnh bí mật đưa về nước, coi như chiến lợi phẩm. Nhưng phía Liên Xô thì luôn luôn im hơi lặng tiếng, mãi cho đến tận ngày Liên Xô bị sụp đổ, không một nhân vật chính thức nào của Liên Xô dám nhận rằng *kho báu thành Troie* đang ở trong tay họ. Thái độ của những người cầm quyền Xô-Viết rất dễ hiểu thôi: họ sợ bị "lật tẩy" vi phạm hai Công ước quốc tế La Haye năm 1899 và 1907 cũng như Công ước Washington năm 1935, trong đó quy định rõ về quyền sở hữu của các tổ chức, kể cả các tổ chức nhà nước, có tính chất tôn giáo, từ thiện, giáo dục, nghệ thuật và khoa học được coi như sở hữu tư nhân và không ai được chiếm đoạt, phá hoại hay cố ý làm hỏng... Xin chú ý rằng ngày 27 tháng 4 năm 1942, Liên Xô, qua công hàm của Bộ ngoại giao, đã khẳng định sẵn sàng tôn trọng Công ước La Haye, mà việc đưa *kho báu thành Troie,* những chứng tích vừa có tính chất văn hóa, nghệ thuật, vừa có tính chất lịch sử của nhân loại, đến Moskva lại xảy ra chỉ cách đó ba năm thôi, sau tháng 5 năm 1945, thì quả là một điều... quá "kẹt" cho Liên Xô.

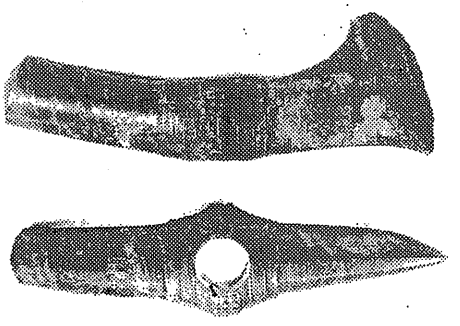

Búa và rìu dùng trong nghi lễ

Mãi đến năm 1993, khi Tổng thống Nga Boris Yeltsin sang thăm Hy Lạp, lần đầu tiên ông thừa nhận là *kho báu* đang được cất giữ trong kho của Viện bảo tàng Pushkin ở Moskva, và gần ba năm sau nó được đem ra trưng bày công khai cho dân chúng xem.

Cuộc trưng bày này hấp dẫn rất nhiều người, trong cũng như ngoài nước Nga, nhất là các nhà nghiên cứu, các giới yêu thích nghệ thuật và lịch sử. Nhiều người nước ngoài đã bay đến Moskva chỉ để được dịp tận mắt trông thấy *kho báu thành Troie.* Hàng ngày, những dòng người dài đứng chờ để mua vé vào xem. Chúng tôi cũng được may mắm chen vai thích cánh với nhiều người đi xem cuộc trưng bày lý thú này ngay từ những ngày đầu mở cửa. Cũng xin nói thêm, trong dịp tổ chức cuộc trưng bày, Viện bảo tàng Pushkin ở Moskva đã chuẩn bị và xuất bản một ấn phẩm rất quý: cuốn sách lớn *"Kho Báu Thành Troie"* với những phiên bản tuyệt đẹp bằng nhiều thứ tiếng Nga, Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Ý, v.v... giá chừng 50 USD, đồng thời cũng đã chuẩn bị một cuộc hội thảo quốc tế lớn cho các nhà nghiên cứu nghệ thuật, các nhà văn hóa cũng

như các sử gia.

Trước khi kể chuyện về cuộc trưng bày, chúng tôi xin phép nói sơ lược vài điều về thành Troie. Đây là một thành phố cổ đại ở miền Tiểu Á, được dựng nên hồi cuối thiên niên kỷ thứ tư đầu thiên niên kỷ thứ ba trước công nguyên. Thời gian cũng như bao nhiêu biến thiên lịch sử dường như đã vĩnh viễn chôn vùi thành Troie đến nỗi nhiều người coi nó chỉ như là một nơi chốn huyền thoại mà thôi. Loài người được nghe tiếng nó và trong trí óc con người, nó đã trở thành bất tử là nhờ nhà thơ Hy Lạp cổ đại trứ danh Homère sống vào khoảng thế kỷ thứ chín trước công nguyên, đã nhắc đến nó trong hai bài trường ca sử thi bất hủ *Iliade và Odyssée* nói về cuộc chiến tranh thành Troie. Thế nhưng, thành Troie có thật hay không, có thật thì nó ở đâu - nào có ai biết được! Chỉ đến đầu những năm 70 thế kỷ 19, loài người mới biết được địa điểm chính xác của thành Troie cùng những báu vật chôn vùi trong lòng của nó, sau khi Heinrich (Henry) Schliermann (1822-1890), nhà khảo cổ và Hy Lạp học người Đức, đã tiến hành những cuộc khai quật trên ngọn đồi Hissarlik ở phía Tây Bắc vùng Troada, nay thuộc lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ, tại miền duyên hải biển Egée cách không xa lối vào eo biển Dardanelles, chừng 5 km.

Bình nước hình cầu

Theo lời tự thuật của Schliermann, khi mới lên bảy, cậu bé Heinrich được nghe nói về Homère và thành Troie truyền thuyết. Trong trí óc thơ ngây của cậu, cứ ám ảnh mãi cái ước mơ viễn vông là có ngày nào đó cậu sẽ tìm thấy thành Troie đã biến mất, chỉ còn lại trong huyền thoại và sử thi mà thôi. Lớn lên, Schliermann đi làm việc ở Hòa Lan, khi có được một số vốn đáng kể, ông sang Nga để kinh doanh. Ở Nga trong 18 năm, ông lập gia đình ở đó và trở thành một nhà triệu phú. Nhưng bi kịch gia đình của ông làm ông chán, đến khi 40 tuổi ông bỏ việc kinh doanh và để mấy chục năm còn lại của đời mình vào việc thực hiện ước mơ thời thơ ấu: tìm cho ra thành Troie huyền thoại và *kho báu* của vua Priam đã từng tồn tại khoảng 2300 năm trước công nguyên. Và... cuối cùng, ông đã thực hiện được ước mơ: ngày 31.5.1873, ông tìm được *kho báu thành Troie!* Sự kiện đó đã khẳng định tính chất lịch sử, tính chất có thật của thành Troie và những điều đã kể trong những trường ca của Homère.

Ở đây, chúng tôi muốn nói thêm một chút về cuộc đời đầy kịch tính của Schliermann — bên cạnh những thành công rực rỡ là những thất bại ê chề... Khi ông tìm được những báu vật mà ông thành thật tin là *kho báu của vua Priam* thì... than ôi, do sự khai quật không chuyên nghiệp, không đúng phương pháp, mà nhiều tầng văn hóa, nhiều hiện vật lịch sử đã bị phá hủy, bị hư hỏng, và điều đáng nói nhất (mà chính các nhà nghiên cứu, các chuyên gia đã chứng minh ngay hồi sinh thời của ông) là những báu vật ông tìm thấy và ông tưởng là của vua Priam trong sử thi *Iliade* thì thực ra... đã cổ hơn 1000 năm so với thời mà Homère đã mô tả! Heinrich Schliermann cũng giống như Christophe Colomb là người tìm đường biển đến Ấn Độ thì hóa ra lại khám phá được Châu Mỹ... Nhưng chẳng sao cả, tất cả những thứ tìm được đều là những báu vật vô giá, độc nhất vô nhị của nền văn hóa nhân loại, là niềm tự hào của con người trên bước đường tiến tới văn minh...

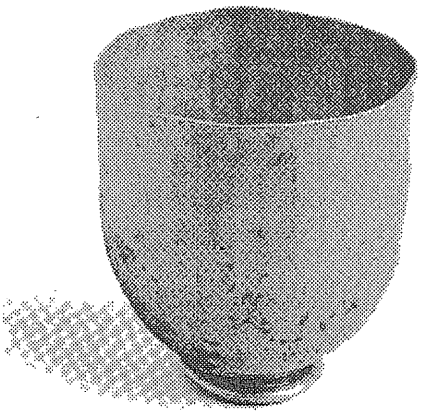

Ly chạy rãnh

Tại gian chính của Viện bảo tàng nghệ thuật tạo hình mang tên Pushkin, đã trưng bày 259 hiện vật đích thực của thành Troie, những kiệt tác của nghệ thuật kim hoàn cổ đại cách đây hơn 4000 năm. Đó là những vật thờ cúng dùng trong các cuộc tế lễ tôn giáo, cũng như những vật dụng trong sinh hoạt hàng ngày của dân thành Troie. Điều đáng kinh ngạc là, té ra, các nghệ nhân thời đó đã có kỹ thuật mạ vàng, chạm lộng và đánh bóng khá cao. Khách đi xem xúm quanh hai chiếc vương miện kiểu

diadème tuyệt đẹp, làm bằng mấy nghìn mảnh vàng nhỏ tạo tác tinh vi. Những báu vật này được sáng tạo hồi những năm 2600-2450 trước công nguyên. Những bình bằng vàng nguyên khối dạng cầu hoặc dạng bình đựng nước xốt dùng trong nghi lễ cúng tế. Người ta nói rằng những hình này đựng các dầu thơm và hương liệu. Có hai cái búa rìu bằng bích ngọc và thanh ngọc tuyệt mỹ dùng trong nghi lễ. Chính Schlierman đã nói là ông quý nhất hai báu vật này so với tất cả những gì ông tìm được. Rồi đến những hoa tai có dạng 'ngẫu tượng," những vòng, những xuyến, những cốc vại, những chuỗi hạt cườm, những chuỗi hạt, những đốc gươm bằng thạch anh chạm trổ tuyệt đẹp... Nhiều nhà nghiên cứu nghệ thuật cho rằng nhiều hiện vật trưng bày ở đây là độc nhất vô nhị, khoa học chưa từng biết những loại tương tự trong thời đại đồ đồng sơ kỳ. Trong các hiện vật, chúng tôi để ý đến hai hạt hổ phách (có lẽ là trong một chuỗi hạt); người hướng dẫn cho biết đây là báu vật tối cổ bằng hổ phách được biết ở phía Đông Địa Trung Hải, chứng tỏ rằng ngay thời trước Homère, người dân thành Troie cũng đã từng buôn bán với miền duyên hải Baltic là nơi có nhiều hổ phách.

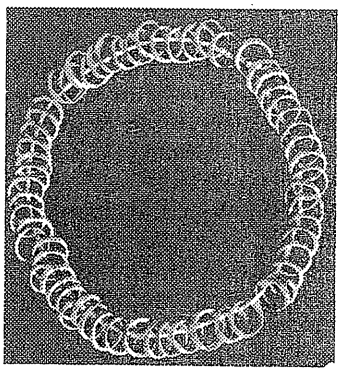

Dây chuyền có 61 vòng nhẫn

Hồi sinh thời, Schliermann cũng đã có ý định đưa *kho báu thành Troie* vào các viện bảo tàng lớn nhất thế giới như Louvre, Viện bảo tàng Anh quốc, hay Ermitage. Và ngày nay, *kho báu thành Troie* hay còn gọi là *vàng của Schliermann* đang là ước mơ của nhiều nước, nhiều viện bảo tàng trên thế giới. Cố nhiên, Viện bảo tàng Pushkin, cũng như Ermitage ở Nga đều rất quý *kho báu* đó và muốn giữ cho mình. Một số nước khác đã lên tiếng đòi quyền sở hữu của họ đối với *kho báu* đó — cả nước Đức, cả Thổ Nhĩ Kỳ, cả Hy Lạp. Không giải quyết khéo, *kho báu thành Troie* có thể trở thành một cuộc tranh chấp văn hóa thì thật là đáng tiếc. Nghe nói Hoa kỳ đã đưa ra đề nghị: để tránh sự tranh chấp quốc tế về văn hóa thì nên làm thành 'một bảo tàng lưu động," dường như thuộc sở hữu của... cả thế giới. Đáp lại đề nghị đó, nước Nga, qua lời tuyên bố của bà Antonova, giám đốc Viện bảo tàng nghệ thuật tạo hình mang tên Pushkin, cho rằng giải quyết số phận của *kho báu thành Troie* phải trên cơ sở pháp lý và phải nhớ đến những tổn thất mà bọn phát xít Hitler đã gây ra cho nước Nga, phải nhớ đến 20 triệu sinh mạng người Nga đã nằm xuống trong chiến tranh thế giới thứ hai. Bà Antonova cho rằng bà không phản đối việc tổ chức triển lãm lưu động. Nhưng, ngay trong nội bộ nước Nga, ý kiến về cách giải quyết đối với *kho báu thành Troie* cũng không nhất trí, người thì cho là nên hoàn trả (restitution), người thì bảo phải giữ lại cho nước Nga. Trong lúc nhiều cuộc thương lượng ngoại giao công nhiên và sau hậu trường đang diễn ra, thì đầu năm 1995, Duma Quốc gia (hạ viện) ra quyết định tạm hoãn việc trả lại những giá trị văn hóa đã chuyển về trong cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại, còn Hội đồng Liên bang (thượng viện) thì đã thảo luận xong và tán thành dự luật "Về quyền sở hữu đối với những giá trị văn hóa đã di chuyển trên lãnh thổ Liên bang Nga sau chiến tranh thế giới thứ hai." Đó là những dấu hiệu cho thấy ý hướng rõ rệt của cánh lập pháp Nga đối với *kho báu thành Troie*. Nhưng những cuộc thương thuyết giữa các nước, đặc biệt là giữa Đức và Nga, vẫn còn tiếp tục. Kết quả thế nào, xin chờ... hạ hồi phân giải!•

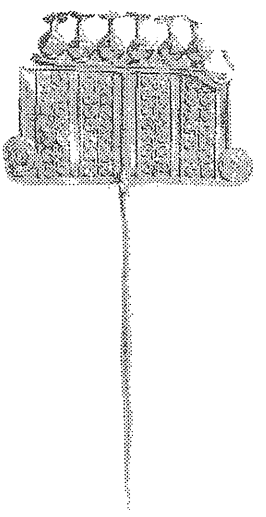

Trâm với hình bình nhỏ

* Đàng sau mỗi người đàn ông danh tiếng đều có một người đàn bà, và bà ấy luôn luôn lên tiếng nhắc nhở rằng có một người đàn bà sau lưng mỗi người đàn ông danh tiếng.

* Một số đàn ông cần hai người đàn bà trong đời họ. Một cô thư ký để sắp xếp mọi thứ đâu vào đó, và một bà vợ để lục tung mọi thứ lên.

KỶ NIỆM Ở QUẬN TÁM

ĐOÀN THANH LIÊM

I.

Vào năm 1965, Sài Gòn mới có tám quận, từ Quận Nhất, Quận Nhì tới Quận Tám, giống như lối gọi tên các Quận ở Paris vậy. Quận Tám nằm ở phía Tây Nam thành phố, bên kia cầu chữ Y và cầu Chà Và, gồm những địa danh quen thuộc như Chợ Xóm Củi, Lò Heo Chánh Hưng, Trại Tế Bần... Vào đầu thập niên 50, nơi đây là lãnh địa của tổ chức Bình Xuyên do Tướng Bảy Viễn cầm đầu. Địa thế của Quận bị chia cắt bởi các kinh rạch có tên gọi ngộ nghĩnh như Kinh Tàu Hủ, Kinh Đôi, Rạch Ông, Rạch Ụ Cây, Rạch Bà Tàng... Dân số khoảng 150.000 người chen chúc trên một diện tích không quá bốn cây số vuông. Phần đông dân chúng là người lao động nghèo túng hoặc là nông dân mới từ các vùng quê mất an ninh chạy về tá túc ở khu ven biên thành phố.

Lớp đồng bào kém may mắn này chính là đối tượng phục vụ của nhóm anh em tự nguyện chúng tôi, những người chủ xướng và thực hiện một kế hoạch hoạt động xã hội lấy tên là "Chương Trình Phát Triển Quận Tám - Sài Gòn." Lúc đó chúng tôi ở lớp tuổi 25-30. Phần đông đã tốt nghiệp Đại học, rồi đi lính. Một số đã lập gia đình, có người đã một vài mụn con.

Rút kinh nghiệm hoạt động từ hồi còm là sinh viên qua các đoàn thể hiệp hội như Hướng Đạo, sinh viên Công Giáo, sinh viên Phật Tử, Phong Trào Học Đường Phục Vụ Xã Hội, Chương Trình Công Tác Hè 1965..., chúng tôi thấy là cần phải tập trung hoạt động lâu dài ở một địa phương thì mới phát động lôi cuốn được quần chúng dấn thân tham gia vào công cuộc phát triển toàn bộ với hiệu quả cao. Anh em đều ý thức được vai trò làm chất men, chất xúc tác để khơi động tiến trình tự túc, tự cải thiện nếp sinh hoạt cộng đồng ở địa phương (self-help).

Chương trình này được đệ trình lên Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương lúc đó là Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ. Sau khi chấp thuận, tướng Kỳ đã giao trách nhiệm bảo trợ việc thực hiện chương trình cho Bộ Thanh Niên và Tòa Đô Chánh. Thế là vào tháng 8/1965 lúc tiết Trung Thu, anh em chúng tôi gồm cả thảy vài chục mống đã xuất quân cắm dùi ở Quận Tám, nơi mà nhiều người mới chỉ đặt chân đến lần đầu tiên trong đời.

II.

Cái thời trai trẻ lúc đó, chúng tôi thật đầy nhiệt tâm thiện chí, hăng say với lý tưởng phục vụ xã hội. Anh em làm việc không biết mệt, tuần lễ làm đủ bảy ngày không biết weekend là gì cả. Ban ngày thì đi thực địa, nghiên cứu tình hình từng khóm ngõ, gặp gỡ thăm hỏi thân hào nhân sĩ địa phương. Ban tối thì hội họp bàn thảo với bà con về công tác cần thực hiện. Chủ nhật, ngày lễ, còn tổ chức cho học sinh sinh viên tới tham gia chi viện cho lực lượng lao động tại chỗ. Nhiều buổi, tôi ra khỏi nhà lúc con chưa thức giấc, và khuya tối về thì con đã ngủ vùi rồi. Có khi cả tuần lễ, con cái không hề thấy mặt cha. Nhiều anh em khác cũng miệt mài như tôi vậy.

Công tác đầu tay 'ra mắt" đồng bào là xây dựng được một trường học năm lớp để giúp việc giải tỏa các lớp học trưa tại trường Tiểu học Hưng Phú. Với sự tiếp tay của anh chị em trong Phong Trào Học Đường Phục Vụ Xã Hội và sự yểm trợ phương tiện của Chương Trình Công Tác Hè 1965, trong thời gian hai tuần lễ chúng tôi đã hoàn thành được ngôi trường bằng vật liệu nhẹ, cột kèo bằng gỗ, mái lợp tôn và tường ghép bằng ván dăm bào. Với năm phòng học này, ít nhất 500 em học sinh địa phương đã khỏi phải đến trường vào những giờ nóng cao điểm từ 11 giờ đến 2 giờ trưa. Thầy cô giáo, phụ huynh học sinh cũng như bà con địa phương đã hết sức mừng rỡ trước sự đáp ứng mau lẹ kịp thời vào mùa khai giảng niên học mới 1965-66, vì ngôi trường này đã được đưa vào sử dụng ngay đầu tháng 9/65. Sự kiện này quả đã gây được thiện cảm và sự hào hứng của đồng bào đối với Chương Trình Phát Triển.

Tiếp theo, với phương thức *"Tam Cùng"* tức là cùng ăn, cùng ở, cùng làm với đồng bào, chúng tôi đã lôi cuốn được bà con tham gia vào những công tác thiết thực như chỉnh trang ngõ hẻm, cải thiện gia cư, xây cầu, đặt cống thoát nước v.v... Những công tác này bao giờ cũng do sự gợi ý của thân hào nhân sĩ địa phương và đều được đưa ra bàn thảo tại những

phiên họp tập thể của tất cả bà con trong xóm hẻm. Sau khi quyết định về nội dung công việc, thì bà con đề cử ra một Ban phụ trách lấy tên thật đơn giản, thực tế như 'Ban Công Tác," "Ban Chỉnh Trang," "Ban Yểm Trợ Xây Dựng," "Hội Đồng Phát Triển" v.v... Điều quan trọng là công tác thực hiện phải đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của đa số, thì mọi người mới hăng hái góp công, góp của vào việc chung được.

Qua năm 1966, Chương Trình Phát Triển Quận Tám đã "bành trướng" lan sang thêm Quận Sáu và Quận Bảy nữa. Như thế là số dân trong địa bàn hoạt động của Chương Trình Phát Triển đã lên đến sấp xỉ 500.000 người rồi. Trong gần sáu năm hoạt động, tính ra có tới mấy trăm tổ chức quần chúng để thực hiện công tác phát triển cộng đồng ở các quận ven biên này. Nếu tính trung bình mỗi Ban Phụ Trách sinh hoạt trong mười phiên họp suốt quá trình công tác, thì anh em có trách nhiệm ở Chương Trình Phát Triển đã luân phiên nhau tham dự hàng ngàn buổi hội họp trao đổi thảo luận với bà con ở địa phương. Và điều quan trọng là cả ba thế hệ trong gia đình (ông bà, cha mẹ, con cái) đồng bào địa phương đều lôi cuốn vào công việc của cộng đồng. Các cụ lớn tuổi thì giữ chức vụ cố vấn, yểm trợ cho lớp trung niên trong Ủy Ban Công Tác. Các em học sinh cỡ 12-20 tuổi thì tham gia sinh hoạt theo đội ngũ tại Trường Trung Học Cộng Đồng. Bà con thường gọi chúng tôi là Thầy, bởi vì lúc đó "chủ lực quân" của anh em chúng tôi đều là các học sinh, sinh viên tự nguyện tham gia công tác. Và sau khi các trường Trung Học Cộng Đồng Quận Tám và Quận Sáu đã vào nền nếp rồi, thì 'quân số hoạt động" từ giới học sinh địa phương lên đến con số ngàn. Đó quả là một lực lượng quần chúng có khả năng "xẻ núi lấp biển." Tiềm năng của nhân dân thật là vô biên vậy.

III.

Về phương diện thống kê, có thể ghi sơ lược theo trí nhớ số lượng công tác đã hoàn thành như sau:

1) **Chỉnh trang gia cư:**

Đã xây cất được gần 8,000 (tám ngàn) đơn vị nhà ở trong 18 khu chỉnh trang tái thiết, mà điển hình là các khu:

- Xóm Đầm ở phường Hưng Phú, Quận Tám: 350 căn
- Sở Rác Chánh Hưng, Quận Tám: 280 căn
- Khu Nam Long, Quận Sáu: 570 căn
- Khu Cầu Tre Bình Thới, Quận Sáu: 1,260 căn
- Khu Vạn Nguyên, Quận Bảy: 125 căn
- Khu bến Nguyễn Văn Thành, Quận Sáu: 360 căn
- v.v...

Số căn nhà phải chỉnh trang tái thiết lên cao như vậy là bởi trong hai đợt tổng tấn công dịp năm Mậu Thân 1968, tổng số nhà bị phá hủy lên đến hàng chục ngàn đơn vị gia cư vì các Quận này nằm ở cửa ngõ hướng xâm nhập của quân đội Cộng Sản từ miệt Cần Đước, Rạch Kiến, Đức Hòa, Long An vào thành phố. Nhờ đã có kinh nghiệm chỉnh trang tại địa phương từ năm 1965, nên đến năm 1968 anh em cán bộ chúng tôi đã quen thuộc với loại công việc tái thiết này. Loại việc này, Chương Trình Phát Triển không có một ngân khoản riêng biệt nào, mà chỉ có ba thứ vật liệu là xi măng, sắt và tôle do cơ quan viện trợ MỸ USAID trợ cấp theo mức độ đã được thỏa thuận với chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa thời ấy. Còn lại các vật liệu khác như gạch khói, gỗ, cát đá, v.v... đồng bào phải tự túc lo lấy.

2) **Giáo dục:** Đã thiết lập được hai Trường Trung Học Cộng Đồng ở Quận Sáu và Quận Tám với sĩ số học sinh tổng cộng trên 2,000 (theo số liệu niên khóa 1968-1969). Đặc biệt là các lớp dậy nghề như: sửa máy thủy động cơ, sửa radio, may cắt, đan len... Ba Trung Tâm Dạy Nghề có tiếng tại chùa Huê Lâm Quận Sáu, Chùa Đông Phước Quận Bảy, Nhà thờ Bình An Quận Tám đã đào tạo hàng ngàn học viên và chỉ ngưng hoạt động sau năm 1975.

Cần ghi nhận là các tu sĩ Phật Giáo, Công Giáo cũng như Cao Đài đã rất tích cực vận động đồng bào tín hữu hưởng ứng công tác xã hội, nhất là trong lãnh vực y tế giáo dục tại các khu ngoại ô xa cách những cơ sở trường lớp thường tập trung ở nơi đô thị sầm uất. Bô lão trong các Hội Đình ở Bình Đông, Bình Tây, Phú Định, Chánh Hưng, Rạch Ông v.v... cũng yểm trợ con, cháu hết mình trong các hoạt động cải thiện sinh hoạt ở hạ tầng cơ sở địa phương, các Hội Tương Tế, Ban Hộ Niệm cũng là những thành niên hoạt động rất đắc lực.

3) **Chỉnh trang xóm ngõ:**

Con số đường hẻm được tráng xi măng hay đặt cống thoát nước có thể lên tới trên 50 đơn vị, và chiều dài của các hẻm này cộng lại có thể lên tới trên 5,000 mét. Số cầu đúc xi măng thay thế cho các cầu khỉ hoặc thay cho các con đò ngang qua các rạch như Lò Gốm, Ụ Cây... cũng phải đếm được trên 10 đơn vị. Nổi tiếng nhất là Cầu Phát Triển, dài trên 60 mét nối liền Xóm Đầm với Chợ Xóm Củi, đây là niềm tự hào của hàng chục ngàn đồng bào ở khu Xóm Đầm đã góp công sức xây dựng được cây cầu để các em đi học và bà con đi chợ bên Xóm Củi mỗi ngày không còn phải trả tiền

ĐOÀN THANH LIÊM

THÔNG ĐIỆP GỬI TUỔI TRẺ

*** Các bạn trẻ của tôi ơi!**
1) Hãy suy nghĩ chính xác
Để khám phá được những kỳ diệu
Trong Thiên nhiên và Xã hội loài người
2) Hãy có lòng nhân hậu
Để yêu thương tất cả mọi người
Kể cả thù địch
*** Các bạn trẻ của tôi ơi!**
3) Hãy nâng tâm trí lên cao
Để tạo cho cuộc sống thêm ý nghĩa
4) Hãy chịu trả đắt giá
Để có được sự cao cả nơi Tâm hồn.
*** Các bạn trẻ của tôi ơi!**
5) Hãy chia sẻ những phúc lộc
Cùng tất cả anh chị em mình.
6) Hãy đích thực là mình
Với phong cách tốt đẹp xưa nay
Giữa lòng cái thế giới hỗn độn này.
*** Các bạn trẻ của tôi ơi!**
7) Hãy có hành động thích đáng
Trong giờ phút đầy thử thách
Của lịch sử vinh quang chúng ta.
8) Hãy sống thật sung mãn
Bằng yêu thương trọn vẹn
Và biết tận hưởng sự an bình ngây ngất
Trong sâu thẳm nội tâm chúng ta.

Rừng lá Hàm Tân
Mùa Xuân 1995

mãi lộ cho chủ thầu chở đò vốn hàng năm đấu thầu với Tòa Đô Chánh để khai thác loại hình kinh doanh dịch vụ chuyên chở đại chúng này. Cây cầu bắc qua kinh lò Gốm nối liền phường Bình Tây qua Chợ Lớn Mới ở Quận Sáu cũng là một thành quả đáng ghi nhớ của nhóm anh em tự nguyện đã phát động bà con góp công sức xây dựng nên vào đầu năm 1967.

Về số ngày lao động tự nguyện, tuy không thể có số lượng thống kê chính xác, nhưng ta có thể nói là tổng số có thể lên đến bốn trăm ngàn ngày của đồng bào địa phương góp vào hàng trăm các công trình lớn nhỏ tại ba Quận trong gần sáu năm Chương Trình Phát Triển hoạt động. Còn về phía học sinh sinh viên từ các nơi xa tới "chi viện," thì cũng phải tính đến con số ba bốn ngàn ngày công tác.

IV.

Nhưng cốt lõi của chuyện làm ở Quận Tám không phải chỉ là số lượng công tác vật chất được thực hiện như đã ghi ở trên. Mà vấn đề là lớp thanh niên chúng tôi hồi đó đã có được "cơ hội thử lửa," học tập được cách phục vụ xã hội sao cho có hiệu quả cao nhất. Chúng tôi đã trở thành những cán bộ xã hội, những người vận động đồng bào tham gia vào một công cuộc phát triển toàn diện và điều hòa (Animateurs de développement total et harmonisé). Chúng tôi đã nhận lãnh được một phần thưởng quí báu nhất do đồng bào địa phương trao tặng: đó là lòng yêu thương tín cẩn của những Bác Ba, Chú Sáu, của Dì Năm, Cô Chín, của những Thầy những Cha, những Soeur những Ni Cô. Rất nhiều, không thể nào kể ra hết được. Chính cái ngọn lửa yêu thương nhiệt tình đó đã nung nấu tâm can, thôi thúc anh em chúng tôi tiếp tục làm việc dù cho Chương Trình Phát Triển đã bị đóng cửa vào tháng Tư năm 1971. Đích thực đó là kỉ niệm không bao giờ quên được.

Vào năm 1993 khi còn bị giam giữ tại Trại Z-30D ở Rừng Lá Hàm Tâm, tôi đã có dịp để suy nghĩ nhiều về kinh nghiệm hoạt động ở Quận Tám gần ba chục năm trước. Và đã có hứng làm mấy câu thơ, nhưng chưa có dịp gửi cho ai cả. Nay nhân dịp gợi lại ít kỷ niệm ở Quận Tám, tôi xin ghi lại bài thơ để tặng tất cả anh chị em và bà con đã từng tham gia công tác ở Quận Tám những năm xa xưa ấy:

Tặng Anh chị em Kế Hoạch Xây Đời Mới
Quận Tám năm xưa cùng Phát Triển
Ngày đêm lặn lội vai sánh vai
Đời mới ước mơ thời trai trẻ
Vẫn còn tươi nét chẳng phôi phai.

Quận Cam, tháng 12 năm 1996

BÙI KHÁNH ĐẢN

ẨM BĂNG

Thu muộn! Trời nghe lịm nhạc đêm
Nhớ thương quằn quại nhánh tơ mềm
Bao nhiêu sao rụng tan thành lệ
Và giọng ngâm nào cũng quặn tim

Tình tang... đàn vọng cung chìm
Vàng hiu hắt... ánh trăng thềm chơi vơi

Băng giá pha trong tiếng nói cười
Thanh đài rêu phủ kín màu tươi
Nghiêng ly rót mãi vào Vô Tận
Những Ý Thơ mang những mảnh đời

Bước gieo đường vắng xa khơi
Mười năm không vẹn một lời nước non

Tiềm thức nao nao biển sóng cồn
Ngồi trong Ảo Vọng đếm Hoàng Hôn
Khói vương hương lạc qua mùa loạn
Những bóng xanh xưa có nhập hồn?

Lạnh rồi! Gió Trúc Vương Tôn
Và Hoa Tì Muội cũng buồn lòng mưa

Chết giữa thiên thu một phút chờ
Tóc dài lệ liễu quá hoang sơ
Bến ơi, có thấy trong chiều ấy
Hai lá thuyền tim đã lạc bờ?

Muôn nghìn tội lỗi đổ cho thơ
Lên trang hoài cảm bây giờ là đây

Xa cách đôi đường: một với tay
Đàn ai nấc mãi ý tơ gầy
Ta im lặng thấm làn sương nhẹ
Của vạn đêm dài thấp thoáng bay

Người Thu khuất giữa làn mây
Mang theo Thu Ảnh những ngày Thu qua

Mộng đẹp tan trong nét mực nhòa
Tin Hồng cũng bặt Nhạn bình sa
Tìm đâu "kiến xứ" đào Thôi Hộ
Nhớ mãi Tô Đài lụa Trữ La
Ngôi Vĩnh Lạc cười không mão ngọc
Gác Sầu Miên giận thiếu trăng ngà
Tâm tư xóa hết trên giòng trắng...
Riêng đáy ly còn một bóng Ta.

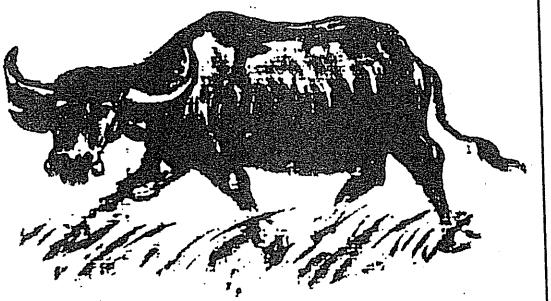

PHẠM PHÚ THUẦN

CON TRÂU

Nghĩ mà thương hại phận con trâu
Cái ách mang hoài biết đến đâu
Tháng hạ đạp xe lo cứu hạn *
Mùa đông lăn lấm để cày sâu
Mũi vì giây dựt theo *rì, tắt*
Lưng chịu roi dần chán khổ đau
Lúa má ai ăn, ăn chút rạ
Lột da còn sợ một ngày sau

** Xe trâu, loại công cụ đưa nước vào ruộng do trâu kéo*

THÍCH TRÍ ĐỘ

CON TRÂU TỰ VỊNH

Trải nắng dầm mưa độ giúp đời,
Trâu danh Bồ Tát há rằng chơi:
Rạng đông có mặt ngoài đồng áng,
Chiều tối về chuồng sức rã rời.
Đứng thẳng giữa trời nhìn núi thẳm
Trầm mình trong vũng ngắm sao rơi.
Tấm thân trâu ngựa nuôi thiên hạ,
Da thuộc căng thành trống dạy đời.

HÀ SĨ PHU ĐÃ VỀ VỚI BẠN BÈ

HOÀNG TIẾN

Ngày 4 tháng Mười Hai năm 1996 là ngày hết hạn tù giam một năm của nhà trí thức yêu nước Hà Sĩ Phu. Nhiều người ở xa đã tưởng tượng rằng sẽ có những cuộc đón rước linh đình việc Hà Sĩ Phu ra tù.

Như tôi đã nói, việc tổ chức đón rước ở Hà Nội sẽ không xảy ra, vì lâu nay chúng ta sống dưới một chế độ khắc nghiệt, nó đã hình thành một nếp sống ẩn ức trong biểu cảm. Yêu ai không nói là yêu, ghét ai không nói là ghét (một nhà thơ đã nói ngược lại mà bị đầy đọa vài chục năm đấy thôi. Khi anh được trở lại tay bút thì râu tóc đã bạc như cước cả). Những tình cảm thật bị nén sâu trong lòng. Một ngày sống phải đeo bốn năm cái mặt nạ.

Mà có tổ chức đón rước thì người ta cũng phá, chính quyền không cho phép, công an sẽ gây những rắc rối ngăn cản sự tụ tập đông người. Thiếu gì cách thức ở một đất nước không có dân chủ tự do. Hay nói đúng ra, có thấy ghi trong hiến pháp: *công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội và cả tự do biểu tình nữa,* nhưng không được thực thi, mà rồi chẳng ai dám nói câu gì. Còng số 8, các trại tập trung cải tạo, các trại tù lập ra nhan nhản từ đồng bằng lên đến thượng du, dành cho những ai làm đúng pháp luật nhưng trái ý nhà cầm quyền.

Để tồn tại con người phải dùng cách thức im lặng, vờ câm, vô cảm.

Nghĩ cũng buồn lòng, mong những ai đã được sống dưới chế độ thực sự tự do dân chủ, nên rộng lòng cảm thông cho chúng tôi. Còn vợ, còn con, còn phải xin giấy chứng nhận lý lịch cho con đi học đi làm, may mà bây giờ bỏ tem phiếu sổ gạo rồi, bước vào kinh tế thị trường rồi, nếu không thì còn chết nữa. Chính sách nắm cái bao tử (sổ gạo, tem phiếu, bao cấp) là chính sách tối ư thâm hiểm của nhà cầm quyền.

Nghĩ đến trường hợp nhà văn Son-giê-nhít-xin ở Liên Xô trước đây, khi còn là đại úy quân đội Xô viết, bị cơ quan an ninh quốc gia KGB gọi đi, không một ai dám đưa chân ra xe ô tô. Thấy vậy, một vị tướng chỉ huy đơn vị tiến ra bắt tay tiễn biệt, được coi là một hành động quá ư dũng cảm trong quan hệ giữa người và người.

Cho nên đến đón Hà Sĩ Phu ở cổng trại giam, ngoài họ hàng gia đình vợ, anh, em, cháu, bạn bè chỉ có anh Nguyễn Hữu Tiến bạn học thời thơ ấu của Hà Sĩ Phu từ Hải Phòng lên đón, và văn nghệ sĩ Hà Nội có nhà thơ Tú Sót cùng nhà văn Hoàng Tiến. Hẹn tám giờ có mặt trước cổng trại giam.

Chúng tôi ra đi từ sáng sớm, mua sẵn một bó hoa bọc giấy bóng tối hôm trước.

Chiếc xe máy Honda tòng tọc 50 phân khối hay giở quẻ, lại đèo nhau, làm chúng tôi thêm lo ngại, giữa đường chết máy nơi đồng không mông quạnh, thì rách việc. Lại còn lo có thể người của công an mặc thường phục gây cản trở dọc đường. Lúc sắp đi, nhận được điện của Bùi Minh Quốc từ Sài Gòn gọi ra, hỏi thăm lịch trình, và dặn có gì trục trặc thì báo cho biết ngay. Ôi, nhỏ nhoi là mấy tấm lòng bè bạn đi đón người thân từ hoạn nạn trở về!

Đúng tám giờ chúng tôi có mặt trước cổng trại giam Thanh Xuân, cách Hà Nội khoảng 30 ki-lô-mét. Đây là một trại giam vùng đồng bằng nằm lẫn trong một xóm dân. Những phạm nhân đang lao động cải tạo nhào đất nung gạch trước cửa trại, dưới sự giám sát của công an áo vàng. Chưa một ai đến cả. Văn nghệ sĩ vẫn nổi tiếng là "cao su" về giờ giấc, vậy mà chúng tôi đã đến đúng hẹn như một người lính. Nhà thơ Tú Sót có mái tóc bay bay trắng đẹp, ôm bó hoa đi đi lại lại trước cổng trại làm mọi người nhìn theo. Rồi chúng tôi vào một cái quán uống nước, lại phải gọi ăn một cái gì đó để bà chủ quán vui lòng, và cũng để chờ đợi.

Sắp ăn thì bà Hà Sĩ Phu cùng gia đình đến. Cả ông anh từ Bắc Ninh sang. Cả chú em từ Vân Đình xuống. Tíu tít chào hỏi. Bà Hà Sĩ Phu thì mừng cuống lên giục vào ngay trong trại. Lúc này chúng tôi lại đề nghị từ từ, hãy vào quán uống nước, hàn huyên dăm ba câu, ai chưa ăn sáng thì ăn sáng đi, rồi bà Hà Sĩ Phu cầm chứng minh thư của tất cả vào trình trước. Khi nào có trả lời, chúng tôi sẽ vào.

Lát sau bà Hà Sĩ Phu ra, và chúng tôi vào phòng khách của trại giam. Một gian phòng rộng rãi, lát gạch hoa, kê những chiếc bàn dài và những ghế dài. Phạm nhân có gia đình đến thăm sum họp trên chiếc bàn ghế ấy. Hôm nay không phải ngày vào thăm nên phòng khách rộng vắng. Còn người tù hết hạn, được thả ra, có mỗi một mình ông Hà Sĩ Phu.

Một nữ công an và một nam công an ra tiếp

gia đình. Hỏi tên và chức nghiệp từng người một. Trong khi chờ đợi, chúng tôi nói chuyện về cuộc trao đổi hướng tới 1000 năm Thăng Long tên báo "Người Cao Tuổi," do nhà văn Hoàng Tiến đề xuất, đổi tên Hà Nội trở lại tên cũ Thăng Long. Gần đây có cái lầm lớn, chưa bao giờ vùng đất Hà Nội có tên gọi Tràng An. Tràng An là kinh đô Trung Quốc đời nhà Đường. Khi định đô ở Thăng Long rồi, Lý Thái tổ lệnh cải tên Hoa Lư là Trường Yên phủ và Cổ Pháp là Thiên Đức phủ. Cho nên những *Câu lạc bộ người Tràng An, Bài ca người Tràng An, Công ty Tràng An, Cửa hàng ăn Tràng An...* tùm lum lâu nay là lầm lẫn nếu muốn chỉ vùng đất đế đô xưa. Cuộc bàn luận lôi kéo cả công an vào chuyện. Họ tò mò hỏi và vui sướng nhận được những hiểu biết mới. Trí thức văn nghệ sĩ thì ở đâu cũng mang lại điều gì bổ ích. Người đời quí họ cũng vì lẽ đó.

Kìa Hà Sĩ Phu đi tới, đàng sau ông là mấy người công an mang máy quay phim, chụp ảnh. Chúng tôi đứng cả lên đón ông. Lần lượt đều tới ôm ông. Bắt tay, áp má, vỗ vỗ lưng nhau. Cười nói. Mừng vui. Rộn rã. Nhà thơ Tú Sót giở bọc giấy đưa tặng ông Hà Sĩ Phu một chữ đại tự "XUÂN" viết trên giấy giả điệp, nét chữ bay bướm, mạnh mẽ, hàm ý chúc mừng trẻ mãi không già, cùng đôi câu đối mực nho đen nhánh trên nền giấy đỏ tươi:

Cố lý thâm tình minh đức tụ
Sơn hà tráng trí ký phương danh.

Dịch nghĩa:

Tình sâu nặng quê hương hội tụ đức sáng láng
Tráng trí tỏa khắp non sông gởi giữ tiếng thơm.

Dịch thơ:

Tiếng thơm trí dũng tình non nước
Đức hiền nghĩa nặng tấc lòng quê.

Nhà thơ Tú Sót đọc to, giải nghĩa. Mọi người vỗ tay ran ran. Máy quay phim, máy chụp ảnh có đèn phát xạ của công an bấm lia lịa. Họ chụp ảnh, quay phim để lấy tài liệu xem những ai đã đến đón Hà Sĩ Phu. Và chiều nay thôi, là sở Công an Hà Nội, bộ Nội Vụ sẽ biết hết quang cảnh đón tiếp. Họ buồn hay họ tức giận? Cái đó không quan trọng. Chỉ mong họ nhận ra một điều: tư tưởng con người không thể dùng bạo lực tiêu diệt được. Những ý tưởng đúng đắn cứ nối tiếp nhau đâm chồi nảy lộc. Hết người này đến người khác. Nhìn ánh mắt những người công an trong phòng khách trại giam thấy có sự vui lây, đồng tình. Phải, chúng ta đều là những con người, ngoài bộ áo khoác chức nghiệp ra, ai chẳng có bố mẹ, anh em, vợ chồng, bè bạn. Ông Hà Sĩ Phu không thù ghét ai. Ông chỉ làm phần việc của người trí thức trước vận mệnh dân tộc. Dù chính quyền có bắt ông, trừng phạt ông, ông cũng không thù ghét họ. Ông chỉ muốn họ đọc những bài viết của ông để rút ra được từ đấy những điều gì có lợi cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước cho kịp người và bằng người.

Cánh văn nghệ sĩ chúng tôi là những người chứng kiến, ghi nhận. Những gì chính quyền làm tốt chúng tôi chẳng thể cứ nói xấu đi, còn những gì chính quyền làm không tốt chúng tôi chẳng vì thế bẻ queo ngòi bút ra sức tụng ca. Đời sẽ khinh bỉ những kẻ cầm bút, nhân dân sẽ phỉ nhổ những bọn cầm bút, nếu họ không dám nói lên điều thật lại tiếp tay cho sự dối trá lừa bịp nhân dân.

Cuộc đón tiếp diễn ra khoảng mươi lăm phút, thấy đã đủ độ, chúng tôi liền từ biệt trại giam, và có lời cám ơn anh chị em công an. Một chiếc xe ô tô bốn chỗ ngồi sang trọng, do người của công an lái, loại hiện đại, cửa kính nhìn ngoài vào tối om, nhìn trong ra rất sáng, chạy từ sân ra cổng trại. Ông Hà Sĩ Phu và vợ bước lên xe, cùng lên xe có ông anh ở Bắc Ninh sang và người bạn học thời thơ ấu từ Hải Phòng đến.

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 4 tháng 12 năm 1996, xe bắt đầu khởi hành từ trại giam Thanh Xuân hướng về Hà Nội, không dừng ở Hà Nội mà vượt cầu Chương Dương, đến Bắc Ninh, tới làng Hồ nơi quê hương ông Hà Sĩ Phu. Ở đấy ông Hà Sĩ Phu nghỉ thăm bà con họ hàng gia tộc một ngày. Đến mồng 6 tháng 12 năm 1996, ông bà Hà Sĩ Phu sẽ bay vào Tân Sơn Nhất, rồi lên Đà Lạt nơi ông bà thường trú.

Tôi và ông bạn nhà thơ Tú Sót lại đèo nhau trên chiếc xe Honda tòng tọc trở về Hà Nội. Trên cánh đồng lúa, gió thổi mát rượi. Chúng tôi vui mừng vì đã làm tròn được phận sự đi đón bạn về. Rất đáng khen nhà thơ Tú Sót đã làm buổi đón tiếp thật vui và có ý nghĩa. Một sự vui mừng nữa là chúng tôi thấy mình đã thắng được nỗi sợ hãi bản thân, và đã có được những giây phút sống thật lòng, không hổ thẹn làm một con người.

Buổi trưa về nhà, tôi vội gọi dây nói cho nhà văn Bùi Minh Quốc túc trực bên máy điện thoại ở tận thành phố Hồ Chí Minh biết: "Ông Hà Sĩ Phu mạnh khỏe, đang trên đường về Bắc Ninh. Buổi đón tiếp ở trại giam Thanh Xuân diễn ra vui vẻ, suôn sẻ, và đầy ấn tượng."•

Hà Nội ngày 6 tháng 12-1996
Người tường thuật: nhà văn Hoàng Tiến
Địa chỉ: Nhà A 11, Phòng 420,
Tập thể Thanh Xuân Bắc, Hà Nội.
Tel: 8.543852

NHÀ THƠ TRẦN DẦN QUA ĐỜI TẠI HÀ NỘI

Nhà thơ Trần Dần, một trong những trụ cột của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, vừa từ trần hồi 10 giờ 30 sáng ngày thứ Sáu 17 tháng Giêng 1997 tại Hà Nội, thọ 71 tuổi. Tang lễ được cử hành lúc 13 giờ (giờ Hà Nội) ngày Chủ Nhật 19-1-97 tại nghĩa trang thị xã Hà Đông.

Tên tuổi Trần Dần gắn bó với hai mốc quan trọng trong văn học sử Việt Nam, đó là con đường khai phá thơ hiện đại và phong trào Nhân Văn Giai Phẩm. Trần Dần sinh năm 1926 tại Nam Định. Ông học tiểu học tại Nam Định, trung học tại Hà Nội. Khi chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, ông trở về Nam Định tham gia kháng chiến và đảm nhận công tác tuyên truyền. Ngay từ cuối năm 1946 ông đã cùng với Trần Mai Châu, Đinh Hùng và Vũ Hoàng Chương thành lập nhóm thi sĩ Tượng Trưng. Cuối năm 1953, ông chiến đấu ở mặt trận Điện Biên Phủ, cùng đội ngũ với Đỗ Nhuận và Tô Ngọc Vân. Cảm xúc hào hùng ở chiến trường và trước cái chết của Tô Ngọc Vân, Trần Dần sáng tác bài 'Người người lớp lớp."

Năm 1954 ông được gửi sang Trung Quốc để viết bản dẫn giải bằng tiếng Việt cho cuốn phim "Chiến thắng Điện Biên Phủ." Sự tiếp xúc với chính sách văn hóa - văn nghệ của cộng sản Trung Quốc đã làm ông thất vọng. Đầu năm 1955, trong quân đội cộng sản ở miền Bắc manh nha sự phản đối đường lối văn hóa - văn nghệ của đảng CSVN, Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Tử Phác, một mặt lên tiếng phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu, một mặt yêu cầu hạn chế sự can thiệp của cán bộ chính trị vào lãnh vực văn hóa - văn nghệ. Và phong trào tiếp diễn với *Giai Phẩm Mùa Xuân* xuất hiện vào tháng 3-1956 đăng bài thơ *Nhất Định Thắng* của Trần Dần. Trần Dần bị bắt nhưng phong trào tiếp tục đến đầu tháng 1-1958 mới bị dập tắt hẳn.

Quan niệm sáng tác và vị trí của Trần Dần có thể gồm thâu trong một câu nói của ông phát biểu trong cuộc đối thoại văn học trên báo *Cửa Việt* năm 1992. Ông tuyên bố: 'Đổi mới là tạo nên sáng tạo. Phải để cho các thế hệ tự do sáng tạo." Với Trần Dần, giá trị phải là giá trị của Tự Do.

NHẤT ĐỊNH THẮNG

Sau đây là trích đoạn bài thơ Nhất Định Thắng *của Trần Dần đăng trên* Giai Phẩm Mùa Xuân *xuất bản ở Hà Nội tháng 1-1956. Từ Mùa Xuân 1956 đến mùa Xuân này đã là 41 cái Xuân...*

Tôi ở phố Sinh Từ
Hai người
Một gian nhà chật.
Rất yêu nhau sao cuộc sống không vui?
Tổ quốc hôm nay
tuy gọi sống hòa bình
Nhưng mới chỉ là năm thứ nhất
Chúng ta còn muôn việc rối tinh...
Chúng ta
Ngày làm việc, đêm thì lo đấy giấc
Vợ con đau thì rối ruột thuốc men
. . . . . .
Tôi ở phố Sinh Từ
Những ngày ấy bao nhiêu thương sót
Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ
Gặp em trong mưa
Em đi tìm việc
Mỗi ngày đi lại cúi đầu về
— Anh ạ!
họ vẫn bảo chờ...
Tôi không gặn hỏi, nói gì ư?
Trời mưa, trời mưa
Ba tháng rồi
Em đợi
Sống bằng tương lai
Ngày và đêm như lũ trẻ mồ côi
Lũ lượt dắt nhau đi buồn bã
Em đi
trong mưa
cúi đầu
nghiêng vai
Người con gái mới mười chín tuổi
Khổ thân em mưa nắng đi về
lủi thủi
Bóng chúng
đè lên
số phận
từng người
Em cúi đầu đi, mưa rơi
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót
Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên mầu cờ đỏ. (...) •

CHIỀU CAO: CHỈ DẤU CỦA MỘT XÃ HỘI TRÙ PHÚ LÀNH MẠNH

PHAN THỊ ĐỖ QUYÊN

Nếu quý vị nhìn vào một quốc gia và muốn biết xem người dân của quốc gia đó có đầy đủ thức ăn bổ dưỡng, nhà cửa ở tươm tất, sống vệ sinh, trẻ em được thương yêu và chăm sóc đàng hoàng hay không, quý vị dựa vào đâu?

Nhà khảo cổ học đào ra một bộ xương người của một nền văn minh ở Mỹ quốc cách đây 4000 năm. Từ bộ xương ấy, làm sao ông biết được con người trong xã hội nghìn xưa ấy có sống đầy đủ lành mạnh hay không?

Các quốc gia tân tiến có những chương trình giúp đỡ người dân tại các nước nghèo khổ. Làm sao biết được rằng các chương trình trợ giúp đó đã thực sự hữu hiệu?

Thưa quý vị, câu trả lời chung cho cả ba câu hỏi trên là đo chiều cao trung bình của người dân sống trong xã hội hay là do chiều dài xương đùi của xác người.

Chiều cao phản ảnh điều kiện sống vật chất và tinh thần

Các nhà khoa học mới đây cho rằng chỉ dấu chính xác để biết về điều kiện sống và phẩm chất đời sống của một quốc gia là chiều cao trung bình của người dân trong quốc gia ấy. Các nhà nghiên cứu khoa học này thuộc ngành Auxology là một ngành nghiên cứu về sự tăng trưởng của con người, phối hợp nhiều ngành như lịch sử kinh tế, nhi khoa, sinh vật học và xã hội học. Họ cho rằng chiều cao trung bình của người dân trong một nước phản ảnh tình trạng dinh dưỡng, sức khỏe, hoàn cảnh gia cư, mức độ ô nhiễm, tình trạng bệnh tật và căng thẳng tinh thần của người dân trong nước đó. Chiều cao còn chính xác hơn các con số về lợi tức đầu người hay tổng sản lượng quốc gia hay mức lương trung bình toàn quốc trong việc thẩm định mức sống của người dân. Chẳng hạn như tại Hoa Kỳ, sự chênh lệch giàu nghèo rất xa, có những người lương rất cao và những người lương rất thấp thì mức lương trung bình không thể phản ảnh chính xác điều kiện sống và y tế của toàn dân.

Chúng ta hãy tưởng tượng đến những nhu cầu thiết yếu căn bản của một đứa trẻ lớn lên. Em cần thức ăn, một mái nhà ấm áp, không khí trong lành không ô nhiễm, đời sống vệ sinh, em cần được cha mẹ thương yêu chăm sóc. Nếu em ăn thiếu thốn, nếu vệ sinh không sạch sẽ, nếu em hay bệnh tật, nếu chỗ em ở chật chội hoặc thiếu vệ sinh, nếu không khí em thở bị ô nhiễm thì em không lớn được. Chiều cao còn bị ảnh hưởng bởi các yếu tố tinh thần. Trẻ bị đánh đập, ngược đãi cũng ngừng không lớn được. Ở bên Anh, em bé Maria Colwell bị cha mẹ hành hạ. Khi còn sống trong gia đình, không những em xuống cân mà em còn không lớn được nữa. Khi chính phủ quyết định đưa em vào bệnh viện, em cao lên. Khi em được gửi trả về nhà thì em lại ngưng lớn. Ông Roderick Floud, một sử gia kinh tế tại London Guildhall University mà vợ là một nhân viên xã hội nhận xét rằng: Khi người ta đem một em bé bị ngược đãi ra khỏi gia đình của em và gửi cho gia đình khác nhận em làm con nuôi thì điều đầu tiên phải lo cho em là đem cho em quần áo mới bởi vì em lớn vụt lên. Điều này chứng tỏ là em được thương yêu chăm sóc tốt và không còn bị ngược đãi như xưa nữa.

Theo ông Richard Steckel, giáo sư và sử gia tại đại học Ohio State University, thì trong khi trọng lượng nói lên tình trạng sức khỏe hiện tại của mỗi cá nhân thì chiều cao là *lịch sử tình trạng dinh dưỡng thuần* (net nutrition) trong nhiều năm tháng của cá nhân đó. Dinh dưỡng thuần có nghĩa là sau khi cơ thể đã dùng những chất bổ cho các nhu cầu căn bản như sự bảo trì, việc làm, sinh hoạt, việc chống bệnh tật v.v... thì những gì còn lại sẽ được dùng vào sự phát triển chiều cao của thân thể. Một em bé cao là một em bé đã được nuôi dưỡng đầy đủ để dư thừa chất bổ dưỡng tạo nên chiều cao của em.

Người ta có thể đo lường những gì một xã hội sản xuất như mức sản xuất sản phẩm hay lương bổng gọi là output. Hoặc người ta có thể đo lường những gì xã hội đem lại cho con người gọi là Input. Chiều cao là một con số đo rất chính xác của những gì được cung cấp cho con người (input). Những thứ được cung cấp có thể tốt và khiến cho con người cao vụt lên như thức ăn bổ dưỡng đầy đủ, nhà ở tốt, không khí trong lành. Có cả những món ăn tinh thần như

tình thương yêu, đời sống thoải mái không căng thẳng. Có những thứ cung cấp xấu như nhà ở chật chội, đời sống thiếu vệ sinh, bệnh tật, dinh dưỡng thiếu thốn hoặc sự hành hung ngược đãi. Chiều cao phản ảnh phẩm chất tốt hay xấu của những gì được cung cấp cho sự sống và phát triển của con người trong một xã hội. Ngược lại, tổng sản lượng quốc gia phản ảnh những gì được con người sản xuất ra.

Những quốc gia cao nhất

Đến đây có lẽ nhiều người trong chúng ta sẽ thắc mắc là quốc gia nào có chiều cao trung bình cao nhất hiện nay? Quốc gia nào nuôi con em của mình thành công nhất, đầy đủ nhất và lành mạnh nhất về mọi phương diện? Thưa quý vị, có lẽ quý vị sẽ ngạc nhiên khi thấy rằng nước Mỹ không đứng hàng đầu. Đứng đầu là nước Hòa Lan với chiều cao trung bình của người dân là 1th79. Thanh niên Hòa Lan thì cao trung bình lên tới 1th83. Các nước Bắc Âu như Na Uy, Đan Mạch và Thụy Điển về nhì với chiều cao trung bình là 1th78. Chiều cao trung bình của đàn ông Mỹ, Anh, Úc và Tân Tây Lan là 1th75. Cách đây một thế kỷ, Hòa Lan thuộc về số những người dân thấp nhất ở Âu Châu. Thế mà nay họ đứng đầu thế giới. Trong vòng 150 năm qua, chiều cao của người dân Âu Châu đã tăng lên đến 20cm, đủ nói lên sự trù phú của xã hội họ. Năm 1750 người Mỹ trung bình cao hơn người Anh trung bình 7cm. Thế mà ngày nay người Mỹ đã bị người Anh, Úc, TÂn Tây Lan bắt kịp. Sự kiện nước Mỹ không còn dẫn đầu thế giới về chiều cao của các công dân của mình là tiếng chuông cảnh cáo đối với chính phủ nước này. Phải chăng những nhu cầu thiết yếu cho sức khỏe người dân đã không được cung cấp đầy đủ cho tất cả mọi người? Có nhiều lý do khiến nước Mỹ không dẫn đầu thế giới về chiều cao nữa. Sự chênh lệch giàu nghèo lớn trong xã hội Mỹ khiến cho có nhiều gia đình nghèo có con thấp, làm cho chiều cao trung bình của người dân bị kéo thấp xuống. Trong khi đó, các nước Bắc Âu có sự phân chia của cải công bằng hơn do đó chiều cao trung bình cao hơn. Giáo sư Floud phân tích rằng ngoài sự công bằng xã hội, các nước Bắc Âu cũng giàu có, lương bổng cao. Họ dùng nhiều tiền vào việc chăm sóc bà mẹ và thai nhi trong thời kỳ mang thai. Họ chăm sóc con trẻ của họ kỹ lưỡng và tỷ lệ qua đời của trẻ thơ cũng rất thấp.

Thật ra trong quá khứ thì các quốc gia Âu Châu cũng có sự chênh lệch giàu nghèo lớn giữa những người thường dân và người quý tộc. Ông John Komlos, một sử gia kinh tế tại đại học Đức quốc Munich University nghiên cứu các tài liệu ghi lại chiều cao của các học sinh tại một trường học dành cho nam sinh tại Stuttgart vào hậu bán thế kỷ thứ 18. Ông Komlos khám phá ra rằng các em trai 14 tuổi thuộc các gia đình trong giai cấp thấp trong xã hội thua các em học sinh thuộc các gia đình quý tộc đến 14.2 cm có nghĩa là thua gần một cái đầu. Nhưng theo ông Komlos thì ngày nay những sự cách biệt giai cấp như thế gần như biến hẳn tại các nước Tây Âu. Ông nói rằng trong năm 1981, chiều cao trung bình của các em trai 14 tuổi người Đức là 161.2cm, có nghĩa là 20cm cao hơn các em trai xuất thân từ các giai cấp nghèo tại Stuttgart hồi thế kỷ 18.

Một lý do khác khiến nước Mỹ không phải là quán quân về chiều cao là tình trạng dinh dưỡng không tốt của họ. Người Mỹ ăn quá nhiều hoặc là ăn những thức ăn chế biến không bổ dưỡng mà đôi khi còn có thể có hại cho sức khỏe. Sau đệ nhị thế chiến thì chiều cao trung bình của người dân Mỹ đã đứng tại chỗ. Hiện nay còn quá sớm để xác định các nguyên nhân. Nhưng một trong những nguyên nhân có thể là những vấn đề của tiến trình đô thị hóa như là nhà cửa chật chội trong thành phố, thiếu tiện nghi, sự chăm sóc y tế kém, sự căng thẳng tinh thần. Theo giáo sư Steckel, trong những thập niên 1750, nước Mỹ đã có một chiều cao đáng kể so với Âu Châu lúc ấy còn chậm trễ cả một thế kỷ. Lý do là vì lúc ấy người Mỹ dinh dưỡng tốt, dân Mỹ còn thưa nên ít bị bệnh dịch và họ cũng dễ làm chủ các đất đai và tài nguyên trù phú.

Giống như Âu Châu, trong vòng vài thập niên qua, chiều cao trung bình của người Nhật cũng tăng vọt cùng với những thành quả kinh tế của đất nước họ. Từ năm 1957 đến năm 1977, chiều cao trung bình của trẻ em Nhật tuổi 12, 13 đã gia tăng gần 10cm.

Cũng có những trường hợp mà chiều cao trung bình của người dân một nước đi xuống. Chẳng hạn như tại Úc, từ năm 1867 đến 1893, chiều cao trung bình của người dân Úc đã xuống 3cm. Hai nhà sử gia kinh tế ở Melbourne là Stephen Nicholas và Greg Whitwell nói rằng hiện tượng lùn hơn này không thể đổ lỗi cho điều kiện làm việc không tốt với tiến trình kỹ nghệ hóa. Nguyên nhân có lẽ là sự

---

* Hôn nhân là một thí nghiệm hóa học trong đó hai chất vô hại khi hòa hợp vào nhau có thể tạo thành một chất thuốc độc.

— E. Pailleron

thay đổi nhanh chóng từ đời sống thôn quê sang đời sống thành thị khiến cho người dân dễ bị các bệnh dịch như thương hàn, cộng thêm những khó khăn kinh tế do cuộc khủng hoảng kinh tế của các thập niên 1890 gây ra.

Chiều cao và sức khỏe

Các nhà nghiên cứu còn để ý thấy một sự liên hệ rõ ràng giữa chiều cao và sức khỏe. Tại Na Uy giáo sư Hans Waaler nhận xét rằng người nam và người nữ cao sống lâu hơn. Trong số các phụ nữ tuổi từ 40 đến 44 chẳng hạn, những người cao trong khoảng từ 1th45 đến 1th49 có tỷ lệ qua đời cao gấp đôi các phụ nữ cao từ 1th65 đến 1th69. Đàn ông Na Uy tuổi từ 55 đến 59 cao từ 1th50 đến 1th55 có tỷ lệ qua đời cao gấp đôi người đàn ông cao từ 1th85 đến 1th89. Tuy nhiên các nhà nghiên cứu minh xác là họ chỉ nói đến chuyện trung bình mà thôi. Họ không nói đến từng trường hợp cá nhân. Có nghĩa là một cá nhân thấp không nhất thiết là dễ bị bệnh hoặc là một cá nhân cao lớn không phải là đương nhiên sẽ khỏe mạnh. Các cuộc nghiên cứu chỉ nói lên ý tưởng là chiều cao là hậu quả của một xã hội có điều kiện sống tốt lành, người dân có sức khỏe tốt và như thế, theo trung bình, các cơ thể cao lớn, dễ chống lại sự hủy hoại của thời gian hơn.

Trên phương diện cá nhân, một người cao ngồng thường gặp phải nhiều khó khăn trong đời sống hàng ngày. Khung cửa thấp đi qua phải cúi đầu. Giường nằm không đủ dài. Ngồi máy bay thì đầu gối như muốn đụng cằm. Nói chuyện với người khác cứ phải khòm lưng xuống. Chưa kể đến chuyện tiến sĩ David Gunnell thuộc đại học Anh University of Bristol cho rằng, nói chung, những người cao có nguy cơ dễ mắc bệnh ung thư hơn.

Ngoài sự liên hệ giữa chiều cao và sức khỏe, các nhà nghiên cứu sự tăng trưởng của con người tại Đan Mạch còn để ý thấy sự liên hệ trực tiếp giữa chiều cao trung bình và tỷ lệ qua đời của trẻ thơ (tuổi từ 28 ngày đến 1 tuổi). Họ cho rằng một khi tỷ lệ qua đời của trẻ thơ xuống thấp còn 3 trên 1000 thì chiều cao của thanh niên 18 tuổi sẽ ổn định ở mức từ 1th79 đến 1th81. Nước Thụy Điển đã đạt tới mức tỷ lệ qua đời của trẻ thơ thấp này từ năm 1964. Trong khi Tây Ban Nha chỉ đạt đến tỷ lệ này vào năm 1986. Các nhà nghiên cứu Đan Mạch cho rằng các quốc gia miền Nam Âu châu sẽ tiếp tục cao hơn nữa trong vòng 20 năm sau khi tỷ lệ qua đời của trẻ thơ của họ ổn định ở mức từ 3 đến 5 trên 1000. Có nghĩa là cho đến năm 2006, người Tây Ban Nha trung bình sẽ có hy vọng đứng ngang vai với người Thụy Điển.

Cao vụt, cao bù và cao tối ưu...

Chúng ta tự hỏi: con người cao vụt lên vào lứa tuổi nào? Ai trong chúng ta cũng đoán biết rằng trẻ con cao rất nhanh trong những năm đầu của tuổi thơ và ở vào tuổi vị thành niên. Con trai cao hơn con gái vì giai đoạn cao vụt ở tuổi vị thành niên của con trai kéo dài hai năm lâu hơn con gái. Tất cả sự gia tăng về chiều cao gần như tập trung vào cặp đùi. Do đó giáo sư Steckel đã đo chiều dài xương đùi của hàng ngàn bộ xương người xuất phát từ những nhóm người sống ở Nam Mỹ cách đây 4000 hay

SÁCH MỚI CỦA VIỆN TƯ TƯỞNG VIỆT PHẬT

* PHẬT GIÁO & QUỐC ĐẠO VIỆT NAM

của Lý Khôi Việt

Một tác phẩm soi sáng 2.000 năm Việt Phật và thắp sáng quốc đạo Việt Nam trong thế kỷ mới

Sách dày 400 trang, giá 15 mỹ kim.

* PHẬT PHÁP THỰC HÀNH TRONG CUỘC SỐNG *do* TRƯỜNG PHẬT HỌC LÝ TRẦN *chủ biên*

Tóm lược 12 cuốn sách của Bộ Phật Học Lý Trần Khóa Căn Bản *(Năm thứ nhất Cao Đẳng Phật Học)*

Một cuốn cẩm nang Phật học hiện đại hóa Phật giáo và áp dụng đạo Phật vào đời sống hàng ngày. *Sách dày 232 trang, giá 12 MK.*

*** BỒ TÁT HUỲNH PHÚ SỔ & PHẬT GIÁO THỜI ĐẠI** *của* LÊ HIẾU LIÊM

Một tác phẩm đưa lịch sử vượt qua tương lai, nối liền Đạo Pháp với Dân Tộc, và đến hiện đại từ truyền thống. *Sách dày 430 trang, giá 16 MK.*

Chi phiếu xin đề VIỆT PHẬT P.O Box 915 Danville, CA 94526. **Đặc biệt: mua cả ba cuốn chỉ có 30 mỹ kim, kể luôn cả cước phí** *(Ngoài Hoa Kỳ, mỗi cuốn thêm 4 mỹ kim cước phí máy bay).*

5000 năm khi ông làm việc với một toán các nhà nhân chủng học và chuyên gia khác. Sau khi đo, giáo sư Steckel đã kết luận rằng cách đây 4000, 5000 năm đã có những dân tộc sống rất lành mạnh.

Trong thời gian phát triển nhanh mà em bé bị thiếu ăn hay điều kiện sống khó khăn thì em không cao nhiều được. Nhưng nếu em có cơ hội sống đầy đủ hơn ngay sau đó thì em vội đền bù thời gian khó khăn trước bằng cách lớn vọt. Giống như hình ảnh mấy cây ở sa mạc, chỉ cần một cơn mưa là đã vội vã nảy lá và ra hoa ngay. Giáo sư Steckel nghiên cứu chiều cao của các em bé da đen bị làm nô lệ trước kia trên đất Mỹ. Khi còn nhỏ các em rất thấp so với các em bé Mỹ thời nay nhưng khi các em vào tuổi vị thành niên và được ăn uống khá hơn để có sức làm việc ngoài đồng thì các em cao vọt lên để đền bù những năm tháng thiếu ăn trước kia.

Chúng ta tự hỏi: khi nào thì con người sẽ ngừng cao? Ông Van Wieringen thì tin rằng con người sẽ còn cao hơn nữa và chưa đạt tới chiều cao tối đa của mình. Một số người lo ngại là xương sống con người không chịu đựng nổi một chiều cao quá lớn. Nhưng trong thiên nhiên con hươu cao cổ và bao nhiêu thú vật khác đã cao đến như thế thì biết đâu con người sẽ phát triển sức chịu đựng của xương sống mạnh hơn và sẽ cao lên nhiều hơn nữa.

Dù sao thì sự liên hệ giữa chiều cao và sự sống lâu cũng có giới hạn. Nếu một cách chung chung, người cao sống lâu hơn người thấp thì sau 1th88, cao hơn nữa cũng chẳng giúp kéo dài cuộc sống lâu hơn. Có nghĩa là, tính theo trung bình những người cao 1th93 không sống lâu hơn những người cao 1th88. Các nhà nghiên cứu không thích mạo hiểm đưa ra một chiều cao tối ưu nhưng giáo sư Floud thì vừa mỉm cười vừa đề nghị rằng có thể chiều cao tối ưu là 1th88. Chính ông cao 1th88.

Những sự kiện trên đây mà các nhà khoa học vừa xác định về chiều cao, người dân thường cũng đã mường tượng cảm thấy những chân lý đó. Trẻ con Việt Nam trong cùng gia đình, em nào được nuôi dưỡng hay sanh đẻ ở ngoại quốc, thường cao hơn các anh chị mình phải chịu những hoàn cảnh khó khăn tại nước nhà. Thầy cô đi dạy học, mỗi năm tựu trường gặp lại học sinh, lúc nào cũng thấy các em cao vụt lên trong ba tháng hè. Trong thời gian hè, các em được vui chơi, tinh thần thoải mái, không bị căng thẳng trong chuyện học, nên lúc nào mức độ tăng trưởng cũng nhanh hơn trong niên học.

Ước mong sao trong tương lai thanh niên nam nữ Việt Nam sẽ sánh vai với thanh niên các nước phú cường trên thế giới trong ý nghĩa thể xác lẫn tinh thần.•

(Theo TIME, Nov. 11, 1996)

* Hôn nhân là bản dịch ra văn xuôi của bài thơ tình yêu.

— A. Bougeard

* Sống, cũng giống như là yêu vậy — tất cả lý lẽ đều nghịch với nó, tất cả bản năng lành mạnh đều hợp với nó.

— Samuel Butler

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX (714) 741-2900

(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200

NỘI TÌNH VIỆT NAM 1996*

LÊ VĂN TIẾN

1996 là thời kỳ xảy ra nhiều bối rối trong nội bộ Đảng Cộng sản Việt Nam. Sửa soạn cho Đại hội lần thứ 8 của Đảng, tranh chấp đã diễn ra từ đầu năm trên đủ mọi lĩnh vực trên cả nước. Trẻ muốn loại già, địa phương chống trung ương, quân đội không tín nhiệm giới lãnh đạo dân sự mà họ tố cáo là đã bất lực còn tham nhũng. Nay Chủ tịch nước Lê Đức Anh ngã bệnh nặng, tương lai xứ sở này như bị mây mù bao phủ. Bệnh trạng của ông ta có ảnh hưởng như thế nào đến những cuộc đấu tranh quyền lực trong nội bộ?

Cuối tháng Sáu, khi đề cử năm ủy viên vào Thường vụ Bộ Chính trị, Ban Chấp hành trung ương đã dự liệu rằng ba lãnh tụ già —Tổng Bí thư Đỗ Mười 79 tuổi, Chủ tịch nước Lê Đức Anh 76, và Thủ tướng Võ Văn Kiệt 73 —có thể chỉ ngồi ở chức vụ cho tới Đại hội giữa nhiệm kỳ sẽ triệu tập khoảng cuối 1998. Giờ đây mọi nguồn tin từ Hà Nội, dù hết sức thận trọng, đều cho biết Chủ tịch Anh khó có thể làm việc trở lại. Sự vắng mặt của ông sẽ tạo nên khoảng trống lớn ở trung tâm quyền lực của bộ máy nhà nước, và quan trọng hơn, ở Bộ Chính trị. Nó sẽ lại đặt ra vấn đề kế thừa trong giới lãnh đạo. khơi sâu thêm tình trạng mất đoàn kết giữa các phe phái, nhất là giữa các nhóm tướng lãnh đang muốn đưa người của mình vào chiếm những địa vị then chốt.

Hiến pháp, Điều 108 dự liệu "khi chủ tịch nước không làm việc được trong một thời gian dài, hoặc trong trường hợp khuyết chủ tịch nước, thì phó chủ tịch quyền chủ tịch cho đến khi quốc hội bầu chủ tịch mới." Phó chủ tịch được bầu cùng một lúc với Tướng Anh hồi tháng Chín, 1992 là bà Nguyễn Thị Bình. Thật khó có thể nghĩ rằng giới lãnh đạo cộng sản, nhất là giới quân sự cao cấp, chịu để cho một người đàn bà không phải uỷ viên Bộ Chính trị, cũng không phải là uỷ viên BCHTƯ ngồi vào ghế thống lĩnh đó. Trong trường hợp này, nếu muốn "bảo vệ hiến pháp," phải triệu tập một kỳ họp đặc biệt của Quốc hội để chuẩn nhận chủ tịch nước mới do Bộ Chính trị chỉ định. Để giữ thế quân bình về thành phần địa phương và về quân sự - dân sự, nhân vật có nhiều triển vọng được chọn là Đại tướng Đoàn Khuê.

Cùng lúc với tin Tướng Anh bệnh nặng, lại có thêm những tin về tình trạng mất đoàn kết vốn có từ lâu trong hàng ngũ lãnh đạo. Giữa Thủ tướng Kiệt và Văn phòng Tổng Bí thư Đỗ mười đã có lời qua tiếng lại về việc bài trừ tham nhũng và buôn lậu. Tại diễn đàn quốc hội các đại biểu đua nhau đòi quyền lợi cho các địa phương khiến trung ương phải nhượng bộ. Các đơn vị hành chính cấp tỉnh và thành phố được lập lại với tên và địa giới y hệt thời kỳ trước Chiến tranh Thế giới II ở Việt Nam. Những người cầm đầu các uỷ ban và ty sở tại những tỉnh và thành phố mới lập lại này không thuộc quyền bổ nhiệm của Thủ tướng Kiệt.

Lực lượng bảo thủ đã thắng lớn trong năm 96 đầy bối rối này. Họ muốn giữ vững quyền lực tập trung trong tay Đảng, và muốn dẹp yên cuộc vận động đòi dân chủ của những thế lực ở miền Nam Việt Nam. Ngày 4 tháng 11, nhật báo Quân Đội Nhân Dân đầy quyền thế, trong bài xã luận lời lẽ nghiêm trọng chưa từng thấy, đã kêu gọi 'phải nỗ lực bảo vệ đảng chống lại các thế lực thù địch."Theo bài xã luận này thì "các thế lực thù địch phối hợp cả trong nước và ngoài nước đang nỗ lực vận động nhằm tước quyền lãnh đạo của đảng và biến đổi chế độ."

Tình trạng đảng bị đe dọa có thể là điều có thật. Nhưng nguy cơ này đã bị thổi phồng theo lệnh của người đứng đầu đảng bộ quân đội là Thượng tướng Lê Khả Phiêu, một nhân vật được Chủ tịch nước Lê Đức Anh bảo trợ. Được biết Tướng Phiêu chủ trương trọng dụng những cán bộ quân sự trẻ, có kiến thức mới để thay thế các tướng lãnh già, nâng đỡ giới chuyên gia trong bộ máy nhà nước và gia tăng thu hút đầu tư của nước ngoài. Đứng hàng thứ tư trong Thường vụ Bộ Chính trị, nhân vật này rất đáng được quan tâm. Bởi vì hiếm có ai tin rằng hai ông Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt còn đủ sức khỏe và đủ sáng suốt để ngồi ở ngôi vị cho tới khi nhiệm kỳ chấm dứt vào năm 2001. Tướng Phiêu sẽ giữ trọng trách ngày càng lớn hơn.

Tướng Phiêu là người cầm đầu liên minh quân đội-công an, và liên minh này là chỗ dựa của Tổng Bí thư Đỗ Mười để lập lại trật tự kỷ cương trong đảng và ngoài xã hội. Oạng Đỗ Mười từng tuyên chiến với Sàigòn, thành phố mà ông gọi là "hang ổ phản động," nơi đang

dấy lên cuộc vận động đòi dân chủ cho ít nhất là phần phía nam của đất nước này. Liên minh của Tướng Phiêu tỏ ra quyết dẹp tan đối lập. Họ giữ vững chiêu bài chính thống là chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với chủ nghĩa yêu nước nhưng lồng vào đó một thứ chủ nghĩa dân tộc quá khích nặng tính bài ngoại.

Cho tới hồi cuối Chiến tranh Việt Nam năm 1975, Tướng Phiêu còn là một sĩ quan chính trị viên ở cấp trung đoàn. Tới 1990 ông ta được tuyển vào hàng ngũ lãnh đạo vì được coi như thành công trong việc "chỉnh đốn kỷ luật và xây dựng lại tinh thần quân đội." Đầu năm nay, để sửa soạn cho Đại hội đảng lần thứ 8, ông ta lại được tín nhiệm trong việc vận dụng hệ thống chính trị viên quân đội để lập lại trật tự trong đảng. Chủ trương này được nhiều tướng lãnh cùng lứa tuổi và trẻ hơn hưởng ứng, cả trong quân đội và trong bộ máy công an. Ngày bế mạc Đại hội, Tướng Phiêu trong bộ thường phục lên diễn đàn thay mặt toàn đảng đọc tên từng nhân vật trúng tuyển vào Ban Chấp hành Trung ương gồm 170 uỷ viên.

Trong sáu tháng vừa qua, Tướng Phiêu đã tiến hành việc chỉnh đốn lại bộ máy nắm binh quyền. Viên tổng tham mưu trưởng, ba thứ trưởng quốc phòng và ba tư lệnh quân khu được thay thế bởi những người được ông ta tín nhiệm hơn. Trong các quân chủng và binh chủng cũng đều có những thuyên chuyển tương tự. Trong số tướng lãnh mất quyền chỉ huy, có những người thâm niên quân vụ hơn Tướng Phiêu. Có vẻ như những người bất mãn này đang lần lượt ngả về phía mà Tướng Phiêu gọi là "các phần tử cơ hội hữu khuynh đang tìm cách thâm độc hòng thay đổi đường lối chính trị, đường lối tổ chức và làm biến chất đảng theo kiểu một đảng xã hội dân chủ."

Những "phần tử xã hội dân chủ" này xuất hiện từ 10 năm trước, khi bắt đầu có chính sách gọi là "đổi mới." Nhưng sau đó, những người có ít nhiều uy tín lần lượt bị loại khỏi quyền lực ở mọi cấp mọi nơi. Từ đó họ vẫn chưa trở nên một tập hợp có đủ sức ảnh hưởng tới việc thi hành đường lối chính trị của giới đương quyền. Những sự kiện xảy ra trong năm 96 này mở đường cho cuộc diện chính trị mới.

Tướng Phiêu rất tin ở bản lãnh chính trị của mình và chính điều đó làm cho ông ta có nhiều kẻ thù qua các cuộc chỉnh đốn. Quyền lực mà ông ta có được là nhờ sự bảo trợ của người thày, Đại tướng Lê Đức Anh, và ông này đang dời khỏi chính trường. Quyền lãnh đạo có thể chuyển sang Đại tướng Đoàn Khuê hiện đang là Bộ trưởng quốc phòng. Trong hệ thống quân giai viên tướng bốn sao này đứng trên Tướng Phiêu một cấp, nhưng trong hệ thống đảng lại được xếp dưới Tướng Phiêu một bực ở Bộ Chính trị.

Ở miền Nam, những người bất đồng chính kiến cầm đầu cuộc vận động đòi tự do dân chủ coi Tướng Phiêu là người nhiều mưu lược, sẵn sàng áp dụng biện pháp tàn bạo để thực hiện tham vọng cá nhân. Việc bố trí người để thi hành kế hoạch trấn áp đối lập làm xong từ tháng 4 và dự trù sẽ thực hiện sau khi liên minh quân đội - công an toàn thắng tại Đại hội 8, đến nay vẫn chưa khởi động. Điều này cho thấy tình hình còn đang chuyển. Nhưng có thể nói rằng nếu trước Đại hội 8 người ta đã lo sợ xảy ra một cuộc chính biến do quân đội, thì nay mối lo sợ đó không còn nữa bởi vì quân đội sẽ vẫn tiếp tục nắm địa vị chủ đạo chính trị của Việt Nam. Có lẽ phải đợi đến ngày 22 tháng Mười Hai, kỷ niệm lần thứ 52 ngày thành lập Quân đội Nhân dân với những khen thưởng và thuyên chuyển quan trọng, may ra có thể thấy rõ hơn.●

* Bài này tác giả viết bằng Anh ngữ với tựa là *Vietnam's Year of Turmoil*, đăng trong tờ *The Asian Wall Street Journal*, ngày 10 tháng Mười Hai 1996.

Nhà xuất bản AN TIÊM

HOA THƠM CỎ LẠ

Tập truyện ngắn đặc sắc của các tác giả Anh đầu thế kỷ XX
Do **NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH** chọn dịch

Liên lạc:
- Tại Pháp: Mr Trương Tuệ (nxb An Tiêm), 14 Villa des Acacias, 202 rue d'Épinay, 95360 Montmagny, France. Tel: **39 84 00 84.**
- Tại Mỹ: Mr Võ Thắng Tiết, (nxb Văn Nghệ), P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA. Tel: **(714) 527-5761.**

NGÀY XUÂN NÓI CHUYỆN RƯỢU CHAMPAGNE

NGUYỄN PHÚC BỬU-TẬP

Viết tặng Anh Hai Cao Thiện Chánh và bạn Nguyễn Kiển Ngọc

Người Việt Nam chúng ta sống chung đụng với người Pháp tám mươi năm nên chịu ảnh hưởng rất nhiều về những tập tục ăn uống của người Pháp. Văn minh nước Pháp là văn minh rượu. Bởi lẽ đó người Việt ta từ thành thị đến thôn quê không ai xa lạ vớ chai rượu Champagne (Sâm banh) dùng để biếu xén, lễ Tết, dùng trong những buổi hội họp vui chơi với bạn bè, trong gia tộc. Chữ Sâm banh đã vào ngôn ngữ Việt Nam từ thời Tú Xương: "Tối rượu Sâm banh sáng sữa bò."

Đầu thập niên năm mươi, Trường Thuốc Hà Nội có một phân bộ mới là Trường Quân Y. Sinh viên nhận sự giảng dạy của trường Y Dược khoa, nhưng có một đời sống quân ngũ riêng. Vào mùa hè, sinh viên được đi thực tập tại các quân y viện lớn như Lanessan ở Hà Nội, Grall ở Sài Gòn, hoặc cơ sở tiếp liệu lớn gọi là DAS (Dépôt d'Approvisionnement sanitaire) ngày đó còn thuộc quân đội viễn chinh Pháp. Một món hàng không thể thiếu được trong hệ thống tiếp liệu quân nhu và quân y của Pháp là rượu. Rượu vang đỏ hạng thường dùng vào bữa ăn hàng ngày của binh sĩ, rượu tốt và rượu mạnh dùng tại các câu lạc bộ sĩ quan và trong toa thuốc. Và bất cứ nơi nào tồn trữ, phân phối, kiểm soát rượu của quân đội thường phải có sự hiện diện của người sĩ quan quân dược. Vì lẽ đó mà các đương sự biết được khá nhiều về rượu. Riêng ai muốn tìm hiểu một vài loại rượu đặc biệt — ai mà không muốn học hỏi về rượu Champagne, chẳng hạn? — thì thật là cơ hội hãn hữu.

Trước tiên xin thử nghe câu chuyện thích thú về rượu Champagne của giáo sư Paul Deniel kể. Cụ là khuôn mặt đáng yêu của trường Thuốc Hà Nội trước cuộc di tản 54. Cụ là Dược sĩ Thiếu tướng, giám đốc Phòng Hóa học Viện Pasteur Hà Nội và Dakar (Phi Châu). Dáng điệu của cụ hơi "quê kệch," nhưng cụ là vị thầy già quý mến của sinh viên quân y. Cụ kể là khoảng giữa thế kỷ Mười chín, phong trào tư tưởng Lãng mạn chế ngự đời sống xã hội và văn học các nước phương Tây. Một hôm tổng cục Bưu điện Paris nhận được một bức thư đề địa chỉ: "Kính gởi vị Đệ nhất thi nhân của nước Pháp." Không số nhà, không đường phố. Nhân viên Bưu điện bức đầu phân tích, và đồng ý thử giao cho thi sĩ Alfred de Musset, mới xuất bản tập thơ *"Đêm"* (*Les Nuits*, 1838) và đang nổi tiếng vì cuộc tình tay ba giữa nhà thơ, nữ sĩ George Sand, và nhạc sĩ Chopin. Musset không dám nhận, chuyển qua cho Lamartine, thi sĩ Pháp đương thời nổi tiếng là vô địch của trường Lãng mạn. Lamartine cũng không dám nhận, mang tay đến cho thi hào Victor Hugo, người vừa mới xuất bản tập thơ bất hủ *"Truyện kỳ Thế kỷ" (La Légende des Siècles)*. Dĩ nhiên là Hugo cũng không dám nhận. Câu chuyện lan ra báo chí và giới văn thơ trong kinh đô Ánh sáng được mời đến họp mặt, cùng mở bức thư.

Thư gởi cho nhà sản xuất rượu Champagne danh tiếng nhất của nước Pháp. Bức thư giải thích không có thi nhân nào làm được một bài thơ hay, đẹp, cao quý và "ngon" như một chai rượu Champagne. Một lẽ thứ hai nữa là lúc bấy giờ nước Pháp đã nổi tiếng sản xuất rượu ngon mọi thứ, nhưng bất cứ loại rượu nào cũng mang nặng mùi vị địa phương, chứa đựng một ít "đất cát" dưới đáy chai, chỉ riêng rượu Champagne thuần túy tinh khiết, nhẹ nhàng làm cho người uống bay bổng như khi nghe ngâm một bài thơ tuyệt hảo.

Ngần đó cũng đủ cho thấy là người kể chuyện, cụ giáo sư già Deniel, không "quê kệch" chút nào như anh em trường Thuốc thường kháo với nhau. Ngần đó cũng đủ biết người Tây phương trân trọng chai rượu Champagne tới mức nào, buộc ta phải tìm hiểu chai rượu Champagne trước khi nâng cốc đầy rượu chúc tụng mùa Xuân.

Bây giờ thì ta trở lại khuôn khổ cổ điển của bài này, xem như trình bày một đề mục *Materia medica*, đề tài là *Rượu Champagne*. Bắt đầu phải định nghĩa, pha thêm một chút sử học. Tiếp theo là phần trình bày các tính chất lý hóa sinh, và phần trình bày cách điều chế. Sau cùng là phần dược liệu trị bệnh. Phần áp dụng các ông quân y sĩ được dạy kỹ là cách nhận diện và thưởng thức rượu Champagne sẽ kết luận bài trình bày.

Thế nào gọi là rượu Champagne?

Champagne được định nghĩa là một loại rượu vang có bọt, lấy tên miền sản xuất ra rượu là tỉnh Champagne, vùng Tây Bắc nước Pháp. Ngày nay danh từ này thông dụng trên toàn thế giới, áp dụng để gọi thứ rượu vang màu trắng hay hồng, giữ hơi trong chai, sủi bọt khi rót vào ly. Cùng một cách xuất chế, chai rượu nước Ý gọi là *spumante*, chai rượu Y-pha-nho gọi là *cava*, chai rượu Đức gọi là *Sekt*. Sau Thế chiến Hai, Hoa Kỳ cũng sản xuất rượu sủi bọt, gọi thẳng tên là Champagne , nhưng thông thường ghép vào địa danh của nơi sản xuất (New York State Champagne, California Champagne).

Rượu Champagne có từ lúc nào? Lịch sử rượu vang nói chung đã có từ thời viết kinh Cựu Ước. Văn minh Hy Lạp uống rượu nho màu đen, đựng trong túi da cừu, uống pha với nước. Văn minh La Mã giàu có hưởng thụ nhiều hơn đã có nghề chuyên nghiệp đi nếm rượu để phân loại. Bắt đầu từ thời Trung cổ, đạo Cơ Đốc chinh phục phương Tây, rượu vang trở thành một món của nhà thờ. Có một loại tu sĩ chăm lo sản xuất đặc biệt rượu (máu của Chúa) để làm lễ và để cho giáo dân uống trong dịp lễ.

Nhưng phải chờ đến cuối thế kỷ Mười bảy, một người tu sĩ Pháp, tại giòng Bénédictin trong thị trấn Sainte Menehould (trung tâm của tỉnh Champagne) tên là *Dom Pierre Perignon* thực hiện được phương pháp điều chế rượu Champagne mà ta dùng bây giờ. Cha Dom Perignon là một thiên tài: không có Cha, bây giờ không có rượu Champagne. Ngày nay hãng rượu Champagne danh tiếng nhất ở Pháp Moet Chandon lấy tên Cha đặt cho một loại Champagne thượng hạng gọi là Cuvée Dom Perignon, một chai giá đắt gấp năm, mười lần chai thường, một người tầm thường như chúng ta phải gồng mình mới dám rước một chai về uống ngày Tết.

Nguyên tắc đại cương điều chế rượu Champagne: Có câu nói trong dân gian miền Champagne là mỗi bà nội trợ có một cách riêng cất rượu Champagne. Tuy vậy không ai vượt qua được phương pháp chung làm rượu, do chính thiên nhiên an bài. Điều khác biệt căn bản giữa rượu vang và rượu Champagne là loại trên lên men một lần, loại Champagne lên men hai lần, lần thứ hai lên men trong chai.

Ta thử nhắc lại cách điều chế rượu vang nói chung. Trái nho hái đem về được ép cho nát trong thùng lớn bằng gỗ (tiếng Anh gọi là *vat*, tiếng Pháp là *cuve*), và để cho lên men. Men rượu do một loại khuẩn *Saccharomyces ellipsoideus* gây ra. Muốn giết các loại khuẩn khác tranh sống với loại khuẩn gây men, thường người làm rượu dùng một liều lượng nhỏ *sulfur dioxide*. Muốn giúp cho nước nho lên men dễ dàng, thợ rượu còn dùng *cái men* (chữ nho là *diếu mẫuD*; yeast/levure). Lên men sẽ tạo sức nóng trong thùng nước nho, vì vậy phải kiểm soát nhiệt độ thích nghi. Thùng nước nho phải luôn đầy ắp, tránh không khí lọt vào trên mặt thùng là môi trường sinh sống của khuẩn *acetobacter*, gây ra dấm làm hư rượu. Khi rượu lên men tới cỡ, phải mở nắp thùng cho một phần chất lỏng tháo ra ngoài. Rồi đậy nắp thùng cho rượu tiếp tục lên men trong vài tuần lễ. Xong, gạn rượu ra khỏi bã rượu. Rượu non hay rượu già tùy thuộc vào thời gian gạn rượu, có thể sau một năm, có thể sau vài năm. Trước khi cho rượu vào chai, chuyên gia dùng hóa chất *benbonit* kéo chất dơ trong rượu xuống đóng thành cặn. Tùy thời gian giữ rượu trong thùng, một vài phản ứng hóa học —như oxy hóa — sẽ ảnh hưởng trên mùi vị của thùng rượu khi được vào chai bán ngoài thị trường.

Cách chế tạo rượu giản dị và bất di dịch như vậy, cha Dom Pérignon đã làm gì để thay đổi rượu vang thành rượu Champagne? Như trên đã nói, cha Dom Pérignon phụ trách làm rượu lễ trong họ đạo, và cha là một thiên tài nếm rượu. Nguyên tắc căn bản làm rượu ngon là không đem trộn rượu thùng này với rượu thùng khác, vì làm vậy luôn luôn rượu sẽ dở hơn. Cha Dom Pérignon nhờ "thính" rượu, có sáng kiến đem trộn rượu và kết quả Cha khám phá ra được là nếu pha trộn đúng cách, thùng rượu pha trộn sẽ ngon hơn. Nhờ vậy mà từ đó người ta chọn lọc được những thùng rượu ngon đặc biệt đem pha trộn, chế biến thêm làm rượu Champagne.

Sáng kiến thứ hai của Cha Dom Pérignon là dùng nút chai bằng ruột cây điển điển (cork/liège). Nút thấm nước rượu, nở, không để không khí lọt vào cổ chai đem theo khuẩn bất lợi làm hư rượu trong thời kỳ rượu già trong chai.

Sáng kiến thứ ba của Cha Dom Pérignon thuộc về lĩnh vực sinh hóa học. Quan sát thật tỉ mỉ, cha nhận thấy nước cốt nho vùng Champagne khi mới ép trong thùng lên men rất chậm. Sự lên men này (chữ nho gọi là phát

* Chúng ta chẳng bao giờ hạnh phúc hay bất hạnh đến độ như chúng ta tưởng.

— La Rochefoucauld

* Không ai ghét thân thể mình cả.

— Saint Augustine

diếu/fermentation) nếu gặp mùa lạnh sẽ khựng lại, chờ tới khi gặp khí hậu ấm áp hơn vào mùa xuân, lại tiếp tục. Cha Dom Pérignon lợi dụng sự kiện vừa quan sát được, đem bỏ dung dịch mới khởi sự lên men vào chai, đậy nút thật kín, chờ đến mùa xuân, dung dịch trở lại lên men, tạo ra khí carbonic trong chai. Rượu lên men càng chậm, khí carbonic càng mịn ở trong rượu, tạo ra bọt sủi lên khi uống. Hiện tượng này gọi là sự *phát diếu lần hai*, một phát minh vô cùng quan trọng giúp điều chế rượu Champagne.

Sáng kiến cuối cùng của Cha Dom Pérignon là cái vỏ chai Champagne. Phát diếu lần hai tạo ra bọt trong chai, bọt nhiều tạo ra sức ép lên tới bốn hay năm lần sức ép không khí, làm nút chai tung ra hoặc bể chai (ngày trước số chai bể có khi lên tới năm, bảy phần trăm). Ta phải công bằng mà nói ngay là khoản chế tạo vỏ chai không phải hoàn toàn công lao của Cha Dom Pérignon, mà nhờ kỹ nghệ thủy tinh và pha lê ngày đó đã tấn triển xa, sản xuất laoị chai chịu sức ép cao. Một điểm nữa rất quan trọng là bề mặt trong của chai phải thật láng mịn, không có chỗ cho bụi bám vào thành chai cho nên chất rượu được hoàn toàn trong suốt.

Cha Dom Pérignon là một khoa học gia lỗi lạc về mọi môn Sinh, Lý, Hóa; nếu sinh vào thời này, cha lãnh không biết mấy giải thưởng Nobel. Tiếc là phần thưởng của Cha chỉ còn lại là được hậu thế ghi danh qua chai rượu thật mắc trong tủ rượu của các ông nhà giàu. Năm 1688, cha công bố hoàn thành cách chế tạo rượu Champagne. Một trăm năm sau, một người Pháp khác lừng danh bốn bể, Louis Pasteur, tiếp tục sự nghiệp khảo cứu phát diếu của Cha, giải thích tường tận việc lên men. Tháng Bảy năm 1807, hoàng đế Napoléon đến tận làng trồng nho, viếng hầm rượu nơi Cha khai sinh ra rượu Champagne.

Tìm hiểu chi tiết hơn phương pháp làm rượu Champagne. Thị trường tiêu thụ rượu Champagne lớn nhất là Hoa Kỳ. Hoa Kỳ ngày nay lại sản xuất nhiều rượu Champagne, cho nên có người nghĩ rằng kỹ nghệ Champagne của nước Pháp có ngày sẽ gặp khủng hoảng. Nhưng ai có đi qua các vùng sản xuất rượu trong tỉnh Champagne đều phải công nhận rằng ngày nào còn có người biết uống rượu, ngày đó rượu Champagne sản xuất tại vùng Champagne vẫn không đâu sánh kịp và vẫn có người mua. Bởi lẽ làm một chai rượu Champagne như vẽ một bức họa, nắn một bức tượng, làm một bài thơ, tức là thực hiện một công trình nghệ thuật. Mà nghệ thuật thì vô giá, tồn tại lâu dài.

Này nhé, trước tiên là công việc chọn gốc nho (vine-plant/cépage). Gốc nho có cả trăm loại, trồng khắp cả mọi vùng trên đất Pháp, nhưng chỉ có hai loại gốc nho được chọn làm rượu Champagne: gốc nho đen Pinot và gốc nho trắng Chardonnay. Trung bình trong mỗi chai rượu Champagne có 75 phần trăm nho đen và 25 phần trăm nho trắng. Đặc biệt vùng đồi núi miền Nam tỉnh Champagne gọi là Vùng Đồi nho trắng (Côte des Blancs) chuyên sản xuất gốc nho trắng để làm loại rượu Champagne thuần trắng gọi là "blanc des blancs". Để cạnh tranh với loại Champagne thuần túy nho trắng, vùng đồi núi Reims tại các làng Sillery, Puisieux... lại chuyên trồng gốc nho đen để làm loại rượu thuần túy nho đen (noir des noirs), nước rượu cũng trong suốt. Dĩ nhiên ta phải chờ đợi là rượu Champagne "noir des noirs" làm bằng toàn nho đen, đậm đà và mùi vị nồng hơn (tiếng Pháp gọi là "corsé"), nhưng kém phần thanh tao của cốc rượu "blanc des blancs." Ta lại còn thấy một loại rượu Champagne màu hồng: đó là rượu trắng pha trộn với chút ít ruợu vang đỏ cho đẹp màu.

Tiếp theo là công việc chọn trái nho. Thợ Champagne hái nho như người thợ vàng chọn kim cương. Dùng kéo cắt từng trái, loại bỏ những trái xanh hoặc có dấu bầm. Đặt nhẹ từng chùm vào giỏ, và chuyên chở về vựa trên xe có lò-xo đặc biệt tránh cho nho cọ sát vào nhau bị vở nát.

Thùng ép nho cũng được nghiên cứu tỉ mỉ. Chẳng hạn nho đen sẽ được đặt vào các thùng ép thấp và rộng để ép được mau, tránh cho nước nho phải chung đụng lâu với xác nho mà dính màu.

Tìm đọc:

"LỐI XƯA XE NGỰA..."

biên khảo
của
Nguyễn Thị Chân Quỳnh

Ép nho trong máy ép làm ba giai đoạn. Nước ép thứ nhất đem giữ riêng làm rượu thượng hạng. Thợ rượu dùng thuổng xấn từng đợt xác nho bỏ vào máy ép lần thứ hai, giữ riêng làm rượu trung đẳng; lặp lại một lần nữa, nước ép thứ ba làm rượu Champagne thường, không đắt tiền. Nước ép lần cuối cùng theo luật định của nước Pháp, phải loại ra ngoài không được dùng làm Champagne, đem dùng làm rượu vang uống theo cơm bữa (dinner wine/ vin de table).

Công tác chế biến rượu Champagne bắt đầu từ nơi đây. Muốn dễ theo dõi, ta chia làm hai thời kỳ.

Thời kỳ thứ nhất, nước nho đã biến thành rượu ở trong thùng được hơn nửa năm, được góp nhặt lựa chọn từ nhà này sang nhà khác cho chuyên viên pha trộn thành một tổng hợp lý tưởng, và cho vào chai. Năm nào được mùa nho, rượu thơm ngon, và nếu chỉ dùng riêng nho gặt hái năm đó, chai rượu nho được mang tên năm (năm nho được hái), chai rượu thành có giá trên thị trường, *mang năm sinh (vintage/ millésime)*. Người sành rượu nhớ năm sinh từng loại ruợu ngon. Năm nào nho mất mùa, phải lấy rượu cũ các năm trước bù đắp vào để làm cho đủ nhu cầu thị trường, năm đó chai rượu không được mang năm sinh. Để gợi một ý niệm về năm rượu, ta cần nhớ là sau Thế chiến Hai, sức sản xuất tối đa vùng Champagne nước Pháp lên được 80 triệu chai vào những năm được mùa nho như 1949, 1955, 1961, 1973, 1978... Có năm sức sản xuất tối đa chỉ lên được 30 triệu chai.

Thời kỳ hai, chuyên viên đem trộn vào rượu vang đã được chọn lựa một ít tannin, một ít chất keo, một ít diếu mẫu rất chọn lọc và đường mía (trung bình là 23 gam cho một lít rượu vang) và cho vào chai. Hiện tượng lên men đợt hai bắt đầu từ đây, làm sức ép không khí trong chai rượu lên tới sáu lần sức ép trung bình. Chai nào không chịu nổi sức ép sẽ vỡ, phân suất là ba phần trăm, một trăm chai có ba chai vỡ. Sau thời gian nửa năm, chai rượu nào còn nguyên vẹn sẽ đem đặt vào giá, chai nằm nghiêng, đầu xuống dưới. Mỗi ngày thợ đến lắc nhẹ chai rượu cho cặn đóng xuống nút chai. Tại các hầm rượu lớn dưới mặt đất, hành lang chứa giá rượu dài đến hai trăm cây số, và mỗi ngày một người thợ lắc ba, bốn mươi ngàn chai rượu. Sau khoảng sáu tháng, chai rượu trở thành trong suốt, bắt đầu một công tác đặc biệt mỹ thuật, cần dùng sự khéo tay vô cùng của người thợ làm Champagne chuyên nghiệp là tháo nút cho cặn bị tống ra ngoài, và gấp rút đậy nắp chai cho khỏi mất rượu. Ngày nay nhờ kỹ thuật đông lạnh, vấn đề được giải quyết giản dị và khoa học hơn. Người ta dùng khí lạnh làm đông đặc cổ chai và tháo cặn ra, xong đậy nút lại. Trước khi đậy nút, mỗi chai rượu được cho vào một dung dịch mồi gồm có rượu Champagne chọn lọc từ các năm trước, một ít rượu Cognac và đường kết tinh.

Tùy theo số lượng chất ngọt chứa trong dung dịch mồi này, mà rượu Champagne được phân biệt là *nguyên chất (brut*, tiếng Anh và tiếng Pháp, không thêm đường, nhưng thường có thể chứa đường từ 0.25 đến 0.5%); rất khô (extra-dry/extra-sec, chứa 2% chất ngọt); khô (dry/ demi-sec chứa từ 7 đến 10% chất ngọt). Còn một loại thích hợp cho phụ nữ, chứa từ 10 đến 12% chất ngọt gọi là Champagne mềm (doux). Rượu Champagne thích hợp với khẩu vị người Hoa Kỳ chứa 6, 7% chất ngọt. Cuối cùng không có chai rượu Champagne nào được hoàn tất nếu không có bàn tay của thiên nhiên. Sau khi nhận dung dịch mồi, chai Champagne phải để nguyên dưới hầm từ một đến năm năm mới được đem ra thị trường.

Rượu Champagne và khoa trị liệu. Champagne giúp được gì để giữ sức khỏe và giúp trị bệnh? Xin để câu hỏi vạn nan này cho các bậc đàn anh thầy thuốc trả lời. Riêng kẻ viết bài này có thời được làm việc với ông anh cả Trần Lữ Y. Một hôm tới nhà thấy ông thầy thuốc tài danh ngồi buồn thế sự, đem thơ chữ Hán ra dịch.

Nhất nhật tam bôi tửu
Lương y bất đáo gia
Ông anh dịch :
Tối tối ly sâm banh,
Thầy thuốc không tới nhà

Rồi cười hề hề: 'Người xưa uống tới ba ly, tôi chỉ uống có một. Dịch không sai đâu."Ông thầy thuốc giỏi cỡ đó, khi về già còn tự chữa bệnh cho mình bằng rượu, chắc ta có lý do để tin là rượu cũng chữa được nhiều bệnh, nhất là rượu quý Champagne. Có lẽ ta chỉ nên nhắc lại bài học áp dụng các điều kinh nghiệm về rượu Champagne các anh quân y sĩ đã được học hỏi kỹ khi đi thực tập, như sau:

* **Hiệu rượu Champagne**, như đã nói ở trên có khoảng một trăm tên, nghĩa là có một trăm nhà làm đại lý sản xuất và phân phối cho khoảng 80 triệu chai Champagne Pháp mỗi năm. Những tên danh tiếng ta quen thuộc là Mercier Bollinger, Moet Chandon, Veuve Cliquot... Vì những lý do đã nói trên bài này, nhãn hiệu chai rượu Champagne chỉ đề tên hãng đại lý bán rượu không có tên hầm rượu, tên trại nho. Cùng vì lý do đã giải thích ở trên, họa hoằn mới có chai Champagne ghi năm sản xuất (Vintage/ millésime).

* **Vỏ chai Champagne** thường hình bầu, thấp, dung lượng từ nhỏ tới lớn: *chai phần tư (split,* tiếng Anh; *quart de bouteille,* tiếng

Pháp); *chai nửa (half bottle/ demi-bouteille); chai nguyên* (đựng 0.75 lít); *chai magnum* (đựng hai chai nguyên); *chai jerobam* đựng bốn chai nguyên; *chai salmananger* đựng 12 chai nguyên; *chai Nabuchodonosor* đựng 20 chai nguyên. Chai rượu Champagne lớn nhất *souverain* đựng 34 chai nguyên bằng 25 lít rượu, dùng trong các cuộc vui nhộn đặc biệt.

* **Mua và cất rượu Champagne.** Phải mất từ ba đến năm năm để làm chai rượu Champagne. Khi đã ra thị trường, chai rượu đã chín tới hoàn hảo. Vậy nên mua chai Champagne về để uống ngay và không nên cất giữ quá hai năm, dù trong nhà có hầm rượu giữ đúng cách. Chai rượu Champagne giữ quá năm năm khó còn uống ngon như cũ. Cả những chai rượu có ghi năm (vintage / millésime) cũng vậy.

* **Uống Champagne vào lúc nào?** Ngày xưa các cụ chúng ta học theo trường Tây chỉ dùng rượu Champagne để uống vào lúc đọc diễn văn xong, hoặc uống vào lúc ăn "dessert," giúp tiêu hóa. Ngày nay nhiều người không đồng ý như vậy. Có nhiều thứ rượu nhẹ và ngọt khác như rượu Sauternes uống vào cuối bữa ăn, giúp tiêu hóa nhiều hơn. Đi xa hơn họ bảo là rượu Champagne có thể uống suốt ngày. Thay vì để chờ lúc cuối tiệc mới mở Champagne, bây giờ trong các gia đình sành ăn uống, có những bữa tiệc thết toàn rượu Champagne (diner au Champagne), mở đầu là Champagne mềm dịu, giữa buổi là Champagne khô và cuối bữa ăn là Champagne nguyên chất.

* **Thưởng thức Champagne.** Muốn thưởng thức Champagne cũng như rượu vang nói chung, phải phân biệt hai yếu tố: vị rượu (taste/ gout) và đặc tính của rượu (characteres/ caractères). Vị rượu Champagne đã ghi trên nhãn, đi từ *nguyên thuần* (chỉ có nho, không pha đường, người không quen rượu không uống được) đến *mềm*, ngọt như một chai Lanson demi-sec uống mềm môi không biết chán. Đặc tính của rượu Champagne chỉ có người sành rượu mới nhận ra được. Nguyên tắc là rượu nhiều nho đen sẽ đậm đà nhưng nồng; rượu nhiều nho trắng sẽ thanh tao hơn. Người sành Champagne phân biệt được chai rượu đến từ khu nào trong tỉnh Champagne.

* **Sau cùng, cách ướp và mở Champagne.** Giữ Champagne quý vào nhiệt độ 10 độ C. Trước khi uống bỏ chai rượu vào cái vò đựng nước lạnh có đá cục (khoảng 8 độ C); không bỏ vào tủ lạnh quá lâu. Nóng quá, bay hơi mau. Lạnh quá, mất mùi vị. Ngày xưa bên Âu châu, ngôi nhà nào cũng có một hầm rượu lớn hay nhỏ. Nhiệt độ dưới hầm rượu khá lạnh, vào khoảng 10 độ C. Trước khi uống Champagne vài giờ, đem rượu lên phòng ăn. Nhiệt độ phòng ăn làm rượu ấm lại, sủi bọt nhiều hơn, gọi là "làm ấm chai rượu" (chambrer le Champagne). Cuộc vui lớn, uống Champagne nhiều, say nằm lăn trên cát (sabler du Champagne), gợi hình ảnh của câu thơ Đường *"Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu"* (say lăn bãi cát hề chi).

Mở chai Champagne cũng là một nghệ thuật. Trừ trường hợp muốn khi khui chai rượu có tiếng nổ làm vui cuộc họp mặt (muốn nổ lớn, đừng ướp lạnh, và lắc chai rượu trước khi mở), người sành điệu mở chai rượu Champagne không gây ra tiếng động. Để nghiêng chai rượu cho sức ép trong chai tống thẳng vào thành chai, giữ nút chai thật kỹ, cho tháo ra thật chậm, làm cho chai rượu phát ra một tiếng thở dài não nuột (un soupir !), và bọt rượu trào ra theo nút nhưng không rớt khỏi miệng chai. Vị Việt tử nào làm được vậy, xứng đáng cho các bạn gái ngồi cùng bàn chớp mắt, vì đã đạt tới nghệ thuật mở Champagne của các ông cựu sĩ quan Quân y Việt Nam.•

RE/MAX
EXECUTIVES
9840 Carmel Mountain Road
San Diego, CA 92129
HOÀNG TỔNG
(Tony Hoàng)
Tel: (619) 484-5500 *(office)*
(619) 484-2222 *(home)*
Pager: 530-3466
(xin nói vào máy, không bấm số)
Fax: 484-1406
* Tốt nghiệp đại học chuyên khoa Địa Ốc
* Hành nghề Địa Ốc fulltime
liên tục từ năm 1979
* Top Agent của RE/MAX Executives
* Mọi dịch vụ địa ốc thuộc hành phố
San Diego và vùng phụ cận,
xin Quí vị liên lạc Hoàng Tổng (Tony Hoàng)

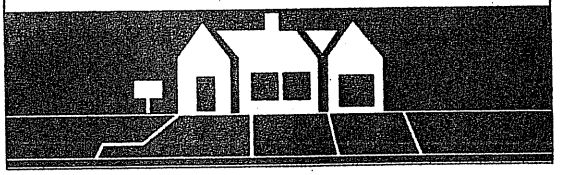

VAALA
(714) 537-8352

HAI BÀI TOÁN CỔ TRUYỀN

BẢO VÂN

Cách đây đúng 12 năm, vào năm Ất Sửu (1984), cụ Đào Trọng Đủ, một học giả định cư ở Paris, đã gửi tặng tôi một cuốn băng audio cassette, trong đó cụ vừa kéo nhị, vừa hát chèo rất đặc sắc, dù lúc đó cụ đã ngoài 80 tuổi.

Năm nay là năm Đinh Sửu (1997) nghe lại giọng hát trống quân của một giáo sư Toán học lão thành nay đã ra người thiên cổ, lòng tôi xúc động vô cùng... Cụ Đào đã kết hợp hai bài Toán cổ, một ở miền Bắc:

Một trăm (100) con trâu, một trăm (100) bó cỏ

Trâu đứng ăn năm (5), trâu nằm ăn ba (3)

Còn lũ trâu già, ba (3) trâu một bó.

Vậy trâu đứng, trâu nằm, trâu già, mỗi loại có mấy con?

với một bài ở miền Nam:

Thỏ gà ăn ở cùng nhau

Đếm chân băm sáu (36), đếm đầu mười ba (13).

Vậy có mấy con thỏ và gà?

Cụ liền soạn lại thành bài hát trống quân để hai phe Nam và Nữ cùng hát và đố giảng với nhau. Có một điều cần nhớ rõ là cụ Đào đã thay đổi đôi chút, đem *Trâu đứng* đổi thành *Bò, Trâu nằm* vẫn giữ nguyên, còn *Trâu già* đổi thành *Nghé* cho dễ hát.

Nhận thấy bài hát này nhắc nhiều đến *Con Trâu* mà năm nay lại cầm tinh con trâu, nên xin chép lại mua vui cùng độc giả trong dịp đầu năm Đinh Sửu (1997).

Bài hát trống quân "Đố và Giảng"

Nữ:

Hôm nay trời mát nên em
Ra đồng hóng gió và xem trâu bò
Thấy *trăm (100) bó cỏ* dành cho
Trăm (100) con vừa *Nghé*, vừa *Bò*, vừa *Trâu*.
Nghé ta mải chạy ăn sau
Để *Bò* ăn đứng, để *Trâu* ăn nằm.
Bò đứng, mỗi một con năm (5)
Nghé, ba (3) con một, *Trâu* nằm ăn ba (3)
Hữu tình ta lại gặp ta
Đố anh giảng được bài ra giữa đồng?

Nam:

Dẫu rằng buổi mới lạ lùng
Lưng đề, anh giảng giữa đồng em xem.
Bốn (4) con *Bò* đứng ăn quen
Trâu nằm *mười tám* (18) thì em cộng vào
Trăm (100) trừ đi thấy còn bao?
Bảy tám (78) chú *Nghé*, anh nào gạt em!
Về nhà tính lại mà xem
Còn hai cách nữa tính thêm, khó gì?
Anh không giấu diếm em chi
Bò thì thêm bốn (4), *Nghé* thì thêm ba (3)
Giờ đây anh đã giảng ra
Toàn đề em đố có ba *hấp đề*
Đôi ta thấy Toán thì mê
Em đi đố trước, anh về đố sau.
Thỏ, gà ăn ở cùng nhau
Đếm chân ba sáu (36), đếm đầu mười ba (13)
Toán đề em giảng cho ra
Thì anh kết nghĩa giao hòa cùng em.

Nữ:

Được rồi, em tính anh xem
Anh giờ đứng tuổi còn em trưởng thành
Hợp đề em thấy rành rành
Thỏ năm (5), *Gà* tám (8) cộng thành mười ba (13)
Nghĩa là mười sáu (16) *chân gà*
Hai mươi (20) *chân thỏ* bài ra đúng rồi!
Anh còn đố nữa hay thôi?
Hay là anh tính thề bồi chi đây?

Nam, Nữ cùng hát:

Từ nay bể Ái mong đầy
Gái, Trai ta phải cầm tay giao tình...

(Cụ Đào Trọng Đủ hát cả hai vai)

(Khi hát Trống quân có thêm các tiếng đệm THỜI, MÀ v.v...)•

Hoàng Oanh
MUSIC CENTER

Sản xuất và phát hành băng nhạc - compact disc và video

- Băng nhạc quê hương
- Băng ngâm thơ
- Thánh Ca
- Video Ca nhạc

P.O BOX 9541
FOUNTAIN VALLEY, CA 92728
(714) 964-7591

HOÀNG HẠC LÂU

THÁI VIỆT

Hoàng Hạc Lâu ngày nay - 1996.

Bài này đi vào cụ thể của một bài thơ Đường, bài "Hoàng Hạc Lâu." Bài thơ này được đa số các học giả đồng ý nếu phải chọn mười bài hay nhất trong số 48,900 bài thì cũng phải có mặt bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu. Bài này hay tới mức khi đại thi hào Lý Bạch đọc xong phải hạ bút:

Nhỡn tiền hữu cảnh đạo bất đắc
Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu

nghĩa là

Trước mắt có cảnh mà chẳng thể nói được
Vì Thôi Hiệu đã đề thơ ở trên lầu (trước mất rồi)

Nguyên bản chữ Hán không xa lạ gì với độc giả Việt Nam biết Hán học. Đa số đã thuộc lòng và có thể viết lại cả phần chữ Hán. Ngay cả độc giả yêu thơ Đường không biết chữ Hán chỉ đọc qua các bản dịch vẫn có thể ngâm nga:

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du
Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu

Giải nghĩa:

Người xưa (tiên) cưỡi hạc vàng đã đi khỏi
Nơi đây chỉ còn lầu Hoàng Hạc sót lại
Hạc vàng một đi không trở lại
Mây trắng ngàn năm trên trời còn bàng bạc
Dòng nước trong (khi tạnh ráo) trông rõ hàng cây Hán Dương (tên đất)
Cỏ thơm (xuân) bát ngát châu Anh Vũ (bãi vẹt)
Trời chiều, quê nhà nơi đâu?
Khói sóng trên sông khiến cho người buồn bã.

Bài thơ chỉ có 56 chữ mà Nguyễn Đức Hiền đã viết cả một quyển sách "Vang Bóng Hạc Vàng" dày 130 trang với "thay lời đề tựa" của nhà văn Minh Đức Hoài Trinh và "thay lời bạt" của học giả Lê Hữu Mục. Cả ba đều không tiếc lời ca ngợi bài thơ. Nhưng trong khuôn khổ một bài báo kẻ viết chỉ nêu lên vài nét chính cái hay của bài thơ, cái tài của thi sĩ Thôi Hiệu.

Bốn câu đầu, Thánh Thán cũng cho câu thứ hai là một câu thơ tả cảnh duy nhất, còn câu một, câu ba, và câu bốn chỉ nói đến "người xưa" chứ không nói đến cảnh.

Trong bốn câu mà từ hoàng hạc được nhắc đến ba lần, một danh từ được nhắc nhiều lần như thế trong một bài thơ là một nhược điểm trầm trọng, nhưng trong bài này, sự cố ý hiển lộ một cách không chối cãi được. Nó chuyên chở một dụng tâm mà ai cũng thấy, nó buộc người đọc phải nghĩ đến nó, phải nhớ đến nó, phải hiểu việc nó bay đi không trở lại là quan trọng. Ba lần nhắc đi nhắc lại từ hoàng hạc, Thôi Hiệu đã gắn được nó vào óc ta, nó trở

TẠ TỴ

GỬI CỐ NHÂN

Cố nhân ơi, cố nhân ơi
Nơi xa có thấy gió trời nổi lên?
Ở đây nhớ nhớ, quên quên
Mùa Xuân nào đó chúng mình thương nhau
Mà nay tâm sự nát nhầu
Quên làm sao được những câu ân tình
Nhìn em dáng liễu xinh xinh
Ngắm em như ngắm tấm hình phù du
Xa xa giữa cõi sa mù
Hiện lên nét chữ oán thù thời gian
Ngày xưa mưa nắng chứa chan
Em như cánh bướm lượn ngang lưng trời
Thế mà tình đã chia đôi
Cố nhân ơi để tơi bời lòng ta
Có còn chăng những cánh hoa
Cài lên tóc mướt đậm đà hương say
Thuở nào tay nắm bàn tay
Chao ôi nhớ quá những ngày còn thơ
Cố nhân ơi có bao giờ
Tìm về kỷ niệm thoáng ngờ chiêm bao
Còn đâu nữa, mộng dâng trào
Tình cao bát ngát như Sao trên trời
Mà nay đôi kẻ, mỗi nơi
Tháng năm lãng đãng, tuổi đời chất cao
Cố nhân ơi, mới ngày nào
Tâm hồn trẻ dại làm sao biết buồn
Làm sao có giọt lệ tuôn
Vì đời đẹp quá nở trên môi cười
Nhưng nay hoa chẳng còn tươi
Tình xưa đã héo tiếng cười lặng im
Để cho máu ứa trong tim
Để cho kỷ niệm khuất chìm vào đêm
Để cho tình chết êm đềm
Như cơn gió nhẹ, bên thềm lá rơi...

Cố nhân ơi, cố nhân ơi!
Là thôi, là thế suốt đời nhớ nhau!

*1996 **

thành ta, xương liền xương thịt liền thịt. Với tính cách là người đọc, ta không thể nói là không biết một cái gì về hoàng hạc nữa, mặc dầu không bao giờ tác giả định nghĩa hoàng hạc là gì, nó ở đâu tới nó bay về đâu. Thế rồi ta được chứng kiến hành trình của hoàng hạc. Nó bay lên cao nó tếch. Cái quan trọng ở chỗ này. Nó tếch tức là không bao giờ trở lại nữa. Thế thì nó ở đâu? Hiện diện và khiếm diện, có và không, hữu hạn và vô tận, thuận lý và nghịch lý. Đời là gì, ta về đâu? Thôi Hiệu không muốn chứng minh gì cả. Chứng minh là công việc làm của một triết gia. Thôi Hiệu chỉ giác sát, chỉ khán xuất, tức là chỉ nhìn đời trong cái vô trật tự biểu kiến của nó, và về phương diện này, ông là nhà thơ mà thi tài đã làm cho đại thi hào Lý Bạch phải choáng váng.

Thôi Hiệu đã nhìn thấy cái nghịch lý của đời một cái gì không đi đôi với tinh thần la-tập, nhưng vượt lên trên nó, và làm cho con người phải tự giác luôn về thân phận của mình.

Phan Ngọc lại thêm vào cái hay của câu ba và bốn.

Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du
(Hạc vàng cất cánh không quay lại
Ngàn năm mây trắng ngẩn ngơ bay)

Cái tứ của hai câu này không phải là ở chỗ mây trắng vẫn bay trong khi con hạc đã đi. Nếu như thế thì câu thơ khá tầm thường, ai làm cũng được. Cái hay là ở chỗ mây trắng là cái bất biến, cái muôn đời, còn hạc vàng là cái nhất thời cái biến đổi. Mâu thuẫn bên ngoài diễn ra ở lầu Hoàng Hạc chính là thể hiện sâu cái tính thống nhất giữa cái khoảnh khắc với cái muôn đời, cái biến đổi càng làm nổi bật cái bất biến.

Thánh Thán lại giải tiếp: 'Bốn câu sau tả cảnh mà lại chẳng tả lầu.'' Tả cảnh mà không tả lầu, chỉ vì muốn mượn cảnh mà phô diễn một ý tình. Tình trong cảnh ấy là mối tự thương thấy mình bèo bọt; và nếu nói rộng hơn nữa là mối thương tâm của chúng sinh đang trôi nổi khổ não, không biết vạn vật là vô thường mà lại dành thương nhớ cho quá khứ. Cho nên dù cảnh của ba câu dưới không liên lạc gì với câu một ở trên nhưng tình đã thành một sợi giây nối liền cả bốn câu thành một xâu chuỗi.

Theo Nguyễn Đức Hiền thì thần kỳ biến hóa cả bài thơ là ở hai câu năm và sáu. Lý Bạch khi đọc bốn câu đầu và nhầm tưởng chỉ là bốn câu tả cảnh, mà nếu chỉ tả cảnh thì còn vô số cảnh có thể tả được, vẽ được bao quát linh động hơn thế nữa. Đọc đến hai câu năm và sáu hồ như cũng vẫn lại tả cảnh rồi qua

đến hai câu kết luận. Hai câu năm và sáu đã làm nổi một cái cầu nối liền khai (vào đề) với hợp (kết), thủ với vĩ, làm cho bài thơ mất thế triết yêu, trở nên "nhất quán." Bởi vì câu sáu có bốn chữ "phương thảo thê thê." Sở từ có câu: "Phương thảo sinh hề thê thê, Vương tân du hề bất qui" - nghĩa là cỏ thơm xanh tốt ngùn ngụt, chàng Vương Tân rong chơi mãi chẳng về. Thôi Hiệu đã dùng điển tích này để tự chỉ mình, tự nhận mình là một lãng tử phiêu linh, một thân ở nơi đất khách quê người. Thôi Hiệu đã hiện thân ngay từ câu chuyển nên đã làm được gạch nối khăng khít với cặp kết:

Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.
(Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai).

Giáo sư Nguyễn Đức Hiền tiếp cái hay của bốn câu sau: 'Đoạn hợp thì chuyển ý thật nhanh, mắt thoáng thấy tưởng chừng có con đường rẽ khúc, xe vào mới thấy lộ chạy song song. Biết rằng xong hai câu này (7,8) là như vừa dệt xong một đoạn gấm, bao nhiêu hoa văn đã hiện cả lên, màu sắc linh động hòa hài, lại như bản đàn vừa dứt, dư âm chưa tắt, tiếng ngân còn rung nhẹ trong không gian..."

Chữ "nhật mộ" của Thôi Hiệu được sử dụng một cách ngang tàng, mạnh bạo đặt lên đầu đoạn kết, phải có một giá trị vô cùng đặc biệt. Nên hay hư cũng tại hai chữ này. 'Nhật mộ" được dịch là: hoàng hôn, trời đất, chiều tối, chiều hôm, ngày tắt. Ngày tắt đúng với nguyên văn từng chữ một. Ngày tắt chứng thực là trước đó, đã có hạc bay, có mây trắng, có con sông nằm dưới nắng hửng, có đất Hán Dương đầy ánh nắng mặt trời, có đảo Anh Vũ và mùi cỏ thơm ngát ngát bay lên, nói tóm lại có cả một ngày đẹp nhưng ngày đẹp ấy rất mong manh và đã trôi qua. Đấy mới là bi đát.

Giáo sư Lê Hữu Mục kết luận: 'Hoàng Hạc Lâu là một bài thơ về thời gian, và về nỗi sầu khổ của con người hữu hạn trước những ước mơ vô hạn! Cái thời gian nó bám riết lấy tôi, tôi có thể rứt bỏ nó không? Thân xác tôi, ý chí sống của tôi là trò đùa của thời gian hay sao? Đâu là hồng-phạm cho cuộc đời này? Những khắc khoải của Thôi Hiệu đã làm cho Lý Bạch kinh ngạc! Lời thơ phục vụ cho những thắc mắc siêu linh ấy càng làm cho Lý Bạch ngưỡng mộ hơn..."

Thơ Đường thúc đẩy người đọc phải suy luận, nên sau khi đã dịch bài Hoàng Hạc Lâu ra thành 17 bản, giáo sư Nguyễn Đức Hiền cũng nói lên các suy nghĩ của mình khi đọc bài thơ đó qua các thời điểm khác nhau:

- Khi còn ở trong nước ông cho bài Hoàng Hạc Lâu tuy là vịnh cảnh nhưng đã nghiêng về phương diện *hoài cổ*.

- Sau 15 năm sống tại xứ người ông hiểu thêm nỗi lòng của kẻ xa quê, xa quán để một hôm trên một giòng sông lạ, bơ vơ không biết về đâu trong lúc bóng chiều đang xuống, như tương lai đang xuống. Thì phương diện hoài cổ hình như đã mờ nhạt, mà phần *ký thác* hầu như lại đậm thêm.

- Đến nay (1995) thấy trẻ em Việt Nam bị mất gốc thì ông mới hay Thôi Hiệu đã *tức sự*. Thôi Hiệu nhìn gác Hạc Vàng mà buồn thì ông nhìn thấy các cô bé, cậu bé Việt Nam mất dần dần tính cách Việt Nam. Những cô cậu ấy là Mỹ hay Việt Nam? Ông cũng buồn, nỗi buồn xa quê cộng thêm nỗi lo hoảng sợ của sự "sợ mất đi cái gốc gác của mình" đã cấu thành cái khủng hoảng của người sầu xứ hiện nay.

Để kết luận xin mượn lời giáo sư Phan Ngọc: "...Chúng tôi hy vọng rằng nói chuyện thơ Đường không phải là nói một điều đã cũ, đã lỗi thời, đối với thời đại mới. Phải chăng thơ Đường trong chừng mực hạn chế của nó, đã khám phá được một khía cạnh rất căn bản, không những đối với thi ca của thời đại mình, mà cả đối với thi ca của nhiều thời đại và của nhiều dân tộc."•

Montréal ngày 20-4-1996

Tài liệu tham khảo

(dùng cho cả bài "Cái Hay Của Thơ Đường" đăng trong số 93)

1. Trần Trọng San: *Kim Thánh Thán phê bình thơ Đường*, Tủ sách Đại học tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 1990.

2. Trần Trọng Kim: *Đường Thi*, nxb Văn Hóa Thông Tin 1995.

3. Lê Đức Niệm: *Diện Mạo Thơ Đường*, nxb Văn Hóa Thông Tin.Hà Nội 1995.

4. Phan Ngọc: *Cách Giải Thích Văn Học Bằng Ngôn Ngữ Học*, nxb Trẻ 1995.

5. — — *Thơ Đường* nxb Văn Học Hà Nội 1987 (hai tập).

6. Nguyễn Đức Hiền: *Vang Bóng Hạc Vàng*, Dư Chi Hiên 1995.

7. *Từ Điển Văn Học* (tập II) nxb Khoa học Xã hội Hà Nội 1984.

8. Lê Đức Niệm: *Thiên Tiên Lý Bạch*, nxb Văn Hóa 1995.

9. Phan Ngọc: *Đỗ Phủ Nhà Thơ Dân Đen*, nxb Đà Nẵng 1990.

10. Trần Trọng San: *Thơ Đường*, Thủ sách Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh 1990.

11. Ngô Văn Phú: *Thơ Đường Ở Việt Nam*, nxb Hội Nhà Văn 1996.

12. Nguyễn Thị Bích Hải: *Thi Pháp Thơ Đường*, nxb Thuận Hóa Huế 1995.

13. Nguyễn Quốc Siêu: *Thơ Đường Bình Giải* nxb Giáo Dục (không ghi năm). •

CĂN NHÀ NĂM CŨ

HOÀNG LIÊN

Lên khỏi con dốc ngắn, Trâm giảm bớt tốc độ, rồi lái qua trái để rẽ vào bãi đậu nằm trước dãy phố buôn bán của khu chung cư. Chị thong thả bước xuống xe và đứng ngắm mấy cửa hiệu. Những căn nhà một tầng sơn màu hồng nhạt như đang chờ đợi chị, chào mừng chị, gần gũi và thân mật. Chị có cảm tưởng như mình chưa bao giờ rời khỏi nơi này, và chiều nay, cũng như mọi buổi chiều khác của những năm tháng trước, khi đi làm về, chị ghé vào siêu thị để mua thực phẩm cho bữa cơm tối.

Trâm nhìn kỹ lại. Chi nhánh ngân hàng Wells Fargo, tiệm giặt ủi, phòng du lịch, tiệm hớt tóc, tiệm bán rượu, tiệm bánh ngọt... vẫn còn đó với những đường nét, màu sắc hầu như không thay đổi. Cả bầu không khí thương mãi cũng y nguyên như ngày trước. Nó vẫn thanh tĩnh, hiền hòa, không rộn rịp, tưng bừng như ở những nơi khác. Dưới ánh nắng dìu dịu của một chiều đầu xuân, như những kẻ nhàn du, vài ba khách bộ hành lặng lẽ lướt qua trước các cửa hàng.

Trâm cũng chậm rãi, ung dung cất bước. Chị tự cho mình cái quyền được nghỉ ngơi, ít ra là trong giờ phút này. Sau một năm làm việc không ngừng tại một bệnh viện, chị vừa xin nghỉ một tuần, và chiều nay, chị quyết định trở về thăm căn nhà mà hai năm trước chị đã thuê trong cư xá này. Hành động ấy thật đơn giản và dung dị, nhưng tại sao chị cứ chần chừ mãi, và đợi cho đến chiều nay chị mới thực hiện được? Cũng không phải vì chị quá bận rộn hay lười biếng. Chị vẫn nghĩ rằng sớm muộn gì chị cũng phải, dù chỉ một lần, trở lại chốn cũ để thỏa mãn một nhu cầu tình cảm. Nhưng chị ngần ngại vì chưa muốn thử thách mình. Nhưng chiều nay, chiều nay...

Từ ngày, vào một buổi sáng hè, lúc thành phố vừa tỉnh giấc trong màn sương trắng đục, chị dọn bàn ghế, áo quần, sách vở... ra khỏi những bức tường vàng nhạt của căn nhà, chị không bao giờ quên nó. Chị mến cái không khí yên tĩnh của khu vực này, thích căn nhà xinh xắn nhìn ra một bãi cỏ rộng và gồm một phòng ngủ vừa đủ cho hai vợ chồng son và một phòng khách rộng rãi. Khu chung cư rộng lớn này thuộc quyền sở hữu của một công ty. Chị chỉ cư trú ở đây trong một thời gian rồi ra đi. Nhưng giữa chị và căn nhà thuê có một sự gắn bó mật thiết. Chị đã sống ở đây sáu năm, kể từ ngày lập gia đình với Mẫn, sáu năm vui tươi và đầm ấm của đời sống lứa đôi. Chiều nay, Trâm hy vọng tìm lại hương vị của những ngày cũ hình như đang phảng phất đâu đây.

Chưa muốn hướng về phía bãi cỏ để đến căn nhà cũ, Trâm bước lên mấy bậc cấp và đi dọc theo vỉa hè chạy trước mấy căn phố nối liền nhau. Chị bỗng ngạc nhiên không tìm thấy tiệm thuốc Tây quen thuộc ở địa điểm cũ. Thay vào đó là một gian hàng cho thuê phim truyện và băng video nằm sau một tấm bảng hiệu lớn và những tấm quảng cáo nhiều màu sặc sỡ. Những cảnh trong phim, những bức chân dung phóng đại của các diễn viên được dán đầy trên tấm kính rộng của mặt trước gian hàng. Những hình ảnh lộ liễu, những màu sắc lòe loẹt ấy ngày trước không có ở đây. Chúng không thích hợp với môi trường trầm lặng cố hữu của khu vực này. Và chúng như muốn lôi kéo Trâm đến một nơi khác ồn ào hơn, náo nhiệt hơn.

Tiệm thuốc Tây thanh lịch đã biến mất rồi. Không còn mấy tủ kính kê sát tường với những hộp thuốc xếp ngay ngắn trên những

ngăn đài. Cũng không còn những chiếc tủ thấp nằm ở giữa phòng và bày bán mỹ phẩm và nữ trang. Và nhất là không còn mùi nước hoa quyến rũ tỏa ra khắp phòng như hương thơm huyền hoặc của dạ lý. Trâm cảm thấy như vừa đánh mất một vật quý giá liên hệ đến một quãng đời của mình. Mùi hương không thay đổi của hiệu thuốc Tây đã bền bỉ thấm vào những ngày chị sống trong chung cư này. Nó đã trở thành một biểu tượng của quá khứ. Như một cánh chim trời, nó đã tung cánh bay xa, đã mất hút hẳn rồi.

Trâm bỗng giật mình lo sợ và bất giác đứng hẳn lại. Nếu chị không bắt gặp được những hình ảnh, màu sắc và hương vị cũ, và nếu khung cảnh của căn nhà cũng đổi khác, thì chị khó mà tìm lại vang bóng của những ngày qua. Chị sẽ không tái tạo được bầu không khí cũ, không sống lại những cảm xúc của một thời. Chị sẽ bị hụt hẫng và lạc lõng trong một không gian mới: chị sẽ không đạt được mục đích chiều nay của chị. Chị xót xa cố gắng hình dung lại quá khứ, cái quá khứ nhỏ nhoi của riêng chị. Chị thường bám víu vào nó. Nhưng chiều nay, chiều nay...

BÙI DUY THUYẾT

ĐÊM

Đêm hoan lạc cũng đã tàn
Nhạc buông nốt cuối đời còn nổi trôi.
Phố hoang liêu cũng mệt nhoài
Cây trơ thân ngả bóng dài hư không.
Bấy lâu hoang tưởng âm thầm
Lún sâu mê vọng cuối cùng khổ đau.

TĨNH LẶNG

Trên cao mây cũng phủ trời
Trong cơn bấn loạn mệt nhoài tâm tư.
Qua con đường nhỏ sương mù
Khoảng sâu hố thẳm khởi từ vọng tâm.
Bấy lâu hoang tưởng âm thầm
Giờ như cát bụi đáy tầng ngủ yên.

Trâm chưa thất vọng. Chị sẽ vận dụng khả năng hồi tưởng. Ánh nắng nhạt chiều xuân, mấy đám mây xám đang dàn mỏng ra, cơn gió nhẹ đưa như vuốt ve đôi má chị, tiếng xe hơi chạy rì rầm ngoài đại lộ 38... tất cả chắc hẳn sẽ tác dụng vào tâm trí chị, và sẽ khuyến khích chị. Trâm lại cất bước. Chưa vượt qua hết hiệu cho thuê phim, chị đã nhìn thấy cái công viên nhỏ nằm giữa gian hàng này và dãy siêu thị ở cuối dãy phố. Vẫn mặt nền rải sỏi đỏ, vẫn mấy gốc tùng xanh tươi quanh năm, mấy chiếc ghế xi măng xám và hai máy điện thoại công cộng gắn vào bức tường ngoài cửa siêu thị. Chị bỗng thấy an tâm. Con đường hẹp và ngắn trong công viên có vẻ mời mọc và như muốn níu chân chị lại. Nhưng Trâm tiếp tục đi qua siêu thị để đến bãi cỏ dài của công viên chia đôi khu chung cư.

Trâm chọn một cái ghế xi măng kê ở cuối bãi cỏ, gần một cột đèn điện. Bên kia con đường, ngay trước mặt chị, là căn nhà cũ của chị. Nó bình thản đứng đó, sau một cây hoa chổi đã bắt đầu nở những chùm hoa đỏ tươi. Nó là căn giữa của một đơn vị hai tầng gồm bốn căn. Tường vẫn giữ nguyên màu vàng nhạt. Cánh cửa ra vào vẫn mang con số 32 bằng đồng. Hai chậu hồng nhung với những đóa hoa đỏ thắm được đặt hai bên tam cấp vào nhà. Qua tấm màn ở phòng khách đã được cuốn lên, Trâm nhìn thấy một tủ kính cao và một bức tranh lớn treo trên tường.

Sau tấm cửa gỗ màu nâu ấy, sau khung cửa kính trong suốt ấy, Trâm đã trải qua những năm tháng quan trọng của cuộc đời mình. Chính trong thời gian cư ngụ trong căn nhà này, chị đã tốt nghiệp đại học, đã đi làm và đáng ghi nhớ hơn hết, chị đã bắt đầu sống với Mẫn. Mẫn không phải là người yêu thứ nhất của Trâm. Nhưng anh hiểu Trâm hơn ai hết. Anh có cái nhìn xoáy sâu vào lòng người và rất nhạy cảm với tâm sự của bạn bè. Có một quan niệm phóng khoáng về cuộc đời, anh rất độ lượng. Nhưng đối với Trâm, điều đáng kể hơn cả là, giữa cuộc sống phức tạp trên đất Mỹ, Trâm tìm thấy ở Mẫn một niềm tin tưởng. Bên cạnh Mẫn, Trâm cảm thấy an tâm, như một con tàu nằm yên trong một vịnh kín đáo, mặc cho sóng gió gào thét và đe dọa ở ngoài đại dương. Tháo vát, Mẫn đã giúp Trâm giải quyết những khó khăn lớn nhỏ của cuộc sống, từ việc mua sắm đồ dùng trong nhà cho đến việc chọn một nghề thích hợp. Và Trâm dựa vào Mẫn, sống bám vào Mẫn. Cùng với Mẫn, chị lao vào dòng đời, sôi nổi sống, như không

muốn để mất một giây phút nào.

Lách ra khỏi một đám mây bồng bềnh, mặt trời từ từ nghiêng xuống sau dãy nhà dài. Gió đã trở lạnh. Trong công viên, vài cụ già đang đi bách bộ. Cuối con đường nhỏ rạch đôi bãi cỏ, một người đàn ông đứng tuổi ôn lại mấy động tác của một bài thái cực quyền. Xa hơn chút nữa, vài ba em nhỏ nhanh nhẹn đuổi theo một quả bóng.

Nghe tiếng giày giòn giã bước nhanh, Trâm quay nhìn về phía bên trái. Một dáng người quen thuộc đến gần. Trâm vụt đứng lên:

"Wendy!"

Hai người ôm chầm lấy nhau, bốn cánh tay xiết chặt người nhau. Wendy tươi cười:

"Lâu lắm mới gặp lại chị."

"Chị bình an chứ?"

"Cũng thường."

"Chị tiếp tục ở trong cư xá này? Vẫn căn nhà 34?"

"Vâng. Ở đây quen rồi, không muốn dọn đi nơi khác."

"Còn phòng uốn tóc và làm móng tay?"

"Tôi vẫn duy trì tiệm ấy ở đường Irving."

"Và ông xã?"

"Anh ấy được chuyển qua làm việc cho một khách sạn ở Oakland. Năm ngoái, bọn tôi có thêm một cháu trai."

"Mừng cho chị. Thế là hai đứa rồi. Đã đủ chưa?"

"Một trai, một gái là vừa đủ rồi."

Trâm nhìn kỹ Wendy. Vẫn dáng người cao, mảnh khảnh với nước da trắng và đôi mắt nhỏ lanh lợi. Wendy già hơn trước, nét mặt khô cứng lại, vết nhăn hai bên mũi trông rõ và sâu hẳn ra. Trâm hỏi tiếp:

"Chị có tin nhà từ Đài Loan không?"

"Cám ơn chị. Gia đình được bình an. Mẹ tôi sắp qua đây chơi."

"Thế thì hay lắm. À, bà Vicky còn ở đây không?"

"Chị không biết sao? Bà ấy mất đã gần một năm rồi. Bị ung thư. Tội nghiệp! Ngã bệnh được hơn sáu tháng thì mất. Bà ấy thật vui tính. Hồi trước, cũng quen thân với chị lắm."

Trâm bàng hoàng nhớ lại mái tóc bạch kim óng ả, giọng nói sang sảng và lối kể chuyện dí dỏm của bà Vicky. Hai vợ chồng Trâm đi làm suốt ngày, nên Trâm thường nhờ bà nhận dùm các bưu kiện. Mỗi lần Trâm đi làm về, bà đem gói hàng qua cho Trâm:

"Tôi có quà cho chị đây."

Bỗng Wendy nắm lấy tay Trâm:

"Xin lỗi chị, tôi phải đi đón cháu nhỏ. Lần sau, mời chị ghé lại nhà chơi, chúng mình sẽ nói chuyện nhiều."

Wendy đi rồi, Trâm cảm thấy nhẹ nhõm: người bạn nhà hàng xóm ngày trước ấy không nhắc nhở gì đến Mẫn. Trong lúc vội vàng, chị ấy quên hỏi đến hay chị ấy tế nhị...

Bóng chiều phủ xuống bãi cỏ rộng của công viên và như trìu mến ôm lấy hai vai Trâm. Chị quay lại và ngồi trên chiếc ghế xi măng, nhắm mắt lại. Trong tiếng xe từng đợt vang vọng ngoài đại lộ, trong tiếng gió hiu hắt, những hình ảnh cũ lần lượt kéo về, chập chờn trong ký ức. Ngôi nhà cổ kính thiếu ánh sáng ẩn mình trong một khu vườn rậm rạp dưới những trận mưa dài lê thê trong mùa đông rét mướt của xứ Huế. Ngôi biệt thự màu hồng sáng lên sau đám lá xanh mượt của mấy cây thông già hùng vĩ trên một ngọn đồi Đà Lạt. Ngôi nhà nhỏ xinh xắn nằm sâu trong một con hẻm nối liền với đường Phan Thanh Giản ở Sài Gòn. Và khu cư xá yên tĩnh này... Những hình ảnh ấy sáng chói lên, rõ nét dần trong đầu chị và kéo theo những mẩu đời ngày trước. Những ngày đầm ấm và êm ả giữa đại gia đình; những ngày ảm đạm đầy âu lo của giai đoạn mới định cư trên đất nước này và những ngày rực rỡ như ánh nắng hè của mối tình sôi nổi đưa đến hôn nhân... Rồi sau đó...

Trâm úp mặt vào hai bàn tay mở rộng, đầu cúi xuống. Những chuỗi hình ảnh chị vừa gợi lên bỗng chìm sâu vào một màn đêm âm u. Chị không đuổi theo kịp nữa. Chị cố gọi về trong tâm thức nhưng không thể nào phục hồi và cho thấm vào giác quan cái hương vị đằm thắm của hiệu thuốc Tây, hương vị của những năm tháng chị sống trong cư xá này. Wendy đã có thêm một đứa con. Bà Vicky đã hoàn tất cuộc hành trình cuối cùng trên trái đất này. Nhưng còn Trâm?

Chị bỗng rùng mình lo sợ, lo sợ cho ngày mai của mình. Thực tế chua xót đã trở về với chị. Trâm ngẩng đầu lên, cố nhìn lại căn nhà cho thật kỹ, như muốn thách thức nó. Trong khoảnh khắc, nó hiện ra rõ nét trong bóng hoàng hôn xám đục rồi đột ngột bốc cháy. Ngọn lửa lan rộng ra, bùng lên cao, nửa vàng nửa đỏ, sáng rực và nóng gắt. Có lúc nó muốn vượt qua mặt tường và ôm trùm lấy Trâm. Đất đá ầm ầm phụn lên như từ một ngọn hỏa diệm sơn vừa phát nổ. Một lát sau, chỉ còn lại một đống tro bụi và gỗ đá đầy mặt cỏ.

Trong hai năm vừa qua, lạc loài trong cuộc sống, Trâm cố gắng chấp nhận nó và vươn lên khỏi nỗi đau của mình. Nhưng chiều nay, chị như bơ vơ trong một sa mạc khô cằn, đầy ác ý và cạm bẫy. Chị nhắm mắt lại và muốn quên, quên tất cả. Nhưng chị biết rằng chị nhớ rất rõ, nhớ tất cả. Chính trong căn nhà đổ nát, cháy tàn rụi này, Mẫn đã bỏ Trâm trơ trọi một mình, ra đi với một người đàn bà khác, một người bạn thân của Trâm.•

TRÁI TIM CHO MƯỢN

TRẦN MỘNG TÚ

Thành dắt tay Khuê đi dưới những tán lá xanh. Mùa hạ đang về cùng vạn vật, công viên như vừa được thêm một chiếc áo mới, hoa sơn lựu, hoa trà hắt ánh hồng lên áo cả hai người, Thành hỏi:

"Khuê thực sự khỏe không?"

"Ô, em khỏe lắm rồi."

"Trái tim em thế nào?"

"Nó đập tốt lắm."

Thành giữ Khuê đứng lại, anh nhặt một chiếc lá bám trên tóc Khuê.

"Như thế thì chúng ta có thể xúc tiến việc cưới, hỏi chứ em."

Khuê ngước nhìn Thành

"Anh cho em thời giờ, em cần yêu anh thật nhiều trước khi đi đến quyết định."

Thành kêu lên.

"Em nói gì lạ thế, em đã chẳng yêu anh từ lâu rồi sao? Chúng ta chưa bàn đến việc cưới hỏi chỉ vì sức khỏe của em. Bây giờ em đã hoàn toàn khỏe mạnh không lẽ tình yêu nó lại giảm theo tỷ lệ nghịch với sức khỏe à?"

Khuê ngồi xuống chiếc băng kê dưới gốc cây Olive, những chiếc lá mầu xanh lục rơi đầy trên mặt đất, cô cúi xuống nhặt vài quả Olive ném ra xa, chậm rãi nói

"Anh quên là trái tim em đang mang trong lồng ngực không phải là trái tim nguyên thủy của em à? Nó đang cho em những cảm xúc mới và nhịp đập mới, em cần làm quen với nó, em phải tập yêu anh lại từ đầu."

Thành nghe nhói trong lồng ngực. Như thế có nghĩa là Khuê không yêu anh. Trong cái thân thể quen thuộc đó, một trái tim lạ hoắc không còn một mảy may rung động nào cho anh sao!"

Hai người ngồi yên lặng rất lâu, Thành ngả đầu vào thành băng, ngửa mặt nhìn những đám mây trắng qua khe hở của tán lá Olive, anh thấy một nỗi thất vọng mênh mông như bầu trời trên đầu mình. Khuê cúi xuống nhặt những trái Olive còn xanh chát ném về phía trước. Công viên buổi trưa êm ả và ít tiếng động, chỉ có lòng người là nổi gió từng cơn.

Khuê sinh ra đã mang một trái tim bất thường, một cái lỗ hổng nhỏ trong trái tim nàng, Khuê sang Mỹ năm 10 tuổi và đã giải phẫu ba lần. Vì một lý do nào đó cái lỗ hổng nhỏ đó vẫn làm cho Khuê bị ngất đi ít nhất là mỗi tháng một lần. Khuê thông minh, học giỏi nhưng mặc cảm về sức khỏe, đến tuổi dậy thì Khuê không thích có bạn trai, không thích, hay không dám yêu ai vì chỉ sợ làm phiền cho người khác và đôi khi Khuê còn lo sợ mình sẽ chết trẻ. Bác sĩ của Khuê tìm đủ cách để Khuê có một đời sống bình thường và tự tin

vào tương lai. Ông hy vọng một ngày nào đó sẽ có người cho Khuê một trái tim lành mạnh, và ông đã ghi tên Khuê vào danh sách chờ tim, ông làm đủ các thí nghiệm cần thiết trước cho một cuộc giải phẫu. Ông theo dõi và khuyến khích Khuê như một phụ huynh, ông dự những buổi lễ ra trường của Khuê, chính ông chọn cho Khuê làm nghề cô giáo. Và cái ngày ông chờ đợi đã đến. Một người đàn bà ở California bị tử nạn xe hơi, trong thẻ lái xe của bà có ghi "Organ Donor" (*). Và Khuê đã hội đủ điều kiện để nhận trái tim đó.

Khuê lay vai Thành lôi anh về thực tế, cô chậm rãi nói:

"Anh Thành, anh có nhớ là thời gian trước khi em được thay tim, mặc dù em rất quý mến anh nhưng em luôn luôn luôn tránh anh, em chỉ coi anh như một người anh, một người bạn rất thân vì em biết là em sẽ mang phiền phức đến cho anh nếu em coi anh như một người tình."

Thành nói trong buồn bã:

"Anh biết tất cả những điều đó và anh cũng biết rất rõ là anh yêu em."

"Em xin lỗi anh, nhưng em muốn thành thật, em chưa yêu anh, anh cho em một thời gian." Khuê trêu cho Thành vui, nói thêm:

"Bây giờ em đang mang trái tim của một bà Mỹ 45 tuổi, tức là hơn em 20 tuổi và hơn anh 15 tuổi, anh có muốn yêu một trái tim già không?"

"Em đừng quên là trái tim đó đang ở trong lồng ngực thanh xuân của em. Thôi anh đưa em đi ăn, rồi đưa em về, chắc là em đói rồi." Thành nói với một chút giận hờn.

Khuê về đến nhà thì trời vừa chạng vạng tối. Cô lục thùng thư, để tìm lá thư cô đang đợi, hôm nay cô may mắn lá thư đó đã đến. Đó là lá thư của gia đình bà Donna Zumwalt trả lời Khuê.

Ngay từ hôm đầu tiên tỉnh dậy ở bệnh viện sau cuộc giải phẫu, Khuê đã nghĩ ngay đến việc phải tìm cho được địa chỉ của ân nhân mình để ngỏ lời cám ơn đến gia đình họ, Khuê và bác sĩ của cô đã liên lạc từ bệnh viện đến DMV (*) của hai, ba tiểu bang và cuối cùng thì sau sáu tháng, họ tìm được địa chỉ của bà Donna, và biết qua về hoàn cảnh gia đình của bà. Bà không có chồng và sống với một người con trai bằng tuổi Khuê ở California, Khuê gửi thư cho con trai bà với lời cám ơn và hy vọng mùa hè này cô có dịp ghé thăm căn nhà của bà Donna cư ngụ khi bà còn sống. Khuê mở thư ra, trong đó ngoài lá thư nhỏ của George, người con trai bà Donna còn có thêm một phong thư dán kín, Khuê đọc lá thư của George trước.

"Thân gởi cô Khuê

"Đây là lá thư dán kín của mẹ tôi với lời dặn là: lá thư này phải được chuyển đến người nhận trái tim của bà nếu bà có mất vì tai nạn. Mỗi khi làm lại bằng lái xe mẹ tôi lại viết lại lá thư này, đề ngày mới. Khi mẹ tôi mất bất thình lình vì tai nạn xe hơi và trái tim bà đã được bệnh viện ở California chuyển đi, tôi vẫn có lòng trông đợi một sự liên lạc của người nhận trái tim đó. Tôi không được phép nên không mở coi trong thư viết những gì. Chắc mẹ tôi chỉ chúc lành cho người nhận trái tim của bà. Tôi xin gởi lá thư này đến cho cô và cám ơn cô đã có nhã ý muốn thăm căn nhà của mẹ con tôi. Tôi chắc còn ở lại đây vài năm nữa, vậy bất cứ vào mùa hè nào, có dịp xin mời cô ghé qua. Thân mến."

Khuê gấp lá thư của George lại, cô chưa mở vội lá thư của bà Donna, cô đứng lên đi rót cho mình một ly nước lọc thật đầy. Cô uống từng ngụm nhỏ để nỗi xúc động lắng xuống. Cô cầm lá thư của bà Donna lật đi lật lại, lá thư khá dầy, hình như có cả hình ở trong đó. Khuê kéo ghế đến gần cửa sổ, đặt lá thư của bà Donna lên lòng, giơ tay tắt đèn, bóng tối ở bên ngoài ùa vào căn phòng nhỏ phủ chụp lấy Khuê, cô nhìn ra bên ngoài, những bóng lá lung linh trong ánh đèn đường, trong bóng tối cô lắng nghe tiếng tim của bà Donna đập trong ngực mình, cô lắng nghe với nỗi xúc động của riêng cô, Khuê cố phân biệt nhịp đập của trái tim và tình cảm của tấm lòng, cô càng cố phân biệt càng thấy nó trộn lẫn vào nhau. Có khi Khuê thấy trái tim bà Donna đang làm chủ tất cả cảm xúc của tâm hồn cô, có khi cô thấy bà chẳng có một chút liên hệ gì cả, trái tim đó đã là trái tim của chính cô vì nó đang tiếp nhận lượng máu luân lưu bằng chính những đường dẫn máu của mình. Suy nghĩ liên miên làm Khuê bối rối, cô lắc đầu vài cái, đứng lên, bật đèn, xua bóng tối và những suy nghĩ ra khỏi đầu mình, cô từ tốn mở lá thư. Đúng như Khuê dự đoán trong phòng bì có một tấm ảnh và một lá thư ngắn, Khuê đọc lá thư trước khi xem ảnh.

"Gửi người mang trái tim tôi

"Tôi biết bạn là một phụ nữ vì tôi có lời dặn ở văn phòng DMV là trái tim của tôi chỉ dành cho phụ nữ trẻ hơn hoặc bằng tuổi tôi với điều kiện còn độc thân.

"Bây giờ bạn đã có trái tim đó, xin bạn hãy tìm đến địa chỉ của người đàn ông trong hình và yêu chàng bằng trái tim của tôi. Chàng là người đáng được yêu.

Xin cám ơn bạn.

Donna Zumwalt"

Khuê đọc xong lá thư ngắn đó, cô ngẩn người ra, bàng hoàng, trán cô lấm tấm mồ hôi, trái tim cô đập liên hồi trong lồng ngực. Thật

là một lời yêu cầu quá sức tưởng tượng của Khuê. Cô bỗng ân hận. Biết thế ta cứ mang trái tim bệnh hoạn của riêng ta thế mà lại dễ sống hơn. Hóa ra bà Donna chẳng phải là người nhân đạo, bà chỉ là một người ích kỷ, khi sống vì một hoàn cảnh nào đó bà không thể lấy người mình yêu, khi chết bà vẫn muốn trái tim của bà chui vào một lồng ngực người khác để tiếp tục yêu "chàng" của bà, bà đã dùng một hành động dưới danh nghĩa nhân đạo để thực hiện một ước nguyện riêng tư của mình, Khuê tấm tức như một người bị lừa. Cô cầm tấm hình lên ngắm nghía, đó là hình mầu, chụp cảnh một người đàn ông đứng khoanh tay trước ngực, trên miệng ông ngậm cái tẩu thuốc, sau lưng ông là một cánh rừng phong mùa thu, lá vàng tươm như mật, hình chụp gần nên khuôn mặt khá rõ. Người đàn ông trạc 50 tuổi, hai con mắt to và sáng, trông khá điển trai với bộ ria mép và mái tóc dầy, đằng sau bức hình có ghi ngày, tháng và tên ông ta là Stuar Kenholz, địa chỉ ghi ở cuối tấm ảnh thuộc tiểu bang Montana, không có số điện thoại. Theo ngày ghi thì hình đó chụp mới cách đây hơn một năm. Khuê cho cả lá thư và tấm hình vào lại phong bì, cô không biết mình phải làm gì, cô đi rửa mặt bằng nước lạnh, cô biết đêm nay cô khó mà ngủ được nguyên giấc. Nên hay không nên làm theo lời bà Donna? Có lúc Khuê nghĩ là mình nợ bà Donna trái tim thì thì mình phải làm theo lời yêu cầu của bà, bà cũng đáng tội nghiệp, chắc khi còn sống bà phải yêu ông Stuar nhiều lắm nên mới nghĩ ra sau khi chết nhờ lồng ngực người khác để giữ sống trái tim mình rồi lại còn bắt người khác sống cái đời trước đây bà ao ước được sống. Có lúc Khuê lại nghĩ bà Donna là một người ích kỷ, Khuê sẽ không làm theo lời yêu cầu của bà, Khuê không thể yêu hộ cho bà được, Khuê cũng có tình cảm riêng của cô, còn Thành nữa, anh sẽ nghĩ sao khi Khuê nói câu chuyện này với anh? Khuê thao thức suốt đêm...

Trong một tuần lễ lá thư của bà Donna giống như một lưỡi dao sắc treo trên đầu Khuê, nó treo bằng một sợi giây rất mảnh không biết sẽ rơi xuống lúc nào, Khuê không còn tâm trí đâu mà dạy học. Vào lớp Khuê gọi nhầm tên học trò, đi họp giáo sư Khuê nhớ nhầm ngày giờ, thậm chí Thành gọi Khuê bốn năm lần trong một ngày Khuê cũng quên không gọi lại, Thành đến nhà đập cửa, lo lắng hỏi:

"Em làm sao vậy, em có ốm không, sao mặt em xanh thế?"

Khuê chỉ biết trả lời:

"Vâng, em ốm."

Thành đưa Khuê đi bác sĩ, bác sĩ bảo Khuê gầy quá, chỉ cần ăn nhiều vào, Thành nấu đồ ăn mang đến cho Khuê mỗi ngày. Khuê bắt đầu lấy lại quân bình, nhưng cô vẫn tuyệt nhiên không kể chuyện lá thư của bà Donna cho Thành nghe. Hai tuần lễ sau, vào một buổi chiều ở sở làm ra, Thành ghé tiệm cơm Thái mua món xúp cay Khuê thích đem đến cho Khuê, anh thấy một phong bì nhỏ dán băng keo trên cánh cửa để tên anh, Khuê đã đi khỏi cô để lại cho anh mấy chữ ngắn ngủi "Khuê có việc phải đi Montana một tuần, khi

HẠO NHIÊN

CHÀO XUÂN

Lẽ Dịch đầu ngón tay
Vẫy chào xuân chu chuyển
Tâm thực vui thân huyễn
Bấm phím đàn âm dương
Muôn sau bước lên đường
Nghìn xưa đà cập bến
Hạt Bụi Hồng hò hẹn
Quê chung làng Không Tên
Trăng sao xếp bậc thềm
Đón đưa hài trần tục
Tới sâu đỉnh bất thức
Thấy xuyên suốt mịt mùng
Khởi đầu từ Trống Không
Nổ sấm trong Im Lặng *
Mũi kim bừng chói rạng
Bay vô vàn tinh vân
Nghiêng soi dòng sông Ngân
Chưa thấy đâu hình dáng
Thời gian lùa ánh sáng
Riêng chốn này trổ hoa
Tháp bút ngón tài ba
Tung chơi bầu trời đất
Giai điệu trắng gieo hạt
Nguyên Đán mãi tinh khôi...

** Big Bang*

TRẦN MỘNG TÚ

BẢN THẢO

Cái sọt rác sau lưng em
có những mẩu giấy điện toán vo tròn
có những mảnh giấy bọc Taco lem luốc
của cô bạn Mễ ngồi bên
Người bạn Cam Bốt ném vào đó
vuông lá chuối gói bánh
Em cũng ném vào đó
trang nháp của bài thơ

Những mẫu tự Việt Nam
nằm ngơ ngác

Người quét dọn da đen
cầm lên ngắm nghía
em bảo đó là
những chiếc lá gói thức ăn
cho trái tim tôi

Trong đời sống này
em nào có khác gì trang bản thảo
bị ném vào
một cái sọt khổng lồ
cũng ngơ ngác mầu da
vụng về ngôn ngữ

dùng thơ văn
để gói
trái tim mình

Cuối năm 1996

về sẽ nói chuyện nhiều với anh." Thành lủi thủi ra về với tấm lòng buồn bã. Anh thấy anh chẳng hiểu một tí gì về Khuê cả, thế mà bao nhiêu năm nay anh cứ yêu cô, cứ hy vọng, cứ chờ đợi và cứ hụt hẫng. Cô làm gì mà lại đi đến cái tiểu bang toàn núi đá đó, anh có hề nghe cô nói có họ hàng ở đó bao giờ đâu? Bây giờ anh có muốn đi theo cô cũng chẳng biết địa chỉ nào mà đến, Thành bỗng muốn bỏ cuộc, anh không thể chạy theo hoài mối tình một chiều này.

Khuê nhìn bản đồ, ngôi làng Trout Creek cách thị trấn Helena 250 dặm về phía Tây, một ngôi làng rất nhỏ không có ghi dân số, Khuê thuê xe đi từ phi trường Helena đến đó. Khi Khuê đến thì trời đã xập tối, phải khó khăn lắm Khuê mới tìm ra khách sạn, cái khách sạn duy nhất ở Trout Creek chỉ có sáu buồng và may mắn còn một buồng trống. Khuê đặt chiếc vali lên giường nhìn đồng hồ mới tám giờ tối, Khuê không định gặp Stuar tối nay, cô sẽ đi một vòng chung quanh làng, cô muốn tìm hiểu Stuar qua môi trường ông sống trước khi tiếp xúc với ông, Khuê sẽ đưa cho ông đọc lá thư của bà Donna và Khuê sẽ nói là cô không hề có ý định muốn thực hiện lời yêu cầu của bà, cô có đời sống riêng cô muốn sống, cô không thể sống đời của bà Donna được, mặc dù bà Donna đã cho cô trái tim của bà, ông có thể lấy lại tấm ảnh của ông và giữ lá thư của người đàn bà yêu ông làm kỷ vật, Khuê muốn bước hẳn ra ngoài cái vòng tròn của hai người.

Ngôi làng bao quanh bởi những dẫy núi đá xanh biếc, cả làng chỉ có một trường tiểu học, hai siêu thị nhỏ, một tiệm ăn, bưu điện và nhà giặt công cộng thì chia nhau một ngôi nhà hai gian rộng khoảng sáu thước vuông, Khuê lái xe đi loanh quanh độ 20 phút thì hết cả ngôi làng, đã thấy lại trở về chỗ cũ. Con sông Columbia chảy qua làng như một ân huệ của Thượng Đế làm cô nhớ đến cái hồ Washington của thành phố Seattle và nhớ đến Thành. Khuê nghĩ sự ra đi bất thình lình của cô có lẽ lại hay, nó như một dịp trắc nghiệm tình yêu cho cả hai người. Sau khi trả cái thư của bà Donna cho ông Stuar, Khuê sẽ đi California thăm mộ bà Donna để cám ơn bà và ghé thăm cả George và ngôi nhà của hai mẹ con họ nữa. Học trò đã bắt đầu nghỉ, mùa Hè còn dài cô không cần hấp tấp. Khuê muốn biết thật sự Khuê có yêu Thành không? Hay chỉ yêu anh như yêu một thói quen.

Khuê ghé vào nhà hàng ăn bữa cơm tối, tiệm ăn nhỏ và thực đơn chỉ có ba món, Khuê gọi một chén xúp rau nhỏ, chỉ cốt ăn cho đỡ đói. Trong khi đợi thức ăn, Khuê nhìn chung quanh thì thấy những người chung quanh đang chăm chú nhìn mình, cô lúng túng mỉm cười làm quen, cô nhớ ra là cái làng này rất nhỏ chắc một người lạ đến là bị nhận diện ngay. Quả nhiên người đàn ông trạc 60 tuổi đang ngồi cách Khuê hai bàn, đứng lên tiến về phía cô, chào hỏi, giới thiệu rất tự nhiên:

"Tôi là Richmond, có phải cô là du khách mới tới không?"

Khuê lễ phép, thật thà trả lời:

"Thưa tôi đến không phải để thăm thị xã, mà để tìm một người tên Stuar Kenholz."

Ông Richmond đứng suy nghĩ một lúc, lắc đầu:

"Tôi ở đây từ thời trai trẻ, dân số làng này chưa đến 100 người, tôi không nhớ có ai tên là Stuar Kenholz cả."

Bà chủ quán góp ý

"Hay là cái ông nhà văn mới dọn hẳn về đây sáu tháng nay."

"Ông ta đâu có phải tên là Kenholz, cô có mang theo địa chỉ không?"

Khuê mở bóp lấy địa chỉ của Stuar đưa cho ông Richmond.

"Cái địa chỉ này thì đúng của ông nhà văn rồi nhưng tên thì khác, ông ấy là James Plesko một người rất có tiếng, đã xuất bản vài ba tập truyện, cô có được 'Tiếng Kêu Trong Rừng' của ông ấy chưa?"

Khuê ngẩn người ra, không lẽ Stuar của Donna lại là một tác giả mà Khuê khâm phục, Khuê đọc hầu như gần hết các tác phẩm của James Plesko, ông ta không phải chỉ viết vài ba tập truyện như ông Richmond nói, mà đã ra đến tám, chín tập truyện dài, chưa kể thơ và truyện ngắn. James Plesko là một tác giả được giới trẻ yêu thích, hiện ở nhà Khuê, dưới gối cô vẫn còn một tập thơ của ông, đang đọc. Ông ấy đang dậy học ở Berkeley mà, sao bây giờ lại ở trong cái làng bé xíu này.

Khuê hỏi ông Richmond:

"Ông có chắc cái địa chỉ này là của nhà văn James Plesko không?"

Ông Richmond cười

"Cô ơi! Tôi biết cái làng này còn rõ hơn là đường chỉ tay của tôi nữa."

Khuê lục trong ví đưa ra cái hình của Stuar.

"Có đúng ông này không?"

"Đúng ông ấy chứ ai, cô đọc sách ông ấy mà không nhận ra à."

Khuê cầm lại tấm hình, cô đưa sát ánh đèn như không tin vào đôi mắt tinh anh của mình. Trái tim cô đập rối trong lồng ngực, đúng là nhà văn James Plesko rồi, sao mà lúc ở nhà cô không nhìn ra? Có lẽ vì tức giận bị bà Donna lừa mình nên cô đã không nhìn rõ bức hình, hơn nữa cái tên Stuar Kenholz không nhắc cho cô một sự quen thuộc nào. Bây giờ thì cô đã nhận ra khuôn mặt này là của nhà văn James Plesko thường in sau bìa sách của ông. Khuê bỗng nhớ thêm một chi tiết, hình ở sách in không có bộ ria mép, có lẽ cái hình này gởi cho bà Donna lúc đó ông chưa cạo râu đi, và cái tên Stuar Kenholz là tên thật, ông ít dùng đến sau khi đã nổi tiếng. Khuê hỏi ông Richmond:

"Thưa ông, địa chỉ này chắc cũng gần đây?"

"Đằng sau quán ăn này hai chặng đường, cô có thể bước ra ngoài cũng thấy được, nếu là ban ngày, nhưng bây giờ tối rồi, nếu cần tôi có thể đưa cô đến đó."

Khuê cám ơn ông Richmond, ngỏ ý ngày mai cô mới tới, bây giờ cô muốn về khách sạn ngủ một giấc (hy vọng là mình sẽ ngủ được tối nay). Khuê ra xe cám ơn ông Richmond một lần nữa, trước khi mở máy. Cái lòng tốt của người tỉnh nhỏ đã ân cần theo cô ra tận xe, ông còn dặn với:

"Nếu tìm không ra cô cứ quay lại đây, tôi thường xuyên có mặt ở quán ăn này."

Sáng hôm sau, Khuê đứng im lặng một lúc thật lâu trước hai cánh cửa khép hờ không khóa, cô ngập ngừng chưa muốn đưa tay bấm chuông, cô không biết mình sẽ mở đầu câu chuyện như thế nào để cả ông Stuar và cô đều tránh được ngượng ngùng. Cả đêm hôm qua cô trở trăn mãi, cố ráp hình ảnh ông Stuar và nhà văn cô ngưỡng mộ vào làm một, rồi lại cố tách hai người đó ra thật xa nhau. Cô thấy mình hơi có một chút ghen tỵ với bà Donna, mặc dù cô chưa hề gặp mặt bà và còn mang ơn bà, tự nhiên cô thấy mình bị đưa vào một trạng huống khó xử. Khi ở nhà ra đi Khuê đã dứt khoát với lòng là sẽ trả lại cho ông Stuar lá thư của bà Donna và bức ảnh của ông, sẽ nói rõ cho ông biết là cô không thể thực hành lời dặn của bà Donna mặc dầu cô có nhận trái tim của bà. Nhưng bây giờ khi biết ông Stuar là nhà văn Khuê vẫn khâm phục và đem lòng quý mến, Khuê lại thấy cái ý định đó lung lay trong ngực mình. Khuê tự hỏi 'Mình đã chẳng ao ước từ bao lâu nay là có dịp được kết thân và tìm hiểu về nhà văn James Plesko này hay sao?" Cô thấy trái tim mình đập nhanh thêm vài nhịp, Khuê giơ tay gõ cửa.

Một người đàn ông dong dỏng cao, hơi gầy có khuôn mặt giống hệt với bức hình in ở sau cuốn "Tiếng Kêu Trong Rừng" đứng trước mặt Khuê. Khuê cố lấy bình tĩnh vẫn thấy lúng túng, cô nói vụng về:

"Tôi là Khuê, từ Seattle đến, tôi có lá thư của bà Donna."

Khuê thấy một thoáng gợn sóng trong mắt người đàn ông, một thoáng rất ngắn, rồi ông mở rộng cánh cửa tránh sang một bên, mời Khuê vào. Căn phòng khách nhỏ, bầy biện giản dị. Cái lò sưởi củi ở giữa phòng, chung quanh là ba chiếc ghế gỗ có dựa lưng, ở góc nhà có kê một cái bàn vuông, cô thấy sách báo đầy mặt bàn, cuốn mở, cuốn đóng. Người đàn ông kéo ghế mời Khuê ngồi, ông hỏi: —

"Cô dùng một ly nước cam nghe."

"Dạ, cám ơn ông."

Ông bưng ra một ly nước cam, đến trước mặt Khuê, cô đưa tay ra đón ly nước, vụng về thế nào mà cô cầm cả vào những ngón tay ông, Khuê bối rối xin lỗi. Ông từ tốn kéo

chiếc ghế khác đối diện với cô, hỏi:

"Cô Khuê là bạn của Donna hả?"

"Dạ, không." Khuê mở bóp đem lá thư của bà Donna ra. Cô nói một hơi dài (trước khi đưa thư cho ông Stuar) cô không dám ngừng, như sợ sự dán đoạn không nói được hết thì sẽ không bao giờ nói được nữa.

"Thưa, tôi là người đã nhận trái tim của bà Donna sau khi bà tử nạn xe hơi. Lá thư này là lời dặn của bà Donna cho người được nhận, tôi không biết tôi sẽ phải làm gì cho đúng, tôi chỉ biết việc đầu tiên tôi phải làm là đưa lại lá thư cho ông đọc."

Thật sự thì trước khi ở nhà ra đi Khuê biết rõ mình phải làm gì, nhưng từ khi biết Stuar là nhà văn James Plesko thì Khuê mới ở giữa sự chọn lựa.

Người đàn ông đón cái phong bì ở tay Khuê, ông mở thư ra đọc, Khuê kín đáo nhìn sự thay đổi trên mặt ông, cô thấy cặp lông mày ông hơi nhíu lại, hai con mắt sáng của ông mờ đi như phủ một lớp sương mỏng, khi ông ngửng lên thì chạm phải ánh mắt Khuê đang nhìn ông, cả hai người cùng giữ bình tĩnh chịu đựng cái nhìn của nhau một lúc. Ông hỏi một câu ngoài dự đoán của Khuê.

"Trái tim của cô bây giờ đập ra sao?"

Khuê đỏ mặt, trả lời

"Thưa ông, khá đều đặn."

Ông đứng lên, đặt lá thư lên kệ lò sưởi nói:

"Cô Khuê ra xem vườn một chút, ở bên ngoài nắng đang lên, ấm hơn."

Khuê như một con thỏ non ngoan ngoãn đứng lên theo con sơn dương vào rừng.

Người đàn ông dẫn cô đi khắp vườn, chỉ cho cô tên những loài hoa, phân tách từng loại dâu (berry) chỉ cho cô những rặng núi chung quanh làng, đọc tên núi một cách thân mật như đọc tên những người bạn. Hai người đi hết cả khu vườn, người đàn ông mở cái cổng hàng rào ở cuối vườn ra, dẫn Khuê bước ra hẳn bên ngoài. Phía trước hai người là một con đường làng dẫn thẳng ra bờ sông Columbia, người đàn ông nói chuyện về con sông như nói về một người tình, mà ông biết rất rõ tính nết bất thường của nàng. Ông nói:

"Hàng năm cứ vào dịp nghỉ lễ, nghỉ hè nhà trường đóng cửa thì tôi về đây để viết, nhưng bây giờ thì tôi thôi không đi dạy nữa, dọn hẳn về đây. Dòng sông này, con nước này và những cỏ hoa chung quanh nó thay đổi tùy theo mùa mưa, nắng, thời tiết, tôi đều thuộc như chính những thay đổi trên thân thể tôi theo tuổi tác. Dẫy núi trên cao kia lúc nào thì nó lên tiếng gọi, lúc nào thì nó tham thiền nhập định tôi đều biết rất rõ."

Khuê tò mò hỏi:

"Làm thế nào mà ông biết được lúc núi réo gọi?"

Người đàn ông dừng lại, nhìn vào mắt Khuê:

"Đó là lúc chính lòng mình réo gọi!"

Khuê thấy lồng ngực mình rung lên, cô hạ mắt nhìn xuống bụi cỏ dưới chân mình, trái tim cô rạo rực, cô kêu trong cuống họng:

"James Plesko! James Plesko!"

Những truyện dài, truyện ngắn, những bài thơ cô đọc của ông bỗng hiện ra như những khúc phim quay nhanh trong đầu cô. Bên cạnh cô người đàn ông này không phải là Stuar của Donna nữa, ông chỉ còn là nhà văn James Plesko mà cô vẫn thầm ngưỡng mộ.

James chỉ tay vào cánh rừng ở bên kia sông

LƯU NGUYỄN

NÓI VỚI THINH KHÔNG

Giữa thinh không một làn mây trắng
bềnh bồng trôi như tự ngàn năm
mây tán tụ cõi miền tịch lặng
đời hợp tan gió thét mưa gầm

Giữa thinh không cánh chim lẻ bạn
bay về đâu biển bắc trời đông
muôn dặm ruổi đá mòn sông cạn
chim nhớ rừng, người có nhớ gì không?

Giữa thinh không ánh trăng lồng lộng
bát ngát trời sao, bát ngát lòng
sao chìm nổi bao phen đòi đoạn
trăng khuyết tròn mòn mỏi đợi trông

Giữa thinh không chỉ là tịch lặng.

nói:

"Ngày mai tôi sẽ đưa cô sang bên kia xem rừng, nếu cô còn ở lại đây ít lâu."

Khuê trả lời như người đang ở trong cơn đồng thiếp

"Tôi còn ở đây nguyên tuần."

Suốt một tuần lễ sau đó, ngày nào James cũng đến đón Khuê, ông đem xe Khuê mướn đi trả, dùng xe của mình đưa Khuê đi chơi. James đưa Khuê vào rừng nghe thông nói chuyện, ông đọc tên mỗi loại thông rồi cắt nghĩa cho Khuê hiểu từng đời sống khác nhau của chúng, ông đem theo thực phẩm để Khuê cho sóc, cho thỏ và những con sơn dương ăn, họ đi câu ở hồ Clark Folk, đi kayak dọc theo sông Columbia. Họ đi ra ngoài ngôi làng từ sáng sớm tinh mơ sao mai chưa mọc và chỉ trở về khi mặt trời đã chìm tận đáy dòng sông. James lúc nào cũng bình tĩnh, điềm đạm, ông nhẹ nhàng trong vai trò hướng dẫn, có lúc ông tỏ ra thật nồng nàn thân mật, đôi khi ông xa vắng như không có mặt trong cuộc chơi, ông đối xử với Khuê vừa như một người tình, vừa như một người lạ. Khuê thì như người lạc vào mê hồn trận, hôm nào cô cũng ra đi với một trái tim khiêu vũ và trở về với một trái tim thổn thức, cô quên bẵng mất cái cảm giác bị lừa hôm đầu tiên sau khi đọc thư bà Donna để lại, cô quên cả Thành, cả thành phố có Thành, cô không nhớ cái tên Stuar Kenholz và Donna Zumwalt, cô quên họ là người yêu của nhau, Khuê chỉ còn biết James Plesko, một nhà văn cô đem lòng ngưỡng mộ từ lâu, là người đàn ông đầy ma lực quyến rũ đang ở bên cô. Đêm đêm trước khi ngủ Khuê nằm im lặng, lắng nghe tiếng tim đập trong lồng ngực, cô nói thầm một mình, "Trái tim này là trái tim của chính ta, nó đang đập vì nó biết yêu và nó được yêu. Trái tim của Donna đã chết theo Donna." Và cũng trong suốt tuần lễ ở bên nhau, không bao giờ James nói đến chuyện tình của ông và Donna cho Khuê nghe, không bao giờ ông kể tại sao yêu ông như đến chết vẫn còn yêu mà khi sống bà Donna lại không dọn về ở với ông, lý do nào hai người yêu nhau lại ở xa nhau cả mấy trăm dặm, những nơi chốn ông đang đưa Khuê đến có phải là những địa điểm hò hẹn đón đưa cũ của hai người không? Tại sao với Donna ông lại có tên là Stuar Kenholz, cậu thanh niên ở California con của Donna có phải là trở ngại chính cho hai người, và bao lâu thì Stuar và Donna mới được gặp nhau một lần? Điều Khuê muốn biết nhất là: cái điều kiện khi bà Donna cho tim ghi trên giấy bắt người phụ nữ nhận tim của mình phải thay mình đến với ông, ông có được biết trước không? James không nói và Khuê không dám hỏi, cô không muốn nhắc đến lá thư đó, vì trước đây cô đã tức giận cho rằng cô bị bà Donna lừa mình dưới hình thức một hành động nhân đạo thì bây giờ cô lại thấy cô may mắn được là nạn nhân của bà, vì nếu không nhận trái tim của bà thì làm sao cô có cơ hội được biết đến James Plesko. Tất cả những câu hỏi trên trong những ngày đầu nó cứ xoay tròn trong óc Khuê khi hai người đi chơi với nhau, dần dần nó mờ nhạt và biến mất, Khuê không muốn nghĩ đến gì cả, trước mắt cô chỉ còn lại có hai người: Nhà văn James Plesko và Khuê. Ngôi làng Trout Creek, dòng sông Columbia, cái hồ mang tên Clark Folk, sao mai, sao hôm đang nghe cùng một lúc hai nhịp đập yêu đương của hai người đàn bà trong một trái tim nhỏ. Donna mượn lồng ngực của Khuê để mang trái tim của mình đến với Stuar, hay Khuê mượn trái tim của Donna để rung động với James, làm sao phân biệt được. Có lẽ chỉ có người mang hai cái tên một lúc là biết ông ta đang làm gì. Ông còn yêu trái tim ở trong lồng ngực đó hay ông bắt đầu yêu cái lồng ngực thanh xuân đang mang trái tim đó?

James tiễn Khuê ra phi trường, suốt dọc đường cả hai cùng im lặng. James nhìn thẳng đằng trước Khuê không biết ông nghĩ gì, chỉ thấy gương mặt ông xa vắng, ánh mắt ông lạnh lẽo, còn Khuê thì trái tim quặn thắt, cô giơ tay áo lên để dấu một giọt lệ vừa ứa ra ở khóe mắt, James quay sang cô hỏi, câu hỏi giống như câu đầu tiên sau khi ông đọc lá thư của bà Donna.

"Trái tim của cô bây giờ đập ra sao?"

Khuê không trả lời, cô bật khóc thành tiếng James rút chiếc khăn trong túi ra đưa cho cô, nói dịu dàng:

"Em lau nước mắt đi."

Cả hai im lặng cho đến phi trường, James gửi hành lý, ghi vé cho Khuê, trước khi Khuê bước vào máy bay, James ôm lấy vai Khuê nói vào tai cô

"Anh mong em trở lại, sống với anh."

Khuê rung lên vì xúc động, cô gục đầu vào vai James như con thỏ nhỏ ngả vào con sơn dương, cô nói trong nước mắt:

"Em sẽ trở lại với anh, vĩnh viễn."

James ngửa mặt nhìn chiếc máy bay mang Khuê mất hút trên cao, ông nói với đám mây:

"Donna, em là người đàn bà rất thông minh, cuối cùng em cũng thu xếp được cho trái tim em đập cạnh anh. Cám ơn em! Cám ơn em!"•

Issaquah, tháng 12/96

(*) - Organ Donnor: người hiến những bộ phận cơ thể mình sau khi chết.

-DMV: văn phòng cấp bằng lái xe, thẻ căn cước.•

CON CÁ CẮN CÂU

THẢO TRƯỜNG

Thứ hạnh phúc Tuyên đang có là chàng biết được cái giới hạn của sự sống, chàng biết rõ được cái mức cuối cùng đời người.

Và chàng đang đi lần tới cái thời gian đó. Mỗi phút giây qua đi là mỗi phút giây làm ngắn lại khoảng đời cuối cùng của chàng. Một bước chân di chuyển là một sự xê địch cho qua lấp một chút thời gian. Tuyên cứ loanh quanh, lẩn quẩn như vậy để thấy rõ là mình vô dụng. Chàng chẳng biết phải làm gì trong thời gian quá ngắn còn lại. Leo lên một sườn đồi, xuống một con dốc, nói một câu với người này, bịa chuyện nào đó với một người khác, tất cả những cử chỉ, hành động đó với Tuyên thực ra cũng chỉ là cách khỏa lấp cái ám ảnh ở cuối đường chàng sắp tới, chỉ là một cách chàng nhìn đi nơi khác.

Tuyên muốn thoát khỏi nông nỗi đó. Tuyên muốn chàng không còn là chàng, người khác xung quanh không còn là người khác chàng thấy. Đêm qua Tuyên đã chứng kiến một cảnh nhẫn nhục của người đàn bà giữ nhà.

Quả thật Tuyên thấy anh ta rất dễ sống, anh ta đã làm ngơ trước sự cay đắng bắt phải nhận, sao chàng không thể làm ngơ trước cái chết gần tới. Có một lúc nào đó Tuyên đã hốt hoảng. Có một lúc nào đó Tuyên đã vơ vào cho mình tất cả chung quanh. Có một lúc nào đó Tuyên đã lạnh lùng trước tất cả. Nhưng mà chắc chắn là chàng không quên được cái lằn mức đã vạch ra.

Nó như một vạch vôi trên sân vận động, nó như một tấm biểu ngữ chăng ngang đường phố có hàng chữ "mức đến" và nó như cái mé nước dưới kia, chàng chỉ cần từ từ tiến tới và vượt qua. Đó là điều đã định và chàng chẳng thể đừng. Lời nói vững vàng của người y sĩ thân thiết còn rõ ràng bên tai chàng.

Lời an ủi vỗ về của ông ta cũng vẫn còn đó. Những đồng tiền ông ta đưa ra như một bảo đảm lời nói của ông ta. Nghĩa là chàng đang tới và chàng phải tới.

Không lâu lắc gì đâu. Chỉ vài ba năm nữa. Nhưng tại sao chàng không tới đó ngay bây giờ. Thật dễ dàng. Bằng cách băng qua mé nước kia.

Tuyên đã đứng trên mũi ô quấn. Chàng rải bước sang sườn đá bên này. Sườn bên này thật vắng, không có người tắm có lẽ vì khuất gió. Tuyên đi nhanh xuống phía dưới. Tại sao mình không đoạt lấy sự quyết định trước khi cái "mức đến" hiện ra. Tại sao mình không đến trước khi định mệnh ập tới.

Ba năm còn lại có là bao. Vì chàng cũng chẳng biết làm gì trong những ngày tháng còn lại đó. Vậy thì tại sao mình không thắng một keo? Tại sao mình không làm chủ mình một lần và như thế sẽ làm chủ mình vĩnh viễn.

Tuyên ngừng lại trên một mặt đá phẳng, chàng nhìn xuống những làn sóng rạt rào đội lên bãi cát. Thật là gần và thật là giản dị.

Tuyên nhảy xuống. Một đám cát bị cầy lên văng cả vào trong giầy.

Tuyên cúi xuống tháo giầy dốc cát ra. Chàng mang giầy vào chân rồi bước đi.

Một ông già ngồi câu cá khuất sau một hốc đá phía xa. Tuyên tiến lại. Chàng chào ông già. Ông ta gật, cười. Ông lấy gói thuốc vấn hút. Tuyên móc lửa châm thuốc cho ông ta. Lại một cái gật đầu cám ơn. Tuyên ngồi xuống tảng đá bên cạnh.

Ông già cầm chiếc cần câu ngắn rà rà sợi cước trên mặt nước. Tuyên gợi chuyện:

"Được con nào chưa bác?"

Ông già nhìn Tuyên lắc đầu. Ông nói thêm:

"Ngồi giết thời giờ mà."

Tuyên nhìn ông già hơi lâu. Chàng ngập ngừng:

"Bác cũng rảnh rang?"

Ông già cười:

"Già như tôi còn làm gì được. Tôi chờ."

Tuyên nhắc lại:

"Bác cũng đang chờ."

Ông già cười thành tiếng:

"Hết rồi. Qua rồi. Còn lại bây giờ của tôi là uống rượu và chờ."

Quay sang Tuyên, ông già phân bì:

"Cậu đang ở thời sung sướng. Các cậu vào tuổi này tha hồ mà hoạt động."

Tuyên nghĩ thầm. Bác ơi! Tôi đâu có được như bác tưởng. Tôi cũng chỉ là kẻ đang chờ như bác mà thôi. Có khác là bác chưa biết rõ "mức đến" của mình, còn tôi, tôi đã được biết trước. Như vậy sự chờ đợi của tôi nôn nả hơn, còn cực nhọc hơn bác nhiều lắm. Tuyên hỏi:

"Bác nói là tuổi thanh niên sung sướng?"

Ông già nhướng mắt:

"Chứ sao. Hồi xưa bằng tuổi cậu, tôi giang hồ ghê lắm. Muốn làm gì thì làm, muốn đi đâu thì đi. Và làm gì cũng được. Vậy mà quay đi quay lại già lúc nào không hay. Bây giờ thì chỉ còn cách thả mồi xuống trước hoặc uống rượu cho qua ngày."

Tuyên ngập ngừng:

"Vậy mà sao tôi chẳng thấy sung sướng gì cả hả bác."

Ông già hít hà trong miệng, ông vẫn có nụ cười thật tươi:

"Có thể lắm. Tại vì các cậu bây giờ hình như băn khoăn nhiều hơn, thắc mắc nhiều hơn. Các cậu có những ý nghĩ kỳ cục.

Thằng con tôi cũng vậy, nó chống tất cả, nó chửi tất cả, nó bất bình tất cả. Không ai làm nó hài lòng.

Nó còn chê tôi đủ thứ. Ừ mà nó nói cũng đúng. Nhưng mà tôi sung sướng, nó khổ. Ý thức mà khổ là điều dĩ nhiên. Cậu hình như, hà hà, cậu hình như giống thằng cả nhà tôi. Khó hiểu thật."

Tuyên lẩm bẩm:

"Bác không biết chứ tôi bị nhiều thứ ray rứt lắm. Tôi cũng chỉ là kẻ chờ đợi như bác."

Ông già cười phá lên:

"Ông cụ non nữa. Các cậu chán đời ngay từ lúc còn trẻ."

Tuyên lắc đầu:

"Bác chẳng hiểu được đâu. Tôi đang tính nhào đại xuống biển cho rồi."

Ông già tặc lưỡi:

"Tầm bậy! Lại nói tầm bậy nữa. Tôi đã bảo tuổi các cậu là đủ thứ lộn xộn mà."

Tuyên đưa tay về phía ông già:

"Bác cho tôi cầm cần câu một lát."

Ông già cười dễ dãi đưa chiếc cần câu cho Tuyên. Ông nói:

"Kiên nhẫn nhé. Phải kiên nhẫn mới được. Cái gì cũng vậy. Câu cá còn phải hơn thế nữa."

Tuyên cầm chiếc cần câu rà rà. Gió biển như đẩy chiếc cần tre trên tay chàng, Tuyên hỏi:

"Độ bao lâu nó mới cắn câu bác?"

Ông già cười hiền:

"Cái rắc rối chính là mình cứ thắc mắc lúc nào nó sẽ đến. Làm sao biết được. Có nhiều cái không tùy thuộc ở mình, trường hợp đó mình chỉ có cách tạo điều kiện thuận lợi rồi ngồi chờ mà thôi. Cậu hình như cũng đang chờ đợi một điều gì."

Tuyên hớn hở:

"Sao bác biết. Tôi quả có chờ đợi thiệt."

Ông già lại móc thuốc châm hút:

"Nói vậy chứ tôi chỉ đoán. Vả lại ai mà không chờ đợi. Mỗi người đều mang hy vọng nào đó chứ."

Tuyên nhấc cần câu lên khỏi mặt nước, chàng với tay kéo lưỡi câu về gần xem xét lại mồi. Chàng thả xuống nước lại rồi mới nói:

"Riêng trường hợp tôi thì trái lại bác ạ, tôi đang chờ đợi một thảm họa."

Ông già tỏ vẻ ngạc nhiên, Tuyên tiếp:

"Tôi đang chờ đến ngày cuối cùng của đời mình. Cái kỳ hẹn càng ngày càng gần tới."

Tuyên kể cho ông già nghe về bịnh tình của chàng. Ông già cười ngất:

"Tầm bậy, ai bảo cậu bệnh đó không chữa được. Sai bét. Bịnh đó còn dễ chữa trị hơn bịnh phổi nữa là khác. Cậu đừng thất vọng. Cậu nên đi đến thầy thuốc xin điều trị đi."

Tuyên khăng khăng quả quyết:

"Bác đừng an ủi tôi, nhiều người cũng đã an ủi tôi như thế. Người thầy thuốc khám bệnh cho tôi là người có bảo đảm, có thẩm quyền. Ông ta đã nói chắc cái kỳ hạn khốc liệt đó."

Ông già thở khói:

"Cậu bị đầu độc thật rồi. Tôi bảo đảm là thứ bịnh đó không có gì nguy hiểm. Cậu nên

TRẦN HỒNG CHÂU

VẾT CHÀM TÍM

Y châu! Y châu!
Chim đỏ mấy màu hoàng hoa
Ly bôi! Ly bôi!
Bạn ơi đứng ngồi chẳng yên
Còn lại. Lại còn!
Sao một héo hon, một ta?

Chén này xin tặng cố nhân
Chén này gửi nhớ một vần cố hương

Chim nhớ tổ, ta, chiều tâm sự
Tuổi xưa ngọc hát lộng trời xanh
Thơ hôm nay lụa xé tơi bời
Nỗi đau quằn quại vết chàm tím
Rách nát mấy dư đồ
Rách tung, hồn, một ly hương!

Mưa bão cuồng phong nổi lên đi
Hãy cuốn thật xa
Thật xa ngoài ngàn dặm
Vết chàm dao chém
Chân trời tím
Tím bầm lịch sử

Sông núi về đâu?
Đỏ cháy mây chiều

Hãy cuốn thật xa
Bài thơ hồng điểu chơ vơ
Theo chân chim đỏ vật vờ bơ vơ!

(Y Châu - bang Illinois - tiễn bạn trong chuyến đi xa về nguồn)

tin như thế và đi chữa trị. Thảo nào tôi thấy cậu như một kẻ đã sẵn sàng, cậu không cần gì nữa hết."

Tuyên nói:

"Nhiều lúc tôi còn mong cho nó đến sớm, cũng như lúc này, tôi mong cho con cá nào đó cắn câu vậy."

Ông già lắc đầu:

"Cậu mong cũng chẳng được. Bởi vì những sự ấy không tùy thuộc nơi cậu."

Tuyên thắc mắc:

"Theo bác thì chúng ta còn gì để tùy thuộc mình?"

Ông già suy nghĩ rồi nói:

"Không còn gì. Mọi sự đều tùy thuộc kẻ khác, ngoại trừ cách sống của mình mà thôi."

Tuyên phụ họa:

"Tôi nghĩ chỉ còn mỗi một cách làm cho mình còn cảm tưởng là mình có quyền bằng cách dựng đứng lên một chuyện, mình bịa ra một sự gì đó ngoài cái biết của kẻ khác. Xong rồi đến một lúc nào đó mình 'định' về sự sống mình. Điều cuối cùng này tôi thấy hình như khó. Ít ai dám 'định' về mình. Tôi cũng thế, tôi thấy hồi hộp và run sợ khi nghĩ đến điều đó."

Ông già gật gù:

"Khó lắm chứ. Dễ gì ai cũng làm được điều đó. Nhưng mà sao các cậu không sống như chúng tôi. Tuổi trẻ mình làm việc thật hăng hái, thật hết mình, khi về già mình rỉ rả chờ đợi đến phiên."

Tuyên lại phân bua:

"Bác quên là tôi đã bị định đoạt ở cái mức cuối cùng sao. Khi được thông báo trước cái ngày đó, làm sao tôi hăng hái như bác hồi xưa, làm sao tôi bình tĩnh được như kẻ khác. Và tôi cũng làm gì còn có được tuổi già như bác."

Ông già tức tối. Ông nhặt một vỏ ốc ném mạnh xuống biển:

"Tôi đã nói sao cậu không nghe. Không có gì nguy hiểm chết chóc cả. Có thuốc trị được bịnh của cậu. Cậu hãy hăng hái lo việc đó đi."

Tuyên nhe răng cười, chàng chợt khựng lại khi thấy sợi cước trì xuống nặng chĩu, chàng rối rít:

"Hình như có cá cắn câu, bác."

Ông già cầm lấy chiếc cần câu Tuyên trao cho. Ông ta rà rà và lắng nghe. Một nụ cười hớn hở trên môi ông. Ông già nói:

"Đúng hắn rồi."

Tuyên ngơ ngác:

"Đúng gì hả bác?"

Ông già hất cằm ra phía biển:

"Đúng con cá. Cậu hay thiệt. Tôi chờ mãi nó không tới, cậu mới cầm cần nó mắc liền. Chà con cá này khá lắm đây."

Nói xong ông già kéo mạnh cần câu nhưng sợi cước đu lại. Ông già hà hà;

"Mắc rồi. Sức mấy con thoát khỏi. Một lúc nào đó con phải đến số chứ. Chẳng ai cãi lại được. Ta chỉ là kẻ giải quyết vấn đề đó hộ con."

Tuyên ái ngại:

"Phải cá biển hễ lên khỏi mặt nước là hết sống phải không bác."

Ông già gật đầu:

"Nó là giống ở nước mặn mà. Cá sống ở nước mặn chỉ được quanh quẩn trong cái đại dương đó thôi. Ra khỏi là rồi."

Tuyên nói:

"Hay là bác thử làm ngược lại số mạng cho con cá xem sao?"

Ông già nhướng mắt nhìn Tuyên, ông tỏ ý không hiểu. Tuyên tiếp:

"Đáng lẽ thì con cá này đến số. Nhưng bác tha cho nó."

Ông già tỏ ra hiểu ý Tuyên:

"Cậu muốn nói tôi không nên lôi nó ra khỏi nước?"

Tuyên vung tay:

"Lúc nãy bác nói không còn gì thuộc về mình. Bây giờ tôi nghĩ bác nên làm một cử chỉ tỏ ra là bác có quyền về một sinh vật khác. Bác kéo dài sự sống cho con cá kia. Bác cắt sợi cước thả cho con cá đi luôn."

Ông già nghe nói vậy cười ha hả, ông đổi tay cầm cần câu thật vui vẻ:

"Cậu nói rõn sao. Công tôi chờ đã mấy tiếng đồng hồ, bây giờ cậu đòi thả ra, thả ra vì một cái lý luận rất là lẩm cẩm. Rồi trưa nay lấy gì làm đồ nhậu. Hà hà, con cá này mà nấu canh chua và chiên bơ thì nhất. Cậu có rảnh không, đi với tôi." Tuyên nhăn nhó:

"Nhậu làm mẹ gì. Tôi nghĩ bác nên có một hành động ý nghĩa."

Ông già nhìn Tuyên chăm chú ổng cố tìm tòi xem bên trong đầu óc Tuyên nghĩ gì. Thấy Tuyên đang nhìn xuống con cá quẫy với làn nước, ông già tặc lưỡi kéo cho con cá gần vào bờ. Nhìn bóng dáng con cá quằn quại thấp thoáng dưới làn nước, ổng nói nhỏ một mình:

"Còn lâu mới thoát ra được con ạ. Mày bự lắm, khỏe lắm, hà hà, cứ quẫy đi cho mệt rồi ta sẽ kéo lên. Thôi, số kiếp của mày đã đến. Ta đâu có chọn mi, chính mi đã chọn con mồi và chiếc lưỡi câu đó, hà hà tại mi hết, ta không có trách nhiệm gì về sự đó, mà thả mi ra làm sao hợp lý của một kẻ đi câu. Và ta cũng đang cần, ta cần phải bắt được một thứ gì đó, ta chờ từ lâu để mong có lúc này, vậy thì ráng lên con, quẫy nữa đi rồi ta sẽ kéo lên. Mẹ cóc, nồi canh chua có dứa chín, có măng, có rau ngổ đủ thứ hết, phải biết, bắp chuối hay củ chuối thái nhỏ nữa, nhất rồi, ta còn một chai rượu và mấy tay bạn nhậu. Ta sẽ kể cho bọn họ nghe công trình của ta, thú vị, thật thú vị. Ê, cậu bạn trẻ của tôi, cậu nhập cuộc với tụi tôi chứ?"

Tuyên bần thần nhìn xuống chỗ sợi cước ngập sâu dưới nước. Chàng không nói không rằng. Chàng như không nghe những lời nói của ông già, chàng đang mong cho sợi cước mong manh kia bị đứt.

Ừ mà nếu sợi cước đứt được. Con cá sẽ thoát chết, ông già sẽ tiếc rẻ nhưng Tuyên sẽ hài lòng. Có thể đứt lắm chứ. Sợi cước thật nhỏ bé và trong vắt. Con cá lại to. Ông già cũng cố trì kéo, đứt là phải. Một cách giải quyết êm đẹp nhất, ông già có tiếc cũng không trách cứ gì được, vì đó là số mạng con cá, Tuyên cứ nhìn và cứ chờ như vậy. Chợt ông già lại lên tiếng:

"Chắc cậu đang mong cho con cá thoát khỏi. Cậu chờ cho sợi cước kia đứt chăng? Còn lâu. Cước tốt lắm, con cá to bằng hai cũng chẳng đứt được. Số mạng đã được định thì có cố gắng cũng thế mà thôi."

NGUYỄN TƯỜNG GIANG

KHI QUA PHÀ BÍNH

nhớ Mẹ, tặng anh Đ., chị D.

Chiều ẩm ướt
mưa mịt mùng
phà ì ạch qua sông
bùn đỏ quạch phù sa bến lở
đôi quang gánh, chiếc lồng gà
bụi thời gian
mẹ những chiều đông xưa qua chợ
nhà hoang gió thốc thổi
bánh lá khô bay
vệt núi tím chân trời xa, đứng khóc
cây im lìm vươn những cánh tay
mẹ ơi
con đã về đây
bờ đê khô ôm chân giạ ẩm
bàn chân ai nứt nẻ bùn đen
áo cánh nâu bay, đôi quang gánh nhẹ

chiều, mưa bụi đã bay
à ơi cơn gió ẩm ngày
sao lòng con ấm những ngày năm xưa

1/17/96

Tuyên cáu kỉnh nói với ông già:

"Vậy sao lúc nẫy bác khuyên tôi đi chữa chạy với thầy thuốc. Bác còn an ủi tôi rằng bịnh có thể khỏi được."

Ông già chỉ một tay vào Tuyên:

"Mà cậu có bị lưỡi câu nào móc đâu?"

Tuyên cãi:

"Có chứ sao không. Tôi thấy có hàng trăm, hàng ngàn lưỡi câu móc vào tôi."

Ông già lắc đầu, ông ta quay hẳn ra phía con cá, ông ta cúi xuống xắn hai ống quần lên cao, lội xuống nước một chút, ổng với một tay cầm chiếc vợt, con cá đã quần quần gần nơi chân ông. Tuyên cũng lội xuống với ông già. Chàng đứng ngay cạnh ông ta:

"Bác nhất định sao?"

Ông già nói như reo giữa tiếng quẫy của con cá:

"Trường hợp như tôi ai cũng làm thế cả. Cậu ước lượng con cá nặng mấy kí."

Tuyên lại hỏi:

"Cả cuộc đời bác không dám làm một chuyện gì lớn sao."

Ông già trả lời Tuyên trong lúc vẫn chăm chú quần quật với con cá:

"Việc lớn theo tôi là gồm tất cả sự chu toàn bình thường lại. Anh hùng cũng chỉ là những kẻ làm đủ bổn phận mình trong sự may mắn."

Tuyên nói như hét:

"Như vậy là bác sẽ khổ. Sẽ chẳng có dịp nào bác còn có quyền hành cả, bởi bác cũng chỉ như kẻ khác."

Ông già gật gù cười ha hả. Một tay ông nhấc mạnh cần câu lên, một tay ông cầm chiếc vợt vớt con cá.

Ông lội bì bõm lôi con cá mang lên triền cát. Tuyên cúi xuống nhìn. Một con cá độ chừng hai kí. Ông già trịnh trọng móc trong túi câu ra một chiếc kìm nhỏ. Ông cẩn thận cắt cái mẫu nhọn như chiếc kim lớn nơi đầu con cá. Ông nhón tay cầm liệng cái kim nhọn đó xuống nước. Xong ông ta mới cầm sợi cước xách con cá dơ cao lên xem xét. Tuyên nhìn vẻ mặt hớn hở của ông ta mà phát ghét. Chàng ra ngồi nơi mỏm đá lúc nãy. Thế là rồi. Sẽ chẳng có ai cứu vãn được nữa.

Ông ta đã quyết định: Con cá sẽ trở thành những món nhậu. Nó sẽ vĩnh viễn hết là một sinh vật. Tuyên rùng mình. Ông già loay hoay trên khoảng cát khô vẫy gọi Tuyên:

"Con cá này có chiếc kim độc lắm, tôi cắt bỏ liệng đi xong rồi. Vô phúc cho ai dẫm phải sẽ thối thịt, thối da cho mà coi."

Ông ta xách con cá đến chỗ Tuyên, ổng vẫn tiếp tục nói về cái kim của con cá:

"Cậu biết tại sao tôi phải vứt nó xuống nước không. Nguy hiểm lắm. Vứt bậy bạ ở trên lỡ có bà *hoạn thư* nào lượm được bà ta làm bùa ếm ghen với tình địch, người kia dám bị thối tha ở *cửa mình* đến chết."

Tuyên xua tay tỏ vẻ không muốn nghe, chàng nói:

"Bây giờ thì vấn đề hết rồi. Bác mang con cá về nhà làm món nhậu cho sớm. Tình thế bây giờ hoàn toàn đã đổi khác. Thôi cũng đành. Bây giờ mới chính là lúc không ai làm được gì nữa, ngoại trừ bác. Ngoại trừ phần việc nhậu nhẹt của bác."

Ông già gật gù:

"Cậu nói đúng. Bây giờ tôi mới thấy cậu thực tế. Nào chúng ta đi. Tôi mời cậu nhập bọn với chúng tôi. Tôi thấy cậu cũng hay hay, nói chuyện với cậu có hơi bực mình nhưng nhiều lúc cũng thú vị. Tôi mời cậu về nhà tôi làm vài ly."

Tuyên lắc đầu:

"Tôi không biết uống rượu. Cám ơn bác. Tôi cũng không muốn tham dự vào cuộc ám sát này. Tôi vô tội."

Ông già nhìn Tuyên ái ngại rồi nhún vai bỏ đi. Còn một mình Tuyên ngồi thừ nhìn đám cát bị cầy xới bởi những bước chân ông già. Mặt nước đã lại trở về tình trạng ào ạt cũ, không còn dấu vết gì của con cá vừa bị lôi lên.

Tuyên không biết phải làm gì. Thật chàng chẳng biết phải làm gì lúc này Tuyên tự hỏi thế. Có một cách nào để giải quyết không? Tôi sẽ làm gì trong khoảng thời gian bỏ trống còn lại? Tôi có là một phiến đá xếp vào nhau kia? Tôi có là con cá đến phiên, có là cây cối đã ngấm thuốc khai quang, có là người già trong viện dưỡng lão? Tôi thật chẳng biết mình là gì nữa.

Tôi ngồi phịch xuống thềm cửa. Còn nỗi cô đơn nào hơn, còn sự tuyệt vọng nào bằng. Tôi đang ngồi trên một con thuyền đầy nước không thể tát cạn mà cũng chẳng thể nhảy xuống bơi vào bờ. Thềm đá dưới chân tôi cũng bồng bềnh như đang trôi đi! Tôi quơ tay sờ mép. Làn da nhờn nhờn nhớp nhúa và nham nhám những cát bụi. Đưa tay quệt miệng. Một chất mằn mặn khiến tôi thấy kinh tởm buồn nôn. Xác thân này còn sống hay đã trương thối mục nát. Tay chân này quờ quạng do sự điều khiển của chính mình hay là do làn gió đưa đẩy như những cành cây đang lung lay kia. Tôi ôm mặt và muốn khóc...

...Tôi muốn thét to lên để mọi người nào đó phải xúm đến chứng thực rằng tôi còn tôi. Vợ chồng thằng bạn phải bỏ cuộc chạy ra xem lại tôi, hỏi han tôi, nhìn nhận tôi. Có ai không? Có ai tới không để tôi khỏi la hét kêu gào.

Chẳng có gì cả. Căn nhà hoàn toàn vắng vẻ. Gió biển vẫn ù ù bất tận. Tuyên nằm lăn ra thềm nhà. Từ cổ họng chàng phát ra những tiếng rên hừ hừ như sắp chết.•

LEM LUỐC VỚI TÌNH

ĐỖ THÌ KÊNH G

Sấm gầm. Sét đánh khét lẹt. Chớp ngoằn ngoèo rễ cây trên bầu trời mây đen cuồn cuộn đang sà xuống thấp. Cơn đàng Nam vừa làm vừa chơi. Không phải. Đây là cơn đàng Đông. Cơn đàng Đông vừa trông vừa chạy. Giông nổi ào ào. Mưa giăng hàng ngang từ bên kia cánh đồng Kênh H, xám đen như bầy ngựa Mông Cổ xung trận.

Đang làm cỏ lúa trên cánh đồng Kênh G, Chính đứng bật lên, nói một mình:

"Thử chạy coi mưa đuổi kịp không? Còn cách cả cây số!"

Chính vừa chạy vừa ngoái đầu lại nhìn bầy mưa. Được chừng hai mươi bước, mưa lộp độp rơi. Những hạt mưa to như hạt ngô phóng xiên xuống rát gáy rát chân. Thoắt chốc mưa phủ kín người. Chính không chạy nữa, đứng nhắm mắt ngửa mặt tắm mưa bên đìa sen. Sau vài phút, Chính lội xuống đìa. Gai sen cào rách từ chân lên đùi. Cái đau gai sen cào không sâu, mà kỳ lạ lắm. Xon xót, ngưa ngứa, khoai khoái.

Chính đứng giữa đìa sen, ngửa mặt há miệng uống mưa rơi thẳng từ trời. Ngọt ơi! Thơm ơi! Mưa ngọt mây trời. Mưa thơm hương sen. Mưa cuống cuồng rơi. Mưa gõ đều nhịp trên những lá sen to bằng cái nón. Hạt mưa đọng trên lá sen trong suốt như triệu hạt pha lê đựng trong ngàn đĩa bích ngọc. Hạt mưa sau làm tròng trành lá sen, đuổi hạt mưa trước trượt rơi xuống đìa. Hạt mưa như nụ hôn vụng dại của trai mới lớn trên má ửng hồng gân máu của búp sen thon mượt thơ ngây. Hạt mưa lăn lộn đam mê trong lòng đóa sen đã nở, nhụy vàng sũng ướt, đài sen bầu bĩnh xanh non. Hạt mưa làm gương sen mẩy hạt càng tươi mát gọi mời tay hái.

Chính tha hồ hái, cởi áo gói đầy một bọc gương sen mẩy hạt xanh đậm, cười tươi trong mưa:

"Tha hồ ăn nha Oanh, hoa trái mê nhất của đồng quê. Như em vẫn thường nói."

Lội trở lên ruộng, ngồi trên một mô rạ, trải áo bọc gương sen ra, Chính bẻ đôi một đài gương xanh mềm xôm xốp. Những hạt sen no căng mướt xanh màu mạ. Chính cắn lột lớp vỏ xanh mềm của hạt sen non, để lộ thịt sen trắng thịt vợ lem thèm. Khép răng. Thịt sen oai oái dòn tan. Thịt sen ngọt lạ lắm, vị ngọt mát rượi thịt sen pha trộn với vị ngọt nhằng nhặng nhân sen và vị ngọt chan chát vỏ sen, cộng thêm vị ngọt nước mưa rơi thẳng từ trời, làm Chính quên trời quên đất.

Ăn xong vài gương sen, Chính đứng lên túm chặt bọc gương còn lại, dầm mưa lội về nhà, trên thân chỉ có cái quần đùi ướt sũng. Mặc mưa quất tối tăm mặt mũi, Chính mỉm cười nghĩ tới luật bù trừ của tạo hóa. Tưởng tượng ai kia đang ngồi quấn chăn dầy trong buồng ấm, nhìn cảnh này, chắc tội nghiệp Chính lắm, đâu biết rằng Chính đang sung sướng vô cùng. Trời của ta. Mưa của ta. Ai giằng ra được? Ai lấy đi được? Ta đang đội mưa về với vợ ta. Với con ta. Đứa con đầu lòng ba tháng. Người vợ xinh đẹp ngoan hiền, đã quyết theo chồng bỏ thành phố về miền quê hẻo lánh, sau khi Chính được tha về từ trại cải tạo. Về ruộng để có nhau. Để còn có nhau.

Ừ, có nhau. Mắt Chính sáng lên rạng rỡ. Chân thoăn thoắt trong mưa trên đất ruộng gồ ghề, Chính mỉm cười nhớ lại Mùa Xuân Kỷ Mùi 1979 khi Chính trong trại cải tạo, Oanh lặn lội ra thăm. Lấy nhau tháng Hai, tháng Tư mất nước. Vợ chồng mới bén hơi đã xa. Nhớ nhau chết được. Thèm nhau chết được. Thấy lại nhau sau bốn năm chỉ muốn vồ nhau, chỉ muốn được ngủ trong nách nhau.

Trong lán thơm mùi lá rừng lợp mái và mùi thum thủm giang tươi cột kèo, cái mặt bàn gỗ trơ trơ chia hai vợ chồng. Oanh ngồi nhìn Chính. Chính ngồi nhìn Oanh. Cúc ngực áo bà ba phin nõn đẫm mồ hôi đường trường của Oanh "vô tình" bật ra. Cổ áo bà ba lem thèm vườn mận chiều mưa, gió lay lá ướt, thấp thoáng chùm mận hồng đào mòng mọng. Chính khát khô cổ. Lão quản giáo ngồi ngay đầu bàn. Chính muốn điên lên. Lão chợt ngửng lên trố mắt, lên giọng giáo dục:

"Chị kia, chị không được đồi trụy như vậy. Chị có cài cúc áo lại không thì bảo?"

Môi Oanh cười lệch về khóe trái, không bẽn lẽn tẽn tò, nửa đau thương tiếc nuối, nửa như bướng bỉnh thách thức:

"Ừ đấy, bà thèm được đồi trụy với chồng bà đấy! Bà thèm được ăn sống nuốt tươi chồng bà đấy!"

Oanh nhìn chồng tình tứ, mắt ướt sao đông, mỉm cười cài cúc lại. Ngón tay trỏ Oanh từ tốn ấn hai cúc bấm vào nhau, một tiếng 'tách" khẽ kêu tấm tức trên vùng ngực lập xuân lõm vào phụng phịu. Chính thẫn thờ. Bốn năm nay, Chính vẫn từng coi lão quản giáo và các đồng chí của lão như loài vật thấp hèn. Nhưng Chính sẽ gọi lão là bố, hàng năm sẽ sêu tết đàng hoàng, nếu lúc này, lão điệu nghệ đứng lên đi ra ngoài sau khi nháy mắt với Chính một phát. Chính sẽ lập tức vật Oanh ngay trên mặt bàn thăm nuôi xiêu vẹo, sẽ cùng Oanh lăn lộn trên nền đất nhớp nhúa. Chính sẽ ăn Oanh, sẽ cắn Oanh từng mảng thịt mà nuốt trửng. Nuốt trửng chứ không nhai. Nhai lỡ Oanh đau thì sao? Chính sẽ bế Oanh, sẽ tung Oanh lên trời. Rồi Chính sẽ chồm lên ôm ghì lấy Oanh, gục môi vào bụng Oanh, trườn môi lên ngực Oanh. Oanh bay lên. Lên cao mãi. Chính vẫn ôm ghì Oanh. Vẫn gục môi vào bụng Oanh, vào ngực Oanh. Mà lên theo. Lên theo. Cả hai sẽ biến mất trong mây. Sẽ trốn trong hang mây chớn chở. Thoát tù. Dung dăng dung dẻ trên trời xanh bao la, gió ngọt bát ngát, nắng ấm chan hòa.

"Hết giờ thăm nuôi!"

Tiếng lão quản giáo khàn đục khô khốc ngọn gió Lào tháng Hạ, mất lão gườm gườm như hai hố mắt tử thần sâu hoắm. Cả Chính và Oanh cùng quýnh lên. Nãy giờ đã nói với nhau lời nào đâu?

"Đã bảo hết giờ rồi. Đi về!"

Chính còn đang như đứa trẻ khờ khạo chưa biết phải làm gì, Oanh đã đứng lên, thoăn thoắt sắp xếp lại hai giỏ đồ thăm nuôi. Oanh vòng quanh bàn ra sau lưng Chính, đeo một giỏ nặng trĩu vào vai trái chồng. Hai vú Oanh áp sát lưng chồng. Tì chặt. Chồng ơi, cho chồng đấy! Ấm. Êm. Nóng hôi hổi. Hơi thở Oanh phả ngập gáy Chính. Chính rùng mình. Oanh vòng ra trước, má Oanh còn đỏ như gấc chín, mỉm cười lỏn lẻn. Bốn mắt nhìn nhau trong gang tấc khi Oanh đeo giỏ đồ thứ hai lên vai phải chồng. Bỗng nhanh như cắt, một tay vít gáy chồng xuống, tay kia nắm mạnh tóc chồng như muốn nhổ tung lên, Oanh hôn lên môi Chính. Nụ hôn ướt và nhanh như cơn gió đồng hoang lướt trên cánh sen còn đọng sương mai. Không là nụ hôn e ấp gái đồng trinh, mà là nụ hôm chiếm hữu của gái yêu chồng. Của gái thèm chồng. Rồi gió sớm đồng hoang biến thành bão lốc, xoắn tan nát môi chồng, xoáy bật rễ lưỡi chồng. Hàm răng thánh hé ra. Sóng mùa mưa lũ chồm hôn bờ cỏ, xoáy lở một mảng bờ sông. Chính ứ rên khe khẽ. Môi dưới hằn đỏ hai vết răng cửa nổi điên. Điên yêu. Điên thèm chồng.

Mồm lão quản giáo há hốc. Lão chưa kịp hạnh họe đòi áp dụng kỷ luật, Oanh đã dúi vào tay Chính một cục giấy vo tròn, miệng Oanh ngọt mía nướng:

"Bố ơi, bố cứ coi con như con gái. Con lặn lội ngàn cây số ra đây chỉ để hôn chồng con có một cái, bố khe khắt làm gì? Con gái bố ở nhà có hạnh phúc với chồng không?"

Lão quản giáo khựng lại, khoát tay:

"Thôi hết giờ rồi! Anh Chính lo vác đồ thăm nuôi về trại. Còn... chị, chị thu xếp ra huyện ngay cho kịp tối, để mai về Nam."

Đêm ấy, nằm trên vạt tre, Chính vừa thương vợ long đong dặm trường, vừa nhấm mắt lim dim, cảm thấy mình như một ông vua sung túc nhất đời. Nụ hôn vợ ban cho hồi chiều, dẫu bán cả thế gian cũng không mua được, dẫu đốt đuốc tìm khắp cõi ta bà cũng không có được một nụ thứ hai. Ngon đến thế. Để thương đến thế. Để nhớ đến thế. Để thèm đến thế. Ước gì môi cứ đau tê mãi. Ước gì lưỡi cứ rát mãi. Ước gì hai vết răng cửa của Oanh cứ ngự trị trên môi rướm máu.

Lại còn lá thư nữa. Trang giấy vo tròn là một lá thư tình. Không chỉ là một lá thư tình. Mà là lá thư tình hay nhất. Lá thư tình tình nhất. Là một cuộc làm tình, do Oanh hoàn toàn chủ động.

Lá thư bắt đầu bằng hai chữ 'Chồng ơi!" Hai chữ "chồng ơi" trên trang giấy nhẩu nát, nhưng Chính như ngửi được hơi thở thơm nhãn từ đóa môi hoa súng của Oanh. Hai chữ "chồng ơi" có tác dụng như hai bàn tay thon mềm lẳng lơ đẩy khẽ chồng ngã ngửa trên giường, ánh trăng nửa khuya vội nấp sau tầu cau che mặt ứ hự hiên sương.

Lá thư không dài, đọc đi đọc lại vài lần, Chính đã thuộc lòng. Chính tiếp tục nằm phè nhắm mắt, nhẩm lại đoạn thư tình tứ nhất:

"... Chồng ơi, vợ đi họp tổ dân phố, mỗi lần

thằng công an khu vực nhấn mạnh tới điểm nhân dân không được bôi nhọ cách mạng, vợ lại mỉm cười, lim dim nhớ chồng. Chồng có nhớ không? Chiều thứ Sáu trước khi chồng đi trình diện cải tạo ấy, chồng đã thương vợ, đi mua nguyên một xe than đước, hì hục khuân xếp vào bếp cho vợ. Vợ đứng xếp quần áo chồng vào xách tay. Chồng nhào đến như cơn giông vật vợ xuống. Tay chồng lem luốc. Mười ngón tay chồng "bôi nhọ" tèm lem mông vợ. Mông ngà mông ngọc người ta! Chồng ơi, em thèm mười ngón tay lem luốc củi than mà dan díu với tình. Mười ngón tay lem luốc tham lam. Dan díu với em. Chồng ơi,

Củi than dan díu với tình
Dẫu rằng lem luốc nhưng mình có nhau..."

Có nhau. Có nhau. Lá thư đã như thang thuốc bổ vạn năng, như quả đào trường thọ nuôi sống Chính suốt những năm khổ sai đầy đọa. Lá thư bọc trong bao ni lông, lúc ủ trong ngực, lúc ấp trong cạp quần. Nhờ lá thư, đêm nào Chính cũng được ngủ với Oanh. Trên vạt tre. Giữa rừng sâu núi thẳm.

Trên vạt tre, đêm nào Chính cũng chụm ngón trỏ và ngón cái, ngắt một miếng thư nhỏ bằng nửa móng tay, long trọng để trên đầu lưỡi, như người chịu phép mình thánh, ngậm lại. Giấy thư tan dần trong mươi phút, trôi tình tứ êm đềm xuống cổ họng. Chính ngậm Oanh đấy. Ăn Oanh đấy. Miếng thư nhỏ của Oanh hòa tan trong máu, tung tăng khắp châu thân, xoa bóp bắp thịt, mơn trớn buồng phổi, nựng nịu con tim, làm Chính dư sức sống đến ngày mai. Rồi ngày mai nữa. Cứ thế. Cứ thế.

Mà không phải Chính ngắt đại một miếng thư để đặt lên lưỡi đâu. Trước khi ngắt, Chính đọc lại lá thư, dù đã thuộc lòng. Rồi Chính chọn một chỗ để ngắt. Những chỗ có chữ "chồng" và chữ "vợ," Chính không ngắt vào ngày thường, mà để dành cho đêm 30 mỗi tháng. Đêm ba mươi tháng Bảy là đêm động phòng kỷ niệm. Đêm ba mươi ấy, Oanh đã như nụ đào chum chúm trên đỉnh núi tuyết. Và Chính như gió đông vờn, như mây đông sà xuống.

Nụ đào trên đỉnh tuyết sơn
Ửng hồng chum chúm gió vờn chiều đông
Bình nguyên một dải mênh mông
Chồng em mây trắng môi nồng nàn môi.

Đêm ba mươi ấy, Oanh đã bẹo hình bẹo dạng như hoa mướp ăm ắp phấn vàng; Oanh như đài cam tinh tuyền rướn chờ, nửa háo hức, nửa lo âu. Và Chính là con ong xanh tham ăn, mặt mũi chân tay đầu mình phủ vàng phấn mướp, say chết trên đài cam, ngủ ngoan trong cánh chanh muôn muốt.

Hoa vàng quyến rũ ong xanh
Đài cam muôn muốt, cánh chanh ôm tròn
Suối mơ ai lạc mất hồn
Trăng tàn nai khát vẫn còn say sưa.

Đêm ba mươi ấy, Oanh đã như lá rừng dâng hiến trên đồi ven biển vắng. Và Chính là ánh trăng đa tình run run cúi xuống. Mây nước giao nhau. Đất trời chập một. Chính và Oanh thành đường chân trời bập bềnh nơi xa tắp

ĐỖ THÌ KÊNH G

MÙA XUÂN TRÊN CAO

Cu cườm hát cúc cù cu
Em ơi chớ bỏ đi tu chùa nào
Xuân về nắng đỗ trên cao
Vắng em anh biếng thưa chào mùa Xuân.
Cúc cù cu hỡi tình nhân
Anh lên tiếng gọi trăm lần nhớ thương
Một lời nhớ nhớ thương thương
Trăm lời cũng nhớ cũng thương thôi mà.
Cúc cù cu bớ nết na
Cánh em khép nép cành xa cành gần
Anh liều tung cánh đáp chân
Em bay bẹo dạng cành gần cành xa.
Cúc cù cu ới nguyệt hoa
Trời sanh ra có đàn bà đàn ông
Đàn ông thời lấy làm chồng
Đàn bà làm vợ, trao lòng cho nhau.
Cúc cù cu miếng trầu cau
Thưa em anh hứa trước sau một lời
Yêu em như đất như trời
Như sông như biển tình ơi tình à.
Cúc cù cu nắng la đà
Một đôi ríu rít tình à tình ơi
Cúc cù cu Xuân nơi nơi
Một đôi ríu rít tình ơi tình à.

Xuân Đinh Sửu 1997

trùng khơi.

Nửa đêm gió đã ngủ say rồi
Lá nằm dâng hiến rướn cong môi
Trăng đa tình run run cúi xuống
Tình thơm lồ lộ nở trên đồi.

Đêm ba mươi nào Chính bẹo chữ "chồng," Oanh là mặt sông lăn tăn, oằn oại dưới lườn con thuyền lướt sóng. Chính là con thuyền, lướt trên sóng sông vàng khối ánh trăng, mái chèo đều nhịp khua nhăn mặt nước, thấp thoáng hai bên bờ sông, vườn quê tươi mát những vồng cam chín ửng. Đêm ba mươi nào Chính bẹo chữ "vợ," Oanh không còn là sóng sông lăn tăn. Oanh thành mưa gió bão bùng trùm ngập vồng khoai. Chính là vồng khoai, chìm trong cơn mưa trút nước, còn ló ngọn lên nhìn thương quả bồng sắp bị bão vật rơi. Riêng đêm ba mươi tháng Bảy, Chính bẹo cả chữ "vợ" và chữ "chồng", ngậm hoài trong miệng cho hai chữ tan quyện vào nhau, rưng rưng nhớ đêm kỷ niệm, gọi thầm tên vợ trăm lần.

Cả lá thư, Chính đếm được tổng cộng 42 chữ "chồng" và chữ "vợ." Vậy là dè sẻn, Chính và Oanh sẽ quyến rũ nhau, sẽ lạc hồn trong nhau, sẽ tình thơm lồ lộ bên nhau được gần ba năm rưỡi, mỗi tháng một lần, vào đêm ba mươi, đêm nhớ đời. Vì chữ "chồng" và chữ "vợ" nằm rải rác, nên sau hai năm, lá thư đã lỗ chỗ những vết bẹo như sao đêm, cộng thêm những vết ngắt ngoài rìa làm "của ăn đàng" cho những đêm thường, lá thư chỉ còn bằng nửa bàn tay tả tơi khúc khuỷu.

Bẹo chữ nào thì bẹo, ngắt chỗ nào thì ngắt, riêng hai chữ "chồng ơi" ở đầu thư và sáu chữ "mông ngà mông ngọc người ta," Chính quyết định chỉ để sờ và hôn cho đỡ nhớ đỡ thèm, chứ không đành lòng ngắt véo. Sẽ giữ mãi cho tới ngày được về với vợ.

Rồi Chính được về. Về với vợ. Có nhau. Không còn là ước. Không còn là mơ. Không còn là thèm suông. Ngay đêm đầu tiên về với vợ, Chính nhai chữ "chồng ơi" và "mông ngà mông ngọc người ta." Rồi mớm cho vợ. Oanh chết ngộp trong môi hôn. Môi Chính trả thù môi Oanh. Không phải trả thù. Trả ơn. Trả vốn lẫn lời. Môi Oanh quằn quại. Răng Chính để thẹo môi Oanh. "Mông ngà mông ngọc người ta" lại lem luốc với tình. Lem luốc mồ hôi sình đất hương rừng tù cải tạo. Bàn tay tù cải tạo nứt nẻ, chai dầy, nham nhám.

Sáng hôm sau, Oanh đưa Chính ra trình diện đồn công an. Cặp mắt bần tiện của thằng công an khu vực thành phố nhìn Oanh như cặp mắt chó chực xương. Nó trổ chiến thuật cánh cụp cánh xòe. Cánh cụp xiết ngộp Chính. Cánh xòe lượn lờ vờn Oanh. Nó trơ trẽn ngã giá giương móng quắp Oanh đi, để đánh đổi nợ yên thân cho Chính. Cà rỡn! Đường đường một đấng anh hào. Cây quế giữa rừng. Rừng thuở hỗn quan hỗn quân, nhưng mán mường nón cối chớ khá đòi leo. Trà mi Oanh chỉ hé nhụy cho con ong vàng lườm Chính mà thôi. Thứ ong hùng hục dép râu bò vàng đừng hòng mà tỏ đường đi. Lối về lại càng còn khuya!

Ta cùng về ruộng. Ta vượt nền nhà. Ta cất nhà lá. Đầu hồi là ao. Sau nhà là ruộng. Nhà quay mặt ra đường kênh. Con kênh G tuy không còn trẻ, nhưng vẫn còn lững thững nước triều lên xuống hằng ngày. Hoa súng vẫn còn nở trắng ven sông, tỏa hương thoang thoảng trên tấm thảm rong lá rong rậm xanh mờ dưới nước.

Bây giờ là cuối tháng Sáu. Con kênh đang phình ra với những trận mưa tầm tã, với nước từ sông Cái bôn ba chảy vào. Chỉ tháng tới là nước tràn bờ. Nước sẽ ngập ruộng để rước lúa lên, để đưa cá tôm tung tăng khắp đồng. Ruộng của bố mẹ Chính cho. Công an khu vực dưới ruộng cũng ăn hại, nhưng chỉ như loài chuột đồng, không ghẻ lở kinh tởm như loài chuột cống công an thành phố.

Chính chịu đủ thứ cực mà không thấy khổ. Cầy bừa xạ lúa, làm cỏ, bón phân, cấy dặm. Ban ngày câu cá, móc cua, dậm chuột, đặt lờ, đơm đó, nuôi gà, chăn vịt. Ban đêm đặt ống trúm bắt lươn, soi cá, soi ếch, soi chim. Chính không muốn Oanh phải chân lấm tay bùn. Nuôi con cho anh là đủ rồi nha Oanh! Đứa con trai bụ bẫm ra đời đúng chín tháng sau khi anh được thả về. Đứa con thành hình trong bụng em ngay đêm ấy, đêm động phòng lần thứ hai. Anh quyết quãng đời còn lại chỉ dành cho em, chỉ dành trả ơn em. Trả ơn chuyến thăm nuôi. Trả ơn cái cúc áo đồi trụy. Trả ơn, cái vú áp lưng. Trả ơn răng cửa cắn môi. Trả ơn lá thư "chồng ơi." Trả ơn mông ngà mông ngọc. Nuôi con cho anh là đủ rồi nha Oanh. Nội việc theo anh về ruộng đã là quá cho em rồi, nhưng thế giới quỉ ma cờ máu không với tới đây. Ta có nhau. Ta còn nhau. Chính chịu cực một mình mà sung sướng lắm. Bởi có Oanh, có con. Trải bao gian truân của cuộc đời, Chính nhận chân được định nghĩa của hạnh phúc. Định nghĩa ấy rất đơn giản. Hạnh phúc là có vợ, có con. Vợ yêu mình, con quí mình. Thế là

* Ước nguyện của tôi là cưới được một cô gái giàu có và rất kiêu hãnh, đến nỗi không cho chồng cô ta được nhúng tay vào bất cứ công việc gì.

* Điều rắc rối của hầu hết đàn ông là họ biết mọi thứ về đàn bà, nhưng lại không biết gì về các bà vợ.

đủ. Thế là giầu có. Thế là sung mãn.

Mà nói Chính chịu cực một mình cũng không đúng. Oanh đâu phải tay mơ. Cô gái 19 tuổi, giữa chốn rừng xanh, trước mặt quản giáo, đã tả xung hữu đột, đã tam thập lục kế, để nếu không cho chồng được tất cả, cũng "thăm nuôi" chồng được cái vú, cái lưỡi, cặp môi, cô gái ấy đâu phải tay mơ. Về ruộng, Oanh thích ứng nhanh chóng. Oanh rút rơm, cắt lá chuối khô về thổi cơm kho cá cho chồng. Nồi cơm thoạt đầu khắm khói, chỗ sống chỗ chín, vì Oanh chưa biết thổi nối đuôi rơm, nên bếp tắt hoài. Bây giờ Oanh đã biết giữ đều lửa, biết đốt ủ nồi cơm, biết vần nồi cơm cho chín đều, lại còn có cháy vàng nghệ dòn tan. Oanh biết chèo thuyền nhổ bông súng cho chồng ăn sống với nước cá rô kho. Oanh biết tuốt bông điên điển đúc bánh xèo với tép. Oanh biết đốn thân chuối non nấu canh 'xim lo" cá lóc. Bao giờ Oanh cũng đã có bữa cơm tươm tất nóng hổi chờ Chính ngoài ruộng về. Hai vợ chồng cùng ăn cơm dưới bóng đèn dầu, dưới trăng, dưới sao. Có nhau. Có nhau mãi. Của nhau. Của nhau hết. Mâm cơm trên phản gỗ bốc khói nghi ngút. Bao giờ Oanh cũng nhường chồng ngồi bên phải. Oanh ngồi sát bên chồng. Nồi cơm bên trái Oanh. Nồi cơm nấu bếp rơm nằm tròn trong rế tre, đen thui lem luốc. Oanh xới cơm trao cho chồng bằng cả hai tay. Bát cơm nghi ngút cười. Môi Oanh mời mọc cười. Mắt Oanh long lanh cười. Vài tàn than rơm còn vương trên tóc, một vệt lọ nghẹ dính tròn trên chóp mũi còn hồng vì lửa, hay hoen mờ trên phiến má xinh dòn. Dưới đèn, dưới trăng, Oanh lem luốc tuyệt trần, lem luốc mà là "đóa lê ngon mắt cửu trùng." Đã bao lần rồi, Chính bỏ mâm cơm, bế nghiến Oanh vào phòng, mặc Oanh đấm thùm thụp, chòi đạp oai oái.

Vừa ôm khư khư bọc quà gương sen đi lầm lũi trong mưa, vừa nghĩ tới vợ, thoắt chốc Chính đã đi hết thửa ruộng dài gần một cây số. Còn cách nhà cả mấy trăm mét, Chính đã ngửi được những mùi thơm quyến rũ của chiều mưa thôn dã:

Trong mưa phảng phất những mùi thơm
Mùi lúa mới, mùi tràm, mùi rơm
Mùi cá rô kho nồng nước mắm
Mùi bếp nhà ai mới chín cơm.

Mùi lúa, mùi tràm ngâm, mùi rơm, mùi cá kho, mùi cơm chín tới, hợp với mùi đất, quyện vào nhau, lan tỏa trong mưa. Cái đói ùa đến làm chân Chính thoăn thoắt nhanh hơn. Quyến rũ nhất vẫn là mùi cơm chín tới. Chính hình dung Oanh đang mở vung nồi cơm vừa cạn nước, hai bàn tay đang nhè nhẹ ghế cơm bằng đôi đũa cả, khói từ nồi cơm xông lên đôi má mịn hồng lem luốc tro rơm. Đôi má lem luốc với tình ấy, đang theo làn khói xuyên mái rơm, bay ra đây ơi ới gọi Chính về.

"Cơm chín tới, cải ngồng non, gái một con, gà nhảy ổ." Vừa bước chân vào khu thổ có những vồng khoai, luống cải xanh non, Chính vừa để trí tưởng tượng lướt thật nhanh tới bốn món ngon nhất trên đời. Mà Chính đang có tất. Đang hưởng tất.

Ngay tí nữa đây, tay trái Chính sẽ nâng bát cơm gạo Nàng Tây trắng phau chín tới, do Oanh trao cho bằng cả hai tay. Tay phải Chính cầm đũa và cơm vào miệng, khói thơm xông lên ấm mặt. Chính sẽ gắp miếng ngồng cải luộc non xanh như ngọc, chấm vào bát nước

DƯƠNG KIỀN

EM VÀ MÙA XUÂN

Mùa xuân nào em khóc,
Tiếng khóc đẹp chào đời.
Môi ngọt giòng sữa mẹ,
Mẹ khóc hay mẹ cười?

Mùa xuân nào em hát,
Tiếng hát tuổi mười lăm.
Tóc thề bay với gió,
Gió hôn em thẹn thùng

Mùa xuân nào đi lễ,
Dắt con lên điện thờ.
Mẹ con quỳ lễ Phật,
Nam mô A Di Đà.

Mùa xuân nào bỏ nước,
Lấm tuyết bàn chân buồn.
Đi trong trời xứ lạ,
Vẫn nhớ mùi nhang thơm.

Năm nay giao thừa điểm,
Điểm sáng kiếp phù sinh.
Lòng bỗng như gió thoảng,
Và thơ thơm lời kinh.

Bính Tý 1996

mấm ngon dầm trứng vịt. Nào, nhai đi. Vị ngọt đăng đắng của ngồng cải, pha với vị cay hăng hăng của hoa cải và vị bùi của trứng vịt, biến vua chúa thành thứ dân, thần thánh thành người phàm. Ừ, thành thứ dân, thành người phàm, chứ không thành ngược lại. Vì chỉ thứ dân và người phàm mới đủ khả năng và uy quyền để thưởng thức món ngon này bên người vợ trăm yêu, sau khi mới đội mưa lội ruộng về. Chỉ thứ dân và người phàm mới biết tự tay xới đất, lên luống, gieo hột, tưới nước, bắt sâu. Cải lớn xanh quyến rũ. Quyến rũ bướm về. Quyến rũ nắng về. Rước miếng ngồng cải lấm tấm hoa vàng vào miệng, còn thấy nắng vào theo. Nắng trên hoa cải là của riêng tuyệt đối của thứ dân, vua chúa dẫu muốn tìm cũng không thấy, dẫu truyền trăm lệnh cũng không được. Vua chúa chỉ ăn hoa cải, nhưng không bao giờ ăn được nắng trên hoa cải. Nắng trên hoa cải là hồng ân thuộc luật bù trừ của tạo hóa, chỉ dành cho nông dân chân lấm tay bùn.

Gà nhảy ổ. Gà mái ghẹ. Chị gà mái tơ hoa mơ. Đít chị xề xệ tru trú, ức chị no nưỡng, đùi chị thuôn, cánh chị thon tròn, má chị hồng hồng, mắt chị như dài ra, đen hơn, long lanh, lẳng ra phết, hai chân vàng nghệ lăng xăng nhảy lên nhảy xuống tìm ổ đẻ. Rồi chị đứng dưới gốc chanh bên bờ ao, xòe đuôi, ngoái cổ lại quẹt chiếc mỏ xinh xinh vào "hộp trang điểm" ở mặt trên phao câu, để lấy sáp chải mượt bộ lông. Chị o bế nhất bộ cánh. Với cái mỏ thành thạo, chị chải lông trên cánh, mỏ chị tuốt xuôi theo từng chiếc lông cánh mướt rượt đất giá, rồi chị lần lượt xòe từng cánh ra, săn sóc thật kỹ hai nách chị. Anh gà trống nãy giờ nấp trong bụi tre dòm trộm. Con mắt nhà nghề của anh biết chị đã sẵn sàng, anh liền tốc chiến tốc thắng, xề tới kêu cục cục, xòe nghiêng cánh đi vài vòng quanh chị. Cánh anh xòe kêu phựt phựt. Một chân có cựa nhọn dài của anh giơ lên, đá vài đường xiên xiên oai dũng vào không khí. Chị chịu anh lắm rồi. Chị lẳng lơ nhún gối. Anh ngự lên lưng. Chị nằm bẹp xuống, nhắm mắt lim dim. Chị vểnh đuôi dâng hiến. Anh cụp đuôi phóng tình. Toàn thân anh run rẩy. Anh suýt trượt ngã khỏi lưng chị, mặc dù cổ anh đã vươn dài để mỏ anh túm ghì vào nhúm lông trên đỉnh đầu chị. Anh nhảy xuống hân hoan nghểnh cổ ò ó o. Chị rùng mình đứng giũ xòe lông như đỏng đảnh cằn nhằn: "Quỉ nè, làm người ta bèo nhèo hết trơn." Anh lững thững trở ra bờ tre. Chị lại gại trứng "cót, cót, cót' từng tràng dài thánh thót. Nhìn chị đã mê rồi, đã chết cả lòng rồi. Huống hồ được xơi chị. Thịt ức ngọt mềm phau phau. Đùi từng lá thịt trắng hồng xếp lớp. Tủy ống nâu hồng bùi thơm. Thịt chị không nhão không dai. Chị cho cả buồng trứng non và dạ con để xào mướp chung với gan mề. Cánh chị là cơn cám dỗ. Phao câu chị là miếng lộc trời. Đây đĩa muối gừng, củ hành sống. Đây đĩa gỏi bắp chuối rắc lá chanh thái chỉ. Đây cút rượu nếp đứng kế bên mâm. Xin thỉnh vua, xin mời thần thánh. A xin lỗi, không thỉnh vua, không mời thần thánh. Chỉ mời thứ dân. Thứ dân chân lấm tay bùn. Thứ dân lem luốc với tình.

Gái một con! Chậc! Đã về tới cầu ao. Chính nhảy ùm xuống tắm. Nước ao ấm làm Chính tỉnh người. Tắm xong, Chính đẩy cửa liếp vào nhà, thay bộ quần áo khô, phóng vào buồng vợ, miệng gọi tên con:

"Quí ơi! Bố về này. Có ra mà đón bố không?"

Oanh đang cho con bú. Chính sà vào giường ngồi sát bên vợ nhìn cảnh thần tiên. Tay vòng ôm lưng vợ, Chính cúi xuống hôn miệng con, má áp vào bầu vú thơm phức. Oanh lườm đẩy đầu Chính ra. Mắt lườm dài sông đêm rằm, long lanh sóng trăng:

"Để em dỗ con ngủ, rồi mình ăn cơm."

Chính nhìn Oanh cười. Nụ cười giở chứng, liều mạng. Chính ngửng đầu lên, khẽ ngậm vành tai vợ, để lộ ý đồ bằng giọng giễu cợt cố hữu như hồi mới quen nhau:

"Trái tròn mùa hạ căng căng
Ngày xanh nắng vuốt, đêm trăng gió vờn
Có chàng đói chẳng thèm cơm
Giành con chia tí ngát thơm đầu mùa."

Quí vẫn ngậm vú mẹ say sưa. Chính toan cúi xuống. Giành con chia tí. Oanh nắm tóc Chính kéo nhẹ. Giọng Oanh trăm mối tơ vò:

"Này, của con chứ không phải của ai đâu đấy nhá."

Oanh lại lườm. Mắt lườm không dữ dằn như sóng biển, mà dịu dàng hây hẩy như nước sông lên. Chính lại vòng tay ôm vai Oanh, ngả đầu vào bầu tròn thanh khiết thơm tho. Quí vừa nún sữa vừa nhìn bố. Bàn tay bụ bẫm tí hon vói ôm bầu vú bên kia. Như giành phần. Như sợ bố giành mất. Hai bố con nhìn nhau. Miệng bố sát miệng con. Chính say mê chiêm ngưỡng sự hòa hợp tuyệt vời của màu môi như son của con ngậm núm nhỏ nâu hồng của mẹ. Cái môi đỏ như son ấy đáng yêu làm sao, đáng ghen làm sao trên nền trắng chói lòa trời đất vạn vật của bầu vú căng sữa, với những đường gân xanh mờ màu lá mạ. Mùi sữa tươi

* Khi hai khuôn mặt giống nhau được đặt gần nhau, chúng ta sẽ cười vì sự giống nhau, mặc dầu riêng mỗi cái thì không có gì đáng cười cả.

— *Pascal*

của gái một con thơm quyến rũ ngây thơ, thơm quỉ ma thánh thiện. Khắp phòng tỏa lan mùi thơm của trăm loài hoa rừng nở đêm huyền bí, trộn với mùi thơm da thịt quen thuộc. Da thịt vợ, da thịt như trẻ thêm ra, thèm khát hơn, căng phồng lên như con suối sau trận lũ rừng.

Quí bỗng nhả vú mẹ ra, toét miệng cười thỏa mãn. Sữa trào ra cả hai bên mép. Chính thèm thuồng nhìn giọt sữa nặng trĩu như sắp rơi xuống từ núm vú còn ướt nước bọt của con. Giọt sữa đẹp như giọt sương sắp rụng ở đỉnh nụ đào. Thật nhanh, Chính há miệng ngậm lấy nụ đào đọng sương. Oanh rùng mình khẽ đẩy đầu chồng ra, nũng nịu:

"Đừng giành của con. Đừng mà! Đừng mà! Mẹ dặn phải sáu tháng. Mới được ba."

Chính vẫn tham ăn. Oanh tát nhẹ vào má chồng:

"Đè chết con bây giờ!"

Chính thỏa mãn thuốc ngon nửa điếu, ngồi nhổm dậy, cười tươi như trẻ được quà. Hai vợ chồng cùng cúi xuống nhìn con. Quí đã ngủ say.

Chính chợt nhận ra rằng, cái hình ảnh của bé thơ vừa nhả núm vú mẹ ra, môi cằm còn loang sữa trắng, nhắm mắt ngủ say trong lòng mẹ, má kề vào bầu vú trắng thơm, môi chúm tròn núm mơ từng hồi, thỉnh thoảng toét miệng cười mơ, tay ôm hờ bầu vú bên kia của mẹ, là cái hình ảnh miêu tả đầy đủ nhất của sự thỏa mãn phè phỡn tột cùng, sự sung túc trưởng giả tuyệt diệu, hạnh phúc thiên đàng, an bình vĩnh cữu.

Quí bỗng chòi đạp hai chân làm cái tã quấn hờ tung ra. Quả táo tầu săn cứng. Cái giống của trời vươn lên giật giật. Quí làm mưa cầu vồng. Trong khoảnh khắc, Chính lại nhận thêm một hình ảnh, hình ảnh đứa bé trai nằm trong lòng mẹ ngỏng vọt cần câu, là hình ảnh khiêu gợi nhất trần đời. Bố ghen với con rồi đấy Quí ơi! Mưa cầu vồng trúng ngay cằm bố, ướt dài xuống ngực. Oanh phá lên cười. Chính cũng cười âu yếm, tát nựng đít con:

"Bố mày, đã no đủ rồi còn chơi xấu bố."

Bỗng Chính nhìn Oanh cười hóm hỉnh:

"Thằng con mình có căn tu."

Oanh ngạc nhiên chất phác:

"Sao anh biết? Rõ nói mò. Giống hệt bố nó mà tu nỗi gì."

Chính du kích hôn nhanh lên miệng vợ, cười ha hả:

"Nhìn kìa. Căn tu. Cu tăn. Cu lăn tăn. Cu săn. Giống hệt bố nó."

Oanh nhận ra ý đồ đen tối của chồng. Nhưng không kịp nữa rồi. Câu "giống hệt bố nó" kích thích óc liên tưởng, làm Oanh bỗng thấy rạo rực, mặt hồng lên như cánh hồng trong nắng. Oanh cúi mặt để giấu đôi mắt long lanh:

"Nói bậy không!"

Chính nham nhở ra mặt:

"Thì anh vẫn nói bậy xưa nay, nhưng mẹ thằng Quí vẫn chịu đấy mà."

"Ai chịu hồi nào?"

Chính luồn một tay dưới gáy, một tay dưới đít con, nhìn Oanh cười dụ dỗ:

"Không chịu sao có cu Quí nằm đây?"

Đít con mát lạnh. Đùi mẹ nóng hổi. Chính bế Quí lên, đặt con vào trong nôi. Chính vừa đắp mền cho con, vừa chu môi đả đớt:

"Trả mẹ lại cho bố. Bố cho mượn lâu quá rồi."

Gió không còn giật từng cơn, không còn vật qua vật lại như cấu xé những tầu lá chuối. Tiếng mưa rơi đều trên mái lá dòn như tiếng rơm cháy dưới nồi cơm. Tiếng nước chảy từ máng vào bể hứng nước mưa xoáy cao và mạnh như tiếng nước tràn đồng. Mưa không nhận chìm mùi hương đồng nội. Mưa khêu mùi hương ấy lên. Mùi hoa súng từ ao đầu hồi, mùi hoa sen từ ruộng lúa, như được mưa hòa loãng, thổi đều vào bầu khí quyển, làm sảng khoái hồn người theo từng hơi thở. Hương đồng nội như thuốc kích thích thiên nhiên làm máu chạy rần rật trong huyết quản. Chính nhìn ra ngoài cửa sổ. Trời đã chạng vạng. Mưa từ mái lá chảy xuống thành hàng đều đặn, trắng mờ như bức màn thiên nhiên che kín căn buồng. Trong này chỉ còn Chính và Oanh. Chỉ có Chính và Oanh. Cái gì của Oanh cũng như mới. Như lạ. Tươi mát. Quyến rũ. Nguy nga. Hai bàn tay thổi cơm chiều của Oanh còn lem luốc, buông tuồng xiết ghì. Chợt như mầm chuối vừa được đắp bùn non, Oanh trỗi dậy, vươn lên chộp lấy đất trời. Ngộp thở vì hạnh phúc, Chính quay nhìn qua cửa sổ lần nữa. Mờ mờ trong màn mưa, quả bồng tròn căng theo gió đong đưa. Quả bồng ấy, quả bồng đêm nào ngọn khoai ngập nước e bão vật rơi, vẫn còn đó. Vẫn y nguyên. Phơi phới. Mát mưa. Trĩu nặng.

Mưa ngớt. Tiếng mưa chỉ còn rỉ rả như tiếng lúa rê. Ngoài vườn đen sũng bóng đêm. Tiếng cá lóc đớp mồi ngoài ao bầm bập. Tiếng ếch nhái mừng mưa ngoài ruộng oang oang. Chính toét miệng cười mệt nhọc thỏa mãn, ôm ghì lấy Oanh:

"Cám ơn em. Cám ơn cô dâu mới."

* Đời có đáng sống không? Đây là một câu hỏi dành cho một bào thai, chứ không dành cho một con người.

— *Samuel Butler*

GIẢ NỮ

Nguyên tác: Huỳnh Song Dị Thảo

Tác giả: TRƯỜNG BẠCH HẠO CA TỬ
Bản dịch: PHẠM XUÂN HY

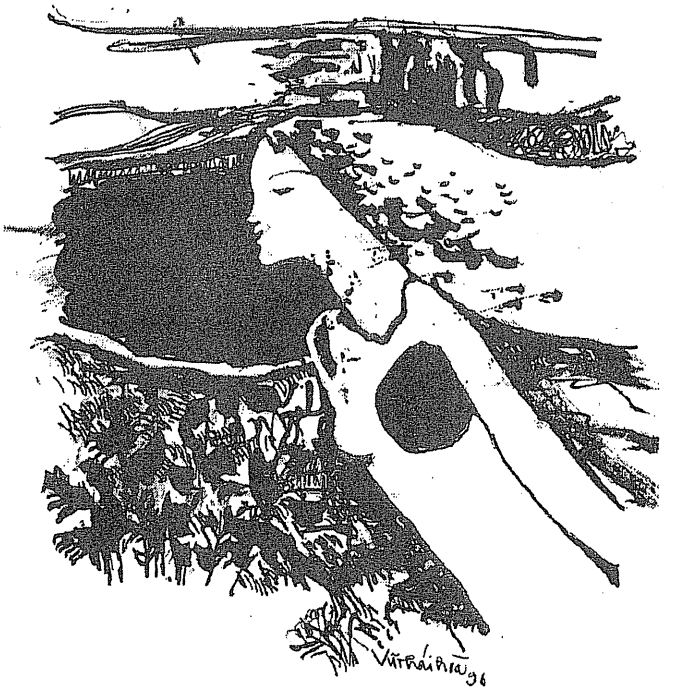

Triều đình có vị quan họ Sách, trong nhà có nuôi một nam bộc, chẳng những thạo đàn tỳ bà, lại còn ca hát rất hay. Mỗi khi có yến ẩm tiệc tùng, Sách công đều sai người nam bộc ấy ra gẩy đàn ca hát giúp vui. Các bạn đồng liêu của Sách công ai cũng khen ngợi, thưởng tiền bạc rất nhiều. Nhân thế, người nam bộc ấy trở thành giàu có hơn các bạn cùng nghề. Tuy vậy, đã hai mươi tuổi, mà anh ta vẫn chưa lấy được vợ, trong lòng cũng hơi có ý oán trách chủ nhân.

Mùa xuân năm Canh ngọ, Sách công cùng gia đình tính đi tế mộ phần, nhưng mộ phần lại nằm ở phía ngoài thành môn, cách thành cả vài chục dặm.

Trước ngày đi một hôm, Sách công sai nam bộc cùng một người lão bộc già ra đi trước để sắm sửa chuẩn bị.

Lúc hai người ra khỏi thành môn, thì trời đã quá trưa. Họ vừa đi vừa chuyện vãn, kể lể sự tình, phần nhiều là những chuyện có liên quan đến bọn nữ tỳ, nô bộc trong nhà Sách công.

Đi được nửa đường thì gặp một tửu điếm, cả hai bèn ghé vào mua rượu thịt đánh chén. Rượu được vài tuần, còn chưa đủ hứng, bỗng nghe ngoài cửa quán rượu có tiếng người hỏi vọng vào:

"Lục Tam Ca, đã lâu chẳng gặp, sao chẳng đến chơi thăm đệ?"

Lục Tam Ca là nhũ danh của người nam bộc lúc còn nhỏ. Trong nhà Sách công mọi người ai cũng quen gọi người nam bộc bằng tên ấy cả.

Nghe thấy có người gọi đúng tên cơm của mình, Tam vội vã chạy ra cửa xem ai. Té ra là một người đầy tớ làm trong nhà một vị quan đồng liêu với Sách công đã bị đuổi đi, trước đó tên là Lương, vốn là chỗ giao tình thấm thiết với Tam. Bèn mời vào cùng ngồi uống rượu, chén chú chén anh. Người lão bộc già cảm thấy tức bực, sắc mặt lộ vẻ không vui. Nhưng Tam mặc nhiên chẳng hề để ý, cứ tiếp

tục cùng Lương đối ẩm. Mãi một lúc lâu mà vẫn không có ý khởi hành.

Thấy thế, người lão bộc già đứng dậy bảo với Tam

"Sợ làm hỏng việc của chủ nhân, ta đi trước một chút, chú từ từ uống xong thì đi sau nhé."

Tam ỷ được Sách công thương, nên đồng ý để cho người lão bộc đi trước, rồi cười bảo với Lương:

"Lương huynh lúc này làm trong phủ đệ nào mà quần áo hài vớ lam lũ không được như trước vậy?"

Lương xua tay, vội vã ngắt lời Tam lại, nói:

"Chuyện khá ly kỳ, chỗ này không tiện nói!"

Tam cố gạn hỏi thì Lương đáp:

"Đợi uống hết hũ rượu này, ra ngoài đường đệ sẽ kể rõ cho huynh nghe."

Bấy giờ Tam mới thôi không hỏi nữa.

Hai người tiếp tục uống say tít thò lò, bước ra khỏi tửu điếm, khoác vai nhau cùng đi.

Tam lại bè nhè bảo với Lương:

"Lương huynh có tâm sự, sao chẳng nói cho đệ nghe ngay bây giờ đi."

Lương đáp

"Đúng! Đúng! Đệ có chuyện phải kể cho huynh nghe, nhưng cho đệ hỏi huynh một điều. Huynh bấy nhiêu tuổi, đã thử 'ấy" lần nào chưa?"

Tam nghe Lương hỏi thế thì thẹn thùng đỏ mặt, đáp:

"Đừng đề cập đến chuyện đó làm gì, chỉ khiến đệ tức chết mà thôi."

Lương tiếp:

"Thế ra, huynh vẫn chưa có gia thất gì cả sao? Chủ nhân mới của đệ là một vị phụ nữ họ Giả, sau khi chồng chết, vẫn sống quả cư, nhưng nhan sắc tuyệt vời. Trong nhà nuôi toàn nam bộc, hẳn là có dụng ý. Nếu huynh có thể theo đệ đến gặp, ắt thế nào cũng có điều hay."

Tam không tin, nhưng tiện miệng đáp:

"Chuyện đó có thật sao? Nhưng chủ nhân lại là một mỹ nữ, thì đâu phải người để cho bọn nô bộc đầy tớ mó tới được."

"Thì huynh cứ đi theo đệ một lần thì sẽ biết thật hay giả."

Tam cũng muốn nghiệm xem lời Lương có đúng không, bèn hoan hỉ đi theo.

Hai người đi vào một con đường vòng vèo khúc khuỷu, mãi lúc trời đã về chiều mà vẫn chưa đến nơi.

Tam bảo với Lương:

"Huynh làm hỏng công việc của đệ rồi. Về nhà tất sẽ bị chủ nhân trách mắng. Biết làm thế nào bây giờ?"

Lương cười nói đùa:

"Huynh đến đó thì không về nữa đâu. Còn sợ gì trách mắng!"

Lại đi thêm một quãng độ hai dặm nữa thì đến một tòa phủ đệ, chung quanh tường vây mấy lớp, phòng thất hàng hàng la liệt, khí tượng thật là nguy nga tráng lệ. Bây giờ đêm đã quá khuya, Tam nghe rõ tiếng mõ đổ canh hai.

Lương bảo với Lục Tam:

"Đây là nhà chủ nhân của đệ. Đệ vào trước, huynh tạm đứng chờ một chút nhá."

Nói xong thì đi.

Còn lại một mình Tam. Chàng để ý quan sát cặn kẽ. Ngoài cửa trông rất chỉnh tề, sạch sẽ, nhưng tuyệt không một bóng người, vắng vẻ lặng lẽ như tờ. Tam trong bụng lấy làm lạ.

Một lát sau, Lương ở trong nhà đi ra, bảo với chàng:

"Chủ nhân cho mời huynh vào. Huynh nên lấy lễ tương kiến."

Tam gật đầu đồng ý, rồi theo Lương vào. Đi qua một dẫy hành lang và mấy lần cửa, hai người mới đến khuê phòng chỗ chủ nhân cư ngụ. Đó là một căn phòng lớn năm gian, cửa buông rèm trúc, ánh đuốc lờ mờ. Tam nghe có tiếng tỳ bà nổi lên réo rắt. Đây vốn là thứ nhạc khí mà bình sinh chàng yêu mê say đắm. Giữa lúc chàng nghiêng tai chú ý lắng nghe thì Lương bảo chàng hành lễ bái kiến. Bên trong tiếng đàn cũng lập tức đình chỉ. Chàng phủ phục ở ngoài cửa để chờ Lương vào bẩm với chủ nhân. Một lát sau, Tam nghe có tiếng đàn bà từ trong rèm phán bảo, giọng như oanh hót:

"Người ấy đã có lòng muốn hầu hạ ta thì đó là điều tốt, nhưng chỉ e dã tính chưa thuần, vậy hãy đưa họ đến mái tây hiên nghỉ đỡ, chờ cho tâm an thần tĩnh hãy đến phục dịch."

Lương tuân lời, rồi đi ra, kéo vạt áo của Tam, bảo:

"Đi theo đệ, chủ nhân đồng ý giữ huynh ở lại rồi."

Tam phải phủ phục ở dưới thềm hồi lâu mà chỉ được nghe mấy lời nghiêm lệ như sai bọn nô bộc tỳ nữ, trong lòng có ý không vui. Bất đắc dĩ, đành đứng dậy đi theo Lương. Lúc đến gian phòng ở mái tây hiên, Lương mở cửa cho Tam bước vào. Bên trong phòng tối đen như mực, chẳng nhìn rõ vật gì. Lục Tam phải lấy tay sờ lần dò dẫm. Chỉ thấy giường chiếu ấm áp mềm mại như được giải chăn nệm. Trong bụng Tam không lấy gì làm vừa ý lắm, bèn lên tiếng trách Lương:

"Huynh bảo là sẽ có điều hay, mà điều hay đâu chẳng thấy, chỉ thấy như cái địa ngục như thế này. Thôi huynh cho đệ về đi."

Lương cười nói:

"Huynh làm gì nóng nẩy quá vậy, Hãy cứ

nằm nghỉ ngơi đi, điều hay tự nhiên sẽ đến sau."

Nói xong đóng cửa đi ra.

Tam đâu có đủ kiên nhẫn. Chàng thấy cửa khép hờ, bèn lẳng lặng lén ra ngoài, trong bụng tính nhân lúc trời tối bỏ đi. Khi đi ngang khúc phòng của chủ nhân, thình lình Tam nghe thấy tiếng người nói:

"Nương tử da dẻ mịn màng, dù chẳng mảnh lụa là che thân, mà sao cát bụi không dính tới được."

Có tiếng chủ nhân cười đáp lại:

"Ta thật không quen mặc quần áo, tuy vậy, cả ngày cứ như thế này, e cũng làm cho khách dị nghị."

Rồi vỗ tay nói tiếp:

"Lõa y quốc có gì là đáng lạ đâu."

Tam nghe những lời đối đáp rất lấy làm ngạc nhiên, bèn dùng ngón tay chọc thủng màn giấy che song cửa thành một lỗ nhỏ rồi ghé mắt lén nhòm thử. Chỉ thấy bên trong đèn đuốc sáng trưng như ban ngày, một mỹ nhân lõa thể đứng trong nội thất, da dẻ nõn nà trắng như tuyết, má đỏ hây hây như hoa đào, đôi ngọc nhũ xinh xinh như cau chín mùa cưới nổi lên ở giữa lồng ngực, cặp đùi thon lồ lộ sắc ngọc, khiến cho Tam rộn ràng rạo rực, muốn vào mà không có lối. Lát sau có một con tỳ nữ và một lão ẩu đến dìu mỹ nhân vào giường ngủ. Tam cứ ngẩn ngơ như si như dại. Cái ý bỏ trốn lúc đầu bỗng dưng không cánh mà bay đâu hết. Chàng đành miễn cưỡng trở lại phòng mình. Trong bóng tối, Tam dò dẫm tìm vào chỗ ngủ. Giường mùng, chăn mền, gối nệm, đều mượt mà như gấm vóc, khác hẳn với các vật dụng của người bình dân nghèo khổ. Đầu óc chàng mông lung mê cảm. Hình dung và thân thể mỹ nhân cứ quanh quẩn không sao rời khỏi não bộ của chàng.

Hôm sau trời mới hừng hửng sáng, Tam cũng vừa mới thức dậy thì đã thấy Lương đến. Sau vài lời thăm hỏi, Lương nói:

"Cơm ở đây ăn không hợp khẩu đâu."

Rồi kéo chàng đi ra ngoài thôn mua rượu thịt đánh chén. Bữa sáng, bữa chiều, Tam đều được Lương đãi đằng tử tế. Mãi đến tận trời sâm sẫm tối, hai người mới kéo nhau về đi ngủ. Liên tiếp mấy ngày liền đều như thế. Tam có ý ngờ trong bụng. Một lần chàng cố ý trì hoãn nằm nán lại giường, nhưng mãi cũng không thấy ánh thái dương, chừng đến lúc cùng Lương ra khỏi cửa, thì mặt trời đã ở trên đỉnh đầu. Tam lấy làm áy náy, xin Lương đưa về.

Lương nói:

"Huynh nóng gấp quá, tối qua đệ đã bẩm với chủ nhân rồi. Bà đồng ý tiếp huynh tối nay, không để huynh ở lãng phí thời gian đâu."

Buổi tối, Tam và Lương trở về nhà thì được khẩu tín của chủ nhân, truyền Tam đến gặp ở chỗ cũ. Chàng y lời, đứng ngoài rèm bái kiến, nghe bên trong có lời truyền ra, giọng nói dịu dàng ấm áp:

"Nghe đồn khanh đàn giỏi hát hay lắm, hôm nay nhàn hạ, khanh có thể đàn cho ta nghe thử một khúc được chăng?"

Tam cung kính nhận lời.

Lương kê một chiếc ghế thấp ở dưới cột nhà, rồi đem ra một cây đàn tỳ bà trao cho Tam. Chàng thấy cây đàn bóng loáng sáng sủa, trong lòng rất thích, bèn lên giây nắn phiếm, giở hết bình sinh tuyệt kỹ ra gẩy. Nhưng bên trong tuyệt nhiên chẳng có một lời khen thưởng nào. Khi chàng đàn vừa dứt, thì Lương đến bảo:

"Chủ nhân nói rằng tài nghệ của huynh như thế chưa có gì là độc đáo, huynh còn có giọng hát hay nữa, xin cho chủ nhân nghe thử."

Tam đặt cây đàn xuống, ngân giọng cất tiếng ca, thì trong rèm có tiếng thở dài khe khẽ lọt ra, tựa hồ như có vẻ vừa lòng mãn ý với giọng ca của chàng. Tam ca tiếp thêm mấy khúc nữa, bấy giờ mới nghe bên trong rèm có tiếng cười hoan hỷ khoái lạc vọng ra.

Sau đấy chủ nhân ra lệnh cho cuốn rèm lên, ánh sáng ùa ra soi tỏ khắp hành lang. Tam ngẩng đầu hé mắt liếc nhìn trộm, thấy một bầy tỳ nữ, lão ẩu, xiêm y quần áo người nào cũng phi thường rạng rỡ chỉnh tề, sạch sẽ, đứng vây chung quanh một mỹ nhân, trên người không che một mảnh vải, thiên nhiên ngọc lộ, y hệt người mà chàng đã được nhìn trộm.

Trước cảnh tượng ấy, Tam cực kỳ kinh ngạc, tự hỏi thầm trong bụng, chẳng biết người tiên hay người trần.

Giữa lúc Tam còn đang nghi hoặc vẩn vơ, thì mỹ nhân cho lệnh truyền mời chàng vào trong nội thất, ban ghế mời ngồi. Hai người ngồi đối diện với nhau, nhưng nàng vẫn tự nhiên, không hề e lệ ngượng ngùng.

Thấy thế Tam không thể cầm nổi lòng tà, lửa dục phừng phựt bốc lên.

Mỹ nhân bảo chàng ca thêm khúc nữa, nhưng như cung đã đứt dây, Tam không làm sao cất nổi giọng.

Mỹ nhân cười, quay sang bảo với bọn tỳ nữ:

"Cái anh chàng thật là được voi đòi tiên, mắt cứ hau háu nhìn, làm ta không còn đất mà trốn nữa."

Rồi nàng sai tắt đèn, dắt Tam lên giường cùng nằm. Bọn tỳ nữ, lão ẩu, đều cười hoan hỷ, bỏ ra ngoài.

Tam ôm nàng vào lòng, thân thể nõn nường

như gấm, da dẻ trơn tru mịn màng như mỡ, bèn cùng mây mưa hoan lạc, điên đảo chiếu giường. Thật là một duyên kỳ ngộ lạ lùng, bình sinh Tam không hề dám tơ tưởng.

Sáng dậy, Lương lại đến đưa Tam ra ngoài thôn ăn uống. Những hôm sau cũng đều như thế.

Chủ nhân cũng là người giỏi đàn tỳ bà, nàng đem tất cả sở trường tuyệt kỹ của mình truyền thụ cho Tam.

Nhưng từ sau ngày Tam được cùng chủ nhân chăn chiếu thì hình sắc hao mòn, dần dần có ý bớt cùng nàng gần gụi. Tuy vậy, mỗi lần thấy bóng dáng nhu mì, khả ái của nàng xuất hiện, thì cựu tật như cố, không sao đừng được. Chỉ quá vài tuần Tam tiều tụy, gầy guộc như củi khô không lá.

Một hôm, Tam cùng Lương ra ngoài thôn ăn uống trong một tửu điếm. Ăn xong, Tam thấy trên tường có đàn tỳ bà, bèn đem xuống gẩy. Giữa lúc Lương hết sức khuyên Tam dừng lại, thình lình từ bên ngoài có một số người xông vào quán, miệng hô lớn:

"Nó đây rồi! Thằng bỏ trốn nó đây rồi."

Tam kinh hãi, dương mắt nhìn. Té ra bọn người đó đều là sai dịch của Sách công, được lệnh đi lùng bắt Tam.

Giữa lúc hỗn loạn, huyên náo, Lương biến mất tăm mất tích, không ai hay.

Bọn người sai dịch hò hét tiền hô hậu ủng, áp giải Tam ra ngoài đường. Tam cố nài nỉ xin họ thong thả giây lát, sao bắt cho được Lương để cùng đến gặp Sách công.

Trong số bọn sai dịch, có người trách mắng Tam:

"Chú mày có điên không? Thằng Lương từ khi bị chủ đuổi, ra sống ở ngoại thành bằng nghề làm thuê làm mướn được ít tháng chết vì bệnh thổ huyết, đến nay cũng ba năm rồi, dẫu có đổi kiếp sống lại, cũng chưa biết bò, lẽ nào có thể lãnh tội thế chú mày được."

Tam nghe vậy, lấy làm ngạc nhiên, mới đem hết sự tình kể lại cho bọn sai dịch biết. Bọn sai dịch nhìn thấy Tam thân thể gầy đét cũng không khỏi ngạc nhiên, bèn cùng Tam tìm đến chỗ chàng nói.

Chừng đến nơi, chỉ thấy cỏ dại um tùm, khói hoang phảng phất, lớp lớp mộ phần, tuyệt vô nhà cửa phủ đệ.

Tam lại càng sợ hãi, hỏi thăm cư dân quanh vùng.

Một người đương địa cười, bảo với Tam:

"Người mỹ phụ mà quan bác gặp, chính là người con gái họ Giả ở thôn phía trước mặt đấy."

Mọi người tò mò hỏi thêm chi tiết câu chuyện.

Thì đáp:

"Họ Giả là một nhà đại phú, có người con gái vô cùng xinh đẹp, rất mê đàn tỳ bà. Đến khi lớn lên, người con gái tư tình với một cậu thanh niên cùng thôn. Cha nàng nghe thấy thế, giận không dằn được, mới lập kế mai phục, để bắt hai người tại trận đang khi ngủ với nhau. Nhưng người con trai trèo qua cửa sổ trốn thoát, còn người con gái xin được chết toàn thây. Vì thế, nàng bị lột hết quần áo, bỏ vào quan tài chôn sống. Người mẹ thương con lén để một cây đàn tỳ bà cho cùng tuẫn táng, chuyện xảy ra cách đây cũng năm năm rồi. Những người đi gác đồng ban đêm, vẫn thường nghe văng vẳng có tiếng đàn ở dưới mộ nàng trổi lên. Mỹ phụ mà quan bác gặp chắc là người con gái họ Giả này đấy chăng?"

Bấy giờ mọi người mới tin lời nói của Tam là thực.

Hỏi đến ngôi mộ của Lương, thì người đương địa lấy tay chỉ:

"Kia kìa, cái nấm đất nằm dưới gốc cây bạch dương là mộ phần của Lương đấy."

Bọn sai dịch đều phá lên cười, trào phúng bảo với Tam:

"Chú mày cũng nên đến đó mà tạ ơn người làm mai chứ."

Rồi ồn ào đưa Tam về giao nạp Sách công.

Trước khi đó, Sách công cũng đã hỏi người lão bộc già, thấy câu chuyện có vẻ nhiêu khê, chừng gặp lại Tam, biết là chàng bị ma ám, nên cũng không khiển trách chi cả.

Sau đó, Tam bị bệnh mất mấy tháng trời, tưởng nguy đến tính mệnh, cuối cùng may thoát được.

Tam xin Sách công cho chuộc lại khế khoán, xuống tóc đến Chính Giác tự tu hành làm thầy tăng, lấy pháp danh Phổ Thông hòa thượng.

Những lúc nhàn rỗi, Tam thường đem chuyện mình đã trải qua kể cho mọi người nghe.

Ai nấy đều lè lưỡi kinh sợ.●

* "Ông cậu giàu có của tôi làm chủ một tờ báo."

"Có gì đáng nói? Một tờ báo giá có mười xu!"

* Ngay cả khi một người đàn ông hiểu được người đàn bà, anh ta vẫn không dám tin điều ấy.

* "Người đàn ông khôn ngoan sẽ là người chồng tốt chứ?"

"Người đàn ông khôn ngoan thì không lấy vợ."

Orange County, California, USA

Thuh Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655

325 5th Street
Huntington Beach
CA 92648

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995 + 1996, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:
(714) 8-949-949
(714) 960-0311

NHẬN VISA & MASTER CARD

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận

* **GIẢI PHẪU**
  - Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
  - Căng da mặt, da bụng.
* **PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI:** (Endoscopie plastic surgery)
  - Sữa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
  - Căng da trán, nâng chân mày với thẹo nhỏ trong tóc.
* **TIA LASER:**
  - Xóa nếp nhăn trên mắt.
  - Lấy mỡ mắt dưới không để thẹo, không chảy máu, không may chỉ, vì cắt bên trong mí mắt.
* **HÚT MỠ:**
  - Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.
* **Cấy tóc.**
* **Chích Mỡ**
* **Chữa trị các hình thức Silicone.**
* **Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.**

CHUYÊN MÔN:

* *Facial*	* *Lột da mặt*	* *Dầu thơm Pháp*
* *Dưỡng Da*	* *Xâm Thẩm Mỹ*	* *Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)*
* *Trang điểm cô dâu, dạ hội*		

* *Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.*
* *Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ*
* *Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.*

Bp: (714) 218-6262

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

JM MORTGAGE

JM MORTGAGE CORPORATION
2110 EAST FIRST STREET #104, SANTA ANA, CA 92705
PHONE: 714-245-2700 • FAX: 714-245-2704

HOME IMPROVEMENT, FHA TITLE ONE, EQUITY LOANS:

Bạn có thể mượn tới $25,000 để làm landscaping, hàng rào, xây thêm phòng, sửa nóc nhà, patios, sơn nhà, đồ dùng kitchen. Không cần Equity, không cần appraisal nếu dưới $25,000. Nhà đang ở hoặc cho thuê đều được.

NHÀ SẮP BỊ TỊCH THU (Foreclosure)

Nếu quí vị dự định bỏ nhà vì: * Giá trị nhà thấp hơn nợ cũ * Tiền trả hàng tháng cao quá * Bệnh nặng hoặc chết chóc * Không thể trả nỗi nữa vì một lý do chính đáng. Xin gọi công ty để "Save your credits" và quí vị không phải trả tiền huê hồng.

Property must qualify based on negotiation with current lien holders for all costs incurred included brokerage fees.

Đặc biệt: **JM MORTGAGE** chuyên môn **FHA**, **VA**, Conv (trên toàn Hoa Kỳ), Cal Pers, Chfa, **Hud Repo Panel**, SBA, và Cities Loans.

Có Chương Trình Mua Nhà Không Cần Tiền Down

"Lead" prvided by company for agents. Công ty sẽ hoàn trả tiền học phí cho người muốn vào ngành địa ốc.

Đấu giá (BID) nhà của chính phủ hoặc ngân hàng ở những vùng Irvine, Mission Viejo, Fountain Valley, Huntington Beach.

e-mail: jm-mtg-cor@apc.net

Kha John (Pager: 714-571-6885)

DAN RX PHARMACY

6255 University Ave., Ste. F, San Diego, CA 92115
Tel: (619) 287-2660 * Fax: (619) 287-5968

THUỐC MỚI NHẬP NGÀY ĐÁO HẠN CÒN XA
GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG
GẦN PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI
GIAO THUỐC TẬN NHÀ, MIỄN PHÍ

CMS

NHẬN: MEDI-CAL, MEDICARE CIGNA; DMERC & CÁC LOẠI BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU

CaliforniaCare: Blue Cross, CompCare
TelePAID: Blue Shield, PersCare, PCS
Medimpact: PHP-CHG, MedCare, Value-RX, PacifiCare, Cigna, Rx-Prime, CareMark, Aetna, Columbia-PS, PharmaCare, PCN, MetraHealth, MediMet, TheTravelers, Foundation Health, Champus, GEM, USC, MPS, GPP, DPS, CPM, Wellpoint Pro-Serv, Community-RX, APB America, Provantage, Rx-America, SHARP H. Plan, SinglePoint

WELCOME: COMMUNITY HEALTH GROUP MEMBERS

ĐẶC BIỆT: NHẬN CHƯƠNG TRÌNH CMS

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

DƯỢC SĨ NGUYỄN THẾ DANH kính mời

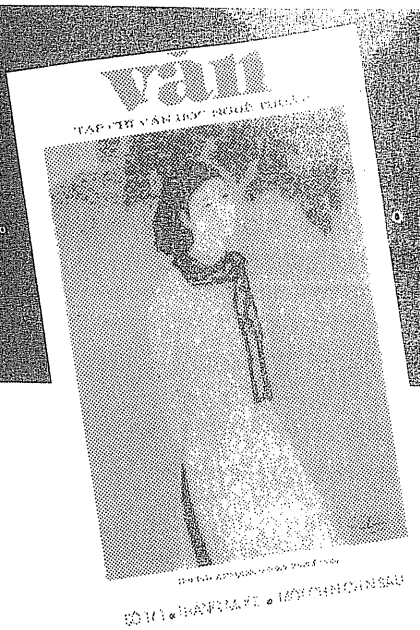

văn

tạp chí văn học nghệ thuật
phát hành hàng tháng

Chủ nhiệm: MAI THẢO
Chủ bút: NGUYỄN XUÂN HOÀNG
ĐT: (714) 531-7297

"THUẬN" PHOUTTA PHASOUK

Master Tailor
Diplome d'Honneur L'Académie Internationale
De Coupe de Paris

** Từ 1963 đã từng may mặc cho Hoàng Gia Lào và giới ngoại giao tại Vientiane*
** Hoạt động trong ngành May Mặc Paris trong 15 năm:*
Làm Huấn luyện viên tại Académie Internationale de Coupe de Paris
Làm Coupeur cho Trường Ecole Superieure de Guerre.

• **Nhận cắt may đồ Veste, sang trọng và nghệ thuật**
• **Huấn luyện từ A đến Z những ai muốn học nghề may hoặc muốn tu nghiệp nâng cao tay nghề.**

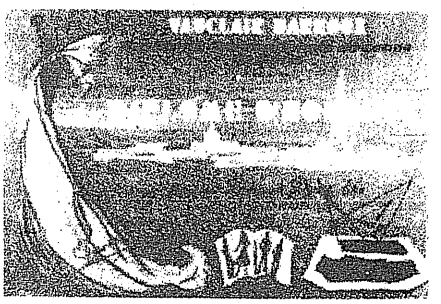

7871 Hazard Ave.,#B (at Beach) Westminster, CA 92683
Điện thoại: **(714) 373-4085**

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: (714)537-2468

● Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
● Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ____. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không)
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's Florist & Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Cung Chúc Tân Xuân

Kính Chúc Thân Chủ và Thân Hữu
Một Năm Mới An Khang, Thịnh Vượng

Văn Phòng Luật Sư Nancy A. Pollard

Trân trọng thông báo

Kể từ ngày 6 tháng 1 năm 1997, luật sư Nancy A. Pollard sẽ nhận chức Thẩm phán tòa thượng thẩm Quận Cam. Luật sư Robert M. Viefhaus sẽ thây thế đảm trách văn phòng. Luật sư Robert M. Viefhaus hơn 27 năm kinh nghiệm hình luật và bồi thường tai nạn thương tích với sự hỗ trợ của ông Mẫn Phạm, J.D. chắc chắn sẽ phục vụ quý thân chủ một cách hữu hiệu. Tôi xin trân trọng giới thiệu.

Luật Sư
ROBERT M. VIEFHAUS

MẪN PHẠM, J.D.

14172 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92843
Tel: (714) 539-1634

7777 Center Ave. Suite
Huntington Beach, CA 92647
(gần ngã tư Beach & Edinger)
Tel: (714) 891-7077

Nancy A. Pollard

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE INSURANCE

JOHN CHISAM
Managing Partner

Trân trọng giới thiệu
PASCAL DŨNG G. NGUYỄN
với chức vụ mới
SALES MANAGER
để thực hiện chương trình huấn luyện mới,
đào tạo thêm nhiều đại diện ưu tú
phục vụ Cộng Đồng trên đà phát triển mạnh mẽ.

PASCAL DŨNG G. NGUYỄN
Sales Manager

Với sự cộng tác đắc lực của SVN Team -một tổ chức hùng hậu để bảo đảm tài chánh cho Quý Vị:

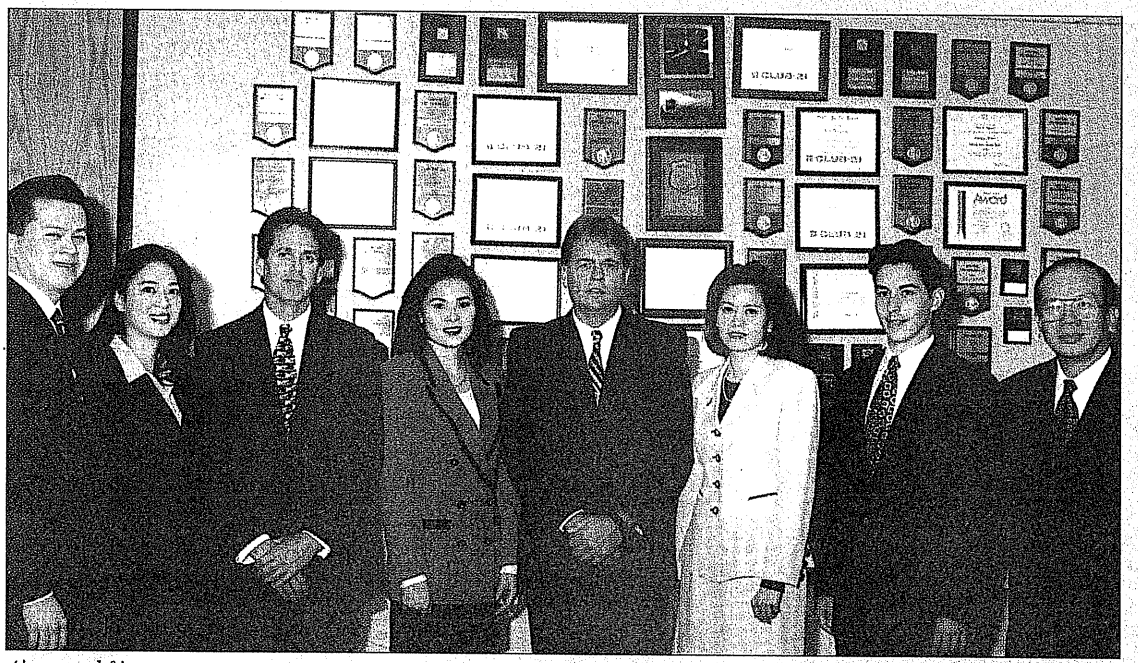

Từ trái sang phải:

Pascal Dũng Gia Nguyễn	*Sales Manager*	**John Chisam**	*Managing Partner*
Cathy Quỳnh Thy Phạm	*Agent Lic. OB90726-CA*	**Hồng Ngọc Phạm**	*Agent Lic. 0781338*
Jim Fraser	*Sales Manager*	**James Edward Pereyra**	*Agent Lic. OB89559-CA*
Quyên Châu Trần	*Agent Lic. OB95908-CA*	**Son Văn Nguyễn**	*Agent/Founder SVN Team - since 1976 Lic. 0564162*

Để có thêm kiến thức về chuyên môn của chúng tôi, cũng như tìm cơ hội cho một sự nghiệp vững vàng, hãy gọi ngay:

ORANGE GENERAL OFFICE
2677 N. Main Street, Suite #700
Santa Ana, CA 92701
714-560-7800

FOUNTAIN VALLEY OFFICE
17330 Brookhurst Street, Suite #230
Fountain Valley, CA 92708
714-962-4440 • Fax: 714-964-0545

Toll Free: **1-800-543-3770**

TẬN TÂM • THÀNH TÍN • KINH NGHIỆM • KÍN ĐÁO

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

THẾ KỶ GOLDEN MATE INC.

HOÀN TOÀN MỚI

Hân Hạnh Giới Thiệu

ĐẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ TOÀN NĂNG

HOÀN MỸ EV-97

BA BỘ TỰ ĐIỂN ĐẦY ĐỦ, LỚN NHẤT

ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-ANH

- Căn bản cho người học, dùng và nói tiếng Anh thường xuyên với bộ ANH-ANH hoàn chỉnh.
- Tự điển ANH-VIỆT lớn hơn các máy đã có trên thị trường.
- Thêm phần đặc biệt các tự điển chuyên môn Bách Khoa
- Tra cứu trực tiếp và đối chiếu (tra chéo) giữa các bộ

EV-96	EV-97
$249	$279

VEC-888
$289

** Giá có thể thay đổi tùy theo thời hạn. Xin gọi để biết chi tiết*

ĐẶC BIỆT VỀ NGÀNH THẨM MỸ

Không một máy nào trên thị trường hiện nay có được:

- Luyện thi Thẩm Mỹ, với các câu hỏi trả lời có phê điểm đúng sai.
- Hỏi đáp có phát âm
- Từ điển Thẩm Mỹ, đủ các từ chuyên môn cần thiết.
- Một công trình biên soạn để đáp ứng nhu cầu thị trường lớn nhất nước Mỹ

TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA CHUYÊN NGÀNH:

- Y KHOA
- ĐIỆN TỬ
- TOÁN HỌC
- ĐIỆN TOÁN
- CƠ KHÍ
- KINH TẾ
- THƯƠNG MẠI

Giáo sư Lê Chính Long: "Tôi giới thiệu bộ tự điển này."

Nếu quý vị không có nhu cầu dùng tự điển ANH-ANH
nên mua
THẾ KỶ HOÀN MỸ EV-96
Trên 40 công dụng - Máy tuyệt hảo, ổn định và xinh đẹp; không thiếu một chức năng nào, mãn

HỆ THỐNG BẢO HÀNH TỐT NHẤT, UY TÍN NHẤT, BẢO VỆ

LINH KIỆN THIẾT BỊ CỦA SHARP CHẾ TẠO BẢO ĐẢM BỀN BỈ VÀ TINH VI.
HỆ THỐNG PHÁT ÂM CỦA VIỆN TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT BERKELEY - USA.

DO Whizmate
PHÂN BỘ CỦA GOLDEN MATE INC. THỰC HIỆN

ĐÃ CÓ BÁN TRÊN THỊ TRƯỜNG

Xin liên lạc đại lý bán máy gần nhất hoặc trực tiếp với các nơi dưới đây:

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ & CANADA:
GOLDEN MATE INC.
2546 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732
Tel: (818) 279-9898 Fax: (818) 279-9899
Nói tiếng Việt:
1-800-248-3948, 818-279-9911

LITTLE SAIGON 9200 BOLSA AVE. #226 WESTMINSTER, CA 92683 **Tel: (714) 897-9808**	**PACIFIC GIFTS & SHOES** 2857 SENTER RD. #N SAN JOSE, CA 95111 **Tel: (408) 226-2383**	**PHONG LE CO.** 103 WESTBANK EXPWY GRETNA, LA 70053 **Tel: (504) 366-5788**
PHƯƠNG MY LASER & VIDEO 8282 BELLAIRE BLVD. # 153, HOUSTON, TX 77036 **Tel: (713) 823-1131**	**SOUND CITY** 1012 WEBSTER ST OAKLAND, CA 94607 **Tel: (510) 444-7800**	**VIETNAM BOOKSTORE (CANADA)** 415 SPADINA AVE TORONTO, ONT M5T 2G6 **Tel: (416) 596-5199**

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim